

MINH CHIẾU



truyện cổ

PHẬT GIÁO

Truyện cổ Phật giáo

Truyện cổ Phật giáo là một loại hình văn học dân gian có nguồn gốc từ Ấn Độ, được truyền bá vào Việt Nam từ thế kỷ thứ II. Đây là một thể loại văn học độc đáo, kết hợp giữa yếu tố tôn giáo và yếu tố văn học dân gian. Truyện cổ Phật giáo thường kể về những câu chuyện về Đức Phật và các vị Bồ Tát, nhưng cũng có những câu chuyện về những vị vua, quan lại, và những người dân bình thường. Những câu chuyện này thường mang tính giáo huấn, khuyên nhủ con người phải sống thiện, làm lành, tránh ác. Truyện cổ Phật giáo đã góp phần hình thành nên văn hóa và đạo đức của dân tộc Việt Nam.

Bìa trước: **ẢNH PHỔ - HIỂN BỐ-TÁT**

The Universal-Sage Bodhisattva picture

Bảo tàng tại Chánh điện Chùa Ấn - Quang

Thành - phố Hồ - Chí - Minh

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

MINH - CHIẾU

Sưu tập



Truyện cổ PHẬT GIÁO

Tập 1



**THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ẤN HÀNH - PL. 2536 — 1992.**

LỜI NÓI ĐẦU

Mục đích của chúng tôi trong khi sưu tập những mẫu chuyện kể này là để mọi người thưởng thức những tinh hoa hay đẹp của giáo lý qua những câu chuyện tươi sáng đẹp đẽ.

Nếu công việc sưu tập ca-dao là một việc khó thì công việc sưu tập và trình bày những mẫu chuyện cổ của đạo Phật cũng là một việc khó khăn và đòi hỏi sự hợp lực của nhiều người.

Hàng chục ngàn mẫu chuyện đạo, nào thuộc loại tiền thân, nào thuộc loại lịch sử, nào thuộc loại thí dụ, nào thuộc loại triết lý... những câu chuyện đó thật là phong phú và chứa đựng những tinh-hoa của giáo lý, từ-bi và trí-tuệ...

Đọc những mẩu chuyện đạo ấy, không ai thấy chán cả. Các em thiếu nhi thích đã đành, người lớn chúng ta cũng vẫn thích và hơn thế nữa, lắm lúc cũng phải suy nghĩ nhiều để có thể hiểu được triết-lý của một câu chuyện.

Chúng tôi sức lực không bao lâu thành thử trông mong rất nhiều ở các vị học giả thâm uyên và dày công nghiên cứu. Chúng tôi chỉ muốn làm công việc nói lên những nguyện vọng, và trong khi sưu tập trình bày ra đây một ít mẩu chuyện đạo vẫn ước rằng tiếp tay chúng tôi sẽ có rất nhiều bạn có tâm chí đứng ra làm công việc tuy không khó khăn nhưng đòi hỏi nhiều cố gắng và nhẫn nại này

Nay kính đề,

MINH CHIẾU.

Một người nghèo lạ

Chàng nghèo thật hết chỗ nói, cả sự nghiệp của chàng chỉ có một bà mẹ già mà thôi.

Lâu lắm người ta mới biểu cho chàng một cái búa để đến ơn cứu sống một em bé chết đuối.

Được búa, chàng đưa mẹ vào núi, tìm một hang đá, chàng lót rom êm và có gió mát để mẹ ăn ở, như thế chàng an tâm lắm. Ngày ngày đi kiếm củi rồi về chợ đổi gạo, mặc dù ít tiền, chàng vẫn mua được thịt để mẹ xơi. Tu Lại, tên chàng chẳng những lan rộng với chữ hiệu, mà người ta còn gọi chàng là tráng sĩ, vì chàng thường giúp đỡ nhân dân trong vùng ấy, bất luận gặp một tai nạn gì chàng thường giúp đỡ họ tận lực.

Vì chàng ở núi, nên người ta đặt chàng những món tiền lớn để bắt các thú rừng hiền lành như: nai, khỉ, chồn, thỏ v.v... Tu Lại từ chối vì chàng là một Phật-tử chơn-chánh, không bao giờ giết một sinh vật nào dù nhỏ. Chẳng những chàng

không bắt chúng mà còn yêu mến chúng nữa, nên lâu ngày chúng quen và thường gần đến chỗ hai mẹ con chàng ở. Cái hang ấy bây giờ thành vui, hoa lạ nở hai bên, những tổ chim làm gần gũi đó.

Có những đêm trăng sáng mẹ chàng niệm Phật, chàng ngồi một bên kết mấy thứ cỏ khô làm thành áo để mặc mùa đông.

Nhưng đã sáu ngày nay, trời mưa luôn không ngớt, gạo trong hang đã hầu cạn, chàng lo ngại, nếu mưa cứ kéo dài. Hôm nay trời bùng sáng, Tu Lại sung sướng quá, chàng chào mẹ rồi vác búa ra đi, đến chỗ thường đón củi, thì xa xa có bóng ba thiếu nữ. Thấy có người, ba bóng kia bỏ đi nơi khác. Chàng để bầu nước xuống và sửa soạn vào việc thì ô thật, một chiếc kim thoa óng ánh nằm ngả nghiêng bên tảng đá, không còn nghi gì nữa, chàng vội nhặt lấy, rồi chạy theo ba thiếu nữ kia trả lại cho họ, người ta nhìn chàng với cặp mắt cảm trọng. Nhưng người tráng sĩ không trả ân bằng tiền gạo được, vì người ta biết tiếng chàng nhiều lắm. Nhưng, từ đó ấy đến sau, nơi hang mẹ chàng thỉnh thoảng có người đem biểu gạo trắng thật ngon, trong lúc chàng đi làm củi vắng, cứ thế, rồi một ngày kia...

Một sáng mai khi chàng còn mơ màng chưa

tinh hân thì có một nàng tiên đến ngồi bên chàng, nàng tiên ấy trên trời sa xuống lâu hay mau không biết, hồi nào không hay, nhưng nàng là tiên thật, vì nàng đẹp quá. Một tấm "voan" màu nước biển phủ nhẹ toàn thân, trên mái tóc xanh là một tràng hoa tươi. Chàng phải gương với bộ áo sơ sài của mình. Tu Lại lại ngồi phát dậy: "Nàng là ai? Sao lại đến đây?"

- Thiếp là sương phụ đánh rơi chiếc kim thoa hôm nọ, được tráng sĩ cho lại, về nhà thiếp suy nghĩ: "Ơ đời giàu sang không phải chon hạnh phúc, được gán bạc hiên nhân mới chắc chắn sống một lối sống của con người biết sống! Thiếp nay giàu có, của cải dư dật, cha mẹ không, chống chết, chỉ có hai con thơ, nay thiếp đến đây nguyện theo chàng, mong chàng đừng phụ, thiếp xin thay chàng hầu hạ mẹ già, và giúp chàng học hành để thành danh đức, hầu sau làm lợi ích cho đời, nếu chàng cố chấp không nghe, thiếp rất tiếc tài ba đức độ của chàng vùi sâu trong hang thâm".

Tiếng nàng trong và êm quá, trong như tiếng suối chảy, êm như tiếng chim kêu, nàng nói với một vẻ thiết tha thành thật. Câu chuyện mới các có làm sao, mỗi lời nói của nàng như rót vào tai tráng sĩ.

Tu Lại mơ màng như người trong mộng. Chàng suy nghĩ: "Không biết ta chiêm bao hay thật, mà nàng là người thật hay ma". Bỗng chàng nghiêm nét mặt và bảo: "Tôi xem nàng là người doan chính lại giàu sang là do phúc báo của đời trước đã gây tốt nhiều, còn tôi chỉ là một kẻ nghèo khổ, làm sao xứng đáng với nàng và, theo tôi, một người sương phụ cần phải thờ chồng, nuôi con, dạy vẽ cho con nên người, xứng với ý nghĩa con người mới phải. Thiết thật hơn, tôi nay còn mẹ già, nếu tôi lập gia đình, tình yêu mẹ sẽ san sát, nàng còn có con thơ, nếu nàng lập gia đình tình yêu con sẽ không còn nguyên vẹn, mẹ tôi cần có tôi mới vui, con nàng cần có nàng mới sống. Vì vậy tôi khuyên nàng trở về nuôi con và dứt bỏ câu chuyện này. Còn nàng sợ đức độ tài ba của tôi sẽ mai một, nếu tôi quả có đức độ như nàng tặng, thì trong rừng sâu các loài cầm thú cũng cần có đức độ để che chở cho chúng, như thế có đức độ thì ở đâu mà lại không dùng được?

Nàng tiên ấy bay đi, trời dương sáng bỗng tối hẳn, người tráng sĩ cũng thấy nao nao trong lòng, nhưng rồi chàng lại vui lên nhiều, vì chàng đã chiến thắng. Song không hiểu vì sao, những chuyện kỳ lạ lại hay đến với người nghèo lạ ấy.

Một hôm, có một người lạ mặt hốt hoảng chạy

đến lời ra một thoi vàng thắm, rồi thưa với Tu Lại: "Thưa tráng sĩ, tôi xin biếu chút quà mọn này, nhờ tráng sĩ giúp cho tôi một lời nói. Ngày mai đây, nếu có ai hỏi: Có một đoàn người đi qua đây không? thì tráng sĩ nói cho một tiếng "có", ở đây chỉ có tráng sĩ và tôi, ngoài ra không còn ai hay chuyện này cả; và lại tráng sĩ chỉ nói cho một tiếng cũng không sao.". Nói xong, người bỏ vàng lại đó, rồi chạy mất, Tu Lại chưa kịp suy nghĩ gì cả, nhưng chẳng vội lượm vàng rồi chạy theo thật nhanh mới kịp. Tu Lại kéo tay người kia: "Không, không, vàng ông hãy cầm lấy, tôi không thể theo lời ông được, tôi là một Phật-tử không bao giờ làm việc âm mưu, một lời nói của người quân tử trọng hơn nghìn vàng, nhưng một lời nói còn trọng hơn cả thân mạng, nếu ông đem nghìn vàng hay dùng uy thế hại đến mạng tôi, bảo tôi nói dối, thà chết chứ không bao giờ phạm giới cấm của Phật", nói xong Tu Lại bỏ vàng rồi chạy thẳng.

Tiếng tốt của người tráng sĩ bay xa như ngọn gió mát vô tình thổi từ rừng sâu vào đến thâm cung. A Dục Vương là người hiếu kỳ, muốn thử chàng, nên những chuyện bỏ rơi kim thoa và người con gái đến tận hang chàng chính là cung nhỏ của vua A Dục Vương. Sau mấy lần thử thách, nhà vua biết Tu Lại là bậc hiền nhân nên

đem lòng đồ kỵ sai người đến hại chàng. "Tôi vâng lệnh nhà vua đến giết tráng sĩ" người đao phủ cầm guơm sáng bảo thế.

- Ô, thế thì tốt quá, tôi rất cảm ơn Ngài đã vì tôi mà hủy giùm cái thân ô uế dấy tội lỗi này. Song tôi còn chút mẹ già nhờ ngài chiếu cố cho... Tên đao phủ ngạc nhiên trước thái độ thân nhiên của Tu Lai.

- Ông là người vô tội, nhà vua vì lòng đồ kỵ sai tôi đến hại ông, vậy ông không giận nhà vua sao?

- Không, tôi không giận mà còn thương hại nhà vua đã gây nhiều nghiệp ác, trước khi chết tôi xin cầu đức Phật cho nhà vua phát Bồ Đề tâm hồi hướng thiện niệm.

Tên đao phủ mỉm môi, đồ mặt đưa guơm lên cao xán xuống đầu chàng... nhưng lưỡi guơm kia xuống từ từ rồi chui thẳng vào vỏ kiếm...

Sáng hôm sau vua A Dục lên tận hang chàng ở, đến nơi, chàng đi làm củi sớm, vua chờ trọn ngày mới gặp. Vua A Dục mừng rỡ từ tốn bảo: "Trăm lăm vua, trong nước có hiền tài mà Trăm biết chậm thật là đáng tiếc! Ngày nay nước nhà loạn lạc Trăm mong tráng sĩ về triều cùng Trăm chăm lo việc nước, được vậy thật là hạnh phúc cho nhân dân". Chàng từ chối năm bảy dạo, vua nài

nỉ đôi ba phen, cuối cùng chàng hẹn trong bảy ngày sẽ trả lời.

Trong bảy ngày, ba lần vua đến thăm ba lần vua cho người lên thăm hỏi. Tu Lại hỏi ý kiến mẹ, mẹ chàng bảo:

"Hiện nay mẹ nghe trong nước, nhà vua thì lãng mạn, hoang hung, hà khắc dân tình, nhân dân oán thán đến nỗi họ đặt tên nhà vua là Chiên Đà La A Dục (ông vua hung tợn như người hàng thịt). Triều đình thì nịnh thần ô lại; ngoài thì cha hung tàn, con ngỗ nghịch, vợ bất chánh, chồng bất lương... đạo đức hầu như mất hẳn tất cả tâm niệm xấu xa độc ác kết hợp lại do đó giặc cướp nổi lung tung. Con nay chấp kinh cũng phải tùng quyền, vậy nhơn cơ hội này con có dịp đem giáo lý của Đức Phật để cảm hóa quần sanh hầu mong cứu vãn nhơn tâm, đưa lại sự an ninh cho nhân loại'.

Vâng lời mẹ Tu Lại về triều, vua A Dục lấy hai chữ Quốc Bửu (vật quý của nước) tặng chàng làm tên.

Trước hết Quốc Bửu đem ba pháp quy y⁽¹⁾, năm điều cấm giới⁽²⁾ cảm hóa vua. Vua A Dục từ khi

(1) Ba Pháp quy y: Tôn thờ Đức Phật, tôn thờ Giáo pháp của Đức Phật nói ra, và tôn thờ những vị Thầy thực hành Giáo pháp ấy.

(2) Năm điều cấm giới: Không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không rượu chè cờ bạc.

biết quy đầu về Phật không bao lâu trở thành một vị minh quân. Ông đối hân chính sách, lấy đức độ trị dân, không dùng oai thế tàn bạo như trước nữa. Vì thế mà nhân dân trong nước trở lại cảm phục vua, từ đó họ đặt tên nhà vua là Thích Ca A Dục (ông vua hay làm điều nhân từ).

Trong nước nhà vua trọng những người hiền hiểu, trừng trị kẻ hoang dâm, cấm hẳn sự xa hoa cờ bạc, săn bắn, triệt để không rượu chè đảng điểm, người già cả bệnh hoạn được săn sóc chu đáo, nhà nhà đều thờ Phật, trọng Tăng tu Pháp Thập thiện⁽¹⁾ Nếu ai phạm một trong năm điều răn phải bị trục xuất ra khỏi nước. Nhờ vậy, không bao lâu trong nước trở lại thái bình an lạc.

Thuật giả: THẾ QUẢN

(1) Thập thiện: Mười điều lành. Thân không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm. Miệng không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói độc ác. Ý không tham lam, không giận dữ và không si mê.

**Thắng lợi chân chánh là ở Phật-giáo chứ
không phải vũ khí**

A DỤC

Hại người trở lại hại mình

Thuở xưa, trong hàng Bà La Môn có một người dâm phụ đương lúc tuổi còn xuân xanh, sắc duyên dâm thâm, mà trong lòng đã mang một khối tình rất lai láng. Mặc dầu nàng đã có chồng, nhưng thường có tính lẳng lơ, vì thế hằng ngày mơ tưởng việc ngoại tình. Tuy cái ý tưởng của nàng muốn như vậy, nhưng ngại vì trong nhà còn chút mẹ chồng, nên nàng còn kiêng nể và phải dè dặt lòng dục vọng của mình.

Một hôm nàng bèn nghĩ ra một mưu kế rất hiểm độc, bề ngoài thì nàng thường giả mượn điều hiếu thảo mà đối với mẹ chồng, nên hằng ngày thường lo sắm những thức ngon vật lạ cho bà ăn uống, nhưng trong lòng chờ cơ hội để hại bà.

Người chồng của nàng thấy vậy, thì có ý mừng thầm mà nghĩ rằng: "Ngày nay mẹ ta đã tuổi cao sức yếu, mà lại may mắn gặp được một người vợ hiền, biết lo hết bốn phận làm dâu mà chăm sóc mẹ ta được ăn no ngủ khỏe trong khi dầu bạc cạn nhẵn như vậy, thật là một điều hết sức vui mừng."

Người đảm phụ biết chồng đã làm kế của mình rồi, bèn thưa cơ nói với chồng rằng: "Thưa chàng! Tuy thiếp đã hết lòng nuôi dưỡng mẹ như thế, nhưng sự ấy chẳng qua là điều ở thế gian mà thôi, nên sự hiếu dưỡng cũng chưa lấy gì đáng gọi là mỹ mãn cho lắm!

Vậy chàng cũng nên tìm một phương pháp chi khác, đặng hóa sanh độ tử cho mẹ được siêu thoát linh hồn và được vãng sanh về cõi Trời mà hưởng những hạnh phúc thần tiên, thì chúng ta mới trọn đạo làm con; chớ những vật chất ở đời này cũng chỉ là nô gia đối trong lúc còn sống mà thôi!"

Người chồng nghe vợ nói những lời tha thiết như thế, liền đáp rằng: "Nếu chúng ta muốn cho mẹ được mau siêu thăng lên cõi Trời, thì chỉ có một pháp của đạo Bà La Môn, là phải dùng hãm chất củi mà đốt mẹ. Nhưng ta không nỡ làm như vậy".

Người dâm phụ nghe chồng đáp thì biết đã trúng kế của mình nên nói thêm rằng: "Phải lắm! Trong đạo hạnh của mình đã có pháp giải thoát siêu thăng như vậy thì chúng ta cũng nên thi hành liền, đừng cho mẹ được lên chốn thiên đường hưởng lộc Trời, mà chúng ta cũng đến đáp được ân sanh thành nữa".

Nghe qua mấy lời của vợ, người chồng liền tin, chớ chẳng ngờ vợ xúi dục làm như thế là có ý quyết hại mẹ mình, nên chàng ra ngoài đồng ruộng đào một cái hầm rất lớn mà lại thật sâu, và chõ củi đem chất dưới hầm, rồi đốt lửa hùng lên đỏ lòm.

Đoạn chàng lại lập một tiệc ở gần cái hầm, rồi trở về nhà dẫn mẹ ra đó đứng làm chủ tiệc và mời cả thầy những bà con tân khách cùng các chúng Bà La Môn đến dự và uống rượu nghe đồn.

Sau khi yến tiệc vừa xong, các tân khách đều lui về nhà, hai vợ chồng người dâm phụ bèn dẫn mẹ ra mé hầm xem, rồi thỉnh linh xô mẹ xuống hầm.

Người vợ tưởng chắc rằng xác thịt của mẹ chồng đã tiêu ra tro rồi, còn người chồng lại tin rằng mẹ mình đã tiêu diêu tự tại nơi cõi Trời, nên giết nhau trở về nhà.

Ngồi đầu trong hăm ấy lại có một khoản trống không có lửa, khiến bà sa vào đó mà chẳng có điều gì hại đến tánh mạng, nên bà có thể tìm đường chun ra được.

Khi bà ra khỏi chốn hiểm nguy rồi, thì trời đã về khuya, bốn bề tĩnh mịch, bà lần mò theo đường cũ trở về nhà. Nhưng vì đường xa và trời lại tối đen như mực nên bà mới gắng leo lên một nhánh cây to và rậm để ẩn thân.

Trong khi bà ngồi trên cây, bỗng đâu có một lũ ăn trộm vừa đến nghỉ tại dưới gốc. Bà liền tăng hăng một tiếng lớn, bọn trộm hoảng kinh lật đật bỏ chạy tứ tán, để lại những đồ của chúng nó đã lấy của người.

Đến khi trời vừa tảng sáng, bà liền leo xuống, thì thấy những đồ châu báu và bạc tiền đầy dưới gốc nên bà lựa những món quý giá như: vàng, bạc, ngọc, ngà, xuyên, bông tai, v.v... rồi lần lượt đem về nhà.

Con dâu phụ thấy mẹ chồng trở về, liền kinh hãi và tưởng rằng bà đã hiện hồn về nhà, nên nhắm mắt và lánh mặt cúi đầu, chẳng dám chào hỏi. Còn chồng của nàng thì lại tưởng mẹ mình đã được siêu sanh nơi cõi Trời, nay về thăm mình, nên lật đật chấp tay lạy mẹ mà nói rằng: "Con nhờ vợ của con khuyên bảo dùng phương

pháp "Hóa sanh độ tử, thoát kiếp siêu hốn". Nên nay mẹ được lên ở cõi Trời mà về thăm con, thì con rất vui mừng".

Bà mẹ nghe con nói như vậy mới biết đầu mình đã muốn hại mình, nên bà "nhân kế tựu kế", nghĩa là bà dùng cái kế của người đầu đã hại bà đó mà trở lại hại nó. Bà bèn lại rằng: "Mẹ nhờ hai vợ chồng con làm phép siêu thăng cho mẹ, nên nay mẹ được giải thoát mà sanh về cõi Trời, hưởng được nhiều điều phúc báo. Hai vợ chồng con ăn ở như vậy mới được trọn phần hiếu thảo".

Bà lại day mặt qua người đầu, và đưa mấy món báu cầm nơi tay mà nói rằng: "Những món: ngọc, bông tai, vòng, vàng, xuyên nấy là vật của ông bà con cậy mẹ đem về cho con. Nhưng vì mẹ chân yếu gối dòn, thân gầy sức mỏng, nên xách đem về chẳngặng nhiều. Và lại mấy người ấy nhân với mẹ bảo con cũng làm phép siêu thăng như con đã làm mẹ vậy,ặng con lên Thiên đường mà lãnh lấy những đồ châu báu ấy còn rất nhiều".

Người dâm phụ nghe mẹ chồng mình nói như vậy, tưởng là sự thật, nên vui mừng mà nói với chồng rằng: "Ngày nay mẹ có duyên sa xuống hầm lửa mà được lên cõi Trời hưởng những vật lạ của báu; nhưng tiếc vì thân mẹ già yếu, nên chẳng đem hết của cải về được. Vậy nếu chàng

bằng lòng cho phép thiếp làm phép siêu thăng như mẹ vậy, thì chắc thiếp đem tất cả những đồ châu báu ấy về hết, khi ấy chúng ta sẽ trở thành đại phú gia, mặc sức cùng nhau hưởng sự sung sướng!"

— Người chồng nghe vợ tỏ ý như thế, thì cũng vui vẻ bằng lòng, liền đào một cái hầm làm y theo cách đã thiêu mẹ mình ngày trước.

Nhưng than ôi! Khi hầm lửa vừa sắp đặt xong, con dâu phụ kia liền gieo thân mình xuống, của cải châu báu đâu chẳng thấy trái lại phải bị ngọn lửa thiêu đốt nóng không thể tưởng tượng và kết quả tội lỗi tiêu tan thành tro bụi. Thật là một quả báo rừng rợn đáng làm gương cho những nàng dâu bất hiếu với mẹ chồng.

Trích sách: **GUONG NHÂN QUẢ**

- Hại người sẽ bị người hại.
- Oán người sẽ bị người oán.
- Máng người sẽ bị người máng.
- Đánh người sẽ bị người đánh.

Bố thí bất nghịch ý

Thuở xưa, có một nước hiệu là Diệp Ba, vua tên là Thi Tí, lấy phép chon chánh trị vì, chẳng hề làm tổn lệ dân. Vua có 4.000 quan thượng thư, 500 thớt voi bạch, cai quản 60 tiểu bang và 800 thôn xã. Vua tuy có hai muôn vương phi mỹ nữ, song không có bà nào có con. Ngài khẩn cầu chư Thánh chúng, Thần núi, Thần nước.

May thay! Một bà bồng có thai.

Thiên tử bốn thân sẵn sóc chánh cung rất chu đáo. Ngài lại ra lệnh lo nào nệm thúy gối loan cho bà an nghỉ, nào món ăn cho mỹ vị, thức uống cho tinh khiết dâng bà dùng. Sau chín tháng đến ngày mãn nguyệt khai hoa, bà sanh đặng một hoàng nam đặt tên là TU ĐẠI NOA. Hay tin này, cả thầy quý phi trong cung điện đều hớn hờ vui

mừng.

Thời gian qua, Thái-tử TU ĐẠI NOA đã được 16 tuổi. Ngoài văn võ kiêm toàn, lại thêm lễ nhạc cung đàn cũng là tốt chúng. Ngài phụng kính Hoàng-phụ và Mẫu-hậu chẳng khác chi như thánh. Vua cha lại dựng riêng cho Hoàng-tử một dài các nguy nga rực rỡ.

Tuy trẻ tuổi, song Đông-cung lại quý sự phước thiện, bố thí cho nhân loại, thượng cảm hạ thú. Ý Ngài chỉ muốn cho tất cả chúng sanh được an vui tự tại.

Khi đến tuổi trưởng thành, vua cha đính hôn cho Ngài với nàng Mạn Trà, con một vị Thiên tu. Công chúa sắc đẹp tuyệt trần và đức hạnh không ai sánh kịp.

Ngày tháng qua, vợ Đông-cung sinh được một trai, gái. Thuở ấy Hoàng tử nhớ đến pháp bố thí Ba La Mật⁽¹⁾. Ngài xin phép vua cha ra dạo chơi và xem cảnh vật, Ngài thấy những người nghèo, dui, điếc, câm, đi dọc đường, trong lòng ưu ái, không hân hoan chút nào. Vua cha hỏi, Đông-cung nói: "Tâu Hoàng-phụ, con ra thành thấy người nghèo, điếc, dui, câm; con động mối từ tâm, xót lòng trắc

(1) **BỐ THÍ BA LA MẬT:** Cho một cách vô tư bình đẳng không thấy mình là người thí ân, người kia là kẻ thọ ân; không phân biệt kẻ thân người sơ, kẻ oán người thù, và không còn tiếc nười một vật gì dù là thân mạng.

ấn. Con muốn tâu Hoàng phụ biết ý muốn của con, song con còn ngần ngại e Hoàng-phụ không nhận lời".

Hoàng-thượng nói: "Con muốn điều gì, cha cũng hoan hỷ ban cho như ý". Đông-cung nói: "Con muốn lấy tất cả của cải trong kho tàng của Hoàng-phụ, đem bố thí cho mọi người, bất luận ai xin vật chi thì con cho vật ấy", Hoàng-phụ đáp: "Hay thay con cứ thi hành theo bốn nguyện, cha không cấm cản".

Đông-cung xin các quan hầu cận đem đồ châu báu ra bày biện nơi bốn cửa thành và ngoài chợ dựng bố thí cho tất cả nhân loại. Tám phương trời đất đều hay việc lành của Hoàng-tử. Bốn hướng xa xôi ngàn dặm, đua nhau lặn suối trèo non, đến chịu thọ thí. Người đói rách, Hoàng-tử cho ăn mặc, kẻ xin bạc vàng châu báu, Hoàng-tử lại cấp cho, ai ai cũng được toại lòng há dạ.

Thời ấy có một ông vua nghịch sanh lòng nham hiểm, hay tin Hoàng-tử bố thí bất luận là ai cùng vật gì, mới hội các đình thần và các vị Bà La Môn⁽¹⁾ trong nước bàn bạc rằng: "Ta nghe vua nước Diệp Ba có một thớt tượng bạch, tên là Tu Đàn Diên chạy bay được trên liên hoa. Voi ấy đã dũng mãnh lại mao hiểm trong việc chiến tranh,

(1) BÀ LA MÔN: Dòng dõi chuyên môn cúng kính tế sư, một trong bốn giai cấp ở Ấn Độ.

trăm trận trăm thắng, chả biết chư khanh có ai chịu đi xin voi ấy chẳng?". Các quan văn võ lác đầu trương mắt nhìn nhau; song trong hàng Bà La Môn có tám ông râu rắng: "Chúng tôi nguyện làm như ý, cúi xin Hoàng thượng ban cho chúng tôi ít đồ hành lý". Vua dạy cấp đồ đi đường và nói rằng: "Ta rất tin cậy các người, nếu các người xin được voi ấy, ta sẽ trọng thưởng".

Tám ông Bà La Môn tay cầm tích trượng lên đường, khi lên thác khi xuống ghềnh, lần hồi đã tới nước Diệp Ba. Chúng hỏi thăm đến trước cửa đền Hoàng-tử, thấy đều chống gậy kim cương, chân đứng chân treo, day mặt vô cửa. Người giữ cửa vào báo cho Đông-cung, Ngài liền ra thi lễ một cách tôn trọng, chẳng khác chi nghĩa cha con. Đoạn Thái tử hỏi: "Bạch quý Ngài, quý Ngài ở đâu đến đây? Đi đường sá xa xôi có cực khổ chẳng? Cảm phiền quý Ngài cho tôi biết có việc chi quan hệ mà phải chịu nhọc nhằn treo chân như thế này?". Tám vị Bà La Môn đáp: "Thưa Hoàng-tử Đông-cung, chúng tôi mạn nghe Đông-cung mở đường phước thiện, bố thí bất luận là ai cùng bất cứ của cải gì, nên danh thơm của Ngài truyền khắp tám phương, công đức của Ngài quả thật vô lượng vô biên, xa gần đều chúc tụng, không còn một ai không biết. Chúng bản đạo lấy đó tin chắc chắn như lời. Thưa Hoàng-tử

Đông-cung, Thật Ngải là con cõi thượng thiên, thế thì lời nói Ngải còn hơn kim thạch. Vậy nếu Ngải thành tâm bố thí, chúng bản đạo xin Ngải hoan hỷ cho chúng tôi bạch tượng bay trên liên hoa".

Đông-cung liền đến chuồng ngựa dắt ra một con voi bạch sóng các vị Bà La Môn lại nói: "Thưa Hoàng-tử Đông-cung, không phải thốt voi này, chúng tôi xin đây là xin bạch tượng chạy được trên hoa sen, tên nó là Tu Đà Diên". Hoàng-tử đáp: "Cha tôi thương mến voi ấy lắm, chẳng khác chi tôi, tôi không thể tự quyền cho các Ngải. Nếu tôi cho thì cha tôi hết thương tưởng tôi, lại còn đuổi tôi ra khỏi nước nữa". Nhưng Đông-cung lại nghĩ rằng: "Trước kia ta đã lập trọng nguyện **BỐ THÍ BẤT NGHỊCH Ý**, nếu nay ta từ chối thì ta tự bác đại nguyện của ta, ta nên cho voi ấy mới có thể đạt được pháp Ba La Mật Đa". Đông-cung không còn ngần ngại nói: "Bạch quý Ngải, tôi không dám làm quý Ngải bận lòng vì một sự nhỏ nhen đó". Hoàng tử dạy tùy tùng thắt vành vàng và dắt tượng ra tức tốc. Tay trái Ngải bưng nước rửa tay cho các vị Bà La Môn, tay mặt dắt voi trao cho quý khách. Vừa được voi bạch, tám ông Bà La Môn liền ca tụng "Bồ đề tâm" và cảm tạ Đông-cung, lộ vẻ hân hoan, và vội vã lên đường. Đông-cung lại còn nói với: "Xin quý Ngải

hãy đi cho chóng, kéo Hoàng-phụ tôi biết lại cho người theo bắt voi". Trong nháy mắt, tám ông Bà La Môn biệt dạng.

Vua nghe Hoàng-tử cho kẻ nghịch tượng báu, các quan văn võ đều sững sốt, lo sợ rằng: "Nước ta nhờ có voi ấy mà dẹp nạn can qua". Quần thần liền vào tâu với vua: "Muôn tâu bệ-hạ, Đông-cung đã đem voi báu mà cho kẻ thù nhà, Bệ-hạ dựng nên bờ cõi cũng nhờ có voi ấy oai phong lẫm liệt, một mình có thể chống cự 60 thớt voi khác như chơi; nay Đông cung lại cho kẻ nghịch, chúng hạ thần cho đó là điềm mất nước. Chúng tôi tâm hỗn rối loạn, cúi xin Hoàng-thượng định đoạt. Bỏ thì bất nghịch ý của Đông cung theo thiên kiến của chúng tôi thì chẳng kịp thì chầy, Hoàng-tử chẳng những vét sạch cả của cải trong kho tàng mà thôi, lại chúng tôi sợ e Ngài còn cho cả nước và vợ con Ngài nữa".

Vua nghe tâu không bằng lòng, liền cho đòi một vị Đại thượng thư đến hỏi: "Khanh cho Trẫm biết có phải Thái-tử bắt bạch tượng cho kẻ nghịch chăng?".

- Muôn tâu Bệ-hạ quả thật như lời.

Vua hội nghị tất cả đình thần để thẩm án Đông-cung. Một quan thượng-thư tâu: "Kẻ nào vào chuồng tượng thì chặt chân, kẻ nào dắt tượng

thì cắt tay, kẻ nào thấy đất tượng thì móc mắt". Một quan thượng - thư khác lại tâu: "Xin Hoàng-thượng cho công án tử hình cho cả thầy thủ phạm và đồng lõa". Thấy quần thần phân vân và ý kiến không đồng, Vua lại thêm tha thiết và phán với triều đình: "Con Trẫm chẳng những ham tu tuệ mà thôi, lại còn mộ đường phước thiện. Đối với mấy điều ấy Trẫm không thể ngăn cản, huống chi nay Trẫm nỡ đành bắt buộc hành hình cùng hạ ngục". Một vị Đại Thượng thư bác bỏ ý kiến cả thầy triều đình, rồi quỳ xuống tâu: "Theo thiện kiến của tôi, Ngài nên đuổi Thái-tử ra khỏi nước và đày người ở chốn lâm sơn 12 năm hòng người ăn năn hối ngộ".

Vua theo ý kiến ấy, đày dời Đông-cung vào hỏi: "Có phải người bắt bạch tượng cho kẻ nghịch chẳng?"

- Muốn tâu Hoàng phụ, quả thật vậy.

Vua lại hỏi: "Sao người lại dám bắt bạch tượng cho kẻ nghịch mà không trình cho ta hay trước?"

- Thưa Hoàng-phụ, trước kia Hoàng-phụ cho phép con bố thí như ý và không ngăn cấm một việc chi. Bởi thế nên con không tâu lại với Hoàng phụ việc con làm phước.

Thánh Hoàng nói: "Lệnh ta ban thuộc về đó

ngọc ngà châu báu, chứ không can hệ đến tượng bạch".

Thái tử đáp: "Muôn tâu Hoàng-phụ, các vật ấy đều là của cải của Hoàng-phụ tất cả, con không ngờ phải ngoại trừ tượng bạch". Hoàng thượng phán: "Người phải tức tốc ra khỏi nước này, ta đày ngươi tại núi Đàn Độc 12 năm."

Thái-tử tâu: "Con không cãi lệnh Hoàng-phụ, song con xin Hoàng-phụ cho phép con ở lại thêm bảy ngày dâng bố thí thêm cho mãn nguyện".

Thiên tử phán: "Ta đày ngươi cũng vì sự bố thí của ngươi thái quá, chẳng những làm tiêu tan kho báu của ta, lại làm cho nước mất một linh vật. Ngươi không được ở lại đây thêm bảy ngày, hãy ra khỏi nước bây giờ, ta không cho phép đâu".

Thái-tử tâu: "Con không dám trái lệnh Hoàng-phụ, nhưng vì con còn chút ít của cải riêng, muốn đem bố thí cho trọn vẹn chỗ con không dám dấn động đến kho tàng của nước nữa...."

Hai muôn cung phi đồng xin vua để cho Hoàng-tử ở lại bảy ngày rồi sẽ đày đi cũng chẳng muộn.

Vua nhận lời.

Thái-tử dạy cho gia dịch truyền cho thập

phương hay: ai muốn của cải, thì đến Ngài cung cấp cho.

Nhân dân ở bốn phương trời nghe đồn đều tới cửa đền; Hoàng tử rất ân cần thiết đãi thức ăn uống, chăm nom phân phát của cải, mọi người đều được vui vẻ. Trong bảy ngày, bố thí hết của cải. Người hàn vi trở nên phú quý; cả muôn người nhờ đó được no ấm hân hoan.

Đông-cung vào từ tạ Công-chúa Mạn Trà và nói rằng: "Vì tôi bố thí thái quá, đã vét sạch kho tàng lại còn cho kẻ nghịch tượng bạch kỳ tài, nên Hoàng-phụ và triều đình dầy tôi 12 năm lên núi Dàn Đặc".

Bà Mạn Trà nói: "Muốn nước thanh nhà an, tôi xin cầu chúc Đức Thánh hoàng, các thượng quan cùng quân dân lớn nhỏ trong nước, thầy đều được giàu sang, an vui vĩnh viễn. Còn tôi thì tôi nguyện theo cùng Thái-tử vào chốn thâm sơn mà tu hành pháp Bát nhã".

Đông-cung nói: "Người nam tử ở núi non hiểm địa còn khó giữ được bình tĩnh với cọp hùm cùng các loài thú dữ khác; Vương-phi đã quen thanh nhàn, làm sao chịu nổi với cảnh khó khăn và đòi vô vị. Công-chúa ở thì dài các nguy nga, mặc rộng tơ lụa, nghỉ toàn nệm gối, ăn uống tinh đồ mỹ vị; còn trên sơn lâm, nghỉ ngoài màn trời chiếu đất,

nệm gối bằng cỏ rom, thức ăn toàn là hoa quả. Lại thêm mưa, gió, sấm sét, sương, tuyết làm cho vỡ mặt kinh tâm. Khi lạnh thì lạnh thấu xương, khi nóng thì nóng phỏng trán. Nơi cây cối không bề nương dựa, dưới đất thì cỏ gai, đá sỏi cùng loài sâu bọ độc địa, làm sao Vương-phi lại chịu nổi cảnh khổ ấy?"

Bà Mạn Trà đáp: "Nếu thiếp xa cách Hoàng-tử thì cần gì nệm thúy gối loan, sơn hào hải vị. Hôm nay đứng trước hoàn cảnh này thì lẽ đương nhiên chàng đâu thiếp đó cho trọn đạo vợ chồng. Nước lấy cớ làm biểu hiệu, khói thì có lửa, vợ thì có chồng. Thiếp chỉ biết gởi thân cho lang quân, mặc dầu mưa tới nắng chiều. Thiếp tưởng: lang quân chẳng khác chi thân thức của thiếp, nếu thân thức xa lìa thì thân kia tan rã. Và lại lúc lang quân lập đàn bố thí, thiếp cũng dự vào, khi lang quân lìa quê hương nếu có người đến xin thọ thí, thiếp biết nói làm sao với họ? Lúc thiếp nghe ai khẩn cầu với thí chủ, thiếp quá cảm động có thể chết dạng vậy".

Đông-cung nói: "Tôi mở đường bố thí, không từ chối một ai, nếu có người đến xin hai con, tôi rất hoan hỷ nhận lời. Khi ấy Công-chúa không vui lòng hưởng ứng, có phải là làm rối loạn tâm từ thiện của tôi không? Tốt hơn là Công-chúa đừng

theo tôi làm chi".

Mạn Trà đáp: "Hoàng-tử chó quá lo xa, tôi xin tán thành mọi việc phúc thiện. Lang quân ôi! "Trong trời đất không còn ai hơn đức hơn lang quân!"

Đông-cung nói: "Nếu quả Vương-phi đồng tình thì không gì quý hóa bằng!".

Đông-cung dắt vợ con vào viếng mẹ và từ già lên đường. Thái-tử thưa: "Cúi xin Mẫu-hậu hãy năng nhắc nhở Thánh-hoàng, lấy luật chon chánh trị nước chần dân, chó để tà đạo sang nhập nước nhà".

Nghe lời Đông-cung, Hoàng-hậu bồi hồi cảm động ầu sâu. Bà nói giữa cung phi: "Ta đem thân cứng cỏi như sắt đá, lấy lòng bền bỉ hơn gang thép mà phò Hoàng-thượng không chút chi lỗi lầm. Nay ta có một mụn con vồn vẹn, nó lại bỏ ta mà đi, tưởng tới chừng nào thì tâm bào ta đứt từng đoạn! Nhớ khi con còn trong bụng mẹ, chẳng khác chi lá trên nhánh, càng ngày càng lớn, ta nuôi con đến tuổi trưởng thành, nó lại đi xa, bỏ ta hiu quạnh! Các Vương-phi khác sẽ được thú vui chơi, còn ta thì Hoàng-thượng sẽ hết yêu vì ta nữa. Ta xin thành tâm chú nguyện cùng cao xanh cho con ta được mau trở về xứ sở".

Đông-cung cùng vợ con đồng lay mẹ rồi lui ra.

Hai muôn quý phi mỗi bà đều đem ngọc trên châu dâng hiến cho Đông-cung; bốn ngàn Thượng thư đem tràng hoa và bảy báu dâng cho Hoàng tử.

Hoàng tử ra cửa thành hướng Bắc, Ngài lấy cả bảy vật báu, ngọc và bông hoa bố thí cho mọi người. Cả thầy quan dân lớn nhỏ vô số đến đưa đón chật đường, chen nhau dâng lễ vật cùng chúc từ cho Hoàng tử. Họ bàn luận cùng nhau và nói: "Đông-cung Thái-tử là người trọn lành, là bậc vĩ nhân trong nước. Vì sao Hoàng-thượng lại xua đuổi một vị Hoàng-tử quý nhất và hiếm có trong đời này?". Cả thầy mọi người đều hoài tâm thương tiếc.

Ra khỏi thành, Hoàng-tử xin thần dân trở gót dặng Ngài lên đường. Lúc quay lưng, quan dân lớn nhỏ đều bi cảm và khóc nức nở.

Thái-tử lên xe với vợ con, tự cầm cương dục ngựa. Đi một khoảng đường xa xa. Thái-tử dừng xe dưới bóng cây nghỉ mát. Bỗng có một người Bà La Môn đến xin Ngài con ngựa. Thái tử mở ngựa ra cho, rồi để hai con lên xe, mang gọng xe vào kéo thế cho ngựa, Công-chúa thì ở sau xe đẩy tới. Đi thêm được một khúc đường, lại gặp một người Bà La Môn, đón xin cái xe. Đông-cung liền nhận

lời. Đi một khúc xa hơn nữa, lại gặp người Bà La Môn xin bố thí. Thái tử nói: "Tôi không muốn từ chối, song của cải tôi đã hết". Người Bà La Môn đáp: "Nếu Ngài không còn của cải gì khác, nhờ Ngài cho tôi y phục của Ngài đang mặc trong mình". Đông-cung lấy quần áo tốt của mình cho, rồi mặc đồ cũ. Đi một đôi xa nữa, gặp một người Bà La Môn khác xin bố thí, Đông-cung cho quần áo của vợ. Một đôi xa hơn nữa, lại gặp một người Bà La Môn đến thọ thí, Ngài cho quần áo của hai con. Đông Cung đã bố thí cả xe, ngựa, của cải và áo quần mà không buồn không tiếc chút nào. Bấy giờ Đông-cung thì công con trai, Công-chúa thì bổng con gái, đi bộ lên đường. Cả thầy vợ chồng con cái đều hân hoan, nhắm non thẳng dặm.

Núi Đàn Đặc xa lắm, cách châu thành hơn 6.000 dặm. Muốn đi đến nơi, phải trải qua không biết bao nhiêu hầm hố bùn lầy, phải nhịn đói chịu khát nữa.

Cứ ngày đi đêm nghỉ, xuân qua thu lại, hè mãn đông sang, tội nhân đã đến núi Đàn Đặc. Hoàng tử ngấm xem phong cảnh thấy núi cao chom ch่อม oai nghi, cây cỏ sẫm uất thanh mậu. Các thú chim ca hát với giọng véo von, hồ trong hoa nở nước ngon trái ngọt với vô số ngỗng, hạc, vịt, chài cùng các loài chim ăn dưới nước.

Hoàng-tử nói với vợ: "Ở đây cây mọc thẳng bằng, cao sừng sững tận trời xanh mà không lay động. Chúng ta sẽ được uống nước ăn trái ngọt, ở trong hang đá; chúng ta sẽ tu hành pháp Bát nhã⁽¹⁾. Đông-cung vô núi, cả thầy thượng cảm hạ thú đều vui mừng đến nghinh tiếp Ngài.

Trên chóp núi có một vị tu hành tên là A Châu Đà. Ngài được 500 tuổi và đức hạnh dung thông. Đông-cung đến thi lễ rồi lui ra đứng dậy và nói: "Bach Ngài hiện giờ chúng tôi chưa biết phải ở nơi nào có thức ăn uống?"

Ông A Châu Đà đáp: "Toàn núi này đều là cảnh thiên thai, Ngài ở đâu lại không được? Núi này chỗ nào cũng tinh sạch và thanh tịnh, Ngài muốn hành pháp Bát nhã lại còn đem vợ con theo làm chi".

Hoàng-tử chưa kịp trả lời, bà Mạn Trà chặn hỏi: "Ngài tu được bao lâu?"

- Tôi ở núi này được đâu 400 hay là 500 năm.

- Một người như tôi ước tu bao nhiêu năm mới đắc huệ? Giả tỷ tôi ở núi này lâu hơn cổ thọ cũng khó tính cho ra đến chừng nào đạt được đạo Bồ đề.

(1) Pháp Bát nhã: Phương pháp dùng trí tuệ để quan sát chiêm nghiệm, tìm tới sự thật của sự vật.

Ông tiên đáp: "Kỳ thật mấy câu chuyện ấy, tôi cũng không biết được".

Đông-cung hỏi: "Ngài có nghe nói đến tên Thái-tử Tu Đại Noa, con của vua nước Diệp Ba chăng?".

Vị tu sĩ đáp: "Tôi thường nghe nói đến tên, song không biết mặt".

Thái tử nói: "Đông-cung ấy là tôi đây".

Vị tu sĩ hỏi: "Ngài muốn tu pháp môn nào?".

Thái tử đáp: "Tôi muốn tu theo Đại thừa"⁽¹⁾

Vị tu sĩ nói: "Đối với công đức của Ngài, tôi tưởng chẳng bao lâu Ngài đạt mục đích viên mãn: Chừng Ngài đắc đạo vô thượng, hoàn toàn sáng suốt, tôi sẽ là đệ tử thứ nhất của Ngài có phép siêu phàm nhập thánh". Rồi ông lại chỉ cho Thái tử một chỗ ở. Thái tử bắt chước ông trồng cương vào đầu và vấn tóc, lược nhánh và lá cây cắt bốn lều tranh cho mình, vợ và con.

Con trai tên là Đa Ly 7 tuổi, mặc quần áo bằng cỏ rom theo cha, con gái tên là Kê Na Diên mặc quần áo bằng da nai theo mẹ.

(1) Đại thừa: Cổ xe lớn. Phương pháp tu hành có thể độ mình và người thoát sanh tử luân hồi, cũng như cổ xe bé có thể chở được nhiều người. Trái lại phương pháp chỉ độ một mình mình thì gọi là Tiểu thừa, như chiếc xe đạp chỉ chở được một người.

Trên núi chim chóc và cầm thú vui cười tỏ lòng tín ngưỡng và sùng bái Hoàng tử. Khi Thái tử đi tới đâu thì ở đó hang hốc nội mạch nước, cây khô lại đơm bông trở lá, loài sâu bọ và ác thú thấy đều trốn mất: loài thú ăn thịt trở lại ăn cỏ, cây sai trái, chim đồng tình kêu hót. Bà Mạn Trà lo hái trái cho Hoàng tử và con ăn. Còn hai trẻ khi thì đi chơi với cầm thú nơi mé rạch, khi lại ở đó suốt đêm. Lần kia đuổi thú chơi, con trai Đa Ly cỡi sư tử, sư tử nhảy, Đa Ly té xuống đất trầy mặt chảy máu. Một con khỉ thấy, leo lấy lá cây chùi máu, rồi dắt lại bờ ao rửa. Hoàng tử thấy tấn tướng ấy, thăm nói: "Loài cầm thú cũng có lòng thương nhân loại như vậy".

Trong thời kỳ ấy, tại xứ Câu Lưu có một người Bà La Môn nghèo khổ, bốn mươi tuổi, không con, có vợ. Vợ chàng thì yếu điệu, đẹp đẽ, phương phi; còn chàng thì xấu xa, mình mẩy đen điu, diện mạo quá dị tướng, chẳng khác chi yêu ma quỷ mị. Vợ chàng gớm ghét mong sao chàng chết phứt cho rồi. Ngày kia cô ta đi múc nước gặp một đám trai tráng nhạo báng chồng nàng và nói: "Bà thì ví tựa thiên kim, có sao lại làm vợ một người như thế?".

Cô ta trả lời: "Cái đầu già nua ấy bạc trắng như sương, sớm tối tôi hằng trừ rửa cho nó chết,

chẳng biết sao nó không nhúc nhích". Đáp rồi tự than thân trách phận, về nhà khóc nói với chồng: "Thiếp đi múc nước gặp một lũ trai tơ xúm nhau điệu cợt. Vậy chàng phải kiếm cho thiếp một con đòi, chừng nào có đứa ở thiếp khỏi đi xách nước, bọn ấy mới hết chọc ghẹo thiếp".

Người chồng trả lời: "Tôi nghèo xác da xác chiếu, nàng lại muốn tôi mọi ở đâu?".

Vợ đáp: "Nếu không có, tôi tình nguyện bỏ nhà ra đi." Nàng lại tiếp lời: "Tôi có nghe Hoàng-tử Tu Đại Noa, vì bố thí thái quá nên bị vua cha đày tại núi Đản Đặc. Ngài có một trai, một gái, chàng nên thân hành đến đó xin hai trẻ".

Chồng bác lời rằng: "Núi Đản Đặc xa hơn 6.000 dặm, khó đi đến nơi hướng nữa là xin Thái-tử một việc mà Ngài không thể cho!".

Vợ lên tiếng: "Nếu chàng còn dục dục, tôi sẽ mượn con dao tự tử ngay".

Chồng xuống giọng: "Thôi đừng vội giận, nàng coi sấm cho tôi ít đồ hành lý gì?".

Vợ nói: "Đi thì đi đi, nhà ta thiếu trước hụt sau, còn đòi đồ hành lý gì?".

Người Bà La Môn cụ bị ít món ăn rồi lên đường. Đến xứ Diệp Ba đi ngay lại cửa thành,

chàng ta mới hỏi người giữ cửa: "Xin ông thi ân cho tôi biết Hoàng-tử Đông-cung Tu Đại Noa ở đâu hiện giờ?".

Người giữ cửa không dám trả lời vào báo Hoàng thượng hay. Vua nghe tức giận và phán rằng: "Cũng vì lũ này mà ta dày Thái-tử, sao chúng nó còn đến đây làm chi?"

Người Bà La Môn được đòi vào quỳ tâu: "Muôn tâu Thánh-hoàng tôi ở xứ xa lại, vì cái thanh danh của Hoàng-tử Đông-cung đâu đâu đều biết, trên thấu cửu thiên, dưới tận cửu tuyền, Đông cung có lòng bác ái không hề để một ai thất vọng. Bởi vậy nên ở xa, tôi cũng lặn lội đến đây chú ý thành tâm yêu cầu một đôi việc cùng Hoàng-tử".

Vua nói: "Đông-cung ở chốn quanh hiu, trong thâm sơn và quá nghèo khổ, người còn có vật chi nữa mà bố thí".

Người Bà La Môn tâu: "Muôn tâu Hoàng thượng, tuy biết Đông-cung khiếm khuyết mọi vật, song tôi cũng chỉ nguyện đến tận nơi ra mắt Ngài".

Vua dạy người chỉ đường.

Người Bà La Môn nhắm núi Đàn Đặc thẳng dặm băng ngàn. Chàng vào núi gặp người thợ săn liền đón hỏi: "Xin ông thi ân cho tôi biết Hoàng

tử Tu Đại Noa có ở trên núi này không?".

Thợ săn tuy biết Đông-cung bị dày ở đây cũng vì bố-thí cho dòng Bà La Môn, song không chỉ chỗ lại còn bắt chàng trói vào gốc cây đánh một trận như tử, mắng nhiếc quá lời và nói: "Ta muốn cho ngươi vài mũi tên và ăn thịt ngươi, ngươi còn thiếu vật chi mà đến đây hỏi thăm Thái-tử".

Người Bà La Môn nghĩ: "Ta sẽ bị tay người này giết, vậy ta phải thiết kế đánh lừa người mới mong toàn tánh mạng". Nghĩ rồi liền nói: "Theo lẽ phải thì Ngài nên hỏi tôi nguyên nhân trước khi hành phạt tôi cho đáng".

Thợ săn đáp: "Ngươi muốn nói việc chi?".

Người Bà La Môn nói: "Thưa Ngài đức Thánh hoàng hồi tâm thương nhớ Thái-tử Đông-cung, dạy tôi đi tìm Hoàng-tử dạng thỉnh về nước".

Nghe vậy, thợ săn hối hận liền mở trói thả ra, nhận lỗi và nói: "Tôi thật vô lễ, xin ông miễn chấp, cũng bởi không hay không biết có chỉ Thánh-hoàng nên mới lỗi lầm như hôm nay". Nói rồi chỉ chỗ ở của Đông-cung.

Người Bà La Môn đi thẳng đến lầu tranh của Đông-cung, Hoàng-tử thấy dạng rất đổi vui mừng, ra tiếp rước, thi lễ và hỏi thăm: "Ông ở đâu lại? Có lẽ ông đi đường mệt nhọc thì phải? Ông đến

tôi có việc chi chẳng?".

Người Bà La Môn thưa: "Tôi ở xa lắm, thân tôi khốn đốn không cùng, đương giờ tôi đói khát nữa".

Hoàng-tử lật đặt thỉnh vào cốc mời ngồi, đem trà nước và trái cây dâng người Bà La Môn dùng, khi no rồi, người Bà La Môn nói: "Thưa Đông-cung Thái-tử, tôi gốc ở nước Câu Lưu, đã lâu tôi nghe lòng từ thiện của Ngài, thập phương thế giới đều mến danh thơm và đức hạnh của Ngài. Tôi quá nghèo khổ nhưng Ngài thương tưởng tôi, cho tôi một vài vật".

Thái-tử đáp: "Kính ông chẳng có việc gì tôi từ chối nhưng rủi cho ông, hiện giờ tôi không còn món gì".

Người Bà La Môn nói: "Thưa Đông-cung, nếu Ngài không có gì, xin Ngài cho tôi hai trẻ con của Ngài để phụng dưỡng tôi lúc trở về già".

Hoàng-tử đáp: "Ông ở xa lại chú tâm xin hai con tôi, tôi không lẽ từ chối".

Lúc đó hai trẻ đi chơi, Thái-tử kêu lại, và nói: "Có một người Bà La Môn ở xa đến xin hai con, cha đã hứa lời ưng chịu, hai con hãy đi với người".

Hai trẻ chạy đến một bên cha khóc rằng:

"Chúng con đã từng biết nhiều người Bà La Môn, song chúng con không hề thấy người nào dị tượng như thế. Chắc người này không phải trong họ của Bà La Môn đâu, người ấy là quỷ yêu! Nay mẹ con đi hái trái chưa về, cha lại bắt con cho yêu tinh ăn thịt chúng con phải chết mất. Đến chừng mẹ con về kêu con chẳng thấy, thì chẳng khác gì bỏ mẹ kiếm con, người sẽ bị lụy, than van, đau khổ".

Thái-tử nói: "Hai con chó quá bịn rịn, cha đã hứa lời không thể thất tín. Người Bà La Môn này không phải là tà ma quỷ mị chi, không ăn thịt con đâu mà ngại gì, hai con hãy đi đi".

Hoàng-tử lấy nước rửa tay cho người Bà La Môn, rồi kéo tay con cho người Bà La Môn dắt đi.

Hai trẻ không chịu đi, chúng trở lại trước mặt cha quỳ xuống và nói: "Thưa cha chẳng hay chúng con phạm tội gì trong kiếp trước mà ngày nay chúng con phải chịu lắm điều thống khổ. Chúng con là dòng vua, nay phải làm tôi tớ cho kẻ phạm phu. Trước mặt cha, chúng con xin sám hối các tội lỗi, có lẽ nhờ đó sự phiền não và nghiệp chướng của chúng con sẽ được tiêu trừ và hạnh phúc lại đăng phát khởi, mong sao đời này sang đời khác chúng con không còn gặp phải bước gian truân như thế nữa".

Đông-cung nói với hai con: "Cả thầy ái tình đều là ảo mộng, một ngày kia phải hủy hoại vạn vật đều vô thường, mấy ai giữ trọn vẹn một vật chi nơi trần thế. Hai con hãy đi, chẳng nên dùng dằng, chừng nào cha dắt đạo Bồ Đề, cha sẽ độ hai con."

Hai trẻ, đôi mắt dò ngầu nói với cha: "Xin cha trao lời vĩnh biệt của hai con lại cho mẹ con, chúng con quá đau lòng vì nghĩa mẹ con xa cách đời đời, lại không giáp mặt tỏ phân một lời trong khi mẹ bắc con nam. Chẳng còn nghi gì nữa, cũng bởi tiền căn nghiệp báo của chúng con, nên nay chúng con phải chịu vậy. Chúng con nghĩ đến khi mẹ chúng con về thấy mất hai con, người sẽ khổ tâm, đau đớn sâu não chẳng cùng, lo cho thân chúng con phải chịu đói rách phiêu lưu nơi đất khách."

Người Bà La Môn nói: "Tôi già yếu, hai trẻ chạy bỏ tôi theo mẹ chúng nó, tôi lụm cụm theo bắt chúng nó sao được. Xin Đông-cung trời nó giùm tôi."

Thái tử liền trời hai con giao cho người Bà La Môn dắt đi, nhưng hai đứa nhỏ cương lại chẳng chịu, người Bà La Môn mới đánh chảy máu. Đau đớn thay cho Đông-cung, thấy tình cảnh như vậy động lòng sa nước mắt. Cả trái đất đều rung

động, Hoàng-tử và cầm thú theo sau đưa đón hai trẻ, tới chùng biệt dạng mới trở về. Các loài lục súc trở lại chỗ cũ hai trẻ thường chơi thấy cảnh chẳng thấy người, xúc động rên than thảm thiết, lăn lộn dưới đất.

Người Bà La Môn dẫn hai đứa nhỏ đi được xa, dọc đường đứa trai vắn dây trói vào cây không chịu đi, chú ý chờ mẹ chúng nó đến cứu. Người Bà La Môn nổi giận, lấy cây đánh như từ, đến chùng chúng nó xin thôi đánh, chịu đi, mới nói tay.

Hai đứa nhỏ ngược mắt lên trời vái rằng:

Thần linh ôi! Hỡi thần linh ôi!

Hoan hỷ mách giùm mẹ chúng tôi.

Xét dạ con đi sâu chất chứa.

Đau lòng mẹ ở lỵ quên thôi.

Chạnh tình nuôi dưỡng chưa thù đáp.

Đoái nghĩa cứu mang chẳng đáp bồi.

Ở biết bao giờ cho rảnh nghiệp?

Cuộc đời thiết tưởng bạc hơn vôi.

Cũng ngay lúc đó, Công-chúa ở trên núi, nháy mắt khó chịu, bà lấy làm lạ và nghĩ: "Thuở giờ tôi chẳng hề có cảm động thái quá như hôm nay, chắc hai trẻ mắc phải tai nạn rồi." Bà liền bỏ giò trái lại đó, hối hả ra về.

Khi Công-chúa về thấy Đông-cung ngồi một

minh không có hai con, bà vô lều tranh kiếm không có, bà lại trở ra mé rạch - chỗ chúng nó hay chơi giỡn cũng không thấy. Bà chỉ thấy mang, sư tử, khi, mấy thú thường chơi với nó mà thôi. Bà Mạn Trà trở lại chỗ Thái-tử ngồi và hỏi hai con ở đâu? Thái-tử không nói.

Bà lại hỏi nữa: "Khi hai con ở xa thấy tôi đem trái về chúng nó chạy nhào lặn dưới đất, rồi lồm cồm ngồi dậy nhảy nhót: Mẹ về; khi chúng nó thấy tôi ngồi ở đâu thì đến ngồi kế một bên, thấy bụi bặm dính mình tôi liền phui. Bây giờ tôi không thấy con tôi và chúng nó không lại gần tôi, nó ở đâu? Ai bắt nó? Không thấy con tôi, lòng tôi đứt từng đoạn! Chỉ cho tôi biết con tôi đi đâu và đừng làm cho tôi phải cuống tâm".

Bà nói đi nói lại ba lần, Hoàng-tử vẫn điềm nhiên không thốt một lời. Bà lại càng đau đớn hơn nữa. Bà nói chua cay như vậy: "Mất con tôi còn chịu được song sự lạnh thính của lang quân làm cho tôi thêm rối loạn".

Đông-cung nói: "Có người Bà La Môn ở xứ Cầu Lưu đến xin hai con và tôi đã cho rồi".

Công-chúa thoát nghe quá cảm động, vụt té xuống đất, bà đau đớn không cùng.

Đông-cung nói: "Xin Công-chúa hãy ngồi

lòng. Phu-nhân hãy nhớ lại việc xưa, hồi thuở Phật Đệ Hòa Kiệt La ra đời. Lúc đó tôi là một người Bà La Môn, tên là Ba Sô Vệ, còn Công-tước phu-nhân là con gái Bà La Môn tên là Tu La Đà, Công-chúa cầm bảy liên hoa, còn tôi thì nắm trong tay 100 bạc. Tôi mua năm bông sen của Công-chúa dâng cúng đường Phật, còn Vương-phi thì đem thêm hai bông khác cho tôi dâng cúng Phật. Phu-nhân lại lập nguyện như vậy: "Tôi nguyện cầu sao trong những kiếp vị lai, tôi cứ được làm vợ chàng, dầu lịch sự, dầu xấu xa tôi không hề xa chàng".

Tôi có nói với Công-chúa rằng: "Nếu nàng muốn làm vợ tôi thì phải tuân theo chánh ý tôi, tôi sẽ đem hết tâm lực hành pháp bố-thí, không hề thối chuyển cùng làm trái ý một ai. Trừ cha mẹ tôi, ai xin vật gì tôi đều hoan hỷ. Công-chúa ưng chịu bằng lòng. Nay tôi cho hai con, Vương phi lại làm rối loạn đến mối từ tâm của tôi".

Nghe Đông-cung nói, bà liên tỉnh ngộ; bà nhớ lại trong kiếp quá khứ kia, bà có hứa hẹn và nhận các việc bố-thí của Thái-tử.

Đế Thích thấy Thái-tử hành pháp bố-thí Ba La Mật Đa, cố ý thử lòng Thái-tử. Ngài hóa thân làm người Bà La Môn xấu xa và cũng dị tướng như người trước, đến trước mặt Thái-tử và thốt rằng:

"Đồng-cung ơi! Tôi hằng nghe Đồng-cung rất hoan hỷ làm các việc phước thiện và không hề từ chối việc chi. Vậy tôi đến đây xin bà Vương-nữ, vợ của Đồng-cung".

Hoàng-tử đáp: "Công-chúa là người của Ngài".

Công chúa nói: "Nếu Thái-tử cho tôi rồi, lấy ai mà giúp đỡ Thái-tử".

Đồng-cung nói: "Nếu tôi không cho Công-chúa thì tôi không đạt được đạo vô-thượng Ba La Mật".

Thái-tử múc nước rửa tay cho người Bà La Môn và dặt vọ cho người.

Đế Thích đã nhận được lòng Thái-tử không còn tiếc việc chi. Các thiên thần lại ca tụng lòng từ-bi bác-ái của Đồng-cung, tức thì trời đất tối tăm, thế giới đều rung động.

Người Bà La Môn dặt Công-chúa ra đi, được bảy bước, trở lại trả Công-chúa cho Thái-tử.

Thái-tử hỏi: "Sao Ngài không giữ Công-chúa cho Ngài? Công-chúa nét na tánh hạnh xấu chăng? Trong cả Hoàng-nữ, Công-chúa là cực phẩm phu nhân, nàng là Công-chúa của một nhà vua kim thời. Cũng vì tôi mà nàng phải nhảy vào vạc dầu sôi, trong đồng lửa đỏ, phải chịu ăn uống kham khổ không hề than thở vì đau khổ phong

trần; trong mỗi sự hành động, nàng rất ân cần chú ý và gương mặt vẫn thư thái tươi cười. Ngài nên đem nàng đi, tôi mới được an vui."

Người Bà La Môn nói với Đông-cung: "Ta không phải Bà La Môn, ta là Thiên Đế Thích. Ta đến thử lòng Ngài. Nhưng bốn nguyện của Ngài là chi?" Nói xong Đế Thích hoàn nguyên hình diện mạo oai nghi dung nhan tuyệt mỹ.

Công-chúa đành lễ Đế Thích và cầu xin ba điều: "Trước nhất xin Ngài làm sao cho người Bà La Môn đem lại hai con tôi về bán tại bốn xứ, sau xin đừng cho chúng nó đói khát, sau nữa xin cho chúng tôi được về nước cho chóng".

Đế Thích đáp: "Bà sẽ như nguyện".

Đông-cung nói: "Kính ngài, tôi nguyện sao cho cả thầy chúng sanh đều được giải thoát và hết khổ về sự sanh, già, bệnh, chết."

Đế Thích: "Lời nguyện của Ngài thật vĩ đại cao thượng không chi hơn. Nếu Ngài muốn sanh cõi trời, làm vua Thượng thiên, làm đại Hoàng-đế tại cõi trần, trường thọ như bá như tòng, thì tôi có thể làm được như ý; chớ cái oai linh tối yếu trong ba giới ra ngoài bản năng tôi."

Đông-cung tiếp: "Tôi tạm xin cho được giàu có muôn xe đặng bố thí hơn xưa, Tôi mong sao cho

Hoàng-phụ cùng các quan đại thần hoải tâm sum hiệp cùng tôi".

Đế Thích đáp: "Bản nguyện của Ngài sẽ được thành tựu." Dứt lời Đế Thích biến mất.

Đồng thời khi ấy người Bà La Môn dẫn mấy đứa nhỏ về tới nhà. Vợ chàng ra đón và nhiếc rằng: "Thật chàng quả lớn mặt to gan mới đem mấy trẻ này về đây. Nó là dòng dõi vua chúa, sao chàng lại tàn nhẫn đánh đập đến nỗi vết tích máu mủ đầy mình. Hãy tức khắc đem bán đi và kiếm đứa khác cho tôi". Chồng nghe lời vợ đem bán trẻ con.

Đế Thích thể theo lời nguyện của Công-chúa liền đổi ý cho người Bà La Môn đưa qua nước Diệp Ba.

Đến xứ ấy, các quan và dân nhìn biết con của Đông-cung cháu nội của đức Kim Thượng, lớn nhỏ đều động lòng thương xót liền vào tâu vua.

Vua nghe nói lấy làm ngạc nhiên, cho đòi vào. Xa xa vừa chợt thấy Hoàng-tôn, Thiên-tử, Hoàng hậu, quần thần và cung phi đều khóc nức nở. Vua hỏi người Bà La Môn làm sao có mấy đứa trẻ này? Nó tâu: "Tôi xin Đông-cung Thái-tử".

Vua kêu cháu đến và muốn ôm, nhưng nó khóc không chịu lại gần. Vua hỏi giá cả. Người Bà La

Môn chưa kịp trả lời, Hoàng-tôn mạn tâu: "Trai định giá một ngàn bạc với một trăm bò cái, gái thì hai ngàn bạc với hai trăm bò cái".

Vua nói rằng: "Lẽ thường thì người ta yêu chuộng con trai hơn gái, sao trai lại rẻ giá hơn gái?"

Hoàng-tôn nói: "Tâu Bệ hạ những cung phi mỹ nữ của Bệ hạ không phải là quyến thuộc của Ngài, người thì hèn hạ kẻ lại hoa đời; nhưng ai được Hoàng-thượng yêu vì thì được tăng phẩm tước, trang điểm mỹ lệ, ăn uống sung-sướng! Ngài chỉ có một mụn con trai mà Ngài dày chôn non rừng rậm, còn Ngài thì sớm tối sung sướng với cung phi, chẳng chút đoái hoài tới nghĩa cha con. Đó rõ ràng biểu thị trai ít có giá trị hơn gái".

Thoạt nghe, vua liên tỉnh ngộ, khóc than rằng: "Ta tội cùng cháu, lẽ nào cháu chẳng chịu lại gần ta? Ghét ta hay sợ người Bà La Môn?". Hoàng-tôn vội tâu: "Chúng con đâu dám tự phép ghét Hoàng-thượng và chúng con cũng chẳng sợ gì người Bà La Môn này. Xưa chúng con là con vua cháu chúa, nay lại tội tởm kẻ phàm phu. Làm sao đứa nô bộc lại dám lòn dưới tay Hoàng-thượng? Bởi vậy nên chúng con không thể tự tiện làm việc ấy".

Hoàng-tôn dứt lời, vua thêm sầu muộn. Liên

đó Thánh-hoàng trả theo giá định của người Bà La Môn, rồi kêu cháu hai trẻ chạy vào lòng Ngài. Vua ôm cháu vuốt ve và hỏi: "Cha con ăn mặc những gì trên núi?".

Hai cháu nói: "Cha con ăn toàn lê hoặc ⁽¹⁾ mẽ cóc, mặc áo vải quần nâu, có trăm thứ chim làm cho cha con được giải khuây và không chút chi phiền."

Vua cho người Bà La Môn về.

Hoàng-tôn tâu: "Người Bà La Môn đói khát, xin Thánh-hoàng cho người một bữa cơm".

Vua nói: "Vậy chớ cháu không giận nó sao, lại còn cho nó ăn uống nữa?".

Hoàng-tôn tâu: "Cha hai con ham tu phước huệ, đến nỗi không còn vật chi bố thí nên đem hai con cho người, người là chủ của con, chúng con rất tiếc chưa làm nô lệ cho người, hòng khỏi phụ lòng bác ái của cha con. Chúng con sao đành để người đói khát. Cha chúng con còn cho chúng con được thay, hưởng chi bố-thí một bữa cơm có lẽ nào Hoàng-thượng từ chối?".

Vua lại sai sứ giả đi triệu Đông-cung về. Được lệnh, sứ thần đi tìm Hoàng-tử; tới núi Đản Đặc liên tuyên đọc Thánh-chỉ và xin Đông-cung lập

(1) Lê Hoặc: tên trái cây.

tức về cung.

Đông-cung đáp: "Hoàng-thượng đã đày ta ở núi này 12 năm và còn một năm nữa mới mãn hạn, chừng nào khâm kỳ viên mãn ta sẽ về chẳng muộn".

Sứ-giả về tâu lại cho vua nghe, rồi Thánh hoàng tự tay hạ bút đề thơ cho Thái-tử như vậy: "Con thật đáng vị hiền nhân, nên lấy dạ khoan hồng quên chuyện đã qua. Con giận dữ có ích lợi gì, không trở về Tổ-quốc. Cha đợi con về dựng đoàn viên cộng hưởng sự an vui".

Khâm-sứ mang bức thư đem đưa cho Đông-cung.

Tiếp chiếu, Hoàng-tử liền quỳ lạy trước mặt chiếu, đoạn lui lại, đi vòng mặt chiếu bảy vòng rồi mới khai thơ ra đọc.

Hay tin Hoàng-tử sắp hồi trào, các loài cầm thú nhảy nhót cảm động, kêu gào tha thiết, suốt khe bỗng cạn, thú cái dứt sữa, chim chóc hót tiếng như than như sầu.

Hy hữu thay loài cầm thú cũng biết đau thương trong khi vĩnh biệt!

Đông-cung và Công-chúa đối y phục lên đường.

Nghe tin Đông-cung về nước, vua địch dạy

thâm tử bắt bành vàng cho bạch tượng, lại đem theo một ô vàng đựng bạc, một ô bạc đựng vàng đón đường Thái-tử xin trả lại và tỏ dấu ăn năn hối ngộ cùng Hoàng-tử như vậy: "Trước kia bởi mê muội tôi cố ý xin Ngài voi báu, vì tôi nên Ngài phải bị dày ở thâm sơn rừng rậm. Nay nghe tin về nước, tôi rất vui mừng cho khâm sứ đưa bạch tượng trả lại cho Ngài cùng dâng chút lễ bạc vàng, rất trông mong được Ngài hạ cố và thứ lỗi cho tôi."

Đông-cung nói: "Giá như một người kia sắm sửa các thức ăn đủ mùi vị và dâng cho ai dùng, người ấy ăn vô rồi nhả ra, thức ăn đó còn hương vị thanh khiết chăng? Các việc bố-thí của tôi chẳng khác chi đồ ăn kia, thế thì tôi không thể bắt voi lại. Các quan hãy lên tượng mà về và nói tôi có lời cảm tạ nhà vua."

Thâm tử lên voi về tâu lại nhà vua. Cũng nhờ câu chuyện con voi mà vua địch được tình ngộ, trở nên người hiền, thành bậc trượng phu. Vua quan và dân lại tín ngưỡng đạo Bồ đề⁽¹⁾ và bắt đầu hành pháp vô thượng Ba La Mật Đa.⁽²⁾

Hoàng-thượng, cha Đông-cung ngồi đón con. Hoàng-tử chợt thấy, vội trối bước đánh lễ sát đất rồi theo sau vua cha. Cả thầy văn quan, võ tướng

(1) Đạo Bồ đề: Đạo sáng suốt, đạo giác ngộ.

(2) Pháp Vô thượng Ba La Mật: Phương pháp tu để thành Phật.

và lễ dân rất hoan hỷ đồng rải bông, đốt hương trầm treo cờ long, rưới nước thơm dưới đất, làm lễ tiếp rước Đông-cung một cách long trọng linh đình.

Đông-cung đã về tới thành, liền vào lạy và vấn an Hoàng-hậu.

Hoàng-thượng giao cho Đông-cung hết thấy kho tàng trong nước. Thái-tử đem ra bố-thí cho thập phương và còn nhân đức hơn xưa. Sự bố-thí của Ngài viên mãn nên sau này Ngài sẽ chứng quả Niết bàn.⁽¹⁾

Đức Phật nói với ông An Nan: "Đó là cách ta hành pháp bố-thí trong một tiền kiếp của ta. Đông-cung Tu Đại Noa tức là ta đó vậy."

Thuật giả: MINH CHÂU

(1) Niết bàn: Cảnh giới hoàn toàn an vui, sung sướng, không còn phiền não, đau khổ.

Họa tùng khẩu xuất

Thuở xưa, ở trong một cái hồ kia có một con rùa và hai con cò trắng thường lui tới làm bạn với nhau.

Năm ấy trời làm đại hạn, suốt một năm trời ròng rã nhưng không có cơn mưa nào cả. Nước ở trong hồ cứ cạn dần vì sự thiêu đốt gay gắt của mặt trời. Cỏ lác trong hồ cũng vàng úa tàn tạ. Có thể nước nóng như một chảo nước sôi, vì thế loài thủy tộc chết dần chết mòn...

Ở trong tình trạng đó, chàng rùa ta ngồi đứng không yên và trong đầu óc luôn luôn suy nghĩ một phương kế thoát thân khỏi cái địa ngục nóng này.

Thì may thay! Trong lúc ấy có hai vợ chồng cò đến chơi. Thấy bộ dáng thiếu não của chàng rùa, hai vợ chồng cò ân cần hỏi thăm:

- Chắc có chuyện gì buồn chẳng? Mà trông bác có đáng lo nghĩ thế?

Rùa rầu rầu đáp:

- Hai bác ôi, tôi đang gặp phải đại hoạn, phen này chắc chết mà không còn trông gặp mặt hai bác nữa.

Chàng cò chận lời:

Chúng ta là bạn bè thân thiết với nhau, sung sướng cùng chia thì hoạn nạn cùng chịu. Vậy bác hãy cho chúng tôi biết nguyên nhân nào làm bác phiền muộn, họa may chúng tôi có thể tìm phương giải quyết và giúp đỡ bác chẳng! Chớ chưa chi mà bác đã than van thất vọng như thế.

Rùa trả lời với một giọng lâm ly thống thiết:

Không biết hai bác này làm ăn thế nào, chứ tôi hai hôm nay chưa có lót dạ nữa con tép chứ đừng nói tôm cá, vì chúng đã hết trội! Mà nước thì cạn dần thế này, thì trước sau thế nào cũng không thoát khỏi bàn tay độc ác của lũ chăn trâu. Cách đây 5 năm tôi đã bị chúng bắt một lần, may nhờ một bà già mua và đem đến chùa phóng sanh nên mới sống sót đến ngày hôm nay. Vì thế mỗi lần nghĩ đến tai nạn chết chóc, tôi bắt rùng mình...

Trong lúc chàng cò đang ra dáng suy nghĩ thì

chị cò thương hại hỏi:

- Sao bác không đi ở nơi khác một phen xem thế nào?

- Bác thử nghĩ, xưa nay tôi có từng đi đâu, đường sá thì xa xôi nguy hiểm mà sự đi lại của tôi quá chậm chạp, nên tôi nghĩ thà chết nơi chôn nhau cắt rún còn hơn.

Bồng chàng cò ngóng cổ nói lớn lên với một niềm hy vọng:

- Thôi bác khỏi lo! Cách đây mười dặm, có một hồ sen không khi nào cạn, mặc dù là lúc trời hạn hán. Chúng tôi sẽ đem bác đến đấy, trước là giải quyết sinh kế mà sau nữa được gần gũi nhau trong lúc tối lửa tắt đèn...

Nhưng chàng rùa vẫn lo ngại nói về thất vọng:

- Trời ơi! Mười dặm. Một dặm mà tôi đã đi đến chưa, huống nữa là mười dặm, thôi tôi đành chịu chết vậy!

- Điều ấy bác cũng không nên lo, chàng cò tin tưởng nói. Chúng tôi đã có phương pháp; nhưng có điều hơi khó là bác cần phải bình tĩnh và can đảm.

Bác nói thử xem, chàng rùa vội vàng hỏi, khó thế nào tôi cũng cố gắng.

Chàng cò giải thích với một điệu bộ quan trọng:

Phương pháp như thế này: Hai vợ chồng tôi tha một cái cây mỗi người một đầu. Còn bác thì ngậm ngay chằng giữa, chúng tôi sẽ tha bác đến cái hồ kia. Nhưng có một điều tối quan trọng và nguy hiểm bác nên nhớ. Trong lúc chúng tôi bay bác phải ngậm chặt vào cây và không được nói năng hỏi han gì cả mặc dù gặp phải trường hợp thế nào đi nữa. Chỉ trong vòng nửa giờ là chúng ta đến nơi. Bác nhớ nhé! Tôi dặn lại: Đầu gặp trường hợp nào bác cũng phải ngậm miệng không được nói năng.

Chàng rùa ra dáng hiểu biết:

- Thôi tôi nhớ rồi, hai bác xem tôi chẳng bằng con nít, dặn đi dặn lại mãi.

Sau khi sửa soạn xong, chàng cò lại thiết tha căn dặn lần cuối cùng:

- Đó, bây giờ bác muốn ho hen hay nói gì thì nói đi. Chớ chốc nữa mà mở miệng thì nguy hiểm lắm đấy!

Xong đâu đấy, cả ba làm theo ý định bốn cánh vỗ mạnh, hai cặp chân cò duỗi thẳng, chàng rùa hồng mặt đất rồi từ từ lên cao, chẳng khác nào chiếc máy bay hai động cơ...

Bay được một lát mặc dù lần đầu tiên thấy những cảnh kỳ lạ hiện ra trước mắt: đây cánh đồng xanh rì gợn sóng như tấm nhung xanh, kia con sông trắng phau nằm quăn quèo như con bạch xà lượn khúc, và là cây cối, nhà cửa v.v... bao nhiêu là cảnh đẹp mắt... Đã bao lần chàng rùa định mở miệng để hỏi cho thỏa tính tò mò, nhưng may thay! Mỗi lần định hỏi, chàng lại sực nhớ đến lời dặn quan trọng của anh chàng cò trắng.

Nếu sự đời yên ổn thì nói làm chi, rùi thay, trên đường hành trình của chàng rùa không qua khỏi cặp mắt tinh quái của lũ trẻ.

Một đứa la lớn:

- Anh em ơi! Ra coi đây nè! Hai con cò tha một con rùa! A ha! Vui quá!

Bọn trẻ đồng la ầm lên. Một thằng lớn nhất trong bọn hét lớn:

- A ha! Thật giống hai thằng móng dất một anh thầy bói. A ha! Thấy bói! Thấy bói!

Không nhịn được tức giận, chàng rùa định bụng trả lời: "Mặc kệ chúng tao, mắc mớ gì chúng mày. Đồ nhãi con!". Nhưng tội nghiệp thay, vừa mới mở miệng, rùa ta đã rơi xuống và tan thân vì đụng nhầm một tảng đá...

Đức Phật dạy: "Ở đời đã biết bao nhiêu người vì không giữ cái miệng, nói không đúng thời mà phải mang họa như trường hợp con rùa trên đây. Nay các đệ tử! Họa từ miệng phát sanh, vậy các con hãy giữ gìn cái miệng".

Thuật giả: **HOÀNG MINH**

Người mẹ

Nắng hồng bắt đầu tươi thắm trên muôn ngàn cây cỏ. Những tiếng chim ríu rít hòa lên khúc nhạc tung bùng. Đàng xa, một dáng điệu oai nghiêm bệ vệ trong chiếc y vàng, hào quang chói lọi, khoan thai lần bước với chiếc gậy trúc tẩm màu sương nắng.

Đây chính Đức Phật.

Như thường lệ mọi lần nắng lên Ngài đi khát thực. Ngài chỉ sống bằng những hạt cơm cúng dường của những tâm hồn mộ đạo; nhân đó để giáo hóa mọi người, quay về đường thiện.

Đức Phật đến nhà ông Đế Đô, một nhà có tiếng giàu sang nhất, nhưng cũng không kém phần ích kỷ. Chủ đi vắng, con chó nằm trước cửa đôi mắt đỏ ngầu cau lại như phóng ra những tia lửa hung ác. Nhanh nhe khỏi mồm như sẵn sàng

một thứ khí giới trắng nhọn vô cùng ghê tởm. Nó giữ một hơi rồi nhảy chồm đến Ngài theo một tiếng "Gâu" dữ dội. Không chút sợ hãi hay hoảng hốt, Ngài thản nhiên ôn tồn nói: "Người hãy im". Chó ta chỉ đưa mình lui để lấy thế, rồi nhanh như chớp chồm lên cao, lạnh tay nhưng rất dịu dàng Ngài đỡ lấy hai chân trước, âu yếm thốt ra những lời đầy thương hại: "Người hãy bớt nóng. Ta đã hiểu... Người chính là mẹ của chủ nhà này, kiếp trước người rất hung ác tham lam. Lâu đài nguy nga đây, tất cả châu báu đây, chính người đã xây dựng trên bao nhiêu mồ hôi nước mắt của mọi người. Người đã không chút thương tâm thẳng tay đục khoét tận tủy tận xương từ những người giàu cho đến kẻ bán cùng. Mãi đến giờ phút, trước khi tắt thở người vẫn còn tâm niệm độc ác và tiếc nuối những của cải, nên... người đã bị dọa, đầu thai vào kiếp chó và trở lại đây bo bo giữ lấy tài sản ấy. Thế mà người không lo tu tỉnh còn mãi tham lam tàn ác!"

Oai đức của Phật đã nhiếp phục được tâm hồn đen tối, chó im lặng, buồn bã gục đầu xuống đất. Đức Phật nhẹ nhàng lui bước. Đôi mắt chó tắt hẳn những tia lửa hung tàn, đọng lại trên đôi mi những ngấn lệ đau thương, chán nản nhìn theo Ngài cho đến khi khuất dạng sau màn cây.

Từ đó chó bỏ ăn uống và không còn muốn nhếch bước đi đâu. Cử chỉ ấy làm cho Đế Đô phải ngạc nhiên và lo sợ. Trước kia chó rất mạnh mẽ, giữ nhà cẩn thận; mỗi lần người lạ mặt vào không khỏi hết hồn với nó. Thế mà nay nó chỉ nằm trong xó không một hơi sủa.

Đế Đô tìm cách tra hỏi đứa ở của ông, nó kể lại chuyện Đức Phật đến khất thực: "Không hiểu Ngài làm gì chó ta mà từ đấy nó buồn đau đón".

Ông đỏ bừng mặt lên, vô cùng căm tức, la hét vang nhà như một kẻ điên dại, rồi chạy tìm ngay Đức Phật để nhiếc mắng và đòi bồi thường.

Trước cử chỉ hung hăng tàn bạo của ông ta, Đức Phật vẫn vui vẻ điềm đạm bảo:

"Ta sẽ nói cho người hay, nhưng người phải dịu lòng đi đã. Nhờ công năng tu tập ta đã chứng được Túc-mạng minh, thấy rõ kiếp trước của mọi người, nên ta biết chó kia chính là mẹ người kiếp trước, vì quá tham lam tàn bạo nên nay phải hóa thân vào kiếp chó để trở lại giữ của cải cho nhà người." Đế Đô cướp lời:

"Những lời nói của ông đều là huyền hoặc vu khống tôi không thể tin được".

- "Sự thật chính là thế. Vì thương mẹ con người nên ta mới nói cho người rõ. Người không

tin về đào lên phía dưới giường nơi chó thường nằm, sẽ thấy một lọ vàng." Lòng tham lam của Đế Đô đã dần được con giện, vôi vàng hồi:

- "Thật không ông? Sao ông biết?".

- "Lọ vàng ấy trước kia mẹ ngươi chôn, nhưng vì khi lâm chung không kịp trời lại, nay mẹ ngươi - chính chó ấy thường nằm trên đó để giữ cho ngươi. Ngươi làm theo lời ta sẽ hiểu ta nói đúng hay sai".

Từ nét mặt sung sướng, ông ta trở thành đau đớn vì đã có một nguồn tin bé nhỏ len qua con người sân hận tham lam thắm vào trái tim hồng.

Quả nhiên, bới lên, một lọ lớn đầy cả vàng vôi vàng, nhưng vàng ấy không còn gọi được lòng tham của Đế Đô. Nguồn tin đã hòa mạnh trong tim hồng làm tiêu tan tất cả những tham luyến hung tàn. Ông ôm lấy chó khóc nức nở vô cùng ăn năn. Đoạn đến quỳ bên Đức Phật đôi mắt đầm đìa dịch cảm, run lên những lời cầu khẩn thiết tha, xin sám hối tội lỗi và nhờ Phật chỉ phương cứu mẹ thoát khỏi những cảnh giới khổ đau. Đức Phật liền bảo:

"Nay ngươi đã biết ăn năn, thế là ngươi đã có thể trở lại con đường lành. Ngươi là một người con có hiếu. Nhưng nghiệp chướng của mẹ ngươi

quá nặng. Người hãy phát tâm quy-y Tam-bảo, thọ trì ngũ-giới và đem hết lòng thành kính sám hối cho mẹ người; đem tiền của bố-thí cho mọi người, và cúng dường Tăng-chúng. Nhờ công đức ấy, mới mong cứu khổ cho mẹ người được. Khổ hay sướng là do mình tự gây lấy, ta chỉ là người giác ngộ, chỉ lại cho chúng sanh con đường giải thoát". Đế Đô vâng lời Phật dạy, ngoài sự chí thành cầu nguyện, còn đem gia sản bố-thí cúng dường...

Không lâu, một hôm, chó đuổi mình khoe khoản tám trăm rồi buông ra một hơi thở dài. Không còn là hơi thở đầy luyến tiếc tham lam muốn bám víu lấy sự sống mà lại là một hơi thở đầy sung sướng và thỏa mãn.

Chó đã chết.

Nhưng, chó ấy - mẹ của Đế Đô - sẽ về đâu. Kiếp sau như thế nào?

Tối hôm sau, trong giấc mộng, Đế Đô thấy trên nền trời xanh cuộn lên những vòm mây trắng, uốn dòn đến trước mặt người. Từ trong đó hiện ra một dáng người đàn bà hiền dịu, ân cần vỗ nhẹ lên vai Đế Đô và nói:

"Từ lâu vì lầm lỗi, mẹ đã tham lam độc ác quá nhiều nên bị đọa vào những cảnh giới khổ sở, đau

đón vô cùng. Chó ta hôm trước chính là mẹ đây con. Con ơi, con nghĩ đến đời sống con chó, con sẽ hình dung được nỗi khổ của mẹ hồi ấy. Nay nhờ đức Phật cứu độ và lòng hiếu thảo của con, mẹ đã thoát khỏi kiếp đau thương, được vãng sanh vào thế-giới đầy sung sướng an vui. Thật cái luật nhân quả không ai tránh khỏi. "Gieo nhân gặt quả ấy". Tham lam tàn ác bị lâm thân; tu nhân tích đức sẽ được an vui tự tại. Từ đây con hãy vâng lời Phật dạy, gắng công tu học. Thôi mẹ từ biệt con..."

Thuật giả: ĐỨC THƯƠNG

Đòi người trong một câu !!!

Nhà vua ấy, ngay từ lúc lên ngôi báu đã giao cho một viên đại-thần cái trọng trách sưu tầm dưới các bầu trời xa lạ những tinh hoa rải rác trong vũ-trụ và những triết-lý của cuộc đời. Ý cửu trùng muốn thu thập những cái hay ở đời để dựng một nguyên tắc trị dân.

Ba mươi năm trời đã qua, vị thanh niên anh tuấn ấy, chờ đợi tóc đã điểm bạc. Lễ Khánh-thọ ngũ tuần đã cử hành long trọng trong Hoàng-cung. Lúc ấy quan đại-thần cũng về với đoàn lạc đà, bốn vó trắng bụi đường xa, và trên lưng chất hơn nghìn sách quý mà vị đại-thần đã có công kết tập.

"Trăm đã nhiều tuổi rồi, tinh hoa của trời đất nhiều đến thế.

"Trăm làm sao xem cho hết. Khanh mang về

rút ngắn lại cho trăm đủ thời giờ xem."

Đoàn lạc đà lại chở những pho sách đi và mười năm sau nữa, bộ sách rút ngắn lại còn năm trăm quyển được dâng lên ngự lãm.

Nhà vua vuốt chòm râu bạc phau ngắn ngại phán:

"Hãy còn nhiều quá. Tuổi trăm đã lớn, đọc sao cho kịp Khanh khá chịu khó về gạn lọc một lần nữa những tư tưởng huyền diệu trong ấy".

Viên đại thần tận trung không hề nghĩ đến số năm tháng đã tàn tạ trên đầu, lui về một nơi u tịch kết tinh kho tư tưởng.

Sau năm năm triển miên, với bao nhiêu tinh hoa và tư tưởng cổ kim đông tây, viên quan già nua mừng rỡ khi thấy kết quả: năm trăm cuốn dồn lại chỉ còn một pho sách dày. Một pho sách dày chứa tất cả triết-lý của muôn cuộc đời!

Cuốn sách dày ấy, một buổi sớm được mang vào ngự lãm. Nhưng nhà vua đã nằm trên giường bệnh, chung quanh ngự y châu chực.

Vừa mở mắt nhìn vị đại-thần tận tâm và cuốn sách quý giá. Một nụ cười nhàn nhạt nở trên môi vua như ánh hoàng hôn.

Vua thở ra một giọng yếu nhỏ, viên đại-thần

quỳ xuống lẳng tai đón lấy:

" Trăm yếu lắm, một trang sách còn chưa thể xem được huống là cả cuốn... Song trước khi nhắm mắt, trăm háo hức muốn biết qua những tư tưởng gì, những triết lý gì, đã chi phối cả đời người, đã điều khiển cả một vận mệnh... Khanh khá rút ngay quyển sách này thành một câu hay vài chữ cho trăm xem kịp và đủ sức hiểu..."

Nét mặt viên đại-thần trở nên trăm ngậm và hai mắt già nheo lại. Từ thần đã chòn vòn đầu đó. Các ngự y cúi đầu trước số mệnh. Nhà vua nằm yên khắc khoải chờ. Thời gian như ngừng hẳn lại. Không khí trở nên nặng nề và nghiêm trọng. Vàng son nội điện tự nhiên cũng hóa rầu rĩ. Mọi người chăm chú và kính cẩn nhìn viên đại-thần đang lặng lẽ đem cuộc đời thu vào một câu. Sau một hồi suy nghĩ, viên đại-thần từ từ bước đến bên án. Cả bộ Văn-phòng tứ-bảo hình như run khi bàn tay già đưa ra.

Bàn tay kính cẩn nâng cây bút, và nhẹ nhàng vạch trên mảnh hoa tiên những nét buồn lòng linh. Mọi người đều ngó theo. Thần chết lúc ấy đã chấp chòn đầu long sàng. Đã mấy lần nhắm mở. Vua mới cất được mấy tiếng cuối cùng: "SANH LÃO BỆNH TỬ".

Thuật giả: TÂM PHƯỚC

**Một đời lương qua vô ích
Chỉ kết liễu trong ân hận**

Vua cò trắng

Đời xưa, có một ông vua tên là Mỹ Tuấn, còn trẻ, cai-trị một nước phồn thịnh gọi là xứ My Lăng. Nhà vua xem dân như con, tính tình thật là dễ chịu. Vua có một cận thần rất trung thành tên là Bằng Tô. Bằng Tô có một bộ râu dài gần sát đất. Bằng Tô thường hầu cận bên vua không khi nào rời. Vua mến ông ta lắm.

Một hôm, sau buổi cơm trưa, vua Mỹ Tuấn nhận thấy Bằng Tô không vui, vì một lát hăn ta lại thở dài một cái. Nhà vua hỏi:

- Khanh có chuyện gì buồn thế?

- Tâu bệ-hạ! Bệ-hạ thật là tài tình! Bệ-hạ biết được cả trong lòng hạ thần! Tâu bệ-hạ, tuy lâu nay bệ-hạ đối đãi với thần rất đại lượng, nhưng hôm nay hạ thần chẳng dám nhờ hồng ân nữa, cho nên hạ thần buồn lắm. Số là hồi sáng có một

chú Chệt vào trong thành, đem theo nhiều bảo vật mà hạ thần chả có đủ tiền để mua.

- Chỉ có thế thôi mà khanh cũng buồn! Nhà vua mỉm cười. Khanh bảo thằng Chệt ấy đến đây. Khanh muốn gì ta mua đấy và bao nhiêu tiền ta trả cho cả. Bàng Tô thích chí quá, cảm ơn rồi rút. Một võ quan đi tìm khắp thành phố dẫn chú Chệt vào.

Nhà vua bảo:

- Có cái gì trong tráp thì mở cả ra xem. Vừa hỏi vua vừa để ý nhận xét chú Chệt: thân mình hần cũng bé nhỏ, dễ thương, song đôi mắt rất tinh lanh; hần ăn mặc rách rưới, tiểu tụy.

Chú Chệt lạy xong, mở tráp ra. Nhà vua kêu lên:

- Trời ơi! Đẹp quá!

Thật vậy, trong tráp có rất nhiều đồ trang sức ngọc ngà, chạm trổ tuyệt đẹp, nhẫn ngọc kim cương lóng la lóng lánh.

Bàng Tô tâu vua:

- Tâu bệ-hạ! Như thế có đẹp không?

Nhà vua gật đầu:

- Đẹp lắm!

Chú Chệt nghe vua khen, mỉm cười và rút trong đáy ra một cái hộp nhỏ màu đen, dâng lên đức Vua:

- Tâu bệ hạ, hần vừa nói vừa cúi đầu thấp xuống để cho nhà vua khỏi thấy hần đang tái mặt - đây mới thật là của quý. Hạ thần mua được tận bên xứ Méch Di Cô kia ạ. Nó quý cho đến nỗi hạ thần dám chắc rằng tất cả các kho tàng trên thế giới hợp lại mà cũng không đáng giá bằng. Hạ thần đã mua nó bằng một giá đắt lắm và theo lời người bán, hạ thần chưa hề mở ra lần nào. Hạ thần chắc rằng trong này có một bảo vật quý giá có một không hai trên trái đất.

Nhà vua và Bằng Tô nghe nói cúi đầu vào xem. Trong hộp mở ra, chỉ có một ít hột đen đen rất mịn, trên mặt có một mảnh giấy rất mỏng gấp tư, trên mảnh giấy có những hàng chữ rất là kỳ quái.

- Lạ thật! Lạ thật! Nhà vua lăm bắm. Cái gì thế này? Chú Chệt run run:

- Hạ thần cũng không được rõ, chỉ biết là quý lắm mà thôi.

- Trẫm không biết đọc mấy chữ này, Bằng Tô, người có đọc được thì đọc cho trẫm nghe.

- Tâu bệ hạ, hạ-thần cũng chịu, chả hiểu được

chữ gì. Để hạ thần cho mời quan Thế Lâm vào, chắc ông ta đọc được.

Một lát, quan Thế Lâm vào. Nhà vua bảo:

- Này Thế Lâm, cầm lấy miếng giấy này, đọc đi. Đọc được, trăm sẽ ban thưởng cho. Nếu đọc không được thì giữ hồn, trăm cho hai chục hèo đấy.

Quan Thế Lâm run sợ, nhưng khi nhìn đến tờ giấy thì liền vui mừng:

- Tâu bệ hạ, đây là chữ La tinh đấy! Hạ thần xin đọc để bệ hạ nghe:

"Ai gặp bảo vật này là người sung sướng nhất đời. Phải cảm ơn Trời Phật ban phúc lành cho mới được. .

"Chỉ cần một dúm bột nho nhỏ này thôi mà cũng đủ sung sướng bằng ngàn kẻ sung sướng!

"Chỉ cần hít một chút xíu bột này vào trong mũi và đọc lên rằng: MUY TA BO" là có thể tự mình biến ra một loài vật theo như mình ước muốn và có thể nói, nghe được tiếng nói của loài vật ấy.

"Khi cần hiện lại nguyên hình mình, thì chỉ phải quay mặt về phương Tây nghiêng mình đọc ba lần: "MUY TA BO" thì tức khắc trở lại thân

người.

"Nhưng hãy cẩn thận; nếu trong khi biến thành loài vật mà cười lên một tiếng thì sẽ quên mất ba chữ thần bí ấy và không bao giờ hiện trở lại nguyên hình được, cứ thế mà sống mãi suốt đời."

Nhà vua nghe đọc xong, sung sướng quá:

- Này. Thế Lâm, trăm cấm người không được cho ai biết một tí gì về việc này. Nếu người nói lộ chuyện này ra, ta sẽ chém đầu người. Đi tìm quan giữ kho vào đây cho ta. Bảo nó nhét cho người hai bịch vàng đây.

Và quay lại Bằng Tô, nhà vua mỉm cười.

- Ta phải thí nghiệm mới được Khanh ạ.

Bằng Tô hấp tấp trả lời:

- Tâu bệ hạ, phải đấy. Chúng ta phải thí nghiệm ngay, Bệ hạ chỉ hóa thành loài vật một lát thôi, ai mà biết được!

- Ai mà hiểu được! Nhà vua nhún vai, Trăm cấm người khuyên. Theo ta mau. Chúng ta ra vườn thượng uyển chơi. Ở đây chắc có một vài loài vật.

Một giờ sau, nhà vua và Bằng Tô đã đi vào vườn không có tên lính nào hầu cả. Đức vua nhìn

quanh nhìn quát bảo Bằng Tô:

- Chả có thấy một con chim nào. Chúng ta phải đi đến chuồng ngựa hay sao?

Nhưng không. Nhà vua không cần ra chuồng ngựa. Bên kia, là một hồ sen, sen nở đầy hồ ngát hương. Ba con cò trắng đang chăm chú tìm mồi. Một con thứ tư uốn ngực bước một cách mạnh dạn trên hai cẳng dài lêu khêu, đi tìm ếch nhái.

- Ấy đấy! Tâu bệ hạ! Xem cách đi của tụi cò ấy và cái nhìn của chúng, chắc câu chuyện của chúng nó hẳn là vui lắm! Nhà vua vui vẻ:

- Hay lắm! Này Bằng Tô! Hay lắm! Ngươi thật là một kẻ hầu cận trung thành vậy. Biến thành hai con cò! Trời ơi! Vui biết bao nhiêu! Nhưng hãy nhớ Bằng Tô nhé, nhớ học thuộc cái phương pháp hiện lại nguyên hình chứ, nếu mà quên thì khôn đấy nhé.

- Cứ việc ngoảnh về phía Tây nghiêng mình đọc ba lần "MUY TA BO" là hiện nguyên hình được, tâu bệ hạ.

- Ngươi nói đúng lắm! Có khó gì mà không nhớ được! Đồ trẻ con đấy mà! Nhà vua Mỹ Tuấn rút trong túi ra cái hộp đầy bột, lấy một chút đưa cho Bằng Tô và lấy một chút cho mình, khi hít bột vào lỗ mũi, hai người đọc lên ba chữ mầu nhiệm.

Bỗng chốc, một sự thay đổi mau chóng và bất ngờ: Hai chân dài và hai cánh rộng. Có lông hăn hời đầy nhè - thay cho hai chân hai tay và mặt của hai người cứ dài lần ra cho đến khi trở thành hai cái mỏ thật dài. Nhà vua và Bàng Tô đã hoàn toàn biến thành cò trắng!

Đức vua vui sướng không xiết.

- Này Bàng Tô, người nhìn xem ta có đẹp không? Chà! Cái mỏ của người dài quá, dài như bộ râu của người hồi trước vậy.

Bàng Tô nghiêng mình, lấy mỏ rĩa lông.

- Thật bệ hạ có phúc tướng! Làm vua cũng thế mà làm cò cũng vậy, bao giờ đáng dấp của bệ hạ cũng uy nghiêm vô cùng. Hạ thân chắc rằng bây giờ mấy con cò kia chả thềm sợ chúng ta nữa, vì chúng ta đã là đồng loại của chúng rồi kia mà! Đức vua nóng nảy:

- Mau, chúng ta hãy đến gần chúng, vì trăm đang khao khát không biết rằng có thể nghe được tiếng nói của loài cò chẳng.

Đức vua Cò và đại-thần Cò chỉ cần bước vài bước trên cặp chân cao lêu khêu là tới gần được hồ sen. Lạ chưa! Tiếng nhấp nơi mỏ của lũ cò bỗng trở thành một tiếng nói mà hai vua tôi đều nghe rõ được, nhờ có lỗ tai cò.

Một con cò bảo:

- Này! Chị Dài Cẳng ạ! nước hồ hôm nay mới trong làm sao! Tụi cóc nhái cũng nhiều lạ! Này! Chị hãy ném một chút này, ngon lắm.

Chị Dài Cẳng là một chị còn trẻ măng, lông trắng như tuyết, nàng ta quệt mỡ hai bên cánh và đáp:

- Em chả cần ăn uống gì cả chị ạ. Em chỉ đến đây để tắm mát mà thôi. Má em bảo ngày mai có giỗ tổ, em phải sửa soạn sạch sẽ để mai khiêu vũ mừng quan khách đến chơi, chị ạ! Này chị! Em biết một điệu múa hay lắm, gọi là Vũ khúc Hoa sen. Này nhé! Em múa thử chị xem.

Nàng ta không nhéo nhảy múa. Lúc thì hụp xuống, lúc thì trôi lên, hai cánh vỗ có nhịp và uốn éo cái cổ dài một cách dễ cười, đến nỗi cả hai thấy trò nhà vua nhin cười không được, phá lên cười như vỡ.

Tiếng cười bất ngờ quá làm cho các chị cò ta hoảng hốt, thốt nhiên vỗ cánh bay mất.

- A! A! A! Nhà vua nhảy cộn lên vì sung sướng. Này Bằng Tô! Trẫm chưa hề thấy gì vui hơn thế! Tiếc quá, nếu chúng ta đừng cười lớn thì có lẽ bây giờ lại được nghe chúng nói chuyện thêm, vui biết bao nhiêu! Nhưng chàng cò Bằng Tô bỗng

hốt hoảng:

- Chết! Chết rồi! Tàu bệ hạ: Ngài có nhớ ba chữ nhiệm mầu ấy không? Ba chữ mà hễ khi nào muốn hiện lại nguyên hình là phải đọc ba lần ấy mà! Hạ thần ngẫm nghĩ mãi mà chẳng nhớ ra. Chết mất! Theo trong lời dặn thì trong khi biến hình, chả được cười lên một tiếng, nếu không sẽ quên mất ba chữ ấy! Tàu bệ hạ! Mà hạ thần đã... quên mất!

Đức vua run rẩy:

- Chết rồi! Trẫm cũng đã quên mất ba chữ ấy! Đây, khanh hãy nhớ lại xem. Muốn... muốn hiện lại nguyên hình thì phải xoay mặt về... về hướng tây nghiêng mình và đọc...

- Và đọc... đọc ba lần chứ... mui... ma... mơ, chứ mi... mô... mơ... Bằng Tô tìm kiếm một cách thất vọng.

- Mui... ma... mô... mi... mô

- Mơ... mi... mô... chết thật rồi bệ hạ! Hai người cố lục lọi hơn một giờ đồng hồ trong trí óc ba chữ cứu tinh kia, nhưng không tài nào nhớ được.

Cứ giờ này đến giờ khác, hai chú cò cứ ngoảnh mặt về phía mặt trời lặn, ngừng cố tìm tòi một cách thất vọng, cho đến khi kiệt sức, hai chàng

mỏi quá, nằm phịch xuống đất.

- Chúng ta chết mất!

Bằng Tô lắc đầu, rên rỉ và khóc.

Nhà vua bỗng trở nên mạnh dạn và làm chủ được mình:

- Im đi, Bằng Tô! Than van, khóc lóc là yếu hèn! Hãy chịu đựng sự hành phạt một cách can đảm. Chúng ta bị khổ thế này chán hẳn chúng ta đã gây nhân xấu từ lâu. Than khóc vô ích. Bây giờ chỉ có nước an vui với số phận. Ta là cò thế cũng còn sung sướng chán. Cò, với hai cánh rộng, ta có thể bay tự do trên trời xanh, trong khi bay, ta cũng có cảm tưởng như ta trị vì vậy!

Chúng ta hãy đi tìm chỗ nghỉ, vì trời đã sắp tối. Ngày mai, chúng ta bay liệng trên thành phố để xem tình trạng của dân chúng ra sao khi họ nghe tin ta mất tích.

Bằng Tô bước từng bước một, lặng lẽ theo sau đức Vua cò, thở dài não nuột. Đêm xuống lặng lẽ và buồn bã, buồn lặng với hai con cò.

Ngày mai, hai thấy trò bay liệng trên thành phố My Lăng và kêu lên những tiếng ai oán đau thương. Người qua đường nghe kêu, chỉ nhau và bảo:

- Đây, điểm dư đây, điểm không lành cho xứ sở đây.

Chiều đến, Vua Cò và Bàng Tô biết được rằng tin vua mất tích đã tràn xa khắp nước.

Đã nhiều phen, hai vua tôi bay đến đậu trên nóc hoàng cung, cố ý để làm cho các quan và dân chúng biết rằng "đây ta là vua các người". Song, ai mà có thể tin được lời chim? Chỉ có một cách duy nhất: làm thế nào nhớ ba chữ thân diệu để hiện lại nguyên hình.

Hai vua tôi nhà cò đói quá, mới tìm trái cây để ăn và vục mỏ xuống hồ nước để uống. Tối về ngủ trên cành cây. Họ chả dám ăn thân lươn, ăn ếch nhái, ăn sao được! - như lữ cò khác, lữ này ăn ếch nhái một cách ngon lành.

Hơn một tuần lễ, hai con cò sống một cách sâu thẳm như thế, thì một hôm, quang cảnh thành My-lăng bỗng rộn rịp khác thường. Đường sá đều được cấm cờ, các nghinh môn được dựng lên khắp nơi... Một đám rước vĩ đại diễn qua trong thành phố: quân lính gươm giáo đi hàng tư và trống kèn inh ỏi.

Giữa đám rước, một người trai trẻ ngồi trên lưng ngựa, chung quanh các võ quan hộ giá uy nghiêm nhiệt liệt.

Nhà vua Mỹ Tuấn uất người thét lên:

- Đây là con của kẻ thù ta! Đây chính là thằng Cách Nô đấy, con của thằng Mai Gia trước đây đem binh qua xâm lăng nước ta, bị ta đánh cho bại trận.

Chính nó đã thế sẽ trả thù ta. Nó đã lập mưu đánh lừa ta để qua chiếm đoạt ngôi ta! Quân tiểu nhân!

Nhà vua nức lên, uất ức.

Bằng Tô gật gù:

- Chính nó! Thằng Chệt, chính là một đứa của tụi nó trá hình đến lừa ta! Quân gớm thật.

Nhà vua buồn bã:

- Thôi, ta đi! Hỡi Bằng Tô! Xứ My-Lăng không còn là xứ của ta nữa, tụi nó đã chiếm mất rồi! Ta đi! Ta đi đến xứ Mếch Di Cô. Ta đi đến đó, họa may được đỡ khổ đôi phần. Có lẽ ta gặp được các ông phù thủy giải ách được cho ta.

Thế là hai thầy trò từ già thành My-Lăng, vỗ cánh bay về Mếch Di Cô. Họ bay chưa quen nên mới vài giờ đồng hồ mà hai cánh đã mỏi rã rời.

- Bệ-hạ cho hạ-thần nghỉ cánh chút đã. Bệ-hạ bay mau quá! Chiều cũng đã xuống. Vậy thì vua tôi ta hãy nghỉ lại đây đêm nay. Ta đi tìm một

chỗ trú ẩn.

- Phải. Trên đồi kia có một cái tháp cổ đã điêu tàn. Ta lên đậu trên đó ngủ cho qua đêm.

Hai vua tôi, bay lên tháp. Trong tháp, có một gian phòng âm thấp, tối tăm. Bỗng nhiên, Bằng Tô cản nhà vua lại:

- Bệ hạ có nghe gì chẳng? Bằng Tô nói nhỏ: Hình như có tiếng ai khóc nức nở.

Nhà vua chống tay lên nghe:

- Có tiếng ai khóc! Lạ thật! Ta vào xem.

- Bệ hạ đừng liêu lĩnh, tâu bệ hạ! Chỗ này chắc không yên, ta đi tìm chỗ khác trú ẩn vậy.

Nhưng nhà vua không nghe, tiến tới. Bằng Tô vội vã lấy mỏ kéo cánh nhà vua lại, nhưng nhà vua đã đi tới, vài cái lông dính nơi miệng Bằng Tô.

- Ái chà đau! Ngươi đừng nhổ lông ta chứ!

Bên trong tối mịt. Tiếng than khóc càng rõ rệt giống như tiếng người! Nhìn cho kỹ, vua chỉ thấy một con cú thật lớn ở bên trong mà thôi. Bạo dạn vua hỏi:

- Ai khóc ở trong ấy?

- Con cú bỗng nhiên giật mình đánh thót một

cái và khi trông thấy hai con cò, thì kêu lên:

- Hai con cò! Hai con cò! Trời ơi! Tôi được cứu thoát!

Vua cò ngạc nhiên vô cùng, bởi vì con cú nói giọng người, mà lại nói một cách rõ ràng.

Mỹ Tuấn hỏi:

- Sao ? Tại sao nhà người khóc, mà nhà người lại nói được tiếng người, hỡi con cú? Ta tin rằng người cũng đồng một số phận với chúng ta. Có phải người đã dại dột đến nỗi hình thành cú chăng, nói mau cho ta rõ.

Con cú chùi nước mắt bằng hai cánh màu sậm, cúi đầu chào và trả lời:

- Em chả biết ông là ai, ông Cò ạ, song nghe giọng nói của ông, em biết ông là một trong những kẻ đau khổ. Và người ta đã nói với em rằng một ngày kia nếu có hạnh phúc trở thành người lại thì hạnh phúc ấy cũng do nơi một ông cò đem đến. Bởi thế thấy hai ông, em thốt nhiên được vui mừng ngay.

Nhà vua thở dài, đau đớn:

- Trời hỡi, ta chả giúp gì được cho người đâu! Và khi người nghe ta kể chuyện chúng ta, người sẽ thấy rằng nỗi đau của chúng ta là một nỗi đau

khổ vô biên, đến nỗi chúng ta không còn gì tặng cho người hơn là một lòng thương hại.

Nhà vua bèn kể chuyện mình và Bằng Tô cho cú nghe.

Nghe xong con cú thở dài:

- Em thấy giữa số phận chúng ta có cái tương quan và giống nhau. Nếu như bệ-hạ là vua, thì em đây cũng là công-chúa Phương Châu, con gái độc nhất của vua Ấn Độ. Thăng Cách Nô mà nó ám hại bệ-hạ ấy, vốn nó đã đến hỏi em làm vợ. Nhưng phụ-hoàng em cho nó là đồ tồi tệ, bèn đuổi nó ra khỏi cửa. Bị nhục, nó tìm cách giả trang để vào làm tôi tớ trong cung và tìm cách đưa cái hộp ma quỷ ấy để lừa em. Thế là em bị mắc lừa, biến thành con cú và trong khi thị nữ đi tìm em khắp chốn, nó xách cổ em lên cái tháp này, tống em vào đây rồi bảo:

- Mi phải ở đây cho đến khi một kẻ nào đến đây và bằng lòng hỏi mi làm vợ. Chỉ có cách đó là mi có thể hiện lại nguyên hình. Nhưng tao thì tao dấu chừa cho ai biết có mi ở đây. Mi cứ ở đây cho đến trọn đời, già đi và chết đi như những con cú khác. Thế cho bỏ ghét thằng cha mi".

Nói xong, hân bỏ đi. Em ở đây chẳng đi đâu được, vì bị cột lồng chân. Đã hơn ba tháng nay,

em phải âm thầm sống ở đây, không có nhìn thấy trời đất. Ăn thì ăn dơi chuột, rêu đá. Và bộ-hạ ơi, số kiếp của em còn khổ sở hơn số kiếp của bộ hạ nhiều. Bộ-hạ còn có bạn, còn bay đi khắp chốn được, chứ em thì phải trọn đời ở nơi đây.

- Lạ thật, nhà vua lắm bầm. Số phận của chúng ta đồng nhau. Hẳn có liên quan gì đây.

- Chắc thế, tâu bộ-hạ. Em bị quả báo thế này, bởi vì trước kia em có hỗn với mẫu-hoàng em một lần. Em chắc thế. Còn bộ-hạ có lỗi gì đâu? Thế bây giờ bộ-hạ đi đâu?

- Chúng tôi đi Mếch Di Cô để cầu cứu.

Con cú lắc đầu, rồi bỗng nhiên hai mắt sáng rõ phi thường:

- Em tưởng rằng bộ-hạ và quan lớn chả phải đến Mếch Di Cô làm gì nữa. Em đã có cách để cứu được bộ-hạ và quan lớn và luôn dịp cứu được cả em nữa.

Nhà vua hấp tấp:

- Làm thế nào? Làm thế nào?

Bằng Tô cũng hấp tấp:

- Làm thế nào? Làm thế nào?

- Mỗi tháng bọn bộ hạ của Cách Nô đều nhóm

hộp gần ở đây, ở lâu đài bên kia đồi. Chúng nó tiệc tùng và kể chuyện vui chơi mà chúng đã làm trong một tháng. Có lẽ trong khi kể, chúng sẽ kể các chuyện bệ-hạ và chắc rằng chúng sẽ nhắc đến ba chữ thần bí kia mà bệ-hạ đã quên. Mà nếu như em còn nhớ, thì tối nay là tối chúng nhóm họp.

Vua Mỹ Tuấn vui mừng nhảy lên:

- Công-chúa! Công-chúa! Hay biết bao nhiêu! Nàng là kẻ cứu mạng chúng ta! mau mau, nàng hãy chỉ cho ta đường lối sang lâu đài. Bằng Tô, hãy mổ đứt sợi dây cột chân nàng cho ta. Công chúa, nàng hãy vui lòng chỉ đường cho ta với.

Hai chàng cò khản khoản . Nhưng công-chúa nghiêm nét mặt:

- Em cứu hai chàng, nhưng em phải ra một điều kiện. Nếu hai chàng tuân theo thì em mới đi.

Vua hấp tấp:

- Điều kiện gì ta cũng chịu cả. Nàng cần gì?

- Em muốn rằng bệ-hạ sẽ giúp em trở lại nguyên hình. Em thưa rằng chỉ khi nào có kẻ muốn nhận em làm vợ, em mới thoát khỏi cái lớp áo cú xấu xa này. Vậy thì, tâu bệ-hạ, nếu bệ-hạ hoặc là quan lớn hứa làm chồng em.

Nhà vua kéo Bằng Tô ra xa nói nhỏ:

- Này Bằng Tô, bây giờ chính là lúc người tỏ lòng trung thành với ta. Người sẽ cưới Công-chúa làm vợ.

Bằng Tô giấy nẩy và run lập cập:

- Tâu bệ-hạ! Bệ-hạ muốn cho khi thần về vợ hạ thần sẽ móc cặp mắt của hạ-thần đi hay sao. Nó dữ lắm. Nếu nó thấy hạ-thần đem Công-chúa về thì chết với nó. Bệ-hạ nên nhớ rằng thần đã có vợ con. Hơn nữa thần đã già. Bệ-hạ còn trẻ, chưa có vợ và đáng cưới Công-chúa hơn hạ-thần. Công chúa thì đẹp trẻ... mà hạ-thần thì già nua, râu dài chấm đất...

- Ai bảo người Công-chúa còn trẻ và đẹp đấy! Chưa chắc! Nhà vua buồn râu vuốt lông cánh, nghĩ ngợi mơ màng. Chả có gì chắc rằng nàng trẻ và đẹp! Chắc phen này thì mua mèo trong bị đấy!

- Tâu bệ-hạ, Bằng Tô đáp một cách lễ-độ nhưng cương quyết, hạ-thần chỉ có thể nói rằng: thà rằng chịu kiếp cò suốt đời còn hơn là rước vợ lẽ về để vợ hạ-thần nó hành hạ thần khổ lắm, nếu bệ-hạ biết được tính nết của con vợ hạ-thần...

Hai thầy trò còn cãi vã một hồi nữa và cuối cùng nhà vua phải đành lòng nhận chị cú làm vợ.

Nghe nói nhà vua thuận nhận, Công-chúa Phụng Châu rất vui mừng:

- Chúng ta sẽ được hiện nguyên hình không lâu. Chính hôm nay Cách Nô đãi tiệc. Giờ này chắc chúng đã bắt đầu nhập tiệc. Chúng ta hãy mau mau.

Nói xong nàng cú đi trước, bay nặng nề nhưng nhanh chóng. Hai chàng cò hấp tấp theo sau. Đến lâu đài, Công-chúa lấy mở mở một cánh cửa con để hai chàng cò có thể bay lên đậu và nhìn vào tận bên trong phòng tiệc.

Mỹ Tuấn và Bằng Tô nhẹ nhàng bay đậu lên cửa, chống tay chống mắt mà nhìn mà nghe.

Trong gian phòng, một quang cảnh tươi đẹp. Đèn nền sáng trưng, bàn ăn khói lên nghi ngút. Chung quanh bàn, bọn chúng nó đến hơn sáu chục đứa. Trong bọn, nhà vua cò thấy có cả tên Chệt hôm xưa.

Tên Chệt này đang kể chuyện Bằng Tô và Mỹ Tuấn.

- Chúng ta đến thật là vừa lúc, vua Mỹ Tuấn vừa nghĩ vừa rùng mình. Nếu chậm một chút thì còn gì là đời! Lạy Phật! Xin nhớ ơn Ngài! Và hai thấy trò lắng hết cả bốn tai.

Tiếng cười trong phòng dội ra khi nghe tiếng kể chuyện của thằng Chệt bắt đầu lên giọng khôi hài. Một đứa trong bọn hỏi:

- Hay quá! Hay quá! Thế anh làm thế nào vào cung được và mấy chữ ấy là chữ gì mà thần bí đến thế?

(Ngoài này nhà vua và Bằng Tô lắng yên không dám động một máy lông)

- Chữ gì ư? Một chữ la tinh khó nhớ lắm mà tụi chúng một khi quên đi thì không thể nhớ lại được. Ấy là chữ "MUY TA BO" ấy mà!

Nghe đến đây, hai chàng cò chả thèm nghe nữa, vội vã đáp xuống thật mau, đến nỗi con cú phải bay gấp lắm mới theo kịp.

- Công-chúa ạ, nhà vua mừng rỡ nói, may mắn quá. Vậy trước khi hiện lại nguyên hình, ta xin nhắc lại lời hứa: ta sẽ nhận Công-chúa làm vợ để trả cái ơn muôn kiếp không quên này!

Nói xong nhà vua quay mặt về hướng tây, nghiêng mình đọc ba lần "MUY TA BO".

Bằng Tô cũng bắt chước vua. Phút chốc hai người hiện lại nguyên hình. Mỹ Tuấn, một nhà vua đẹp trai và Bằng Tô một cận thần râu dài chí dất. Hai người nhìn nhau mừng rỡ và cảm động

quá, thấy trò ôm chằm lấy nhau khóc.

Khóc xong, nhà vua chợt nhớ đến chị cú. Nhưng, sung sướng biết bao! Khi quay lại nhìn, nhà vua chả thấy cú đâu mà chỉ thấy một nàng Công-chúa đẹp như tiên, một nàng Công-chúa đẹp nhất trên đời mà người ta không có thể tưởng tượng.

Nàng mặc xiêm y lộng lẫy và nụ cười trên môi nàng đối với nhà vua còn tươi hơn cả những đồ trang sức đẹp nhất của nàng.

Công-chúa Phương Châu quỳ xuống:

- Tâu bệ-hạ! Bệ-hạ có còn sợ mua mèò trong bị nữa chẳng?

Nhà vua xấu hổ vì hồi nãy đã nói hơi to để cho Công-chúa nghe được. Nhưng chàng sung sướng, đỡ Công-chúa dậy và hôn tay nàng:

- Nếu sau này nhắc đến một cảnh ngộ vui mừng nhất của đời trăm, trăm sẽ nói rằng đó là cảnh ngộ mà trăm bị biến thành kiếp cò trắng!

Không còn chậm trễ, vua và Công-chúa Phương Châu cùng Bàng Tô lên đường. Bán bớt một cái áo choàng, nhà vua mua ba con ngựa, sắm một đoàn tùy-tùng cho đáng vẻ vương-giả và cả ba lên ngựa về thành My Lăng.

Nhà vua được đón tiếp với tất cả những bông bột nồng nhiệt của dân chúng. Cách Nô tiếm vị đã tuyên truyền nhà vua chết, nay thấy nhà vua về, toàn dân đều vui mừng thiếu một đường điên đại lên.

Cách Nô bị bắt, kẻ tiếm vị bị xử án: một là tự tử, hai là phải chịu kiếp cò. Thế là Cách Nô phải hít một chút bột ma quỷ vào mũi và quay sang phía tây: "MUY TA BO!".

Hắn biến thành cò, sống trọn đời trong vườn thượng uyển giữ kiếp cò trắng. Nghiệp quả của hắn đã gây, bây giờ hắn ráng chịu không ai phàn nàn.

Nhà vua lại lên ngôi, nhân dân lại được thái bình. Quân chúng mở tiệc ăn mừng luôn trong bảy ngày. Vua truyền lệnh tha cho các tội nhân và làm lễ thành-hôn với Công-chúa Phương Châu.

Một hôm nhà vua nhớ lại chuyện cũ, cười bảo Bằng Tô:

- Khanh có nhớ không, nhớ đến kiếp cò của chúng ta không? Trẫm không nhìn được cười khi thấy khanh ngẩn cổ về phía tây lấp bắp: "Muy ma...no... mô...". Trông dáng điệu của khanh lúc bấy giờ thật là thiếu não lăm! Bằng Tô cười nhẹ, ghé tai nhà vua nói nhỏ:

- Bệ-hạ đừng nhạo hạ thần quá, nếu không, hạ thần sẽ nói toạc câu chuyện tranh luận giữa hạ thần và bệ-hạ ở trên tòa tháp hôm nọ... Hoàng hậu mà biết bệ-hạ ấy Hoàng-hậu về phía hạ thần vừa xấu, vừa già, vừa dài râu, thì Hoàng-hậu sẽ buồn bệ-hạ lắm đấy.

Nhà vua vội vã:

- Ấy, ấy đừng nói nhé, khanh nhé. Ta nói chuyện khác chơi vậy...

Nàng Ưu Đà Di

Được tin Hoàng-tử cùng vợ đi săn, dân thành Ca Tỳ La Vệ lo sửa soạn những cây cảnh trước nhà, họ xây những chậu hoa nào có màu tươi đẹp nhất quay mặt ra phía ngoài đường để đón chào vị Thái-tử. Người ta chờ đợi nhìn khuôn mặt hiền từ với đôi lông mày dài và mềm lượn trên đôi mắt xanh như dòng nước biếc của sông Hằng, dáng điệu dong dạc và thân hình nở nang của vị thiếu niên lúc nào cũng dẫn đầu một bọn lính kỵ vai đeo binh khí sáng chói, hùng hổ trên những con ngựa mập mập. Ngày nào Thái-tử dạo chơi thì đêm đó những tiếng đàn của các thiếu nữ trong thành vang lên, vừa quẩn quít, vừa náo nùng, khiến cho những hoa xung quanh vườn hình như say nhạc mà quên mất hương của mình bay tận đâu đâu và những kẻ lảng giềng cũng ngẩn ngơ bỏ dở việc làm ngồi thừ như pho tượng.

Người ta uống công chờ đợi chiều hôm ấy. Các hoa đẹp chỉ khoe sắc với khách qua đường. Ở phía cửa thành Thái-tử đã bỏ dỡ cuộc đi săn. Thái-tử Thích Ca thấy cảnh trái ngược giữa thân thể mạnh khỏe của mình như một cái cây đang lớn, với một hình vóc xấu xí của ông già kia như que củi khô: râu tóc bạc phơ bồm ra như lông lá của một con vật, thân ông cong quắp, tay với sát đất như chực bò.

- Có như vậy được chăng? Một người tráng kiện như ta bây giờ một ngày kia cũng thế?

Thái-tử tự bảo rồi quay ngựa trở về.

Tối hôm ấy ánh trăng vắng vặc trên lầu đài nhà vua. Hoa kỳ cỏ lạ trong hoa viên sáng lên như ngọc. Vua Tịnh Phạn đã được thị vệ cho hay, Thái-tử bỏ dỡ cuộc dạo chơi vì gặp một cụ già. Vua bèn mở ngay cuộc khiêu vũ dưới muôn ngọn đèn hoa để làm khuấy Thái-tử. Nhưng Thái-tử Thích Ca vẫn không quên được ông già và màu râu tóc bạc hình như lại hiện về trên các khuôn cây ở hoa viên dưới ánh trăng bàng bạc.

Vua lo sợ săn sóc đến Thái-tử như vậy, vì chỉ có một mình Thái-tử là người kế vị. Thái-tử là một thiếu niên anh tuấn mới 19 tuổi người đã thông thuộc cả các nghề. Nào thiên văn, địa lý, nghị luận, thi phú, văn chương, âm nhạc, hội họa,

bói toán, phù chú, võ nghệ, trong nghề nào Thái-tử cũng là người xuất chúng. Không những vì thế mà vua yêu quý, vua yêu quý Thái-tử vì Thái-tử là kết quả của cuộc nhơn duyên đậm thâm giữa vua và hoàng-hậu Ma Ha Ma Da. Thái-tử là một mối tình thiêng liêng của Hoàng-hậu để lại cho vua ở thế giới này.

19 năm về trước, một đêm nằm mộng, Hoàng-hậu thấy mình lạc vào khu rừng hoang vu. Một con voi trắng sáu ngà đến ve vuốt bà mãi. Một hôm biết mình thụ thai, Hoàng-hậu mới đem chuyện ấy nói cho vua nghe. Vua đoán là một điềm mộng tốt và rất vui mừng vì vua đã 50 tuổi rồi và Hoàng-hậu cũng xấp xỉ tuổi vua, nếu may ra, Hoàng-hậu sanh được hoàng nam, vua sẽ có người kế vị.

Theo tục Ấn Độ phải về nhà cha mẹ mà đẻ. Một ngày ở vườn Lâm Tỳ Ni nước Câu Ly quê hương của Hoàng hậu Ma Ha Ma Da, chim kêu không ngớt tiếng, mặt trời lên cao chói sáng hơn cả mọi ngày. Đêm ấy các khóm hoa đều tỏa hương thơm ngào ngạt. Hoàng-hậu Ma Da ra dạo ở vườn hoa của vua Thiện Giác (anh bà), thơ thần nhìn trăng bà nguyện cầu: "Hỡi những đấng thiêng liêng hãy phù hộ cho con tôi sau này trong sáng như mặt trăng kia, trí-tuệ của nó sẽ rộng rãi bao

trùng cả thế giới như ánh sáng mặt trăng".

Sao dần dần thưa, trên bầu trời đen thẫm. Rạng đông bùng sáng một phía vườn. Hoàng-hậu bỗng thấy đau bụng, bà tựa vào một cây Vô-ưu.

Mặt trời vừa lên tỏa ánh sáng vàng ửng khắp vườn Lâm Tỳ Ni, một trẻ lọt lòng xinh đẹp và toàn vẹn hơn cả những châu ngọc ở cõi trần. Trẻ ấy là Thái-tử Thích Ca.

Từ hôm Thái-tử bỏ dỡ cuộc đi chơi về, nét trầm ngâm vẫn thoáng trên gương mặt sáng lạng tinh anh... Muốn giải sầu cho Thái-tử, ngày nào vua cũng đặt ra những cuộc chơi trong cung điện. Các bọn ca nhi vũ nữ cùng các đào hát thấy đàn tha hồ được dịp trở tài. Vua lại còn ra "chỉ" xem ai có vật lạ nghề hay đem vào cung để làm vui Thái-tử đều được thưởng.

Người ta đem đến những thứ hoa quỳnh to bằng cái đĩa lớn, những hoa lài cánh to bằng cái hồng, những hoa sen vàng nở lá bốn mùa, những cây chuối trăm buồng, những giống quái vật ở núi ở biển, những san hô, ngọc, cùng các thứ chạm trở khéo léo. Trong các thứ ấy có con ngựa làm cho Thái-tử chú ý đến. Con ngựa vừa đẹp vừa khôn ngoan. Minh mấy đều đặn, bốn chân thon thon, nó đứng bên cạnh những con ngựa to lớn nhất trong cung, thì những con này cũng

thành tháp bé, những hình hài của nó làm sao sánh nổi với màu sắc của nó, trông đen trong mắt nó có một sắc đen lánh như hột huyền, móng chân của nó đi vào trong tối thì sáng lên như sừng tê giác, lông nó mượt và trắng như tuyết trên núi Hy Mã Lạp Sơn, bờm của nó óng ánh như tơ vàng mềm mại và ở quanh cổ nó có những vân màu ngũ sắc dọn lên như một cầu vồng. Chưa hết đâu, người ta lại khéo đeo hai chân trước nó hai cái lục lạc âm dương, lúc ngựa chạy tiếng nhạc hòa lên một điệu xao xuyến và huyền bí như tiếng suối chảy trong đêm khuya, giọng chim riu rít trong rừng xa. Có lẽ từ hôm được con ngựa ấy, Thái-tử cũng khuấy được nỗi buồn. Nhưng đêm đến, vua còn sợ không có gì để giải trí cho Thái-tử, nên bày ra không ngớt những cuộc vui. Đêm hôm ấy cũng như mọi hôm, trong cung đều có múa hát trà tiệc, dưới ánh những cây nến có ngọn lửa to như bó đuốc, các vàng bạc ngà ngọc khảm trên các cây cột, trên trần nhà, trên các áo mào của người trong tiệc đều phản chiếu lên muôn ngàn màu sắc lạ. Hương trầm ở bốn phía tỏa ra ngào ngạt và rượu trong những cốc thủy tinh đủ màu như muôn hoa ở một vườn xuân, các vũ nữ đều thi tài múa hát, thân hình uyển chuyển theo âm nhạc như những ngọn sóng, mặt mày tươi như những hoa sen một buổi sớm

mùa hạ. Điều múa rất tự nhiên. Chân tay họ như làm bằng một thứ sáp, thứ bột gì rất dẻo tha hồ để cho một bàn tay vô hình uốn nắn. Một người chưa thấy cảnh ấy, nếu lạc vào đây e tưởng mình đã lên tiên. Nhưng những cảnh đẹp ấy đối với cặp mắt Thái-tử đã quen lắm rồi. Đêm ấy người ta mời một người con gái vừa tài vừa sắc đến giúp cuộc vui.

Các vũ nữ vừa kéo vào, một tiểu thư quần áo trắng bước đến, nét mặt của nàng một cách ngây thơ và hồn nhiên. Trên tay nàng cầm một cây đàn chín dây, nàng cúi chào rồi quỳ xuống giữa chiếc thảm xanh như một đóa hoa mọc giữa một vùng lá biếc.

Người ta không rõ nàng đàn bản gì. Toàn xứ Ca Tỳ La Vệ chưa ai được nghe. Người nghe bản đàn ấy dầu có một mối sầu khó giải trong lòng cũng có thể nguôi được, dầu có tánh giận dữ đến đâu cũng thấy trở lại ôn hòa. Một bản đàn khiến cho người ta thấy sống ở cõi trần này là một cõi êm ái. Cứ mỗi lần nàng nghỉ tay, người nghe lại không biết từ đâu có tiếng chim rất trong nổi lên để tiếp theo. Nàng đã khéo luyện tập được một con chim khôn ngoan và bắt nó đậu trên cây đàn. Người ta tưởng con chim ấy hòa một bộ phận của một cây đàn, không ai ngờ những tiếng chim bay

ra lại là của con vật xinh xinh kia. Đàn xong, nàng cất tiếng hát. Chao ôi! tiếng hát lại trong bằng mấy tiếng đàn, khi lên khi xuống như hện hò trước với điệu ao ước riêng của từng người. Trước khuôn mặt ngây thơ của người hát và giọng ngân trong trẻo, lòng ghen tuông của các cung tần không thể có nữa.

Nàng dứt tiếng hát, Thái-tử thấy khoan khoái, các người trong tiệc như ngây như dại, từ nãy đến giờ nín hơi để nghe, bây giờ mới dám thở ra. Thái-tử quay lại mỉm cười, một người thị vệ đã nhanh nhẩu tâu: "Tâu Thái-tử! Nàng Ưu Đà Di, dòng dõi Bà La Môn".

Như có mặt trời trên mình ngựa, Thái-tử vui vẻ hầu như xóa được nỗi buồn xưa. Thị vệ được vui lây nên có người dám vui đùa như những lúc Thái-tử không có gì phiền não. Thái-tử đối với người hầu tử tế như anh em. Một người thị-vệ thưa Thái-tử:

- Thái-tử có nhớ cái nhà trồng rất nhiều hoa ở phía nam hoàng thành?"

- Nhà ấy có gì lạ, người sẽ bảo ta nghe!

- Bẩm Thái-tử! Ở đó có những tiếng nhạc, mà không có ai xú này được nghe, họa may có một mình tôi.

Thái tử mỉm cười nhớ lại cái đêm nghe đàn trong cung.

- Hay hơn tiếng nhạc của Ưu Đà Di chăng? Thế thì người hãy dẫn ta đi đến đó.

- Bẩm Thái-tử chính là Ưu Đà Di.

- Sao người bảo chưa ai được nghe?

- Bẩm Thái-tử một đêm rất khuya, một đêm mà kinh thành Ca Tỳ La Vệ đều say trong giấc ngủ, hôm ấy tôi được nghỉ, phóng ngựa về thăm nhà. Lúc qua đây tình cờ nghe được tiếng đàn thanh thoát ở ngôi nhà kia đưa ra. Tôi dừng ngựa ngo ngáy quên mất việc về thăm nhà. Bẩm Thái-tử, tôi đã nghe một khúc hát kỳ lạ hơn khúc hát ở trong cung hôm trước.

- Thế thì ta rẽ lối này.

Thái-tử Thích Ca vừa nói vừa rẽ ngựa sang tay trái, các thị-vệ đều mỉm cười sung sướng bước theo người.

Vó ngựa rầm rộ trên đường sỏi, gió thổi cái bom óng ánh tơ vàng của con ngựa đi qua lớp áo nhung trắng cái khuy đồ của Thái-tử. Cái khăn trắng lớn trùm ngang trán để lộ ngọc bào, một nốt thịt nổi cao giữa hai hàng lông mày và phủ ngoài mó tóc đen như mun, sợi tóc nào cũng uốn

tròn về phía hữu.

Dưới màu trời xanh thẫm, ở trước mặt Thái-tử xa xa một thành phố hiện lên trong quang đăng. Thái-tử, trong một phút, đã nghĩ đến những nóc nhà kia là của thần dân dưới quyền vua cha. Mà trong đám nhà ấy, lại có ngôi nhà của người con gái tài hoa. Thái-tử lại hình dung người đánh đàn hôm trước.

Vừa lúc ấy có những tiếng rên khừ khừ bên đường lọt vào tai Thái-tử. Thái-tử quay lại hỏi thị vệ:

- Hình như có người rên, các người hãy lắng tay nghe có phải chăng?

Các thị-vệ lắng tay nghe rồi đồng thanh trả lời:

- Bẩm Thái-tử quả có.

Tiếng rên rõ lắm ở trong một bụi cây bên đường. Bên bụi cây, một người đen đui gầy dẹt, đầu đã rụng tóc, da đầu lòi ra như sọ dừa, khắp thân mình đều lở loét ghê sợ, cả thân hình bệnh nhân xông lên một mùi rất hôi hám khiến cho người xem không dám đến gần. Tên ấy là một tên hủi thuộc về phái Ba Li A, là một phái hạ cấp ở Ấn Độ bị khách qua đường đá vùi xuống đất như một con vật, vì không ai muốn gần một

người bệnh ở một giai cấp mà người ta cho là hèn mạt. Nghe tiếng có người đến gần, nó vẫn đưa hai tay cụt bàn như hai cái cẳng lên trời và đôi mắt nó gấn như mắt hết tròng đen cũng cố mở để nhìn lên cao. Như tưởng nó không còn tin rằng những người đồng loại của nó còn thương xót nó. Trước cảnh ấy Thái-tử buột miệng than:

- Còn cách gì chữa được nữa chẳng?

Một người theo hầu tiếp trả lời:

- Bẩm như đến bệnh hủi ghê gớm kia thì không còn phương thuốc gì chữa được.

Thái-tử Thích Ca cởi áo mình - cái áo nhung trắng có cúc đỏ và chỉ vàng thêu ở trước ngực - đắp cho kẻ kia rồi cùng thị-vệ quay về.

Trên đường về, đôi mắt Thái-tử Thích Ca trở nên buồn bã, lúc nào trên gương mặt cũng tỏ dáng đăm chiêu suy nghĩ. Vua tìm hết cách để làm cho Thái-tử vui mà cũng không có hiệu quả gì. Tình cờ một hôm vua chợt nhớ đến người con gái đánh đàn. Vua ngẫm nghĩ, có lẽ Thái-tử buồn bực vì cảnh cung cấm có vẻ tiêu tụy, cung tần mỹ nữ không biết điểm trang, không có tài ăn nói để giải buồn Thái-tử, họa may còn có con bé này; hôm trước ta nghe những khúc hát của nó cũng phải mê mẩn tâm thần, thấy mình quên hết

những phiền muộn của đời. Ừ mà phải, nó là dòng dõi Bà La Môn, tài gì mà không có sức học uyên thâm, giới hạnh nghiêm chỉnh. Ta sẽ nhờ nó xem sao.

Nghĩ như vậy bèn sai người mời Ưu Đà Di vào cung, nâng khiêm tôn tâu rằng:

- Tâu Hoàng-thượng, ân đức Hoàng-thượng hầu khắp cả thần dân trong nước, ai ai lại không truyền tụng, tới như hạt bụi dưới ánh mặt trời, như bọt nước trong bể cả. Bấy lâu chỉ biết tận hưởng những ân huệ cao siêu của Ngài, bây giờ Ngài ủy thác cho công việc theo hầu Thái-tử tôi rất lấy làm vui, nhưng cũng lấy làm sợ.

- Nàng Ưu Đà Di, tài đức của nàng sắc đẹp của nàng ở đây ai lại không biết, hãy nhân dịp này để tỏ lòng trung thành của nàng.

Hôm ấy vua đến khuyên Thái-tử:

"Đã biết bao lần ta phải nhắc lại rằng ta chỉ còn một mình con ở trên đời này là ta quý mà thôi. Đã biết bao lần con làm ta phải âu sầu nhớ đến mẹ con chăng? Ôi! nếu con biết những sự mong mỏi của mẹ con lúc tuổi tác mà vẫn chưa thai nghén, nếu con biết những lúc mẹ con cùng ta sung sướng với giấc mộng kỳ lạ của mẹ con. Ôi! Nếu con biết những nỗi hân hoan của mẹ con

lúc mang con trong lòng cầu nguyện cho con sau này được hơn người. Cứ mỗi lần con không vui ta bùi ngùi tưởng nhớ đến mẹ con và tiếc rằng không còn mẹ con ở đây để dỗ dành con hộ ta".

- Thừa cha, con đã là đứa con bất hiếu, con xin từ nay yên vui để cha bằng lòng, để linh hồn mẹ con được nhẹ nhàng trên chín tầng trời thăm. Mẹ con bây giờ còn làm sao gặp được con nữa, mà con cũng vậy, hình ảnh mẹ con còn có tìm đâu được ở trần giới này.

Như biết được Thái-tử Thích Ca sắp rơi vào bẫy của mình, vua vẫn ôn tồn không lộ vẻ sung sướng của mình.

- Lời con nói nhắc ta nhớ đến một việc mà ta quên hẳn đi.

- Thừa cha nhớ lại việc gì?

- Còn một người sống ở thành này rất giống mẹ con ngày xưa.

- Thừa cha người ấy là ai con muốn tìm cho gặp.

- Phải, ý nghĩ của con rất hay, vì tội nghiệp cho con, con vừa ra đời được bảy hôm thì mẹ con vội từ giả vườn Lâm Tỳ Ni, người con muốn chẳng ai xa lạ, chính là nàng Ưu Đà Di, người

đánh đàn hôm trước.

Tối đó ở hoa viên, Ưu Đà Di ngồi trên một ghế da trước mặt Vua và Thái-tử. Trăng Ấn Độ tỏa một thứ ánh sáng huyền ảo trên thành quách, những cây trúc cao vút như muốn níu theo điệu nhạc do chính dây tơ dưới mười ngón tay tài tử đưa ra bên cạnh, những khóm lài đầy trĩu những hoa có hương ngào ngạt khiến cho những người hầu đứng bên dẫu có chất phát cho mấy cũng trở nên mơ mộng như nhà thi sĩ.

Hôm sau vua ban cho cha mẹ Ưu Đà Di vàng ngọc châu báu để rước nàng vào cung. Tuy được trọng thưởng nhưng ông cụ bà cụ không khỏi buồn vì xa con.

- "Vàng ngọc châu báu có quý đâu bằng tình mẹ con. Xa con mẹ lấy làm đau đớn lắm. Con hãy còn nhỏ, rồi đây ai săn sóc con. Tuy vậy lệnh nhà vua không ai dám trái. Mẹ cầu nguyện cho Vua và Thái-tử sẽ yêu mến con như thấy mẹ đối với con vậy".

Ưu Đà Di an ủi mẹ:

- "Con đã lớn rồi mẹ ạ! Lẽ đâu con phải bắt mẹ lo lắng vì con. Hoàng-tử người rất hiền lành, như mẹ đã thấy những khi ngài dạo trước cửa nhà ta. Con sẽ cố làm cho ngài vui, thế nào ngài cũng

chiều con như mẹ vậy". Ông cụ ít bịn rịn hơn, khuyên con:

- "Con đã 15 tuổi rồi đó, gắng mà giữ gìn tâm tính. Con phải luôn luôn khiêm tốn nét na như những ngày sống gần thấy mẹ vậy, vì chức vị của cái để làm hư tâm tánh con người lắm đó. Thôi con cứ vui đi, thấy mẹ cũng mừng cho con".

Ưu Đà Di cúi đầu vâng lời cha mẹ, rồi nàng chạy tìm em, một cậu bé đang loay hoay dán một con diều nhỏ.

- Em ở lại vui vẻ nhỉ! Đừng làm phiền cha mẹ, rồi lúc nào chị sẽ đem quà bánh về cho em. Em sẽ thay chị cho các con vật mình nuôi ăn uống. Luôn luôn săn sóc chứ đừng đánh đập nó.

Nói đoạn nàng kéo tay em ra vườn để thăm lại những cảnh vật thân yêu. Cây khế mà dưới gốc nàng đã bao lần ngồi hát, ngồi đàn cho cả nhà nghe.

- Nàng đi còn có ai mà hát dưới đêm trăng nữa?

Cây huệ than:

- Ai vuốt ve tôi? Tôi nở hoa cho ai?

Hoa hồng nũng nịu:

- Tôi lấy tóc ai mà búi nữa?

Uu Đà Di trả lời:

- Các bạn ơi, thấy mẹ tôi và em tôi lại săn sóc hơn tôi nữa kia.

Đàn ngỗng lúc bấy giờ ở dưới nước lại kéo lên:

- Rồi đây ai chìa tay cho chúng tôi摸摸?

- Em tôi sẽ đưa bàn tay xinh xắn hơn tôi cho các người.

Nước trong hồ cũng phụng phịu:

- Chiều chiều ai soi bóng trong lòng tôi nữa?

- Còn có em tôi soi bóng trong lòng của người, em tôi còn ngoan ngoãn hơn tôi, đẹp đẽ hơn tôi.

Bồ câu và các thứ chim trong vườn cũng bay đến

- Nàng đi thật đấy à? Vâng nàng chúng tôi hát cho ai nghe đây và ai hát cùng chúng tôi?

- Có thấy mẹ tôi và em tôi nghe những điệu thánh thót của các người, giọng em tôi còn tốt hơn giọng tôi, sẽ hòa cùng các người.

Con chó lúc bấy giờ cũng chạy quẩn quít bên chân nàng:

- Nàng đi, ai vuốt ve tôi và dắt tôi đi dạo?

- Em tôi sẽ vui đùa với người.

Lúc ấy con chim nhỏ của nàng nuôi ở đâu cũng bay đến:

- Tôi nhất định theo nàng.

Em sẽ theo ta và đậu trên cây đàn của ta.

Lúc cha mẹ và em đưa ra đến cửa, nàng như nhớ việc gì, quay lại bảo em:

- Em có nhớ những nhà tu hành ngày ngày đến xin ăn trước cửa, em sẽ kính cẩn đem các thức ăn ra biếu lấy em ạ.

Ở cửa xe ngựa đã sẵn sàng để đón nàng vào cung điện. Những người theo hầu nghiêng mình chào đón.

Về cung, Ưu Đà Di tìm hết cách để làm cho Thái-tử vui. Trước vẻ hồn nhiên của người con gái ấy, Thái-tử không thể buồn được nữa. Ngày nào Thái-tử cũng cùng với nàng cỡi ngựa đi dạo trong khu vườn rộng thênh thang. Bên cạnh những đóa hoa tươi sắc, những lá biếc xum xuê biết hót bằng tiếng chim. Vợ Thái-tử là bà Da Du Đà La rất yêu mến nàng vì nhờ nàng bày vẽ những điệu hát những bài đàn cho con bà. Ưu Đà Di lấy những lời rất dịu dàng để khuyên bảo như chị với em. Đối với những người hầu hạ lúc nào nàng cũng tỏ ra là một người vừa nhún nhường vừa khoan dung. Nàng lại đem lòng yêu mến tất cả

những người xung quanh nàng. Nàng lại biết tự tay đi hái những lá thuốc để chữa bệnh cho những người ở bên nàng trong cơn nguy hiểm.

Nhưng ở đời hề được nhiều người mến chuộng thì lại làm tăng phần căm tức ghen tuông của những đứa tiểu nhân. Cũng may ở trong cung chỉ có một người ngầm ghét Uu Đà Di mà thôi, người đó là một cung tần tên là Sai A.

Một bữa Uu Đà Di vào phòng mình thấy quần áo treo trên móc đều bị con gù nhấm thủng cả, mà căn phòng cao ráo ấy làm gì có dán hay chuột. Hôm khác nàng thấy cây đàn tự nhiên đứt mất mấy dây, nàng phải nhọc công một buổi để buộc dây cho đúng điệu. Có hôm nàng sẵn sóc chậu hoa quý định đem bày ở phòng sách của Thái-tử. Buổi sáng hoa ở chậu vừa nụ xinh tươi, thế mà chiều đến nàng phải khóc, vì không thấy hoa ở trên cành nữa. Uu Đà Di đoán có ai ngầm hại mình, nhưng nghĩ mãi cũng chẳng biết là ai, vì trong cung mọi người đối với nàng đều tử tế cả. Nhưng trong khi nàng không biết ai ngầm hại mình, Sai A lại càng nghĩ ngợi những mưu kế ghê gớm để ngầm hại. Nhưng hắn không ngờ làm một việc dữ chưa chắc hại nổi ai mà mình lại bị điều dữ đến cho mình.

Một tối hắn biết thế nào Uu Đà Di cũng ngủ

rất say vì nàng phải đàn khuya, hẳn khuyên một đứa tớ rất trung thành của hắn lén vào phòng của Ưu Đà Di theo lời dặn của hắn.

Ưu Đà Di thêm thiếp ngủ trên chiếc nệm trắng tinh, đôi tay nhỏ nhỏ của nàng trong giấc ngủ vẫn không rời cây đàn chín dây. Con chim xinh xinh đang đậu ở đầu giường. Cái dáng điệu ngủ đáng yêu và vô tội ấy, ai nữ đứng trước mà nghĩ đến những chuyện giết hại được.

Lúc ấy con hầu của người cung tần vừa đến bên người lính canh ở trước phòng của Ưu Đà Di. Nó toan lấy thuốc mê ra bỏ theo lời dặn của Sai A nhưng nó lại ngấm nghĩ: anh này say ngủ như chết, có bỏ cũng phí, để lát nữa ta bỏ cho cô bé này cho nhiều, càng nhiều càng mê lâu ta càng dễ hành động.

Nó mỉm cười, mắt cả lo lắng từ trước, bước sang người anh lính hầu ngủ lẩn trên đất. Nó mở cửa lén vào phòng Ưu Đà Di, con chim thấy động kêu riu rít và đến mổ tay người con gái đang ngủ. Nhưng vì nhọc Ưu Đà Di say mê như không biết gì. Con hầu của Sai A tức khắc rút một ít thuốc rảy trên mắt nàng và đưa tay xua đuổi con chim. Chim sợ sệt bay lên ở một góc phòng, nhưng nó vẫn kêu riu rít. Con thị tỷ lại rút trong túi ra một cái hộp con. Nhưng tay nó dừng phắt lại. Trước

khôn mặt hiền từ đang nằm ngủ say, nó cảm thấy như đứng trước một vật gì trong sạch, rất quý báu, nó muốn ôm chầm lấy để thu tất cả mọi tội lỗi. Nó quay đi không nỡ làm hại con người đang ngủ ấy nữa. Ngực nàng Ưu Đà Di nhẹ nhẹ lên xuống hình như nàng ngủ một giấc vô cùng êm ái. Nhưng con thị tỳ quay lại sức nhớ phần thưởng của Sai A hứa cho nó. Đồng tiền bao giờ cũng có một sức mạnh xúi giục người ta dễ làm bậy. Phần vì ham tiền thưởng, phần vì sợ nếu không được việc sẽ bị chủ hành hạ, con thị tỳ mồm miệng quay vào. Nó quả quyết rút cái hộp ra. Nếu nó lạnh tay một tý thì người con gái hiền hậu kia không còn ở trên đời này nữa, nhưng tay nó run lật bật, một con rít trong hộp đáng lẽ rơi trên mình Ưu Đà Di, lại cứ bấu lấy hộp rồi bỏ thẳng theo lên tay nó, nó khiếp sợ quá hét lên, lúc ấy tên lính hầu vừa tỉnh giấc và con hầu của Ưu Đà Di ở phòng bên cạnh nghe tiếng rú chạy vào. Con nữ tỳ của Sai A không tài nào thoát khỏi. Trong lúc kinh khủng nó thú cả tội lỗi. Không mấy chốc nó bị điệu cổ vào nhà giam xét hỏi và những viên lương y đã đến giải thuốc mê cho Ưu Đà Di. Cơ mưu của Sai A bị tiết lộ. Vua tức giận lắm định đem giết kẻ làm việc ác đức ấy đi cùng với tên thị tỳ đã giúp việc cho hắn. Ưu Đà Di được tin ấy động lòng thương hại xin cho

những kẻ kia được nhẹ tội. Cảm lòng nhân đức của nàng tuy phải tù tội, nhưng tránh được cái chết, lấy làm ăn năn tội ác của mình, từ ấy thế sẽ chữa lại tâm tánh. Còn những kẻ ở trong cung càng yêu mến người con gái nhân đức kia.

Hết cái nạn ấy, Ưu Đà Di được sống vui vẻ bên cạnh Thái-tử. Thường hai người cùng đánh cờ, cùng đọc sách, cùng hòa đàn. Thật là đôi thiếu niên sung sướng trong đời này vậy. Tuy thế có những việc xảy đến mà không bao giờ người ta ngờ có được, hôm ấy đoàn ngựa của nhà vua lại ung dung kéo ra cửa thành phía đông. Mặt trời quang đấng trên con đường phẳng, đoàn ngựa chạy dưới bóng hai hàng cây kè kè lá xòe ra như những cái quạt lớn. Qua những cây ấy, Thái-tử nhìn thấy những người cày ruộng mình trấn trụi trụi cùng với những con trâu hì hục cày bừa trên những thửa ruộng lấy lợi. Một luồng gió mát thổi qua, Thái-tử bất giác nghĩ đến cái khoái trá trên mình ngựa dưới bóng cây râm mát và cái cảnh lam lũ của những người làm ruộng kia dưới ánh nắng mặt trời gay gắt. Cảnh tượng ấy, Thái-tử đã gặp từ năm còn nhỏ trong một cuộc dạo chơi với vua cha. Thì ra lòng thương xót của người không theo thời gian mà thay đổi. Cảnh tượng ấy vừa qua, đi được một lát, đoàn ngựa gặp phải một vật gì lù lù nằm choáng cả lối đi. Một tên thị vệ tâu:

- Bẩm Thái-tử cho tôi đến trước xem vật gì nằm choáng ngang đường. Nói đoạn, hân phi ngựa chạy đến trước. Lúc Thái-tử cùng bọn hầu đến gần thì thấy người thị vệ đã xuống ngựa hất cái vật kia qua một bên đường, vật ấy cứng dờ như một khúc gỗ.

Bẩm Thái-tử, thấy một kẻ chết, nó vừa nói vừa vọt lên ngựa định theo Thái-tử nối tiếp cuộc đi chơi, nhưng Thái-tử gờ cương lại nhìn cái xác chết mà ruỗi nặng đương tha hồ đục khoét. Thái tử thấy lòng se lại, ngồi nghĩ đến đời sống của con người thật là khổ: suốt đời chỉ thấy lo lắng băng khuâng, bệnh hoạn, già nua, chết chóc. Nghĩ vậy, Thái-tử không thiết đến cuộc đi chơi nữa. Những thị vệ trông thấy Thái-tử trở lại buồn rầu, lo quá. Chúng bèn bàn nhau đưa Thái-tử về hoa viên rồi mời Ưu Đà Di ra khuyên dỗ Thái-tử. Ưu Đà Di vội vã ra vườn. Nàng thiết tha như một nàng tiên trong cảnh bỗng lai. Tuy vậy, Thái-tử vẫn điềm nhiên ngồi trầm tư bên một gốc cây. Ưu Đà Di lại gần ní non.

- Thưa Thái-tử, có phải hôm nay Ngài buồn vì như lời thị vệ nói Ngài đã gặp những cảnh thương tâm chăng? Nếu vậy sao Ngài không nhân trời tối này đi dạo cho khuây khỏa lại cứ ngồi giữ kín mối sầu làm vậy? hay là tại lỗi tôi

không kịp theo hầu Thái-tử chăng?

Thái-tử vẫn điềm nhiên không đáp:

- Thưa Thái-tử, Ngài không nhớ một hôm trong vườn hoa, Ngài đã bảo tôi là em gái Ngài, tôi có nét mặt giống Hoàng-hậu không đủ làm cho Ngài vui sao?

Thái-tử nhìn thấy đôi mắt long lanh sáng của người con gái quý trước mặt, ra lệnh cho nàng đứng dậy:

- Tôi không muốn nàng biết nỗi buồn của tôi, bởi nàng cũng như đoá hoa vô tư kia.

- Thưa Thái-tử, những đoá hoa kia cũng biết buồn rồi đó, hôm nay tôi thấy hoa nào cũng ủ rũ cả, như thế không thật sao?

- Hoa nào lại có thể giữ màu sắc được bên lâu.

- Thưa Thái-tử đời cũng vậy, ai lại không đau ốm, bệnh tật và chết.

- Nhưng cái chết của cây cỏ không máu mủ thịt xương, còn con người, con vật đến lúc bệnh hoạn có khi làm cho không ai có thể đứng gần bên được. Vì vậy tôi biết người sinh ra thì khổ nên tôi muốn tìm cách để trừ cái khổ ấy đi. Tôi đã tìm hết cách tiêu khiển. Có cái gì tôi muốn mà không được. Thế mà cách để được yên vui tôi,

làm sao tôi yên vui được lúc tôi nghĩ đến không làm sao tìm được bên cạnh đời no ấm xa hoa của tôi, biết bao nhiêu người khổ sở lăn lóc ốm đau, già nua bệnh hoạn.

Ưu Đà Di không biết phân giải thế nào bèn đến quỳ tâu bên Thái-tử nét mặt rầu rầu. Lúc ấy nhận thấy vì mình mà những người xung quanh phải khổ lây, Thái-tử gượng cười đứng dậy cùng Ưu Đà Di đi dạo quanh vườn. Những người hầu từ nãy đến giờ lo ngay ngáy, sợ nếu Thái-tử còn buồn thì sẽ bị vua cha quở mắng, lúc bấy giờ cũng tươi lên. Chim chóc từ bốn phía vườn cũng bay lại hòa thành khúc nhạc rất vui. Những hoa huệ bỗng vươn mình lên trắng xóa khắp vườn làm cho những hoa bướm khác tăng phần rực rỡ.

Tuy cố gượng vui nhưng nét mặt trầm tư của Thái-tử, nhiều lúc vẫn lộ ra không dấu được. Vua lại tìm hết cách để làm cho Thái-tử khuây. Đàn hát xướng ca không ngớt. Tuy vậy hình như không có kết quả gì mấy. Một hôm vua cha bảo Ưu Đà Di:- Từ nay con hãy chiêu chiêu hầu Thái tử ra vườn hoa cửa bắc mà ta vừa mới lập xong. Con sẽ mỗi ngày thay một thứ áo xinh đẹp để cùng với những cảnh thiên nhiên ở đấy làm vui cho Thái-tử, vì ta chắc không ai có thể bằng con trong việc này. Những đình tạ hoa nước trong

vườn kia không phải chỉ riêng cho Thái-tử, đó là phần thưởng ta tặng cho con đó để chung vui cùng Thái-tử.

Chiều ấy song trên mình ngựa Thái-tử Thích Ca và Ưu Đà Di đi trước một đoàn thị vệ áo hầu rực rỡ. Ưu Đà Di chỉ những màu sắc tươi đẹp ở một bụi cây, trên mặt nước, hay ở một khoảng trời lần lượt hiện ra hai bên đường. Thái-tử Thích Ca luôn luôn mỉm cười nhưng trong đôi mắt vẫn phảng phất một mối buồn không dứt được.

Vườn hoa cửa bắc của vua Tịnh Phạn là một vườn hoa đẹp nhất xứ Ấn Độ. Trong vườn có cả các thứ cây quý hoa lạ ở các nơi đem đến. Những giống chim giống thú đồ ở các miền xa, những đường lối sạch sẽ như mặt bàn trải thảm, những nệm cỏ xanh tươi, những hồ nước trong leo lẻo in bóng, những đình tạ nạm vàng nạm ngọc chói lên ánh sáng rực rỡ.

Vào vườn không thể lấy mắt mà đếm những màu sắc của hoa thú trong ấy. Đến bên cạnh hồ da thịt mát rượi, hương lên nồng nàn. Người ta tưởng các thứ nước hoa Ấn Độ đều là lấy ở đó ra. Nói tóm lại, như chắc lọc ở khu vườn này tất cả cái tinh túy của vũ trụ thần tiên.

Tuy vậy, Thái-tử cũng nhìn qua loa cảnh vật

rồi tìm một gốc cây ngồi nghỉ và bảo những người hầu đem Ưu Đà Di đi dạo các nơi. Mọi người đang dự dự, Thái-tử quả quyết:

- Các người phải vâng lời cho ta vui. Ưu Đà Di nàng hãy đi dạo chơi vì chỗ này mát mẻ nên tôi ngồi đây một lát, tý nữa tôi sẽ theo.

Thái-tử ngồi một mình bên gốc cây suy nghĩ. Bao nhiêu những cảnh xưa lại hiện về trong óc. Những phút sung sướng, những lúc đau buồn, những cảnh hào nhoáng xa hoa, những kẻ tật bệnh đói rét, những thảm trạng của đời người lần lượt diễn ra trong trí của vị Hoàng-tử. Đang lúc ấy, một người đầu không tóc mình khoác một manh áo xấu xí, tay chống gậy đi đến. Nhưng dáng điệu thì uy nghi, đôi mắt thì long lánh như có luồng điện. Thái-tử thấy trong điệu bộ lạ lùng của người này có vẻ huyền bí, khác hẳn với những người thường ngày đã gặp trong cung. Thái-tử hỏi:

- Ông ở đâu lại?
- Tôi ở khu rừng ở xứ này.
- Ông làm gì ở đây?
- Bẩm, tôi là kẻ tu hành theo tìm học đạo.
- Tu hành là người thế nào?

- Là một kẻ chuyên suy nghĩ đến những lý lẽ của mọi sự, mọi vật, để tìm tòi những phương pháp phá hết các sự phiền muộn đang buộc con người với đời không thiết, được đó mất đó, để về sau hết kiếp này khỏi chịu kiếp khác.

Nói xong ông thấy dùng phép thần thông bay bổng lên không lẫn với màu sắc huyền ảo của hoàng hôn.

Thái-tử mừng reo lên:

- Hay lắm! Hay lắm! Ta quyết tu thế nào cho được như vậy mới nghe.

Uu Đà Di và kẻ hầu đã quay về. Tuy dưới ánh nắng hoàng hôn mà ai nấy cũng đều lấy làm lạ rằng Thái-tử Thích Ca trở nên vui vẻ.

Đêm ấy Thái-tử tâu với vua cha cho theo tu hành như ông thấy tu kia. Vua giật mình khuyên can:

- Ai gieo vào cho con cái tư tưởng điên rồ ấy? Con không phải là nhà vua trên muôn ngàn dân ở xứ này sao? Bây giờ con lại làm một ông thấy tu cực khổ, rách rưới, thì ta nhục nhã biết bao nhiêu; dòng dõi vua chúa không phải đến đây là hết?

- Thưa cha, công đức của cha mẹ như trời như

bể. Con sống ở giữa châu báu ngọc ngà, giữa những sự nung nấu, chiếu chuộng, không còn thiếu gì nữa. Tuy vậy bấy lâu nay con vẫn bị những phiền muộn mà không được vui gì, không vàng ngọc gì làm khuây khỏa được. Nay tình cờ con gặp được một vị tu hành nghe có mấy lời của người mà lòng con như cất được gánh nặng từ bấy lâu nay đè nén. Vậy xin vua cha cho con được xuất gia, đó là một cách yên vui hoàn toàn vậy.

- Ta đã hết sức chiếu Thái-tử, nhưng đến việc này ta không thể nghe theo. Con là con nhà vua, con sẽ là nhà vua, ta chỉ biết có thế, con đừng xin nài gì nữa.

Từ đấy vua truyền lệnh cho những người hầu canh giữ trong cung rất nghiêm ngặt. Thái-tử đi đâu là có người theo, tuy vậy nghĩ đến chuyện xuất gia, Thái-tử vẫn luôn luôn vui vẻ.

Đêm nào cũng vậy, ở các cửa thành vẫn có lệnh canh nghiêm ngặt, lại có lính đi tuần tiễu. Thái-tử Thích Ca vẫn ngày đêm lo nghĩ về kế xuất gia.

Một đêm Thái-tử đợi cho trong cung cấm không còn một tiếng động, nhẹ nhàng nhòm dậy khoác áo, dắt vào mình một thanh kiếm ngắn. Qua mấy cánh cửa sổ để mở, trời đêm chỉ còn nhấp nháy sao mờ, Thái-tử vươn mình từ trên

cửa sổ tầng thứ ba nhảy xuống vườn hoa.

Thỉnh thoảng lính hầu lại vác súng đi qua lại. Thái-tử Thích Ca vừa rơi xuống đất, thì nhún mình nhảy vào một khóm lài để tránh những quân lính canh. Vừa lúc ấy một bóng đen ở bên cũng nhảy xổ theo. Thái-tử Thích Ca nhanh nhẹn khóa hai tay người ấy.

- Bẩm Thái-tử, tôi đây ạ.

Nghe giọng nói Thái-tử Thích Ca nhận được tiếng của Xa Nặc, người hầu trung thành của mình.

- Người làm ta giết mình tưởng quân gác, thế đã xong chưa?

- Bẩm lữ kia uống rượu tẩm thuốc mê ngủ lăn ra cả. Tôi định vào đây để mời Thái-tử đi ngay. Tôi nhắm cái cửa sổ ngài vừa nhảy qua, nhưng quân canh lúc ấy chưa đi khuất.

- Thôi chúng ta nhanh chân chứ, ngựa đâu?

- Bẩm dưới cây dừa nước đằng kia.

Hai người len qua các khóm cây rồi lên ngựa. Trong đêm chân con ngựa của Hoàng-tử sáng lên như bốn ngọn đèn xanh. Tuy vậy lính canh không ai biết cả. Anh nào cũng đang đánh một giấc ngủ ngon. Không mấy chốc hai con ngựa đã

nện móng trên con đường vắng vẻ ngoài thành Ca Tỳ La Vệ. Phố xá lâu đài im lặng đang êm giấc trong đêm khuya, dưới trăng sao mờ mờ, dần dần bị bỏ lại biến xa trong đêm mù, rồi tan mất, Thái-tử vừa đến một khu rừng rậm:

- Xa Nặc trung thành ơi, thôi anh hãy về, mang con ngựa về tặng Ưu Đà Di vì ta không muốn một ai theo ta vào trong rừng rú.

Xa Nặc toan kêu nài, Thái-tử bèn ra hiệu nên vắng lời về ngay.

Xa Nặc buồn rầu dẫn con ngựa về. Lúc quay lại bóng Thái-tử vừa khuất trong rừng rậm.

Trời vừa tảng sáng, Ưu Đà Di nghe có tiếng gọi nho nhỏ nhưng cấp bách ngoài cửa. Ưu Đà Di vừa mở cửa. Xa Nặc đã hót hải thưa:

- Bẩm cô nương, Hoàng-tử tặng cô con ngựa quý, tôi đã buộc nó ở bên ngoài, thôi xin chào cô nương tôi đi chịu tội đây.

Ưu Đà Di sùng sốt nịu áo Xa Nặc hỏi chuyện đầu đuôi. Xa Nặc đem câu chuyện thuật lại, Ưu Đà Di khóc sụt sụt, Xa Nặc an ủi:

- Thưa cô, đây là ý muốn của Thái-tử, lẽ nào cô không muốn Thái-tử vui hay sao?

Tuy vậy nàng vẫn không thể đè nén lòng

mình, bỏ mặc Xa Nặc ngồi đấy, ra ngoài lấy ngựa của Xa Nặc phóng như bay ra ngoài hoàng thành trước những lũ quân lính ngỡ ngác. Xa Nặc ngồi lại một mình lắc đầu buồn bã. Ngoài sân chim rù lông đầy cả lối đi.

Ba ngày lưu lạc trong rừng rậm, người nhọc bụng đói mà vẫn không tìm được Thái tử. Ưu Đà Di đã ngã gục bên ngựa, một tối thứ ba, đến lúc mở mắt dậy nàng thấy trong mình nhẹ nhõm khác thường. Một người mình trần trụi trụi không râu không tóc, nhưng với những đường nhăn trên mặt trên mình có vẻ đã nhiều tuổi lắm. Ưu Đà Di bần rùn cả người, nàng liếc thấy con ngựa của mình đang đứng bên một gốc cây định chạy lại lấy ngựa để trốn. Người kia gọi giật lại:

- Nàng Ưu Đà Di.

Nghe gọi đúng tên mình, nàng quay lại kinh ngạc nhưng cố can đảm xem thử người nào lại biết mình.

- Cô không nhớ tôi sao?

- Thưa cụ tôi không được rõ.

- Nàng không nhớ nàng đã cho tôi cơm ở nhà nàng hay sao? Nàng chóng quên thế?

Tưởng rằng ma quỷ hiện lên để ám ảnh mình vì nàng không nhớ người ấy là ai. Tuy vậy nàng vẫn giữ lễ phép trả lời.

- Phải, tôi biết cô đang bận tìm Thái-tử phải không?

Nghe người đoán đúng ý nghĩ mình, nàng vội kêu lên:

- Cụ ơi, Hoàng-tử ở đâu cụ bảo dùm tôi. Thái-tử đi lối nào hở cụ?

- Thái-tử đã đi xa rồi cô ạ. Cô hãy ngồi yên đây rồi tôi sẽ giúp cô.

Ưu Đà Di vâng lời nghe theo.

- Không dấu gì cô, tôi là một kẻ tu hành lâu năm ở chốn rừng này học được ít phép mầu nhiệm, đã đoán biết những việc đã qua và sắp xảy đến. Đêm qua nhìn một ngôi sao tôi biết rằng Thái-tử sẽ xuất gia, tôi rất vui mừng, vì thế nào Hoàng-tử sau này cũng sẽ là một vị đại cứu thế.

- Thưa cụ, thế tôi có gặp được Hoàng-tử không?

- Nàng hãy yên tâm, Hoàng-tử đã vào rừng sâu khó lòng mà gặp được, nhưng nàng hãy vui đi, vì thế nào Ngài cũng thành Phật mà tế độ chúng sanh.

- Phật là thế nào? Bẩm cụ có uy quyền, có sung sướng hơn Hoàng-tử không?

- Chính chúng tôi cũng cố tu để một ngày kia được thấy ánh sáng của Phật đây. Phật là đức đại từ đại bi thông thuộc hết những lý lẽ cao siêu, những nguyên nhân huyền bí để chỉ vẽ chúng ta tránh xa con đường tội lỗi khổ sở, các ông hoàng làm sao sánh kịp.

- Thế liệu Hoàng-tử có thành Phật được không? Ngài có về với chúng ta không?

- Thế nào ngài cũng thành Phật, một đức Phật xưa nay chưa từng có ở thế giới này. Thôi tôi chỉ nói chừng ấy cho cô vui, cô nên nghe tôi về ngay nhà vì chính là lúc cô nên về theo sự suy đoán của tôi, cô hãy cưỡi ngựa chạy về nhà đi, tôi sẽ đưa cô ra khỏi rừng này, đây mấy viên thuốc cô hãy cầm lấy để cứu người. Bây giờ cô hãy ngậm một viên đi. Vừa ngậm xong tức thì nàng thấy trong người vui tươi tự kiếm được lời để tự an ủi mình:

Hoàng-tử rồi sẽ thành Phật, người sẽ về với chúng ta.

Đến cổng nhà, nghe có tiếng khóc mới chạy vào thì thấy mẹ và em đang ngồi bên giường của cha. Ông cụ đang thoi thóp trên giường bệnh.

Nàng cầm một viên thuốc bỏ vào miệng cha, tức thì ông cụ mở mắt chống tay ngồi dậy tỉnh táo như thường, nàng bèn lấy hai viên thuốc khác đưa cho mẹ và em tức thì ai nấy đều trở nên vui vẻ.

Bà mẹ ôm lấy nàng vào lòng:

- Tôi lại gặp được con tôi vui tươi hơn trước, thật là phúc quá. Nhưng làm sao con lại về được đây?

Ưu Đà Di đem mọi chuyện kể lại cho cha mẹ nghe.

Hai cụ đều tỏ vẻ sung sướng. Vừa lúc ấy, những cây cỏ ngoài vườn cũng đều reo lên, cây khế nói:

- Nàng đã về, nàng sẽ vui vẻ ca hát với chúng ta, ở bên gốc của ta.

Cây huệ:

- Đêm nay tôi sẽ nở hoa trắng muốt cho nàng vuốt ve

Cây hồng:

- Tôi sẽ búi lấy tóc nàng, nàng ơi!

Con ngỗng:

- Nàng sẽ chia tay xinh đẹp của nàng cho tôi

mổ lúa.

Mặt hồ:

- Chiều chiều, nàng lại ra đây rửa chân, tôi lại được ôm bóng nàng.

- Chim bồ câu và chim chích:

- Nàng lại cùng chúng ta hát đây.

Con chó:

- Nàng ve vuốt tôi đi, ve vuốt tôi đi.

Con chim từ ngày nàng rời cung điện vẫn bay theo nàng:

- Tôi sẽ luôn luôn đậu trên cây đàn của nàng.

Ưu Đà Di tưởng những ngày mình sống trong cung điện bên cạnh vị Hoàng-tử chỉ là một giấc mộng xinh đẹp để điểm trang cho đời sống của mình, từ đây nàng mới thật sống vui vẻ bên cạnh những cảnh vật lúc nào cũng âu yếm mình.

Thuật giả: TRỰC HIỀN

Tại sao phải niệm Phật?

Thành Thất La Phiệt có một ông hoàng tánh rất hung bạo. Thêm vào đó, quyền thế và địa vị của ông có thể giúp ông thủ tiêu tội án trước pháp luật. Chưa một lời phải, một đạo giáo nào cảm hóa được ông. Một hôm ông gặp Phật khi Phật du hóa xứ này. Mới thấy, lòng ông bỗng cảm phục như voi dữ trước quần tượng. Ngài có dạy ông vài lời sơ lược: "Hãy tưởng niệm Phật Đà, hãy từ bi thương người, hừng hực cứu người". Ông cung kính vâng lời. Nhưng khi về đến nhà, vừa thấy người hành khát, ông liền dùng dùng nổi giận. Lời vàng của Phật không còn trong lòng của ông nữa, khi ông toan đánh đuổi người. Bỗng sự nhớ lại hình dáng từ nghiêm của Phật, ông liền dịu lại, nhưng không bố-thí chút gì. Tối hôm đó vợ ông lấy làm lạ, gạn hỏi đầu đuôi. Ông bèn thuật lại. Nhờ thuật lại, ông nhớ lại rõ ràng hình dung đức Phật và lời Ngài dạy. Đêm hôm ấy

ông suy nghĩ mung lung. Ông nghĩ:

"Nhớ Phật, phải nhớ đến người nghèo khổ, tưởng Phật phải tưởng đến người nghèo khổ". Rồi trời mới sáng ông liền đi tìm Phật. Giữa đường gặp một người hành khất ốm liệt bên vệ đường, ông suy nghĩ, ông đến ân cần hỏi han và dốc hết tiền túi ra cho. Người ấy e sợ, cảm ơn rồi rít. Nhưng ông chỉ bảo: "Vì tưởng nhớ Phật, nên tôi giúp anh. Anh nhận tiền này khiến tôi được phước, thế là tôi chịu ơn anh, chứ nào anh có mong ơn gì với tôi". Người hành khất nghe thế, lấy làm lạ, vì không lạ gì tánh nết của ông và uy danh của đức Phật nữa. Bỗng nhiên người ấy cất tiếng niệm: "NAM MÔ PHẬT ĐÀ" (kính lễ đáng Giác Ngộ). Ông hoảng cũng bắt giác niệm theo và đi mau tìm Phật. Khi gặp được Ngài, ông thuật rõ đầu đuôi mọi việc. Nghe xong, đức Phật mỉm cười hiền từ bảo: "Phải! Niệm Phật, ông hãy tưởng niệm người nghèo khổ. Tưởng niệm người nghèo khổ là tưởng chư Phật đó".

Trích báo: VIÊN ÂM

- Thân làm việc ích lợi
- Miệng nói điều phải
- Ý nghĩ những sự tốt đẹp
- Như thế là niệm Phật

Tình ân ái là gốc của sự sanh tử

Bóng hồng vừa gác núi. Chim chóc từng đàn lũ lượt bay về tổ, kêu la rộn rịp. Trên con đường mòn khúc khuỷu, các bác tiểu vội vã cất gánh củi lên vai trở về làng mạc. Tiếng náo động vắng dần. Quang cảnh rừng rú mỗi lúc càng tĩnh mịch.

Thình thoảng một vài tiếng chuông chùa ngân nga từ xa vọng lại, dường như để thúc hối những người còn chậm bước chưa ra khỏi cảnh hoang liêu ghê rợn của núi rừng. Một vài tiếng hú kêu vang và sâu tận trong hốc núi càng làm cho những kẻ lạc loài khiếp đảm. Các loài thú dữ đã bắt đầu cuộc săn mồi thường bữa, chốc chốc điểm lên những tiếng rống ghê người của chúa tể sơn lâm.

Từ trong thảo am bên mé núi, một vị Thiền-sư

lưng mang dây bó, tay chống gậy tre, lần bước trên con đường mòn, tiến dần về phía xóm nhà cạnh mé rừng. Trời vừa sắp tối, vị Thiên-sư đến nơi và đi ngay vào cổng, tìm lại nhà hai vợ chồng vị cư-sĩ đã thọ giáo với ngài. Sau những lời chào hỏi, hai vợ chồng vị cư-sĩ trải chiếu hoa mời ngài an tọa. Trà nước xong, Thiên-sư liền bảo: "Từ ngày hai ông bà đã thọ giáo theo Phật đến giờ, tôi thường tới lui để thúc nhắc. Độ này việc tu niệm của ông bà được khá lắm, thật tôi rất lấy làm vui mừng. Song sự đời có hiệp phải có tan, hôm nay tôi đến đây để thăm và cũng để tỏ lòng từ giả hai ông bà. Ngày mai này tôi sẽ lên đường đi giảng hóa một nơi khác. Có lẽ cách nhau lâu, vì vậy tôi không dám hẹn ngày tái ngộ. Trước khi lên đường, tôi xin dặn lại ít lời rất thiết, có thể là châm ngôn tu tập hằng ngày. Hai ông bà phải cố gắng niệm Phật đừng để lãng quên, nếu chẳng may có gặp việc gì xảy ra chệnh méch trong gia đình, ngoài xã hội, nên kiên nhẫn bỏ qua, tự an ủi lấy lòng. Giả như một trong hai người lâm bệnh nặng sắp đến giờ hấp hối, người mạnh cần nhất phải cho tĩnh tâm, sửa sang Phật tượng, hộ niệm cho nhau đến phút cuối cùng; đừng nên than khóc, van kêu, làm cho người chết phất bụi rối, loạn niệm, khó được vãng sanh. Đây là một việc khó, mà nhiều người tu hành đã vấp phải.

Nên tôi xin căn dặn hai ông bà hãy ghi nhớ. Được vậy, dù tôi ở cách xa, vẫn yên hóa đạo".

Dặn dò, chỉ bảo đâu đó xong xuôi, rạng ngày vị Thiên Sư lên đường...

Ngày tháng qua mau, phút chốc đã được hai thu, nhờ y theo lời dạy của vị Thiên Sư mà thời gian qua, hai vợ chồng vị cư-sĩ ăn ở với nhau rất thuận hòa, hằng ngày làm phước, bố-thí tụng kinh, niệm Phật chuyên cần, lối xóm nhiều người cảm mến.

Một hôm người chồng bị chứng thương hàn đau nặng. Người vợ chạy thuốc tìm thầy đã hết hơi mà bệnh đâu vẫn còn nguyên đấy. Cuối cùng, có một vị danh y đại tài đã được mời đến do công lao của người anh họ chẳng nại xa xôi rước về. Sau khi bắt mạch xong, vị danh y bảo: "Bệnh này không qua khỏi ngày nay, vì mạch đã hết. Vậy bà đừng nên chạy chữa làm gì nữa cho tốn công hao của, hãy lo liệu những vật dưỡng già mà thôi".

Người vợ lúc bấy giờ đã tuyệt vọng, tâm thần bà rối loạn, quên hẳn lời dặn bảo của vị Thiên Sư, người chồng cứ nằm mê man mãi. Trong tình cảnh này, vì thương chồng, vì tội phận, người vợ chỉ có nước gục mặt bên chồng khóc kể liên miên. Mãi đến khi người chồng mở đôi mắt thất thần nhìn vợ lần cuối cùng, mà người vợ còn ghé mặt

sát mặt chồng nức nở van kêu: "Mình ơi! Mình nỡ nào chết đi để một mình tôi ở lại sống cô độc lẻ loi; hồi nào khổ sở có nhau, vui buồn cùng chịu, ngày nay mình bỏ tôi mình đi một mình! Mình ơi!".

Tội nghiệp người chồng vì nghe lời lẽ quá bi ai của vợ, cảm tình ân ái bất giác nổi lên, nhìn vợ mà hai hàng lệ thấm tuôn ra, nghẹn thở... rồi... trút linh hồn.

Thần thức ông xuất ra nơi mắt. Người vợ vì gục mặt vào mặt chồng mà khóc, nên thần thức chui ngay vào lỗ mũi vợ, hóa thành một con sâu.

Chồng mất rồi, vợ lo tròn bốn phận, chôn cất xong xuôi, đám ma cũng khá lớn, những ơn nghĩa lối xóm cũng lo tròn.

Đến khi bà con ai về nhà nấy, bấy giờ bốn bề lặng ngắt, người vợ vì thương chồng bạc phận, xét nỗi cô đơn hiu quạnh, lại thêm lỗ mũi mỗi ngày một lớn và đau nhức vô cùng. Nàng cứ ngày đêm kêu gào than khóc, làm cho những kẻ ở gần, ai cũng phải động lòng thương xót kẻ xấu duyên, bạc phận.

Một hôm, vị Thiên Sư trở lại và ghé thăm. Nàng vừa thấy bóng Ngài đã hối hả chạy ra khóc than, kể lể....

Vị Thiên Sư ôn tồn bảo: "Bà hãy nín, sống chết là lẽ thường, hễ có sanh là có tử. Người tu hành khi bỏ được thân khổ này như quẳng được cái gánh nặng, bà nên mừng giùm chứ sao lại khóc? Bà còn than khóc thế là bà chưa hiểu đạo. Xin khuyên bà hãy nghe tôi, có thương nhớ nên để lòng, lo tu hành cho khuây lã, nếu còn nặng lòng ái ân thì kiếp sau lại gặp nhau nữa, vay trả, trả vay thành một chuỗi oan gia vô cùng tận.

Sau khi nghe vị Thiên Sư khuyên bảo, như giải được sự đau buồn, nàng liền sửa lại mái tóc, rồi tỉnh cờ khịt mũi mạnh văng ra một con sâu khá lớn.

Thiên Sư cả cười bảo: "Ồ đời ít ai có nghĩa hơn bà, ai đời thương chồng mà khóc đến có sâu trong lỗ mũi".

Nàng thẹn quá, toan lấy chân dậm chết con sâu. Vị Thiên Sư vội vàng khoát tay bảo: "Đừng, bà đừng nên làm thế, vì con sâu ấy là chồng bà vậy". Nàng lạ lùng hỏi:

"Bạch thầy: Chồng tôi suốt đời niệm Phật, làm phước, tại sao chết lại sanh vào loài sâu bọ như thế?". Thiên Sư bảo: "Bà đã quên lời tôi dặn, khi chồng bà chết bà không lo tụng kinh niệm Phật và khuyên bảo chồng bà khởi chánh niệm, bà lại còn đem tình ái kể lể khóc than, nên chồng bà

khi sắp mất, bị lòng thương vợ, nặng tình ân ái mà lãng quên chánh niệm. Vì vậy nên thần thức luyến ái không thể vượt lên cao, mà phải chui vào mũi bà thành sâu thành bọ. Than ôi! Uống một kẻ tu hành, đã mong thoát kiếp luân hồi lại còn bị ái ân cột chặt. Thật có khác nào con cò muốn cất cánh bay cao để thoát ngoài dò, bẫy; nhưng khôn nổi nó còn bị sợi dây vô tình cột chặt vào chân. Thế có tội nghiệp không?

Thiên Sư lại đến gần con sâu khế bảo: "Người trước cũng nghe lời ta chăm chỉ tu hành lẽ ra thời đã được công đức lành mà sanh thiên hay vãng sanh Cực-lạc, song vì tình ân ái của vợ chồng người có còn sâu thắm ngăn trũng, thành ra khi trút hơi cuối cùng mà còn gây nghiệp chướng nặng nề phải thành loài sâu bọ, thật đáng thương thay!".

Con sâu nằm im từ nãy giờ, dường như nó cũng tự biết hổ thẹn ăn năn. Thiên Sư chú nguyện cho và nhờ công đức lành đã tạo từ trước, nên con sâu quần quai một lúc rồi chết, thần thức lại sanh vào cõi người. Người vợ đã tự hối và phát nguyện tu hành, niệm Phật, trì chí không thối lui, kết quả bà được vãng sanh.

Người ta cũng không phải chỉ có một đời sống ngắn ngủi mở đầu trên cái nôi và chấm hết trên cái mộ. Lọt lòng và nhắm mắt chỉ là bình minh và đêm tối của một thời gian lặng lẽ trôi, không bao giờ tạm ngừng, không có đầu, không có đuôi.

Nắm hạt trai

Hôm nay theo thứ lớp khát thực ⁽¹⁾ Đạo-sĩ A LA phải đặt chân vào một chiếc cổng cổ kính, nhưng không kém phần tráng lệ và mỹ thuật của một thương gia, có tiếng chuyên môn buôn bán lớn về ngọc ngà vàng bạc.

Đạo-sĩ đưa chiếc gậy tre ấn nhẹ cánh cổng, rồi khoan thai bước vào! Người thông thả rúc bước theo hàng dậu, để lần đến một nếp nhà cao sang nằm chênh chế giữa một khu vườn vuông vắn.

Chung quanh người hoa lá đang nhộn nhịp trong nắng sớm và trước mắt người cảnh giàu sang đang phô bày diễm lệ. Nhưng bình minh trong sạch như lòng, Đạo-sĩ vẫn trầm tĩnh, nét mặt vẫn bình dị, đôi mắt người vẫn dịu hiền và

(1) khát thực: Xin ăn.

cả nụ cười không thay đổi ý nghĩa giải thoát của một nhà ĐẠO SĨ.

Xa xa, đàn ngỗng trắng đang đùa giỡn trên đám cỏ xanh mềm; bỗng chúng cất tiếng kêu vang, làm ngừng tay viên thương chủ, giữa lúc chàng mãi chọn lấy mấy hạt trai, để xâu lại thành chuỗi... Đạo-sĩ khất thực!

Cả một hình dáng yên lành và thanh tịnh đang nhẹ tiến về phía chàng... sung sướng, chàng để luôn cả nắm hạt trai xuống đất, chấp tay vái chào Đạo-sĩ, rồi vội vàng đi lấy com dĩa cúng cho người

Trong lúc ấy, đàn ngỗng đứng bên cạnh, trông thấy nắm hạt trai óng ả chúng lắm tưởng một món ăn ngon, quên cả sự có mặt của Đạo-sĩ, một con lớn nhất trong đàn, lanh lẹ chạy đến và dớp đại mấy hạt trai... Đạo-sĩ hoảng hốt đưa tay đuổi... nhưng muộn lắm rồi, cả nắm hạt trai, trong nháy mắt, đã dễ dàng trôi qua cổ họng con ngỗng khôn nạn.

Trong trường hợp này, Đạo-sĩ tự thấy lo ngại, nhưng người trầm tĩnh lại ngay và yên lặng chờ đợi.

Giữa lúc ấy, chàng thương chủ đã từ nhà đi ra, mang theo một bát com sốt dẻo. Chàng cung kính

quỳ trước Đạo-sĩ để dâng cúng cho người.

Nhưng chàng bỗng sững sốt kinh lạ khi nhìn lại nơi chàng để năm hạt trai. Một lần nữa chàng đưa mắt nhìn kỹ xung quanh, và nhìn lại nơi đã để hạt trai, rồi bỗng chàng đưa mắt lên nhìn Đạo-sĩ, mà người đang yên lặng đứng trước mặt chàng.

Chàng đứng ngay dậy, tay chàng run lên, mắt chàng như nẩy lửa, và chàng cất tiếng mỉa mai: "Chắc Đạo-sĩ không lạ gì trước cử chỉ thất lễ đột nhiên của tôi chứ? Mong người trả lại năm hạt trai quý giá cho chúng tôi".

Trước cử chỉ và lời lẽ của thương chủ, Đạo-sĩ A La vẫn bình tĩnh không trả lời.

Thái độ yên lặng và thản nhiên của Đạo-sĩ, càng làm cho thương chủ tức giận sôi gan, chàng lớn tiếng mắng Đạo-sĩ và gọi gia đình bắt tội Đạo-sĩ lại, đồng thời cho mời hương chức để tra hỏi.

Nhưng Đạo-sĩ vẫn yên lặng chịu đựng, trước những lời lẽ đang nhiên chua chát của thương chủ; trước hình phạt tra tấn của hương chức. Nhưng sức người có hạn. Đạo-sĩ không chịu đựng được nữa, người té xỉu và ngất lịm trên vũng máu.

Giữa lúc ấy con ngỗng trắng khốn nạn kia, bỗng cất cánh bay lại bên Đạo-sĩ, chìa mỏ hút lấy giòng máu. Sản con tức giận, thương chủ không một thương tâm tha thứ, chàng xách gậy chạy đến và đánh chết ngay con ngỗng ... Đạo-sĩ A La vừa hồi tỉnh, nghe động, đưa mắt nhìn sang, người hoảng hốt kêu cứu cho con ngỗng.

Nhưng làm sao kịp nữa; con ngỗng đáng thương của Đạo-sĩ chỉ còn lại cái xác không hồn; động lòng TỪ BI, ĐẠO SĨ cố lặn lại bên thi hài con ngỗng, người đưa tay vỗ về và lâm râm đọc kinh cầu nguyện...

Cứ chỉ tự nhiên, thái độ chí thành của Đạo-sĩ trong sự cầu nguyện đã làm cho thương chủ yên lặng quên cả sự đánh mắng. Vài phút sau, Đạo-sĩ A La chống gậy đứng dậy và chậm rãi nói với thương chủ: "Năm hạt trai của người chính con ngỗng này đã nuốt vào bụng nó, trong khi người vắng mặt".

Nghe xong, thương chủ vội bảo người nhà đem mổ bụng con ngỗng để chàng xem hư thật.

Quả như lời Đạo-sĩ: năm ngọc trai óng ả được đưa ra với năm ruột khốn nạn của con ngỗng bạc phước.

Thương chủ vừa trông thấy, chàng liền sụp

đầu sát chân Đạo sĩ, cầu xin người mở lượng TỪ BI cho chàng sám hối.

Chàng phân phiến: "Sao Đạo-sĩ không cho tôi biết trước, để tôi lầm lỗi thế này".

Một câu nói ý nghĩa, đã vội nở trên đôi môi nhà Đạo-sĩ: "Hỡi thương chủ! Lòng TỪ BI không giới hạn, ta đã nguyện mở rộng trước mọi đau khổ của chúng sanh".

Vì thế, nếu ta đem chuyện con ngỗng lầm dại, nói ngay với người từ trước, như vậy là ta đã gián tiếp giết hại con ngỗng! Việc ấy ta không bao giờ làm.

Và lại ta không thể trái lời Phật dạy, manh tâm lưu hại cho chúng sanh, chỉ vì sự an lạc của chúng sanh nhỏ hẹp!"

Thương chủ như mở bừng đôi mắt; đến đây chàng mới nhận rõ cái cử chỉ yên lặng từ trước của Đạo-sĩ là một ý nghĩa cao quý, làm sống lại lời Phật dạy và tỏa rộng đạo TỪ BI.

Chàng tự than: "Nếu tất cả nhân loại chúng sanh, ai cũng biết sống đúng theo lời Phật dạy và thực hành theo hạnh TỪ BI như Đạo-sĩ, thì còn đâu nữa mọi nỗi đau khổ của chúng sanh.

Hơn nữa, nếu biết xem thường vật chất thì

đến nỗi nào phải tối tăm và lỗi lầm như chàng đã lầm lỗi".

Giờ phút này lòng chàng như cõi mở và rộng rãi bao la... Đưa mắt nhìn về dĩ vãng, chàng cảm thấy đời chàng như một căn phòng tối tăm, thấp thò!

Và có lẽ từ đây, chàng không thể sống lại một cuộc đời nhỏ hẹp, chỉ biết bo bo với vàng bạc ngọc ngà; chàng cũng không thể sống lại một cuộc đời nô lệ đầy tội lỗi chỉ biết tìm lạc thú để cung cấp cho tự thân... Một ý niệm trong đẹp nảy nở trên tâm thức: "Chàng phải từ rã tất cả để đến trả tội xưa; chàng phải từ rã tất cả, để làm những gì mà lòng chàng ao ước hoài vọng".

Đưa mắt nhìn lại ngôi nhà sang trọng của mình rồi chàng mạnh mẽ hướng về Đạo-sĩ, chàng cúi đầu đánh lễ, và cầu xin nơi chí rộng rãi của người, chàng phát nguyện: "Chàng sẽ là một viên đá nhỏ, trong vô số viên đá khác, để chung góp xây đạo TỪ BI. Chàng sẽ là một tia sáng nhỏ, trong vô số tia sáng khác, để cùng nhau nêu cao lời Phật dạy, để đem lại hạnh phúc giải thoát và giác ngộ cùng khắp cho tất cả mọi loài".

Thuật giả: THÍCH TÂM NGUYÊN

Chiến tranh làm gì có khi người ta giữ giới không sát sanh.

Xâm lược làm gì có khi người ta biết giữ giới không trộm cướp.

Xâu ngọc ... nước

Bên trời sương mù đã tan hẳn.

Vầng thái dương ẩn hiện sau áng mây thưa, chiếu ánh sáng huy hoàng trong khoảng không gian trong trạch.

Tùng cơn gió mát lạnh từ phương nam thổi về làm rơi những hạt nước trong suốt như pha lê còn đọng ở đầu cỏ lá cây.

Cảnh vật nơi vườn Ngự sau một trận mưa mai vừa tàn, càng đượm vẻ thanh tân tươi thắm.

Nơi thêm cao của một ngôi đền vàng, một nàng Công chúa tuổi còn thơ bé, ngồi trên chiếc cấm đôn, đưa mắt thần thờ nhìn ngắm cỏ hoa trong thượng uyển.

Bên này nơi hồ bán nguyệt những đóa hoa sen trắng, đỏ, tươi đẹp mịn màng, xen lẫn thấp cao trên mặt nước.

Đàng kia, chung quanh hòn giả sơn, những thú

hoa quý lạ từ bốn phương gọi về, hương sắc thanh kỳ, phô vẻ nghìn hồng muôn tía, như mỉm cười duyên dáng trước ngọn gió mai.

Xa xa, mấy gốc thùy dương dịu dàng nghiêng mình soi bóng bên giòng suối nhỏ.

Khung cảnh tuy đẹp nhưng không gọi được niềm vui cho Công-chúa, vì nó đã thường với mắt nàng lắm, rồi nàng mơ mộng vợ vãn và ước mong một cái gì khác lạ hơn nữa....

Nắng vàng nhẹ phủ lên hoàng cung.

Cảnh vật nơi vườn ngự tẩm nắng chiều dương, rung động chập chờn trong làn gió sớm.

Công-chúa đang tho thẩn ngồi trông xa gần, bỗng đôi mắt nàng chăm chú vào một cảnh tượng. Từ trên mái ngói trắng men xanh, nước mưa còn đọng lại rơi xuống từng giọt đều đều, nổi thành những bóng nước tròn, trôi lăn theo rãnh đá hoa trắng.

Dưới ánh chiều dương, những bóng nước ấy lấp lánh, nổi nhiều màu sắc kỳ ảo, xinh đẹp lạ thường như những hạt ngọc tuyết trần vô giá! Nét mặt Công-chúa sáng lên, nàng mỉm cười và thầm nghĩ: "Chà! những hạt ngọc kia sao mà đẹp thế! Ta đã có nhiều châu báu, nhưng chưa thấy thứ ngọc nào quý lạ bằng loại này.

Giá ta có một tràng chuỗi ngọc như thế để
quảng nơi cổ thì thích biết bao!"

Nghĩ xong, như thâu thần, Công-chúa lại thù
người ra nhìn ngắm say sưa quên hẳn bao nhiêu
vẻ tươi thắm quanh mình, mặc cho ngọn gió nam
cợt đùa cùng cảnh vật.

Giọt mưa đá dứt từ trên mái ngói.

Nơi lòng rãnh đá hoa, hình dáng những viên
ngọc vô giá không còn nữa.

Đâu đây, vài tiếng chim riu rít điểm thưa thớt,
dứt khoảng trong mấy tán cây rậm.

Vầng thái dương lên đã hơi cao, ánh vàng xiên
xiên rọi nửa thêm vàng, mà Công-chúa vẫn còn
ngồi ngơ ngẩn, tâm hồn như phiêu dạt tận nơi
nào! Một tên cung nữ từ phía trong đi ra, se se
đến gần, cung kính thưa: có lệnh mẫu hoàng gọi.

Như chợt bình tĩnh, Công chúa không đáp,
nặng nề bước thẳng vào phòng rồi lên giường
nằm.

Cung nữ ngọc nhiên chạy vào phía trong.

Một lát, Hoàng-hậu đến phòng con, thấy trên
mặt ngây thơ có vẻ bơ phờ ủ dột, tưởng rằng đứa
con yêu cảm nhiễm phong hàn, nên dịu dàng han
hỏi.

Vốn là con một, hằng được nuông chiều, Công chúa như có dịp để nhõng nhẽo cùng mẹ.

Vì vậy tuy biết Hoàng-hậu đến thăm, nhưng nàng vẫn nằm xây mặt vào trong im lặng.

Hoàng-hậu lại càng hốt hoảng kịp báo tin cho đức Vua. Nghe tin con bất thường, đức Vua vội vàng đến hỏi thăm, Công-chúa cũng vẫn im lặng không đáp. Sau khi vua và Hoàng-hậu dỗ dành, khuyên lơn mãi, nàng Công-chúa thơ ngây ấy mới thuật chuyện những viên ngọc quý và nói chỗ ước vọng của mình. Nghe xong, đức Vua cười vui vẻ và bảo: Ô! Con ta khéo vớ vẩn thì thôi! Những hạt ngọc mà con nói đó, chỉ là những bóng nước, làm sao kết được tràng chuỗi? Nhưng thôi, con hãy yên lòng, các thứ ngọc quý giá ấy ở trong kho tàng không thiếu gì, cha sẽ cho con tùy ý lựa chọn. Nói đoạn, Vua sai quan giữ kho lựa những thứ ngọc thật đẹp đem đến cho Công-chúa. Nhưng sau khi xem xong từ thứ ngọc này đến thứ ngọc khác, Công-chúa vẫn không vừa ý, nhất định đòi cho được thứ hạt ngọc mà mình đã trông thấy.

Ước vọng không thành, lòng mơ tưởng những viên ngọc tuyệt đẹp làm cho Công-chúa âu sầu rã rượi, không còn biết đến bao nhiêu thức ngon, vật lạ.

Bệnh của Công chúa mỗi ngày mỗi nặng. Đức Vua và Hoàng-hậu vô cùng lo lắng, vì vậy thấy sự tương nhợ có thể làm gầy mòn và cướp mất đứa con yêu của mình.

Một buổi chiều đức Vua phán hỏi các quan làm thế nào cho Công-chúa hết bệnh? Tất cả triều thần đều nhìn nhau lặng thinh. Ngài lại hạ chiếu cho đòi những người thợ chuốt ngọc tài giỏi vào triều và hỏi có thứ ngọc nào như những bóng nước lấp lánh ngũ sắc để làm tràng chuỗi cho Công chúa?

Tất cả thợ ngọc đều tâu không thể nào tìm được thứ ngọc như thế. Sau cùng, đức Vua cho truyền rao khắp trong nước: Nếu người nào làm cho Công-chúa hết bệnh, sẽ được thưởng nghìn vàng.

Trong khi giờ khắc lặng lẽ trôi qua mà cứu tinh vẫn vắng bóng, vì lòng thương con, người cha hiền ngồi đứng không yên, muôn phần áo náo.

Một buổi sáng tinh sương, có người thợ chuốt ngọc tuổi già, râu tóc bạc phơ, xin vào ra mắt, sau khi bái yết xong người thợ già quỳ xuống tâu: "Muôn tâu Hoàng-thượng! Bệnh của Công-chúa là một tâm bệnh, không thể dùng thuốc thang điều trị.

Muốn cho bệnh lành, tất phải làm thỏa nguyện vọng của người ốm. Nhưng có điều khó: bóng nước không thể kết làm tràng chuỗi được.

Tuy nhiên, thần đã có phương chước làm cho Công chúa hết bệnh. Như trút được gánh nặng, đức Vua vô cùng mừng rỡ, liền đến phòng con âu yếm bảo: "Hôm nay có người thợ già hứa sẽ xỏ được chuỗi ngọc ấy cho con. Thôi, con đừng buồn rầu nữa". Lời nói ấy quả có một hiệu lực phi thường: trên gương mặt xanh xao tiêu tụy của người bệnh nở nụ cười và con trâm kha bỗng dung như tiêu tan đi đâu mất.

Một dịp may, sáng hôm sau, trời vẫn vũ đổ mưa xuống. Khi trận mưa vừa tạnh, những bóng nước cũng trôi nơi lòng rãnh đá hoa như hôm nào.

Người thợ già tâu Vua xin mời Công-chúa ra trước thềm diện vàng và thưa: "Tôi tuổi già, đôi mắt đã lờ, không phân biệt được vẻ tốt xấu.

Xin Công-chúa tùy ý lựa hạt ngọc nào đẹp nhất, tôi sẽ xỏ cho". Nhưng bóng nước vẫn là chất mong manh, vừa chạm đến liền tan ngay, Công chúa hết vớ bóng này đến bóng khác, kết cuộc đã mệt nhọc mà chẳng được chi cả.

Người thợ già hỏi: "Thế nào? Những hạt ngọc

áy ở đâu?". Công-chúa ngẩng lên nhìn người thợ, rồi quay lại nhìn vua cha, đáp: "Xin phụ vương ban cho con tràng chuỗi bằng tử kim, vì thứ ấy rất chắc, rơi xuống gạch đá không vỡ.

Còn những thứ này chỉ có dáng bên ngoài, nhưng lại giả dối mong manh, con không thể lấy được và không còn thấy ưa thích nữa".

Đức Vua dụ dàng bảo: "Thì nó chỉ là những bóng nước thôi con ạ". Như tỉnh ngộ ra, Công chúa lộ vẻ e thẹn cúi đầu giữa nụ cười kín đáo của đoàn cung nữ...

Đức Phật bảo A Nan và đại chúng:

"Tất cả pháp hữu vi ⁽¹⁾ đều vô thường, không thật như bóng nước chóng tan, như ánh nắng chập chờn giữa trời mưa mà loài nai khao khát lầm tưởng là nước cứ đuổi theo mãi. Sắc thân ngũ ấm ⁽²⁾ cũng như thế chính tự thân còn không giữ được, huống là cảnh vật bên ngoài. Phàm phu trong lúc vì tự thân đi tìm hạnh phúc, chỉ đuổi theo bóng hình giả dối, mong manh, sống mãi trong vòng ước vọng, kết cuộc không được sự vui chơn thật, lại phải chịu bao nhiêu điều thống

(1) Pháp hữu vi: Những vật có thể chất và hình tướng

(2) Ngũ ấm : Theo Phật giáo thân người do năm món: thịt, xương, sự cảm thọ, tư tưởng, sự sanh diệt, sự hiểu biết hợp lại mà thành.

khổ, không khác chi trường hợp của nàng Công chúa. Nếu chúng sanh nào xét biết âm thân ⁽¹⁾ vô thường, dứt trừ phiền não huyền tướng, tất sẽ chứng được tánh thể vắng lặng, yên vui, không còn xoay lăn trong vòng sinh tử nữa!". Đoạn đức THẾ TÔN ⁽²⁾ nói bài kệ rằng:

*Nên quán tưởng bóng nước,
Và ánh nắng chớp chờn
Như thế quán tưởng thân,
Sẽ thoát vòng sanh tử.*

Thuật giả: TRÍ HIỀN

(1) Âm thân: Tức thân ngũ âm.

(2) Thế Tôn: Đức Phật, Phật là người tôn quý nhất trong đời nên gọi là Thế Tôn.

Tiếng đàn ai oán

hay là

Lòng thương của một vị Hoàng tử

Hoàng đế La Xà có hai Hoàng-tử, Hoàng-tử Thiện-Hữu, thật là bạn hiền của mọi người, Hoàng-tử Ác-Hữu trái lại, độc ác để khiêu khích anh.

Hoàng-tử Thiện-Hữu khi đến cái tuổi biết nhìn cuộc đời trắng trợn bày trước mắt chàng: đây người sập chim, bẫy cá, kia người làm thịt chộc huyết, chim sáo mổ bộ ngựa, bộ ngựa bắt chuồn chuồn.

Sự sống không loài nào không tự bảo trọng ca. Nhưng ở đây cũng như ở nơi kia, ở đâu sự sống cũng xây trên sự sống. Thấy vậy Hoàng-tử Thiện Hữu xin vua cho tất cả kho tàng để giúp dân chúng. Kho tàng hết, chàng mạo hiểm vào bể tìm

ngọc giữa sự lo sợ của cha mẹ. Nghe anh đi tìm ngọc, Hoàng-tử Ác Hữu nghĩ:

- Không ác việc không thành được.

Rồi xin theo Thiện Hữu, nhưng Thiện Hữu ngăn lại:

- Thân là trọng, em không nên mạo hiểm theo anh.

Ác Hữu nhất quyết đi theo:

- Sống không thỏa nguyện thì vô ích

Thế là anh em theo nhau, và nhờ chí nguyện vĩ đại, tấm lòng thương người, Hoàng-Tử Thiện Hữu vượt bao nhiêu gian lao nguy hiểm, tìm được ngọc Như Ý. Khi về thâu bờ bể, Hoàng-tử bảo em:

- Giờ trên đường về, anh ngủ thì em giữ, em ngủ thì anh giữ. Đời sống nô đủ của muôn dân ở nơi viên ngọc này. Em nhớ nhé.

Nhưng một hôm anh em ngủ trên một quãng đường hiểm. Ác Hữu bèn tìm hai cây nhọn đâm thủng mắt anh. Đau quá, Thiện Hữu vùng dậy la rên, gọi em.

Nhưng Ác Hữu điềm nhiên mang ngọc đi thẳng. Vừa rên, Thiện Hữu vừa đưa tay quờ quạng tìm em. Chàng cứ nghĩ rằng chàng bị đâm

mắt chú Ấc Hữu mang ngọc thì chắc bị kẻ cướp giết rồi. Nhưng quờ quạng một lát, chàng nghĩ ra: em ta hại ta chứ không ai đâu khác. Chàng đau đớn thở dài:

- Người tánh tình vẫn vậy...

Thiện Hữu đau lắm không thể nhớ hai cây nhọn ra được. Bỗng một đàn trâu rậm rộ đi qua. Thiện Hữu biết nhưng đành ngồi, không thấy gì mà tránh nữa. Nhưng lạ lùng thay, chàng biết mình đang ngồi dưới bụng một con trâu. Con trâu ấy che chở và thân mến liếm mát chàng, trong khi đàn trâu rậm rộ đi qua. Tiếng chân đàn trâu vừa hết thì tiếng nói một người vừa đến:

- Ai đây? Sao mắt bị đâm vậy?

Con trâu bây giờ đứng dang ra và nhìn chủ nó như cầu khẩn. Còn Hoàng-tử Thiện Hữu nghe lời thì mừng gặp được người, nhưng lòng càng đau đớn. Chàng nghĩ thôi đành nói dối vậy.

- Tôi là kẻ ăn mày. Tôi đang ngủ, không biết ai nó hại tôi thế này.

Giọng Thiện Hữu làm cho người ấy không nổi hỏi lại, nhưng thấy kính mến dị thường. Người ấy bèn nhổ cây đặt thuốc - ông ta là người rành việc này - và đưa về nhà cung phụng nuôi dưỡng một cách không suy nghĩ. Càng lâu người chủ

càng kính mến, nhưng Hoàng-tử Thiện Hữu không yên tâm. Chàng bèn xin người chủ cho chàng tự tìm cách nuôi sống. Người chủ nói trong bụng câu đã tự nói với mình mấy lần:

- Thật là người hiền.

Và trả lời

- Không! Người cứ ở đây với gia đình tôi. Đói no với nhau. Tôi không nỡ xa người.

- Xin ông thương tôi. Tôi không dám phiền nhiều.

Nói mấy cũng không được, người chủ hỏi:

- Thế giờ người định nuôi sống bằng gì?

- Ông cho tôi xin một cây đàn hay.

- Được! Nhưng xin người phải để tôi được làm cái việc ngày ngày đưa người ra chỗ đông, rồi tôi đưa về nhà tôi ngủ.

Thiện Hữu lắc đầu:

- Thế lại phiền ông lắm! Cho tôi ngủ ở chợ hay dưới gốc cây.

Người chủ năn nỉ:

- Người có bằng như thế, tôi mới để người đi kiếm ăn.

Thiện Hữu thở dài:

- Cũng được

- Nhưng biết đàn à?

- Sơ sài vậy thôi! Người chủ ngạc nhiên. Và hôm sau đầu chợ, Thiện Hữu đã ngồi đấy, lên những tiếng đàn thanh toát ra những khúc nhạc lòng. Chàng đàn lên những tâm lòng của chàng, những chí nguyện của chàng. Chàng say mê quên cả mục đích kiếm ăn của mình, nhưng quần chúng cảm mến chàng. Chàng nuôi sống được cả nhà chủ chăn trâu.

Một hôm, tiếng đàn của Thiện Hữu làm chấn động lòng một người đẹp. Người ấy khi tiếng lòng của mình do ai gây lên đã im rồi, mới tỉnh hỏi:

- Ông là ai?

- Người là ai?

- Tôi sẽ nói. Nhưng ông là ai xin cho biết đã?

- Người tự trả lời cho mình cũng đủ: tôi một kẻ ăn mày đang xin thiên hạ bố thí bằng tiếng đàn, người không thấy sao!

Và Thiện Hữu thở dài:

- Kể ra tôi cũng quá đáng đối với cây đàn đây! Nhưng ngoài việc kiếm ăn, nhờ nó, tôi đã thả ra

được những gì của lòng tài!

Người là ai vậy?

- Tôi là một Công chúa

Người đẹp nói nhanh và dò xét thần sắc của Thiện Hữu.

Nhưng chàng vẫn bình thản:

- Của?

- Của vua Sư Bạc.

Thiện Hữu bấy giờ mới biết mình lâu nay sống trên đất của một chư hầu, và đang ngồi trước vị hôn thê chưa thấy mặt của mình. Nhưng chàng chỉ lặng thinh. Người đẹp đưa cho chàng một lượng vàng rồi từ biệt.

- Mai em sẽ đến mãi với ông.

Thiện Hữu không để ý câu nói ấy.

Chàng bình thản về nhà ngủ.

Công chúa vua Sư Bạc thì lòng đã nhất định nàng không thể xa tiếng đàn ấy. Nàng tính rụt rè, nhưng hôm nay nàng mạnh dạn. Sau bữa cơm tối, nàng trịnh trọng thưa với phụ-vương và mẫu hậu rõ ý định của mình. Nghe xong, Hoàng-đế Sư Bạc giận lắm:

- Mày điên đấy à? Mày quên mày là vị hôn thê

của Thái-tử Thiện Hữu?

- Con xin cha mẹ thương con.

Hoàng-đế Sư Bạc không thèm nghe nữa.

Nhưng sáng hôm sau, nàng thu xếp đồ dùng của mình và ra đi. Nàng đến vào lúc tiếng đàn lòng nàng đang lên với ánh sáng thanh bình của vũ trụ. Nàng say sưa nghe, thu hút vào lòng tất cả âm ba tiếng đàn đã tỏa ra không gian. Bản đàn dùng, nàng bảo chàng:

- Anh cho em nói chuyện đã.

- Ai đấy?

- Em đây, Công-chúa vua Sư Bạc đây.

- Công-chúa muốn nói gì?

Nàng chân thành và tha thiết quên hết cả dè dặt. Nàng bắt chặp người chung quanh:

- Em nguyện theo anh

- Công-chúa theo tôi? Theo thế nào được! Và, Công-chúa theo chỉ một người ăn mày?

- Em quyết định rồi, vua cha em không cấm em được nữa là!

Đồng thời hai người nói chuyện thì trong kia hoàng-cung, Hoàng-đế Sư Bạc tức giận lắm. Ông muốn hạ lệnh bắt chém ngay người ăn mày có

tiếng đàn cảm động lòng con ông. Nhưng ông nghĩ:

- Ta vi hành xem nó thế nào mà con ta cảm được. Làm to chuyện chỉ bấy tiếng.

Lấn lộn vào đám người nghe đàn, ông nhìn rõ, bỗng giật mình:

- Sao giống Hoàng-tử Thiện Hữu?

Quái lạ! Không lẽ. Nhưng khuôn mặt kia?...

Ông nghĩ ngay một kế. Về gọi một vị sứ-giã trung thành ông bảo:

- Nhà ngươi vì ta qua vấn an Hoàng-đế La Xà, và hỏi thăm Hoàng-tử Thiện Hữu.

Ngay ngày hôm ấy, sứ giả lên đường. Sư Bạc nằm chờ.

Trời đã về chiều, Hoàng-hậu bảo:

- Hoàng-đế cho người ra bắt con về chứ sao để vậy?

- Bắt về làm gì? Xem như nó không còn nữa!

- Nhưng tại tiếng?

- Thì làm sao được? Bắt nó về thì hết tại tiếng à?

Vợ chồng Hoàng-đế Sư Bạc cho rằng đó là việc

xấu. Phong-tục và quần chúng bảo đó là tiếng xấu, nhưng một điều lạ là những người nào nghe được tiếng đàn và thấy được hình dung Thiện Hữu - họ chỉ biết cái thật ấy, họ làm gì biết cái danh Hoàng-tử của chàng - họ đều cảm mến đức hiền của chàng. Ở chàng đã tỏa ra một cái gì bao bọc mọi người. Họ biết và có kẻ hôm nay thấy tận mắt Công-chúa vua họ theo Thiện Hữu.

Nhưng họ cho là chuyện phúc. Họ trái tất cả tập quán mà không suy nghĩ, không phân tích, không lý do. Thì ra đức hiền của người có khi đảo lộn cả tập tục, đúng hơn cả một quan niệm xã hội.

Chính họ khuyên Thái-tử, khi chàng từ chối Công-chúa.

- Người bằng lòng đi. Người đỡ lặn dặn cho chúng tôi mừng. Cho tiếng đàn người còn mãi mãi với chúng tôi.

- Nhưng phiền cho Công-chúa và cho tôi lắm. Tôi biết...Uy quyền của một ông vua, khi ông vua bất bình. Tôi, kẻ ăn mày thì sợ gì ai, nhưng thân Công chúa! Nói gì Công-chúa cũng không nghe. Nàng về với chàng trong sự hoan hỷ của những người mục kích đang thân mến nhìn theo.

Thiện Hữu tuy được vợ hiền, nhưng chàng

không thay đổi. Tiếng đàn chàng đêm khuya vẫn
trỗi dậy. Tiếng đàn bi thảm biểu diễn nỗi khổ vô
biên của kiếp người, tiếng đàn cao hùng bộc lộ
chí cao, cái hạnh cả muốn giúp người, cứu khổ
cho người, tiếng đàn dũng mãnh toát hết cái chí
hiên ngang của đấng đại trượng-phu. Có khi
tiếng đàn như tung không gian mà lên, có lúc
như dẫn mình xuống lao khổ... Có đêm điệu đàn
bồng lặc điệu: một điệu buồn thảm của kẻ nhớ
cha, nhớ mẹ. Điệu đàn nghe chết cả lòng.

Công-chúa sống cạnh chàng, lòng lên xuống
đúng tiếng đàn của chàng. Nàng lấy làm lạ:
Người ấy, tiếng đàn ấy, Công chúa nghĩ:

- Khả nghi lắm!

Nàng khóc:

- Anh dấu em!

- Quái lạ, anh dấu gì?

- Anh không phải là kẻ ăn mày!

- Thế là gì đây?

- Em khổ lắm! Anh dấu tông tích của anh!
Anh, Anh nói rõ cho em. Tiếng lòng ta không dứt
sao ta dấu nhau?

- Em nghĩ rằng một kẻ ăn mày, không thể đàn
những tiếng đàn tuyệt đích?

- Nhưng em nghe ra: tiếng đàn anh, lòng anh, nhất định không như tông tích anh nói! Anh nói cho em rõ đi.

Thiện Hữu buồn rầu:

- Anh dấu em làm gì? Nhưng nói em cũng chẳng tin được! Đòi tin người mù mắt là kẻ ăn mày là dễ, chứ tin thế nào được người mù là hoàng-tử con vua!

- Thế anh là một Hoàng-tử?

- Em không tin? Phải. Nhưng nói thật em biết anh, Hoàng-tử Thiện Hữu đây!

Công-chúa giật mình:

- Anh không biết em là vị hôn-thê của Hoàng tử Thiện Hữu đấy chứ?

- Anh không muốn em tin rằng anh là một Hoàng-tử, chứ đừng nói là Hoàng-tử Thiện Hữu anh không phủ nhận, nhưng chỉ anh không phải là một ông Hoàng, hay một Hoàng-đế.

- Em cũng muốn như vậy. Em muốn rằng anh là một người cao như tiếng đàn cao vút của anh kia!

- Nhưng anh nhớ phụ-hoàng và mẫu-hậu lắm. Lòng anh thương người đến lắm lúc anh nghĩ sống làm chi khi mọi người đau khổ, nữa là với

cha mẹ!

- Thế anh quả là Hoàng-tử Thiện Hữu?

- Nếu anh không dối, thì nguyện bảy hôm nữa anh được tin cha mẹ anh...

Hoàng-tử Ác Hữu khi đâm mất anh xong, chàng về ra mắt cha mẹ, đưa viên ngọc Như Ý ra:

- Tâu phụ-hoàng và mẫu-hậu! Anh con mất rồi!...

Vợ chồng Hoàng-đế La Xà chỉ nghe có thể đã ngất đi. Hai vợ chồng khóc mù mắt rồi, ánh sáng không còn nữa, mà tin con ngày càng im bật.

Hoàng đế La Xà không dám tin rằng con chết, nên càng buồn, càng khóc.

Con nọ của Hoàng-tử Thiện Hữu nuôi, con nọ khôn ngoan mà hai vợ chồng Hoàng-đế buộc tin tức và cho nó đi tìm kiếm Hoàng-tử, cũng bay đi đâu biên biệt.

Vợ chồng Hoàng-đế La Xà sống trong sầu khổ cho tới hôm nay, có tin sứ giả Sư Bạc đến...

- Công-chúa hạ thân kính dâng lên đại Hoàng đế lời vãn an cầu chúc.

- Có thể thôi?

- Và vãn an Hoàng-tử Thiện Hữu.

Hoàng-đế La Xà lại ngắt đi. Sứ giả biết có điều lạ. Tìm dịp kín đáo, sứ giả gặp La Xà hỏi rõ những điều Sư Bạc dặn. Ông kết luận thâm kín:

- Nếu vậy thì chắc chắn người ấy là Hoàng-tử Thiện Hữu rồi. Và có thể Ác Hữu đã hại anh mà lấy ngọc đem về.

- Ta cũng nghi như vậy?

Và La Xà hạ ngục ngay Hoàng-tử Ác Hữu và cất kỹ viên ngọc Như Ý. Hôm sau cho người hoàng gia lên đường với sứ giả Sư Bạc.

Hoàng-tử Ác Hữu khi bị bắt hạ ngục, chàng chỉ cười thầm:

- Việc thành rồi vậy!

Và mấy hôm nữa, dân chúng hoan hỷ tung bùng đón rước Thiện Hữu như đón rước một ân nhân, hơn nữa, một người bạn.

Hoàng-tử Thiện Hữu về với vợ giữa sự hoan lạc của dân chúng, sau ngày được tin cha mẹ, đúng vào ngày thứ bảy chàng nguyện với vợ. Dân chúng cảm động ứa nước mắt, thấy Hoàng-tử cúi mặt vì mình. Thương tâm hơn nữa, khi họ thấy Hoàng-tử vịn tay vợ đến ôm lấy cha mẹ, ba người mù khóc với nhau trong một lòng thương.

Và quay lại dân chúng theo vợ chỉ dẫn, chàng cầm nước mắt nói:

- Tôi không ngờ gặp lại được cha mẹ và bà con. Chỉ nguyện tôi đã đạt. Bà con sẽ no đủ. Chỉ tiếc rằng tôi không được cùng bà con sống trong ánh sáng. Nhưng tôi hoan hỷ. Lòng thương không cần ánh sáng mới gặp được nhau. Bà con tạm về. Trong đời sống an lạc ngày mai, mong bà con gắng thương nhau và làm điều thiện.

Lời nói Hoàng-tử, đúng hơn là lòng thương của Hoàng-tử, lúc ấy đối với dân chúng, quả là đã cho họ mỗi người một viên ngọc Như Ý vậy.

Đức Thế Tôn tự kể tiền thân của mình rồi bảo đại chúng:

- Các con! Ác Hữu là ai các con có biết không? Là Đê Bà Đạt Đa vậy. Nhưng các con đừng tưởng Đê Bà Đạt Đa là người ác. Đời đời kiếp kiếp, ta nhờ thiện-tri-thức Đê Bà, mà ngày nay thành Phật đà. Đê Bà dùng nhiều phương tiện vi diệu, khiêu khích và tác thành cho ta phát bồ-đề-tâm, tu bồ-tát-hạnh⁽¹⁾ và thành vô-thượng-giác⁽²⁾. Nay A Nan! Con hãy thay ta xuống địa ngục thăm Đê

(1) Bồ tát hạnh: Quên mình để làm những việc lợi ích, đem lại sự an vui cho mọi loài, dù phải hy sinh thân mạng.

(2) Vô thượng giác: Quả vị Phật.

Bà.

Tôn-giả A Nan vâng lời, khi gặp ngài Đê Bà tôn-giả cung kính thưa:

- Đức Thế-tôn kính lời thăm ngài.
- Đức Thế-tôn giáo hóa có dễ dàng không? Chúng sanh giác ngộ có nhiều không?
- Nhiều và rất dễ dàng.
- Thế là ta mãn nguyện.
- Ngài ở địa ngục có khổ lắm không?
- Người nhập tam thuyền⁽¹⁾ có vui không?
- Vui nhất thế gian, một thứ vui thanh tịnh từ trong đến ngoài.
- Ta ở địa-ngục cũng như ở tam thuyền.

Phật dạy:

- Bồ-tát đại-sĩ dẫn tiến chúng sanh bằng đại phương tiện chịu đủ khổ sở lớn mà không thấy gì là khổ vui.

Và kết luận:

- Các con! Nhờ thiện-tri-thức mà ta biết ân báo ân cha mẹ và chúng sanh, nhờ thiện-tri-thức mà ta độ chúng sanh thành Phật đà. Vây các con

(1) Tam thuyền: Tên một cõi trời.

phải biết ân báo ân của các vị thiện tri thức.

Trích báo :VIÊN ÂM

**Chỉ có lòng thương chân chính
Và rộng rãi mới cảm hóa được quần chúng**

Kẻ bỏn xèn bị phạt

Ngày xưa ở gần thành vua nước Xá Vệ, có ông Lô Chí, nhờ thừa hưởng của phụ âm và thêm hà tiện có tiếng "Rán sành ra mỡ được trở nên triệu phú ít ai bì".

Một hôm trong thành có tổ chức cuộc lễ công cộng linh đình, tiếng pháo vang rền, trống kèn inh ỏi đưa lọt vào tai, thêm trước mắt hình ảnh nam thanh nữ tú dập dìu ngựa xe đông đúc kéo nhau rộn rịp vào thành dự hội, làm cho Lô Chí thấy trong người cũng hân hoan. Ông vội vàng vào nhà mở tủ lấy ít đồng tiền lẻ, định ăn xài một bữa cho ngỏa nguê. Xong nhà bếp hết một nắm muối, lấy một cái chai, gói cột lại một chùm, Lô Chí mang đi xem lễ, không ngượng ngùng gì cả.

Vào thành, sau một hồi bách bộ ngóng xem cảnh đẹp phố phường, trường giả nhà ta mỗi một bụng bắt đói, miệng thèm ăn. Ông ghé vào quán

mua thêm ít cái bánh và rượu, rồi đi ngay ra ngoài ô tìm chỗ vắng người định dùng bữa. Đến một gốc cây to, ông vừa ngồi xuống mở nút trút ve, thì bỗng nghe tiếng kêu "qua qua!" trên không. Sợ lũ chim ô tinh ranh xót bánh, ông lật đật đứng dậy chạy một hơi tuốt ra đồng không màng quạnh, một mình ăn uống. Rượu vài tuần, ông trưởng giả húng chí đứng lên múa hát ngẫu ngao, lúc cao hứng ông lại lớn tiếng tự hào:

"Bực vua Trời (Đế Thích) hôm nay cũng không sướng bằng ta, huống nữa là các vị Tứ Thiên Vương!". Rồi cho ông lúc đó ông Đế Thích với các vị hiền thánh đi ngang qua đồng để đến tịnh xá Kỳ Hoàn nghe Phật thuyết pháp. Vừa nghe được lời ngạo nghễ của Lô Chí, vua Trời nghĩ ra một kế phương tiện để hóa độ người ngu si hết tật bần sèn. Ngài liền hiện thân thông biến ngay một Lô Chí giả giống hệt Lô Chí thật, chạy thẳng về nhà ông trưởng-giả. Lô Chí giả hỏi tất cả người nhà tụ họp lại nói chuyện. Ông thưa với mẹ rằng: Bấy lâu nay con bị con ma bần sèn ám ảnh mất hết trí khôn. Nó không cho con chủ trương một việc gì có đạo-nghĩa cả. Bao nhiêu tiền kho nó cũng cầm con đem cung-phụng mẹ già, cấp dưỡng con cái, dâu, rể. May mắn thay! Ngày hôm nay, như dịp tiết hội, con đi chơi trong thành, gặp ông đạo-sĩ cao tay ẩn đuổi con

ma tham lam ấy ra khỏi mình con. Từ đây cả nhà chúng ta đều được hạnh phúc. Ông lại dặn thêm rằng "Con ma bốn sên ấy giống con không sai chút nào. Nếu nó có đến, thì nội nhà ai ai cũng phải giúp con đánh đuổi nó ra khỏi cửa"

Dặn dò xong, ông vào kho tuôn tiền bạc ra cho người đi chợ thuê nhạc, mua pháo và sắm đủ món ngon, vật lạ làm tiệc linh đình, thiết đãi tất cả lực thân quyến thuộc, tới trai tới gái trong nhà và lối xóm láng giềng không sót một ai cả. Ông bảo đóng cửa rào lại không cho con ma bốn sên vào, để ông đem các đồ quý báu ra phân phát cho mọi người xong, rồi sau sẽ cho nó vô. Ông dâng cho mẹ áo quần quý giá, phát cho vợ, con, dâu, rể vàng ngọc bạc tiền. Tay phải ông dắt mẹ, tay trái ông dắt vợ đi viếng thăm kho tiền trong lúc tiếng hát hòa với giọng đàn, giữa mùi thuốc pháo pha lẫn hương trầm. Thật là cuộc vui hi hữu trong nhà ông trưởng giả lần thứ nhất vậy.

Lô Chí thiết tỉnh rượu trở về nhà. Thấy thiên hạ rất đông đảo bao vây quanh nhà mình, trong nghe có tiếng đàn hát trống kèn inh ỏi, ông lấy làm ngạc nhiên và sợ hãi. Ông cố sức chen lấn người vào đến cửa rào kêu gào lạc giọng người nhà, nhưng không ai lên tiếng. Lô Chí giả biết Lô Chí thiết đã về, dạy người ra mở cửa rào. Ông

trường-giã chạy thẳng vào nhà. Khi ấy mọi người đều la lên rằng:

"Ma bòn xén đến kia rồi! Hãy để phòng sẵn sàng đánh đuổi nó".

Lô Chí trường-giã thấy một người giống in mình ăn mặc sang trọng, có vẻ trang nghiêm, ngồi ăn uống với mẹ, vợ, con, gái, dâu, rế một cách tự nhiên. Ông lại gần hỏi: Người là ai? Sao được vào nhà ta hoành hành phung phí như thế?

Vua Trời tươi cười hỏi lại: Người là ai?

- Tôi là Lô Chí, chủ nhà này chứ ai. Bà này là mẹ tôi, cô kia là vợ tôi, đám nọ là con cái, dâu, rế tôi.

Tất cả người trong nhà đều phản đối. Bà mẹ nói "Con ma bòn xén, mày giống con tao thiệt, nhưng tao nhìn nhận đứa con hiếu thảo, mà từ bỏ đứa con bội nghịch". Bà lại kêu nàng dâu nói: "Con ma bòn xén xưng là chồng mày, sao không lại gần nó đi".

Nàng dâu đỏ mặt, nạt dội trường-giã: "Đồ quý nói xàm! hãy đi cho khỏi nhà này, thú bòn xén ai mà có yêu".

Vua Trời nói: Các người đều công nhận tôi là Lô Chí, chủ nhà này thì sao còn để ma bòn xén

đây làm gì? Tức thời kẻ thọt gậy, người quơ roi đuổi xua trường giả chạy dài một nước. Ra đường ông ta tay bút tóc, chân dậm đất, miệng kêu trời, khóc kể rớt rít như người mất trí. Một ông lão thấy vậy thương tình, cho mượn tiền sắm lễ vật đến vua cầu xin minh oan. Đến bệ rồng, trường giả Lô Chí vừa cúi đầu dâng hai tấm lụa lên bỗng bị Đế Thích dùng phép thần thông biến hai tấm lụa thành hai bó cỏ khô. Lô Chí chết khiếp sợ tội khi vua, mặt mày tái mét, run rẩy lập cập nói ra không được lời nào.

Vua lấy thế làm thương, hỏi các người theo Lô Chí biết việc làm sao tâu giùm rành rẽ.

Bạn của Lô Chí tâu rằng "Muôn tâu bệ hạ, hôm qua ông Lô Chí vừa đi dự lễ trong thành, thì có một người giống hệt như ông, tự xưng là Lô Chí, đi ngay vào nhà ông, tự do hoành hành, tiêu xài hết của cải. Ông Lô Chí về, người nhà gọi rằng ma bòn xén không nhìn, đánh đuổi. Ông Lô Chí uất ức quá nên đến xin Thánh hoàng minh xét".

Vua nghe tâu rồi cho người bắt kẻ giống như Lô Chí đến hầu.

Lô Chí giả, chính là Đế Thích, đến trước bệ rồng. Vua xem tiên cáo, hai người in như khuôn đúc, không biết thế nào mà phân biệt giả thật.

Vua suy nghĩ một chập rồi nói với bị cáo rằng: Lô Chí xưa nay vốn rít róng không dám xài tiền. Còn nhà người tâm tánh rộng rãi, biết thi ân bố đức cho mọi người. Trăm xét tính tình khác nhau như thế thì đủ biết thật-giả lắm rồi, nhà người cứ việc khai ngay.

Đế Thích đáp: "Bệ hạ phán lời ấy có lý, song gần đây tôi mới hấp thọ giáo pháp của Đức Phật Thích Ca, bỏ tà theo chánh, nên tôi phát tâm bố thí, dứt sạch thói bòn xén dê hèn ngày xưa".

Vua hỏi quần thần có ý kiến gì hay giúp ngài minh oan.

Ông Túc Cầu tâu "Xin bệ hạ hỏi các việc bí mật ở trong nhà và trong thân thể thì biết được sự chơn giả". Vua đưa cho hai người vào phòng riêng bắt làm khai của cải và những việc cần mật. Thì hai tờ số khai trình sản nghiệp và sự bí mật đều giống nhau cả. Vua lấy làm lạ. Ngài hạ lệnh đòi mẹ Lô Chí vào hầu.

Vua hỏi "Trong hai người này: ai là thiệt con bà?

Đế Thích nói nhỏ trong tai bà ấy: "Xin mẹ chớ để con bị con ma bòn xén ám ảnh nữa".

Bà cụ chỉ Đế Thích: "Người này có lòng hiếu thảo với tôi, chính là con tôi. Còn người kia bạc

béo lấm, quyết không phải là con tôi. Tôi căn cứ vào tánh nết tốt xấu mà thừa nhận, chứ hình vóc, tiếng tăm không phân biệt được.

Vua lại hỏi: Con bà có dấu vết gì? ở trong chỗ ẩn mật hay không?

Bà cụ tâu: Ở dưới nách bên tả con tôi có một nút ruồi đen bằng hạt đậu nành.

Đế Thích nghe lập tức biến nút ruồi ngay ở nách để đợi khám nghiệm.

Vua truyền hai người cởi áo, đưa tay trái lên coi, thì thấy người nào cũng có nút ruồi đen như nhau. Vua và quần thần hết sức ngạc nhiên đồng cười rộ. Vua thú thật rằng Ngài không phương giải quyết. Ngài nhất định thân hành đem nội vụ đến tịnh xá Kỳ Hoàn cầu Phật phân đoán.

Đến trước Phật đài, vua lễ đức Như Lai ⁽¹⁾ và bạch rằng: "Lạy đức Thế Tôn, chúng con đem hết tài năng suy cứu cũng không làm sao phân biệt được hai người này ai là Lô Chí thật ai là Lô Chí giả. Mong cầu đức Như Lai dùng Phật nhãn phân giải dứt khoát tội nghiệp ông Lô Chí trưởng giả".

Bạch rồi, vua phán dẫn hai ông Lô Chí đến

1) Như Lai: Đức Phật - Người đã giác ngộ, đã tự chủ không còn bị nội tâm và ngoại cảnh chi phối.

trước Phật đài. Đại chúng ngồi yên lặng đợi nghe đức Thế Tôn minh đoán.

Bị cáo Lô Chí giả, thân thể khác thường mặt mày vui vẻ, ngồi yên lặng chỉnh tề. Tiên cáo, Lô Chí thiết thân hình tiểu tụy, quần áo rách rưới, bẩn thỉu, mặt mày lem luốc, ra dáng đau khổ. Ông khóc muốt, bạch rằng: Lạy đức Thế Tôn, xin đáng cha lành lành cho con khỏi sự oan ức.

Bị cáo, ông Đế Thích thấy Lô Chí khổ não quá thì mỉm cười.

Đức Như Lai cất cánh tay vàng thân quang rực rỡ chói lòa, phá tan mọi vật mờ ám tối tăm, không còn vật nào ẩn hình vào đâu được nữa. Đức Phật hỏi Đế Thích rằng "Người làm gì thế?"

Lô Chí giả lập tức biến mất, hiện nguyên hình là Đế Thích, khắp mình hào quang chói rạng, tướng mạo trang nghiêm, chấp tay hướng trước Phật đài đọc bài kệ rằng:

Cái người bốn sên ngu si

Không hay bố thí giúp gì cho ai,

Năm đồng bánh rọu một chai

Dem ra nơi vắng ngồi nhai một mình

Say rồi múa hát linh đình

Lớn lời tự thị dám khinh cả trời

Muốn cho tánh nó đổi đời

Quyền nghi phương tiện nên tôi trả hình.

Phật bảo Đế Thích: "Tất cả chúng sinh đều có tội, nên hoan hỷ cho nó".

Trưởng giả Lô Chí than với Đế Thích rằng: "Tôi chịu khổ sở nhiều năm mới tích trữ được tiền của cho đầy kho. Nay bị Ngài huy hoặc phá tan hết trơn, tội nghiệp tôi quá!

Đế Thích đáp rằng: "Ta không hề tiêu phá của người đồng nào.

Trưởng giả Lô Chí còn hoài nghi.

Phật dạy rằng: Người hãy an lòng tin chắc, cứ về kiểm điểm lại đi, không mất một tí gì đâu cả. Lô Chí tin lời đức Phật, bao nhiêu phiền não đều tiêu tan. Ông kính cẩn lễ Phật rồi vội vã trở về nhà.

Thuật giả: THÍCH TRƯỜNG LẠC

Vàng hay Rắn

Khi đức Phật còn tại thế, một hôm Ngài cùng hai vị đại đệ tử A Nan và A Nan Đà từ non Thuru Lãn đi xuống kinh thành khát thực. Đi giữa đường, ngang qua một bờ đất lở, Ngài thấy một ghè vàng.

Đức Phật dừng lại bảo A Nan Đà rằng:

"Này A Nan Đà! Người có thấy đây là một loài rắn độc không?". Ngài A Nan Đà cung kính bạch rằng: "Bạch Thế Tôn thật là một loài rắn độc rất đáng sợ hãi". Có chàng tiểu phu đứng gần nghe vậy, tưởng có gì độc thật vội vàng đến xem.

Anh đến, thấy một ghè niêm phong cẩn thận, mở ra xem. Anh mừng quá. Vàng toàn là vàng. Vàng ngọc quý cả. Anh cười thầm Phật và đệ tử Ngài không biết dùng thứ ấy, còn cho nó là rắn độc. Anh ta cẩn thận, hớn hờ mang về. Trước khi đem về, anh ta sung sướng la lên rằng:

"Tôi xin nguyện con rắn độc này luôn luôn cắn

tôi và cần cha mẹ, vợ con, quyến thuộc tôi. Tôi không cảm thấy đau đớn gì hết".

Anh chàng tiểu phu kia trở nên một người trưởng giả giàu có kiêu sa: nào là nhà cửa, ruộng vườn, tôi tớ, bò trâu, xe cộ, cực kỳ sung túc và lộng lẫy: Làng xóm thấy vậy đâm ra nghi kỵ, không biết anh vì sao giàu sang đột ngột như vậy?

Tiếng đồn vang đến tai vua A Xà Thế. Vua cho sứ giả đến hỏi: "Có phải được của kén nhà vua chăng?". Anh ta ấp úng trả lời: "Tôi giàu là tôi giàu; tôi cũng không được chi của nhà vua cả".

Sứ giả về tâu lại.

Vua cho gọi đến hỏi. Anh cũng ấp úng trả lời như cũ. Cho là người gian, vua ra lệnh tịch thu gia tài điền sản và bắt anh ta và tất cả bà con quyến thuộc đem đi hành hình.

Khi đi giữa đường. Anh ta khóc lóc, buồn bã và la lớn rằng: "Ngài A Nan Đà ơi! Thật là một thứ rắn độc! Rắn độc nó đang cắn tôi và cắn bà con của tôi đây".

Theo luật vua A Xà Thế, ông vua thật hành Phật pháp, mỗi khi muốn xử tử một người nào, giữa đường nếu có gì lạ phải trở về tâu lại ngay. Bọn lính nghe chàng ta gọi mãi ngài A Nan Đà,

bền trở về tàu lại vua hay.

Vua đoán chắc có chuyện lạ, nên ra lệnh đem anh về. Vua hỏi lại lần này anh ta mới chịu thừa thiệt nguyên do được ghè vàng, nghe xong, vua cảm động ân hóa dụ của đức Phật và bảo chàng tiểu phu rằng: "Tội người đáng chết, nhưng may duyên gặp đức Thế Tôn. Ta cũng là Phật tử, ta phóng thích cho người và bà con người. Người được phép đem gia tài và châu báu về. Người phải đổi tự tâm tu theo thiện nghiệp và hết lòng cung kính cúng dường Tam Bảo."⁽¹⁾

Chàng tiểu phu được phóng thích, sung sướng vô cùng. Cảm mến ân Phật được sống, chàng về chỉ lo tu phước đức và hết lòng cúng dường Tam Bảo.

Không bao lâu, nhờ công đức và lòng thành kính tu hành, anh ta được chứng quả giải thoát.

**Ta phải làm chủ tiền bạc,
Đừng để tiền bạc làm chủ ta.**

⁽¹⁾ Tam Bảo: Ba ngôi báu - Đức Phật, Giáo pháp của đức Phật và các hàng Tăng sĩ đệ tử của đức Phật.

Phước báo hiện tiền

Ngày xưa ở xứ Hòa Na, dân chúng phần nhiều tín ngưỡng Phật giáo. Có vợ chồng chàng Kế Sa La cũng nhờ ảnh hưởng tinh thần ấy, mà nổi tiếng đôi vợ chồng hiền đức.

Nhà Kế Sa-la rất nghèo, hằng ngày phải vất vả hai sương một nắng, tranh đấu với bát com manh áo; nhưng vợ chồng vẫn vui vẻ thân mật, an phận trong cảnh thanh bần, không bao giờ vì tiền tài danh vọng, mà làm hoen ố được lòng trong sạch của vợ chồng chàng. Ngoài ra, chàng lại không quên đem chánh pháp mà mình đã hiểu biết, khuyến khích mọi người trở về đường thiện; mà chàng có thể đảm đương.

Thuở ấy, miền ngoại ô xứ Hòa Na vừa bị mất mùa, lại tiếp thêm nạn tật dịch, nên dân chúng miền ấy đói và chết rất nhiều. Các nhà hảo tâm trong xứ hiện thời, hoặc chung hoặc riêng, đến chùa tổ chức nhiều cuộc bố thí. Trước nhờ các

Tặng sĩ cầu nguyện cho những kẻ vừa bỏ mình vì
tật dịch được siêu thoát và nạn tật dịch đương
hoành hành mau chấm dứt; sau đem các phẩm
vật phân phát cho các nạn nhân đói khổ.

Vì vất vả theo sinh kế, vả lại cũng ít lui tới các
phương xa, nên nạn tật dịch đói kém hoành hành
ở ngoại ô vợ chồng Kế Sa La không hay biết gì cả.

Theo lệ thường, sáng nào Kế Sa La cũng cùng
vợ chia nhau đến các nhà điên chủ để làm mướn.
Nhưng lạ thay, sáng nay Kế Sa La đi một đoạn
đường lại gặp những vị trưởng giả, khăn áo chỉnh
tề, theo sau những tên gia đình hì hục mang
gánh gạo com mền áo... gặp hai ba phen như thế,
Kế Sa La không ngớt ngạc nhiên, dừng lại hỏi:
Chàng mới biết vùng ngoại ô đang bị nạn và
những bậc trưởng giả này đem các phẩm vật đến
chùa để mở cuộc bố thí. Bị kích thích bởi tình
đồng loại, lại thêm tủi cho số phận nghèo nàn
của mình: trong khi đồng bào đang lâm cơn đói
khổ mà mình không có một quan tiền, một đấu
gạo, một viên thuốc để đỡ dần. Càng nghĩ chàng
càng đau đớn sâu túi! Trong trí chàng hiện ra
nhiều dấu hỏi: làm thế nào có tiền để giúp đồng
loại? Và chàng nguyện rằng: nếu làm cách nào có
tiền gạo để bố thí dù thân bị dày dọ suốt đời
chàng cũng vui lòng đối lấy. Đến đây, Kế Sa La

không còn thiết gì đến ăn làm nữa, lủi thủi về nhà.

Tối đến vợ chàng về, thấy chồng mặt mày ủ rũ, ngồi một mình thở ngán than dài hình như bất đắc chí vì một việc gì... Chị vợ lo sợ hỏi chồng, nhưng chàng tìm cơ thoái thoát không trả lời, vì chàng biết trước rằng: nếu đem sự thật nói với vợ, đã không ích gì mà lại gieo thêm cho vợ mối sầu tủi như mình, nhưng sau hai ba phen thiết tha gạn hỏi của vợ, Kế Sa La không nỡ dấu diếm nữa mới đem đầu đuôi câu chuyện thuật lại vợ nghe. Vợ chàng không kém gì chàng, cũng sầu, cũng tủi, cũng thở than như chàng! Nhưng sau một hồi suy nghĩ, chị vợ hăng hái nói: nếu chàng bằng lòng chị ta sẽ đến ở giúp việc cho các nhà phú hộ, thế nào cũng nhận được một số tiền, để làm việc bố thí. Kế Sa La không tán thành, và chàng không nỡ để cho vợ: nữ nhi yếu ớt một mình đem thân để làm tội mọi người.

Chị vợ lại nói: Hay là cả chúng ta đều đến ở giúp việc cho một nhà đại phú, trước nhận được một số tiền lớn để bố thí, sau có thể giúp đỡ nhau trong những công cuộc nặng nề. Ý kiến này được Kế Sa La hoan hỷ tán đồng. Thế là sáng mai đôi vợ chồng Kế Sa La lên đường đến một nhà đại phú ở cạnh làng, xin giúp việc và nhận trước một

số tiền.

Vốn nghe vợ chồng Kế Sa La là người hiền đức, nên nhà đại phú kia bằng lòng ngay và cho vợ chồng Kế Sa La mượn trước một trăm quan tiền, lại được phép về nhà bảy ngày để sắp đặt công việc; và nếu trong bảy ngày ấy vợ chồng Kế Sa La đem đủ số tiền hoàn lại ông, ông cũng vui lòng trả quyền tự do cho vợ chồng chàng.

Tiền bạc giấy tờ xong, vợ chồng Kế Sa La hết sức vui mừng, đi vào chợ mua các phẩm vật... và đến chùa Đàn Ba gần đấy, xin thiết lập cuộc bố thí ngay tại chùa, sau sáu ngày chú nguyện, đến ngày thứ bảy sẽ phân phát các phẩm vật.

Việc làm ấy rất thích hợp với hạnh Từ Bi, lại thấy lòng chí thành của vợ chồng Kế Sa La, nên các Tăng sĩ trong chùa đều tận tâm giúp đỡ, để cho cuộc bố thí này được thập phần viên mãn.

Chiều ngày ấy, Quốc vương bản xứ cũng cho người chuyên chở rất nhiều phẩm vật đến chùa Đàn Ba mở hội và cũng định ngày thứ bảy bố thí. Vị trú trì ⁽¹⁾ chùa Đàn Ba tâu vua: ngày ấy đã có vợ chồng Kế Sa La định mở hội trước rồi, yêu cầu nhà vua chung vào hội bố thí ấy, nếu không xin hoãn lại ngày sau. Nhà vua phán: Trẫm thiếu gì

(1) Trú trì: Vị Tăng sĩ cai quản trong một ngôi chùa.

tiền bạc mà phải chung chạ với người khác và trăm đây đường đường một vị quốc chủ, Kế Sa La nào đó lại không vì trăm mà nhường cho trăm được như nguyện hay sao? Vị trú-trì đem lời thuật lại với vợ chồng Kế Sa La.

Kế Sa La nhờ vị trú-trì tâu lại nhà vua: vợ chồng chàng xin cúi đầu chịu tội, chứ không thể thay đổi cuộc bố thí qua ngày khác.

Với ý định cương quyết ấy, nhà vua hết sức ngạc nhiên, cho đòi vợ chồng Kế Sa La vào hỏi. Tiếp diện nhà vua, Kế Sa La đem hết cả sự tình tâu rõ là: Vợ chồng chàng đã bán mình cho một nhà địa chủ lấy tiền mở hội bố thí, đến ngày thứ tám đã chính thức làm tội tở cho người, không còn đi lại tự do nữa.

Nghe xong câu chuyện, nhà vua hết sức cảm phục cử chỉ của vợ chồng Kế Sa La. Ngài bùi ngùi than rằng: nếu trong quốc độ này mà được nhiều người có "tử tâm" như vợ chồng Kế Sa La, thì còn đâu những kẻ tham lam ích kỷ, lường gạt đồng bào và còn đâu những kẻ bơ vơ trong xô chợ đầu đình, lê mình khắp xứ, mà không đủ chén cơm lót dạ, manh áo che thân!

Tức thì nhà vua lại sai người đem vàng bạc ra ban thưởng và hạ chiếu cấp cho vợ chồng Kế Sa La được trọn đời hưởng quyền lợi trong mười xã.

Ngài lại kêu vợ chồng Kế Sa La đến phán rằng: "Đây là PHƯỚC BẢO HIỆN TIỀN của hai người đó và trăm vui lòng nhượng hai người mở cuộc bố thí vào ngày thứ bảy để cho hai người được toại nguyện".

Vợ chồng Kế Sa La cảm động lạy tạ ơn vua. Và đôi vợ chồng ấy, không quên niệm hồng ân đức Phật đã tác thành cho vợ chồng chàng: "đức tánh Từ Bi, nâng cao Đạo sống". Nên nay mới gặp nhà vua đức độ, đem lại cho vợ chồng chàng đến cuộc đời sung sướng giàu sang.

Thuật giả: THÍCH ĐỨC TÂM

Dắt một người mù qua đường, cho người dắt tay miếng giẻ rách, lượm cây gai giữa đường, cho con kiến hạt cơm, đều gọi là bố thí.

Con dao trong tâm

Ngày xưa ở thành Xá Vệ nước Ấn Độ, đức Phật đến hóa độ cho một gia đình kia, hai vợ chồng đều có tánh tham lam độc ác, không biết tôn trọng đạo đức. Ngài liền hóa một vị đạo nhân, mang bình bát đến khát thực. Lúc ấy người chồng đi vắng, người vợ ở nhà, thấy vị đạo nhân vào liền mắng chửi ầm lên. Vị đạo nhân hiền từ nói:

"Tôi là người tu hành, chỉ xin ăn mà tự sống. Lòng chỉ mong gia chủ cho bát cơm để đỡ lòng, có sao lại mắng chửi đôi đủ điều thậm tệ như vậy".

Người vợ tức giận hét ngược lên, thì vừa người chồng về, trong tay sẵn cầm con dao bén, chẳng nói chẳng rằng, người chồng lặng lẽ xông tới, định chém vị đạo sĩ. Bỗng một bức thành bằng pha lê hiện lên, bao bọc người đạo sĩ, bức thành trong sáng, kiên cố, không có cửa, người chồng đến xô đập, đâm chém đủ cách cũng không sao

chuyển được.

Người chồng liền nói: "Ông hãy mở mau cho tôi vào với".

Vị đạo sĩ trả lời: "Được, nhưng ông hãy quăng con dao bén đi đã".

Người chồng tự nghĩ: "Mình to lớn như thế này, còn người đạo sĩ bé nhỏ thế kia, mình dùng hai tay không cũng đủ giết chết vị ấy trong giây lát" nghĩ đoạn, liền quăng con dao bén đi xa, nhưng sao bức thành pha lê vẫn nguyên như cũ, người chồng tức giận hét lên:

"Tôi đã quăng con dao bén đi rồi sao ông không chịu mở cửa cho tôi vào".

Vị đạo sĩ đáp: "Không, tôi không có nói ông quăng con dao bén trong tay ông, tôi muốn ông quăng con dao bén trong tâm ông kia mà".

Người chồng giật mình kinh sợ, nhận thấy vị đạo sĩ thấu hiểu tâm lý thâm kín của mình, nên đã bớt độc ác, cúi đầu lạy tạ, ăn năn hối lỗi. Bức thành pha lê kiên cố ấy bỗng biến mất, vị đạo sĩ hiện thành đức Phật, phóng muôn ánh hào quang chói sáng rực rỡ một phương trời, và ngay khi đó đức Phật thuyết pháp để hóa độ cho hai vợ chồng người ấy.

Trích báo: VIÊN ÂM

Tâm bình thế giới bình

Người học trò bị thầy gạt được Phật độ

Thuở xưa, tại thành Xá Vệ có ông Phạm Chí làm cố vấn cho nhà vua, mở trường giảng đạo Bà La Môn, thu được một số học trò rất đông. Trong đám đệ tử của ông, có chàng Ương Quật Ma là một ngôi sao tỏ rạng : văn đã giỏi, võ cũng hay, nét nà thuần túy, thêm diện mạo khôi ngô. Ai biết được Ương Quật Ma rồi cũng đều trầm trồ khen ngợi là người tài đức song toàn.

Người vợ của ông Phạm Chí lại chú tâm yêu thâm trọng mến đũa học trò giỏi nhất của chồng. Nhon lúc chồng đi vắng, nàng phẩn son trang điểm xạ ướp hương xông đến nhà Ương Quật Ma đường đột vào phòng liếc mắt đưa tình, nói số sàng những lời hoa nguyệt cây trúa, tỏ bày thái độ quyến luyến gió trăng một cách lả lơi chẳng biết ngại ngùng.

Trước cử chỉ khiêu dâm, người học trò nét nà

thuần túy ấy không bao giờ để cho lửa tà xâm chiếm, Ương Quật Ma giữ lễ độ tử, thua với vợ thấy rằng : "Thua thím, thấy ví như cha, thì thím ví như mẹ, đệ tử thà chết chứ không dám làm điều bất chính để tiếng nhơ nhớp ngàn năm".

Vợ ông Phạm Chí còn giòn giả nói thêm : "Hề dối thì ăn, khát thì uống, huống nữa ta đã sẵn sàng cho thì cứ tha hồ thưởng thức cái gì gọi là bất chính ?".

Ương Quật Ma nghiêm nghị nét mặt cự tuyệt lại rằng: Kẻ ngu dốt lỗ làng thói chim muông còn biết hổ thẹn! người học đạo như tôi há chẳng thẹn, nếu không biết tôn ti thượng hạ. Và lại thím cũng như mẹ tôi, tôi đâu bạo gan làm điều vô liêm sỉ. Dứt lời, Ương Quật Ma liền bước ra khỏi nhà.

Vợ Phạm Chí biết người học trò của chồng mình lòng cứng như sắt đá không thể lay chuyển nổi, nên nàng riu riu ra về một nước với sự mắc cỡ chua cay. Dọc đường, nàng tức giận quá mới nghĩ kế trả thù cho đã nư, nhất là cho khỏi gai mắt. Về nhà, nàng xé quần áo, lấy màu thoa mặt biến sắc, quàu mình trầy trụa, giả bộ đau nặng, nằm rên hi hi..

Ông Phạm Chí về, thấy vợ đầu bù tóc rối, quần áo rách rưới, thân thể bị vết, thêm nghe vợ

kêu nhúc rối rít, ông hỏi tại sao mà đến nỗi như thế ?

Nàng đáp rằng: "Sớm mai này, thừa lúc chàng đi vắng, Ương Quật Ma lên vào phòng thiếp, kéo áo nắm tay, giở trò hãm hiếp : thiếp không thuận tình, bị gã cưỡng bức mới ra nông nỗi như vậy".

Ông Phạm Chí nghe lời vợ nói thảm thiết đau thương, liến tin, không cần xét lại thật giả, quyết trừng trị ngay đưa học trò mình một cách nặng nề mới vừa lòng. Ông nghĩ ra một chước để gạt Ương Quật Ma sa vào lưới pháp luật, bị án tử hình hơn là mình ra tay giết nó; ông bèn gọi Ương Quật Ma nói ngon ngọt rằng: "Con đến học với thầy bấy lâu nay nghề kiếm thuật được tinh thông; theo chỗ thầy thấy thì trong đời không ai sánh kịp. Nhưng vì thiên hạ chưa biết nên con còn mai một tên tuổi. Muốn cho con mau nổi tiếng anh hùng, trước làm rạng rỡ tông môn, sau làm vẻ vang thầy tổ, nên thầy ban cho con thanh kiếm này để cho con lập công danh trong chớp mắt". Ương Quật Ma lãnh thanh kiếm và đứng chờ thầy chỉ dạy thêm. Ông Phạm Chí bảo rằng: "Sáng sớm, con mang gươm ra ngã tư đường cái là chỗ đông người qua lại đón chặt lấy mỗi người một ngón tay, đến đứng trưa, lấy cho đủ một

trăm ngón, xỏ xâu làm như tràng hạt mà đeo, thì tự nhiên nổi danh "hoàn cầu vô địch đồng sư". Con phải lập tức thi hành y như lời thầy đã dạy. Hăng hái mau lên con !".

Uông Quật Ma gắng gương mang gương ra đi, vừa suy nghĩ sợ sệt, buồn rầu : nếu không nghe lời thầy thì lỗi đạo làm học trò; còn vâng lời thầy thì trái với lẽ phải; vì có ngàn ngửa mười điều ác và rộng làm mười việc lành mới sanh lên cõi trời; ấy mới là phải phép con nhà Phạm Chí; còn lung lẳng giết hại trái với lương tâm , con người học đạo nỡ lòng nào tàn nhẫn . Mãi so hơn tính thiệt, nghĩ tới xét lui, Uông Quật Ma bấn loạn tâm thần , đi vừa đến cội cây cổ thụ bên vệ đường, chàng bị xây xam mặt mày, ngã gục ngất người bất tỉnh. Thừa cơ, quỉ ác ám ảnh làm cho chàng như điên như dại, trợn mắt nghiêng răng, hươu gương vùn vụt.

Lúc bấy giờ, kẻ bộ hành bốn phương vì nghiệp xưa đuổi đến bị Uông Quật Ma chặt đứt mỗi người một ngón tay, trong chốc lát gần đủ số một trăm. Những kẻ mắc nạn kêu la thảm thiết, tiếng đồn thấu tai nhà vua, các thầy TỖ kheo⁽¹⁾ đi khắp thực cũng rõ việc chẳng lành ấy, nên khi về tới tịnh xá, liền bạch với Phật:

(1) Tỳ kheo : tu sĩ Phật giáo.

Đức Thế Tôn nghe qua động lòng thương xót, bảo các thầy Tỷ kheo rằng: "Các người cứ ngồi yên, để ta đi cứu khổ cho mọi người". Dọc đường, Phật gặp bọn chần dè và dân chúng khuyên Ngài đừng vào con đường đương có người điên rồ tàn ác giết hại không biết bao nhiêu người rồi. Nếu Đức Phật đến đó, sợ e không khỏi bị thiệt hại: mất một ngón tay.

Đức Thế Tôn đáp: "Không sao cả, giả sử trong ba cõi đều là giặc cả, ta cũng chẳng hại gì, huống chỉ chỉ có một người tàn bạo, thì ta có sợ gì, chúng người chớ lo ngại".

Mẹ Ương Quật Ma thường ngày vẫn thấy con gần đến giờ ngộ là về dùng bữa, mà hôm nay sắp đứng bóng rồi sao chẳng thấy con về, bà bèn đem cơm ra khỏi nhà tìm con. Khi đến nơi thì Ương Quật Ma đương đếm ngón tay được 99 cái. Nó trông lên mặt trời thấy đứng Ngọ mà còn thiếu một ngón tay nữa, sợ quá giờ hỏng việc. Ương Quật Ma lòng đương bối rối, thoát thấy mẹ đến, không rõ là ai, giờ kiểm chục chắc lấy ngón tay cho đủ số một trăm.

Mẹ Ương Quật Ma thấy con có bộ tịch hung hăng, bà hoảng hốt lui lại, thì lúc đó Phật vừa đến kịp.

Thương hại cho Ương Quật Ma thành linh bị ác quỷ ám ảnh mê muội làm việc tàn nhẫn nếu chặt đứt tay mẹ, phạm lấy tội ngỗ nghịch, sẽ bị trăm luân nhiều kiếp rất tội nghiệp, bèn hóa làm thầy Sa môn⁽¹⁾ lướt tới đứng trước mặt mẹ chàng. Gã thấy thầy Sa môn liền hươi gươm toan chém lấy ngón tay. Nhưng vô hiệu quả, nó không làm sao lại gần bên mình thấy tu ấy được, mặc dầu nó ráng hết sức chạy theo cũng không bắt kịp. Ương Quật Ma nghĩ rằng: Ta nhảy một cái vượt khỏi sông lớn dễ dàng như kẻ thế gian bước muong rãnh, còn thầy Sa môn nầy đi bộ mà ta hết sức chạy theo cũng không kịp. Thật là lạ! Vậy ta phải dùng phép nhiếp hồn mới được. Ương Quật Ma bèn nạt một tiếng thật to vang như sấm, kêu rằng: "Thầy Sa môn kia phải dừng lại". Thấy Sa môn đáp: "Ta đứng yên đã lâu, tại ngươi cứ chạy mới cách xa ta mãi!"

Ương Quật Ma nghe nói hồi tỉnh lại, bèn ngâm bài kệ:

*"Thầy nói đã đứng lâu,
Sao tôi rượt không kịp?
Thầy nói tại tôi chạy,
Ấy là tôi bị hiếp,
Xin thầy giải nghĩa giùm,*

(1) Sa Môn: Tu sĩ Phật giáo cũng như Tỷ Kheo

Cho tôi hết nghi hoặc"

Thầy Sa-môn dạy rằng :

Chỉ mang ⁽¹⁾ nghe ta nói, mới khỏi sai lầm.

*Vì người trọng vọng, để cho ám vào, nên
không tự chủ được.*

Muốn nổi tiếng anh hùng gây ra nhiều tội ác.

Thật là rất u mê, mong gì nên đạo nghiệp.

Ta đã đứng yên lặng, nên ta được giải thoát.

*Người vẫn cứ lăng xăng, nên người bị
khổ não.*

Uong Quật Ma nghe nói tỏ ngộ, như say mê được tỉnh táo, liền ném gươm bên vệ đường, quì mọp xuống đất lễ Phật, bạch rằng: "Lạy đức Thế Tôn, xin dung thứ cho con là kẻ mê muội. Từ đây con xin làm đệ tử Ngài, bỏ tà theo chánh; mong nhờ đức Thế Tôn rộng lòng thương xót cứu độ con"

Đức Phật biết Uong Quật Ma cơ duyên đã thuận thực, bèn nhận lời làm đệ tử, đưa về tịnh xá tại vườn ông Cấp Cô Độc. Từ đó người tu các phạm hạnh ⁽²⁾ tinh tiến, chẳng bao lâu chứng được quả thánh.

Bấy giờ vua Ba-Tu-Nặc kéo binh đi tìm bắt kẻ sát nhân là Uong Quật Ma. Ngài đi cùng nơi khắp chỗ mà tìm không gặp. Thoạt đến tịnh xá,

(1) *Chỉ mang*: vì chặt ngón tay người làm chuỗi đeo nên gọi là *Chỉ mang*

(2) *Phạm Hạnh*: Hạnh trong sạch.

vua Ba-Tu-Nặc vào đánh lễ Phật.

Đức Thế Tôn hỏi vua ở đâu lại đây coi có vẻ mệt mỏi quá vậy

Vua bạch rằng: "Lạy Đức Thế Tôn! vì nghe quân báo có đứa nghịch tặc tên Ương Quật Ma đón đường giết hại lắm kẻ bộ hành; tôi phải đem binh tìm bắt để trừ hại cho dân lành, nên phải tuôn pha gió bụi dơ bẩn".

Phật nói: "Thế mà Ương Quật Ma hiện nay đã xuất gia làm tỳ-kheo ở tại đây: Vua có cần trị tội người nữa chăng?

Vua bạch Phật rằng: "Nếu người đã phát tâm xuất gia học đạo, thì chẳng những tôi không trách phạt lỗi trước, mà tôi nguyện xin hứa nguyện trọn đời tứ-sự cúng dường ⁽¹⁾ nữa. Bạch đức Thế Tôn, chẳng biết Phật thế nào mà khuyến hóa được kẻ hung ác ấy vào đạo dễ dàng? Và bây giờ người ấy ở đâu?"

Phật vừa nói vừa chỉ: Người ấy ngồi kể bên đây!

Vua ngoảnh lại thấy Ương Quật Ma, mặt liền biến sắc tỏ vẻ sợ hãi.

Phật an ủi rằng: Vua chớ nên sợ, người ấy nay

(1) Tứ sự cúng dường: Cúng cấp bốn món: ăn uống, y phục, mền chiếu, thuốc men.

đã hiền lành không còn tánh bạo ác như xưa đâu, vua Ba Tư Nặc đi ngay trước mặt Uong Quật Ma chấp tay và chào hỏi rằng: "Thầy có phải là chỉ mang Uong Quật Ma không?"

Thầy Tỳ-kheo đáp lại rằng: "Chính tôi là Uong Quật Ma".

-Thầy lúc còn ở tại gia họ là chi?

-Tôi Kỳ Giốc

-Sao lại gọi là Kỳ Giốc?

-Vì tôi phải lấy theo họ của cha tôi lưu truyền.

-Thế là phải lắm! Thừa thầy Kỳ Giốc Tỳ kheo, tôi xin trọn đời cúng dường cho thầy các món cần thiết trong lúc thầy tu hành.

Uong Quật Ma cảm lòng chí thành của vua nên hoan hỉ nhận lời.

Vua Ba Tư Nặc cúi đầu bái chào thầy Kỳ Giốc Tỳ-kheo rồi lại trước pháp tòa khâm khen công đức Phật như vậy: "Từ-bi thay, đức Thế Tôn! giặc ngộ cho người mê muội, dắt dẫn kẻ tàn ác trở lại đường lành, xuống phước cho nước nhà, ban ân cho lê thú, cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi vòng khổ não!". Vua tán thán công đức của đức Phật rồi liền kéo binh về hoàng cung.

Bấy giờ thầy Tỳ-kheo Uong Quật Ma đắp áo cà

sa, bung bình bát vào thành Xá-Vệ, lần lượt theo thứ lớp từ nhà xin ăn. Dọc đường, thấy gặp một người đàn bà có thai gần ngày sanh, cầu xin thấy chú nguyện cho được bình an. Thấy Tỳ-kheo không biết chú nguyện thế nào, trở về tịnh xá, ăn cơm xong, thấy đến trước mặt Phật bạch rằng: "Lạy đức Thế-tôn, hồi sáng này, con vào thành khát-thực, gặp một người đàn bà có mang gần ngày sanh nở. Người ấy lo ngại thai nghén trắc trở nghịch chiều, cầu xin con chú nguyện thế nào nhờ Phật từ bi dạy cho con được rõ"

Phật bảo rằng: "Người mau trở lại an ủi người đàn bà ấy như vậy: Tôi rất thành thật nói lời chắc chắn, từ khi tôi mới sinh ra đến ngày nay, tôi chưa từng sát nhân hại vật. Vậy tôi nguyện cho bà đến lúc sanh sản được bình an vô sự".

Thấy Tỳ-kheo Ương Quật Ma do dự bạch Phật rằng: "Con đã làm nhiều tội ác, chém đến 99 người lấy mất mỗi người một ngón tay, còn đâu dám nói vọng được!".

Phật nói việc ấy đã qua như thuộc đời về trước, khác hẳn với đời này. Từ khi người xuất gia đến giờ chưa từng nói dối, vì thế người cứ chú nguyện như vậy cũng đủ cứu thoát ách nạn cho người đàn bà ấy.

Ương Quật Ma vâng lệnh Phật đến nhà người

dân bà chữa chú nguyện y như lời Phật dạy. Vừa dứt lời thì người dân bà liền sanh được một cách dễ dàng, mẹ con đều bình an.

Lúc trở về tịnh-xá, giữa đường thấy Tỳ-kheo Ương Quát. Ma gặp lữ trẻ hung tợn ngược đãi thấy, đũa thì lấy đá ném vào đầu, đũa dùng búa nện trên lưng, đũa lại lấy dao đâm, lấy gậy đập. Thấy bị u đầu, xé mặt, rách y, nhưng thấy vẫn coi như thường, không hề oán giận cũng không thốt ra một lời nào than phiền. Về đến tịnh-xá, ngài đánh lễ Phật và ngâm bài kệ rằng:

*"Tôi thật là tàn ác
Chỉ mang tiếng lấy lòng
Nay qui y theo Phật,
Học đạo dứt lòng sân.
Trước khi hay sát hại,
Nay lại rất hiền nhân,
Tuy chỉ có một kiếp.
Đã đổi xác thay hồn.
Phật từ-bi vô lượng,
Không gậy cũng không gươm.
Giáo hóa điều phục tôi,
Thoát khỏi vòng nhân ngã.
Tám lòng đã sáng suốt,
Không giận cũng không tham.
Không mừng cũng không sợ,
Không khổ cũng không vui.*

*Chỉ mang Uong Quật Ma,
Đã thành A La Hán.(1)
Ở trước đức Như Lai.
Kính cần đọc kệ này".*

Thuật giả : THÍCH TRƯỜNG LẠC

**Dứt ác làm lành, giữ tâm hồn cho trong
sạch, đó là Phật-giáo.**

(1) A La Hán : Quả vị thứ tư trong Phật giáo.

Công chúa Thuận Nhân

Công-chúa Thuận Nhân là con gái út của vua Ba Tư Nặc. Công-chúa là người hiếu hạnh, lại có đức nhẫn nhục, nhưng phải có tội xấu quá, nên đã 18 xuân mà vua cha chưa tính việc xuất giá được.

Ôi! Bà mẹ cay nghiệt làm sao ?

Bất nặn thế nào cho công chúa xấu đến nỗi ai thấy cũng bực mình, mũi tẹt, trán dô, miệng hô, mắt toét, đó là chưa kể đến thân hình nếu nói đến thân hình thì nàng chỉ cao vồn vện một thước lênh khênh. Vì vậy mà trong triều các vương tôn, công tử phải tìm kế du học ráo, để tránh cái nạn bị trạch phò mã.

Mỗi khi công-chúa thấy hai chị hãnh diện trước nhan sắc xinh tươi, nàng rất ngậm ngùi tủi hận, song cũng không hề ganh tỵ. Trái lại, hai chị thì kiêu căng, mỗi khi thấy nàng thường tỏ vẻ khó chịu, không muốn gần gũi chuyện trò. Lại

tâu với vua cha cấm không cho nàng đi ra ngoài sợ thế gian chê cười. Công-chúa thui thui một mình trong cung cấm.

Nàng hiếu hạnh với cha mẹ, chiều chuộng hai chị và hết lòng thương yêu những người hầu hạ. Nàng thường đem tiền bố thí cho người nghèo khổ, cung cấp thuốc men cho người bệnh hoạn, vì thế ai cũng yêu mến công chúa hơn hai bà chị.

Nhan sắc kỳ dị của công chúa ThuầnNhẫn bay ra, cũng như đức hạnh của nàng, nên một ngày kia Hoàng tử Trọng Đức một nước lân cận đến xin cưới nàng làm vợ.

Cầm tay người nghĩa hiệp, vua Ba Tư Nặc cảm động, bảo Trọng Đức rằng: "Con trăm được Hoàng tử thương đến thật trăm không biết lấy lời gì tả cho hết được nỗi lòng cảm bội". Khi về nước, Hoàng tử không cho tiếp xúc với người, sợ thiên hạ xem thấy bên ngoài chê cười chăng?

Nhưng than ôi! Lòng hào kiệt của vị Hoàng tử thanh niên có hạn, mà nhan sắc công chúa lại xấu vô cùng, nên mặc dầu vẫn mến đức, trọng tài của vợ, mà lắm khi Thái tử cũng bực mình về cái xấu của người vợ đáng thương. Rồi lần lần Trọng Đức tìm có đi săn bắn vui chơi riêng. Công chúa như con chim trong

lòng son son, tuy có gạo trắng nước trong, nhưng ngoài bốn bức tường thì nàng không còn hay biết gì cả. Công chúa biết nghiệp duyên nên thăm trách kiếp xưa bởi vụng đường tu nên kiếp này phải mang lấy quả xấu, không bao giờ oán thán ai. Nàng chỉ một lòng nhu thuận với chồng, khoan dung độ lượng với người trong cung.

Nhưng ác thay ! Các bà Vương phi quận chúa thường tìm đến với nàng để khoe khoang hãnh diện, có khi còn dám chế nhạo nàng ra mặt. Đức nhẫn nhục của công chúa thuần thành, nên nàng luôn luôn vui vẻ tươi cười xem như không có gì đáng để ý.

Một hôm các bà về xúi chồng bày một bữa tiệc, mời khắp cả Vương tôn danh nhân trong nước. Theo lệ thường thì vợ nào chồng nấy đều đến đủ mặt... Duy chỉ có Hoàng tử Trọng Đức lủi thủi đến một mình. Thôi thì các bà Vương phi quận chúa tiểu thư khoe khoang duyên dáng, các bà lại đi tìm Hoàng tử Trọng Đức chế giễu.

Hoàng tử không chịu nổi cơn tức giận, nên sanh lòng ghét vợ. Chàng hăm hăm chuyển nẩy thì về nhất quyết ly dị cho rảnh.

Chồng đi yến tiệc, công chúa một mình vò vó trong cung. Tự nhiên nàng thấy nao nao trong lòng, tin chắc có điều gì không hay xảy đến cho

minh. Nàng tủi thân rơi nước mắt. Tự nghĩ ta đời trước đã tạo nhân gì ác nghiệp đến nỗi sanh thân kỳ dị, làm khổ tâm biết bao nhiêu người vì thương yêu ta. Nàng liền chấp tay thành kính hướng về giữa thanh không thắm niệm: "Nam mô Phật, nam mô chư Phật" và tự khấn nguyện: Đức Phật hiện nay Ngài hay ban bố ích lợi cho chúng sanh, cứu khổ cho tất cả người khổ sở. Nay con là một người đang chịu khổ, lại không làm sao ra khỏi cung cấm để hầu Ngài. Nguyện xin oai thần Đức Thế Tôn từ bi khuất giá giáng thân vào trong chốn u đồ này, cho con được đánh lễ. Nỗi thống khổ lòng thành kính tha thiết của con người đáng thương ấy, ứng hiệp với Đức từ bi của Phật. Được Đức Thế Tôn ở Tịnh xá Kỳ Viên liền vận thân thông hiện ra trước mặt, trong khi công chúa đang quì lạy. Ngưỡng lên thấy Phật, vừa mừng vừa tủi, nàng kính bạch: "Bạch Đức Thế Tôn! Đời trước con đã gây nghiệp ác gì, mà ngày nay bị quả báo thân hình xấu xí như thế này? Lại nhờ phước đức gì mà sanh vào chốn giàu sang?" "Ngài động lòng thương xót dịu dàng bảo: "Đời trước con là một người đàn bà có nhan sắc, lại hay cúng dường bố thí, nhưng khắc nghiệt với tôi tớ, kiêu căng với bạn bè và hay ganh tỵ với người có nhan sắc hơn mình, mắt thường hay nguyệt, miệng hay nói xấu người, khi sân hận nổi lên thì

đánh đập tôi tớ một cách tàn nhẫn. Nhất là hay ý mình có nhan sắc của cái khinh ngạo kẻ khác. Ngày nay con phải thành tâm tha thiết cầu cầu sám hối đi, thì những tội lỗi trước kia sẽ tùy theo tâm niệm mà tiêu diệt".

Tiếng Phật dịu dàng như tiếng chim Ca Lăng Tân Già, công-chúa thấy tự nhiên lỏng nhẹ lỏng lẻo, nàng rút khăn lau ráo lệ, rồi tha thiết cầu cầu sám hối. Nàng quì xuống chân Phật hàng giờ với những lời chân thật phát sinh ra tự đáy lòng. Đức Phật để cánh tay vàng lên đầu nàng, công chúa ngẩng lên thấy đôi mắt hiền từ trong sáng của Đức Thế Tôn nàng rất sung sướng. Liên khi ấy mắt nàng cũng trong sáng như mắt chim thu nàng thấy sắc diện của Phật đoan nghiêm hiền hậu, lòng nàng cảm động, sanh bao sự vui mừng, tự nhiên mặt nàng cũng đoan nghiêm mỹ lệ. Nàng thấy chân Phật sáng ngời, cốt cách siêu phàm, lòng nàng lại bội phần mến phục, tự nhiên thân nàng cũng đoan nghiêm điều đặn, các tướng xấu xa của nàng bị tiêu diệt. Nàng liền trở nên một Công-chúa đẹp đẽ xinh tươi đầy đủ phúc tướng.

Phật thuyết pháp cho nàng nghe xong liền vận thần thông trở về Tịnh xá.

Giữa bữa tiệc vui, Hoàng tử Trọng Đức không

chịu được lời chế giễu của các bạn. Tình yêu không thể kéo lại cái hổ, cái nhục. Thái tử bực tức lên ngựa trở về cung, vừa đi vừa trầm nghĩ: "Chuyến này nhất định để, nhất định ly dị".

Tiếng vó ngựa của người hào kiệt sao mà gấp gấp thế? Công chúa lo ngại vội vàng bước xuống thang lầu thấy mặt chồng đầy sát khí, nàng không dám hỏi han gì. Theo lệ thường nàng cúi xuống tháo chiếc đai ngọc trên lưng Thái tử và cắt chiếc mũ vàng cho đầu chàng đỡ nặng. Thái tử ngạc nhiên, cử chỉ ấy rõ ràng là vợ, mà sao nhan sắc nàng biến đổi thế kia? Công chúa hiểu ý, liền đem chuyện cầu Phật kể lại cho chồng nghe. Từ đó vợ chồng vui vẻ hòa thuận cùng nhau lo tu phước thiện.

Một hôm vui câu chuyện, công - chúa bảo chồng: "Thiếp xem chàng trọng sắc hơn trọng đức". Hoàng tử cả thẹn nói lảng qua chuyện khác.

Đọc câu chuyện này chúng ta nhận thấy nhân nhục là điểm cốt yếu cần phải có trong tất cả hạng người, cần phải dùng trong tất cả hoàn cảnh. Nhờ sự nhân nhục, nhờ lòng tha thiết an nãn của Công chúa Thuận Nhân đã đổi được cuộc đời tối tăm trở thành tươi sáng. Chúng ta nên biết nếu tâm đức thanh tịnh thì sẽ chuyển được hình tướng bên ngoài. Vậy ta nên nhớ "NHÂN

NHỤC LÀ GỐC HẠNH LÀNH, SÂN SI LÀ
NGUỒN TỘI LỖI"

Thuật giả : **THỂ QUẢN**

Tỉnh giấc mơ hoa

Dàn én bốn phương bay về, đem lại cho trần gian tin xuân vui đậm ấm. Ánh triều dương sắc vàng rực rỡ, lần lần lan rộng, phá tan màu khói sương vẫn màu sữa đục của buổi bình minh. Đồi hàng cây bên vệ đường đã trút sạch lớp áo vàng để thay vào những mầm non mập mạnh. Ngon gió đông dịu mát đây sinh khí, nhẹ nhàng thổi lướt trên đám cỏ xanh. Thành Thất La Phiệt vào buổi mai, âm thầm tràn ngập vẻ thanh hòa đáng mến.

Phút chốc vắng hồng đã lên cao.

Trên con đường lớn quanh co hướng dẫn vào thành, một đoàn Sa-môn có hơn nghìn người, đi nối tiếp nhau như con rồng lượn khúc. Các Tăng sĩ, vị nào cũng có vẻ điềm tĩnh đoan trang, nhìn xuống lặng lẽ bước, dáng đi xem tự tại thoát trần.

Dẫn đầu là một bậc Tôn-túc, thân xác vàng ánh, tướng tốt trang nghiêm, đi chậm rãi oai nghi như voi chúa. Sau đấng ấy một vị Tỳ-kheo trẻ tuổi ôm bát theo hầu. Đây là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cùng thị giả A Nan và chư tăng vào thành khát thực. Bấy giờ, những người có lòng tin ngôi Tam Bảo, muốn gieo trồng giống phước, đem thức ngon vật lạ cúng dường Phật và chúng Tăng. Lại có kẻ không dâng cúng, nhưng thấy dáng điệu trang nghiêm siêu thoát của đấng Điều Ngự ⁽¹⁾ và các Đại-đức Tỳ-kheo, cũng họp nhau đứng nơi cửa trông ra, hoặc đứng bên đường để nhìn ngắm.

Từ nơi cửa sổ trên lầu cao, nàng Ma Đăng Đà một bậc tài sắc trong thành Thất La Phiệt, nghe tiếng động, khê vén bức rèm thêu, đưa mắt nhìn xuống. Nhưng sống với hương tình vị ái của tuổi xuân, nàng làm sao nhận thức được sự giải thoát đức thanh cao nơi các nhà tu sĩ. Trông qua lớp áo hoại sắc của những vị Sa môn, nhìn lại y phục sa hoa lộng lẫy nơi thân mình, nàng tự thấy phong lưu sang trọng. Rồi kiêu hãnh, nàng điểm trên môi một nụ cười. Nhưng bỗng ngạc nhiên, Ma Đăng Đà chăm chú nhìn vị Tỳ-kheo trẻ tuổi đứng hầu sau đức Phật. Ôi ! Giữa trần gian này sao lại có trang nam nhân đẹp đến thế ? Nàng tự nghĩ

(1) Điều ngự: Đức Phật. Đức Phật là một vị thầy thuốc hay chữa tâm bệnh cho chúng sanh.

thăm nếu được cùng người này chung hưởng được trăm năm, dù phải nghèo nàn, khổ nhọc, ta cũng ưng lòng, không còn ước mong gì hơn nữa! Mắt vẫn nhìn, trí mãi suy nghĩ, đức Phật và chư Tăng đi khuất từ lúc nào, nàng Ma Đăng Đà còn ngồi ngơ ngẩn đường như không hay. Đến chừng định thần lại, nhìn ra khoảng đường vắng vẻ, nàng buồn một hơi thở dài, trên mặt lộ đầy vẻ băng khuâng nhớ tiếc...

Không rõ A Nan xinh đẹp thế nào, mà đức Phật không cho ông mặc áo trần vai, vì sợ hàng phụ nữ trông thấy động tình. Và ngài Văn-Thù Bồ-Tát từng khen tặng ông rằng: "Mặt như vầng nguyệt sáng, mắt tợ cánh sen tươi". Thế thì cô mỹ nữ kia yêu mến ông, điều ấy cũng không lấy chi làm lạ.

Nàng Ma Đăng Đà từ khi trông thấy A Nan mới tình si dường như vẩn vương khó dứt. Mỗi ngày, nàng thường lên lầu, trông ra cửa sổ, chờ chư tăng đi khất thực, mong sao cho được thấy mặt người yêu. Sống trong tình khát ái khó tỏ nỗi lòng, Ma Đăng Đà tâm thần ngơ ngẩn, quên ăn uống, biếng nói cười, gương mặt xinh tươi lần lần hóa ra tiêu tụy. Thân mẫu nàng thấy con có những trạng thái bất thường như thế, sinh nghi đôi ba phen gạn hỏi. Không thể che dấu, nàng

phải đem sự thật tỏ bày và van xin mẹ làm thế nào cho mình khỏi thất vọng. Nghe xong, mẹ nàng lộ vẻ ngậm ngùi bảo: "Con ơi! Điều con muốn khó thể thực hiện được. A Nan là người hầu cận thân tín của ông Cù Đàm ⁽¹⁾ ông ấy và những Sa Môn đệ tử của ông có nhiều phép thần thông kỳ diệu. Những bậc cao đức trong hàng lục sư ⁽²⁾ còn phải chịu nhường họ, thì mẹ đâu có tài gì làm thỏa nguyện cho con. Hơn nữa, A Nan là người thuộc dòng tôn quý, con của ông Hộc Phạn Vương, nếu không xuất gia, có lẽ y thay thế cho thái tử Tất Đạt Đa làm vua trong một nước, mẹ con ta là phận thấp đàu mong gì sánh được với người. Thôi con hãy xóa bỏ những ý nghĩ ấy và khuây khỏa nỗi sầu khổ để cho mẹ vui lòng. Mất A Nan này sẽ có A Nan khác, trong bốn phương thiên hạ lẽ không tìm được một người đẹp như thế hay sao?". Nghe mẹ nói, tuy lặng yên không đáp, song nàng Ma Đăng Đà thật trăm phần đau đớn. Trước kia, một tia hy vọng lập lòe trong trí, nay hiểu qua mọi nỗi khó khăn, nàng tự cảm thấy như rơi vào cõi âm u ghê sợ.

Tâm tư tràn ngập nỗi buồn thương thất vọng, nàng thần than: "Thôi, thế là hết ! Đời ta đã đến giai đoạn kết cuộc từ hôm nay..."

(1) Cù Đàm: Đức Phật. Cù Đàm là họ của Phật.

(2) Lục sư: Sáu ông thủ lãnh ngoại đạo nước Ấn Độ lúc bấy giờ.

Thế là bệnh của Ma Đăng Đà mỗi ngày một nặng. Trong cơn mơ thấy A Nạn đi đến, nàng vô cùng mừng rỡ, vội chạy đến choàng vai, nhưng vị Tỷ kheo trẻ tuổi nhẹ nhàng thoát khỏi tay nàng rồi biến mất; nàng cất tiếng khóc to lên thì vừa thức giấc... Thân mẫu thấy con khi mê khi tỉnh, thoạt khóc thoạt cười, lấy làm buồn rầu lo lắng, một mặt khuyên dỗ, một mặt chạy chữa đủ thứ thuốc thang, song vẫn không hiệu quả.

Một buổi tà dương đang tiết trời dịu dịu, gió bên ngoài nhẹ thổi động bức rèm thêu đùa không khí trong mát vào phòng; cơn sốt như được giảm bớt, Ma Đăng Đà lặng lẽ thức tỉnh. Nhìn lại thân hình vỏ vàng gầy héo, lộ vẻ chua cay, nàng nhẹ nhếch một nụ cười. Nhưng vừa khi ấy nàng bỗng ngạc nhiên, vì nhận thấy hôm nay trong phòng trang hoàng rất sạch sẽ. Đối diện nàng bức họa: "Vườn xuân dưới nắng mai" được treo lên với vẻ mỹ thuật. Và, chiếc lọ thủy tinh cắm đầy hoa tươi, ai đã đem đến để ngay ngắn giữa mặt bàn như tẩm thêm màu xanh da tươi. Để ý trông qua khe cửa, Ma Đăng Đà thấy mẹ đang ngồi tiếp chuyện với một vị đạo sĩ râu tóc bạc phơ, vầng trán sáng suốt, nét mặt trầm ngâm. Hai người nói gì nàng nghe không rõ, nhưng hình như xem mẹ nàng có vẻ chú trọng lắm, Ma Đăng Đà chưa hiểu, còn đang nằm yên suy nghĩ, thì nghe có

tiếng giày của mẹ đi nhẹ vào phòng. Nàng nhắm mắt giả vờ như không hay biết, tiếng giày đi lại bên giường chợt im bất hồi lâu, thốt nhiên nàng cảm thấy bàn tay từ mầu dặt lên trán mình và tiếp theo đấy, nổi lên một giọng đều đều êm dịu: "Con ơi! Chớ nên buồn rầu! Con là lẽ sống duy nhất của mẹ; với lòng quý mến con, mẹ có thể hy sinh tất cả hạnh phúc trên đời. Vì thế vừa rồi mẹ có mời được một đạo sĩ danh tiếng, ông đã truyền cho mẹ bài mật ngữ "Ta Tì La Phạm Thiên Chú". Theo lời ông mật ngữ có năng lực mê hoặc người, dù người ấy đạo hạnh đã đến mức cao siêu. Nếu học thuộc thần chú này, con có thể thực hiện nguyện vọng của mình bằng cách mê hoặc A Nan, khiến cho y mất sức tự chủ và hoàn toàn bị sai sử tùy theo ý con muốn". Máu nóng chạy rần rần trong huyết quản, Ma Đăng Đà như cảm thấy có một nguồn sinh lực mầu nhiệm làm cho nàng mạnh mẽ hơn hồi chưa bệnh, sau khi nghe được mấy lời ấy; gương mặt tươi tỉnh hẳn lên, nàng nói với giọng run run vì sung sướng, cảm động: "Thật thế hở mẹ? Nếu vậy bệnh con sẽ lành và con không còn lo buồn gì nữa!". Rồi nàng trỗi dậy gọn gàng như người vô sự.

Nửa tháng sau, khi sức khỏe gần bình phục, Ma Đăng Đà đã thuộc lâu bài mật ngữ. Nàng còn chờ một thời gian ngắn cho trong người thật

mạnh sẽ thi hành ý nguyện, lòng chứa chan hy vọng, tin chắc thế nào mình cũng đắc thắng bằng hai lợi khí: nhan sắc và thần chú nhiệm mầu. Rồi, một buổi sớm mai, nàng trang sức rất đẹp, sẵn sẵn những thức cúng dường để gọi ý trung nhân. Nhưng bóng ác càng cao, Ma Đăng Đà càng nhìn trông mỗi mắt và cuối cùng phải thất vọng, vì đã quá ngọ mà vẫn vắng bóng hành khất của chư Tăng. Hoài công chờ đón như thế đến bốn năm hôm, hỏi ra nàng mới biết lúc này vào đầu mùa mưa, chư Tăng-theo lệ thường mỗi năm-phải an cư một chỗ trong vòng ba tháng. Nghe được tin ấy, nàng âu sầu khổ não, song cũng phải dần lòng đợi dịp, không biết làm thế nào.

Lá tươi rồi héo, hoa nở rồi tàn, cảnh vật âm thầm biến chuyển mau lẹ theo cánh thời gian, thấm thoát đã đến ngày chư Tăng mãn hạ. Đối với nàng Ma Đăng Đà, ba tháng thật là mấy năm trường đằng đằng ! Nhưng việc sẽ đến tất phải đến, hôm nay nàng sẽ cảm thấy sống dậy một mùa xuân tươi đẹp-mùa xuân ở cõi lòng. Từ sáng sớm, những thức cúng dường đã được sắp đặt đầu vào đấy. Công việc xong xuôi, Ma Đăng Đà đến trước gương trang điểm, vừa đọc nhẩm mấy câu Phạm chú. Vẻ vui tươi đặc ý hiện rõ trên mặt nàng. Giai nhân lồng bóng trong gương, hai dáng xinh đẹp in nhau, phương phát như cảnh hoa

Tịnh Đế. Khi ánh nắng mai chiếu vào song cửa, trên con đường vào thành, hình dáng của đoàn Sa Môn đi khất thực lần lần lộ rõ và cũng lại gần, Ma Đăng Đà vô cùng mừng rỡ, định thỉnh riêng ông A Nan đến trước nhà để tiện bề dùng huyền thuật. Nhưng lần này nàng rất ngạc nhiên, vì không thấy vị Tỳ kheo trẻ tuổi theo hầu đức Phật. Thêm một điều lạ: chư tăng cùng đi thẳng, không dừng lại từng nhà để thọ cúng như mọi khi. Ma Đăng Đà để ý nhìn từng vị Sa Môn lần lượt đi qua, nhưng cũng không thấy người mình muốn gặp. Một nỗi buồn vô tả xâm chiếm tâm nàng, khi vị Sa Môn cuối cùng vừa đi khuất. Nàng để rơi mình xuống ghế, hai tay bung mặt, choáng váng cả tâm thần. Không biết ngồi như thế được bao lâu, khi ngược đầu lên, Ma Đăng Đà chợt thấy từ xa tiến đến một hình dáng quen thuộc. Nàng mở to đôi mắt nhìn kỹ người ấy không ai đâu lạ, chính là vị Tỳ-kheo trẻ tuổi mà nàng đã thương nhớ từ lâu. Lòng rạo rức, nỗi vui mừng không thể tưởng tượng, nàng vội vã đứng dậy đón chờ.

Tại sao lại có việc như thế ?

- Nguyên vào lúc các thầy Tỳ-kheo mãn hạ, nhân ngày kỵ phụ-vương Ba Tư Nặc sắm những thức ăn quý lạ, mời Phật và chư Tăng thọ trai

trong hoàng cung. Đức Thế Tôn thân lãnh các vị Tỷ kheo thẳng đến cung vua để úng cúng, nên không theo thường lệ đi từng nhà khát thực. Duy có ông A Nan trước đã chịu người mời riêng, đi xa chưa về, không kịp dự hàng trai chung. Vì về trễ, ông đi giữa đường một mình. Nhớ lời Đức Phật đã quả Tỳ Bà Ma Ha Ca Diếp và Tu Bồ Đề làm A La Hán tâm không quân bình, ông kính vâng lời dạy vô giá của đấng Điều Ngự, ôm bát theo thứ lớp ghé vào từng nhà, kính giữ phép hoá trai⁽¹⁾.

Khi A Nan đi đến, nàng Ma Đẳng Đà đem thức ăn ra cúng dường đồng thời gọi thăm tên vị Tỷ kheo trẻ tuổi và đọc mấy câu Phạm-chú, đoạn nàng xây lưng trở vào nhà.

Tay chân bủn rủn, thần trí không định, A Nan cũng nối gót theo sau. Lúc hai người đã vào đến phòng, như cây héo gặp mùa xuân, Ma Đẳng Đà giở đủ trò khêu gợi quyết tâm làm nổi dậy ngọn sóng tình trong con người tịnh hạnh. Trong giờ phút nguy hiểm ấy; tuy bất lực, song cũng còn tỉnh trí, A Nan tha thiết tương nghĩ: "Hỡi Đức Từ Nghiêm⁽²⁾ ! Nay con bị nạn, ngài đành bỏ con sao?"

(1) Hóa trai: xin ăn cũng như khát thực.

(2) Từ nghiêm : Cha lành - chủ đức Phật.

Khi ấy đức Như Lai thọ trai xong, đã về đến tịnh-xá và đang ngồi thuyết pháp giữa vô số thính chúng. Đấng Từ Nghiêm trí tuệ thần thông nghe thấy ông A Nan mắc nạn, liền từ nơi nhục kế trên đỉnh, phóng ánh sáng trăm thứ báu rất tự tại nhiệm mầu. Trong ánh sáng có vô số hóa Phật, mỗi vị đều ngồi trên tòa sen nghìn cánh, đồng thời nói ra thần chú bí mật. Đức Như Lai khiến ngài Văn Thù phụng trì chú ấy, đến dẹp trừ tà chú đem ông A Nan về. Ngài Văn Thù vâng lời đến, phóng ánh sáng chiếu vào chỗ A Nan, Ma Đăng Đà, trong ánh sáng nói lại thần chú bí mật. Bấy giờ ông A Nan tâm trí sáng suốt, như cá đã thoát khỏi lưới, vụt chạy ra ngoài. Chưa được thỏa nguyện, bỗng mất người yêu, Ma Đăng Đà cũng chạy theo A Nan tâm trạng như người cuồng dại. Khi ra người đã đến tịnh xá, lòng si ái quá nặng, Ma Đăng Đà sầu khổ bạch với Phật: "Xin ngài trả ông A Nan lại cho tôi". Đức Phật mỉm cười, dùng phương tiện bảo: "A Nan là kẻ xuất gia, nàng là thế tục, hình thức và đời sống của đôi bên đều khác, thế thì làm sao gần gũi nhau được? Nếu nàng chịu cạo tóc, mặc áo cà sa, ta sẽ giao A Nan lại cho". Trước tiên, Ma Đăng Đà còn dùng dằng, nhưng bị ái tình làm mù quáng, đã thương trót phải liễu, nàng nghĩ thầm: "Nếu Phật không giữ lời hứa, ta sẽ nắm áo ngài

và ông A Nan".

Nghĩ như thế nàng liền ưng thuận, sau khi đã thành hình thức xuất gia, Ma Đăng Đà lập lại yêu cầu khi trước, Đức Phật không đáp hỏi lại:

- Nàng thương A Nan vì chỗ nào ?

- Tôi thương đôi mắt xinh đẹp của ông.

- Mắt của A Nan chỉ là hai khối thịt hời, trong ấy chứa những nước mắt, ghen dơ, có chỗ nào tinh sạch để cho nàng mến ?

- Tôi thương cái mũi ông A Nan.

- Mũi của ông ấy có những chất nhớt bên trong và thường chảy ra thứ nước không sạch, nàng chẳng nên ưa thích.

- Tôi thương cái miệng ông A Nan.

- Miệng của A Nan có những nước miếng, dờm, dãi, nếu ông ấy không năng súc rửa, nơi đó sẽ đóng cáu bợn và tiết ra mùi hôi. Thế thì không đáng cho nàng yêu chuộng.

Sau khi đánh tan những chỗ ái chấp của Ma Đăng Đà, Đức Phật lại vì nàng giải thích, chỉ rõ thân người không sạch, mong manh chóng suy tàn, là nguyên nhân của sự đau buồn trong hiện tại và vô lượng nỗi khổ về sau.

Nghe lời chánh chơn hợp lý của đức Phật, như người trong bóng tối chợt bắt gặp ánh sáng, Ma Đăng Đà đứng lặng suy nghĩ. Trước kia nàng lầm tưởng ái tình là vườn hoa tươi đẹp, đầy màu sắc rực rỡ, hương vị thơm tho, nơi ấy hân hứa hẹn cho thế gian một điểm phúc tuyệt trần. Nhưng hôm nay nhìn sâu vào thực tế, nàng mới biết nó là một mũi gai độc ẩn núp dưới lớp lá xanh; một sợi dây vô hình lôi kéo người vào ngục tối đau khổ, Tỉnh Giác Mơ Hoa, nàng quan sát những lý: bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã của đức Phật vừa khai thị, liền chứng được quả A Na Hàm⁽¹⁾. Vừa mừng rỡ vừa tủi thẹn, nàng cúi xuống đánh lễ đức Thế Tôn, xin trọn đời làm đệ tử và phát nguyện sẽ dẫn dắt chúng sanh thoát khỏi vòng hoa mộng, vào bản thể an vui trong sạch...

Thuật giả : TRÍ HIỀN

(1) A Na Hàm : quả vị thứ ba trong Phật giáo.

Cứu vật, vật trả ơn

Cứu nhon, nhon trả oán

Xưa có vị quốc vương nước Thiên La, ông là một người thông minh, nên đã trực nhận : thế cuộc vô thường nhân sanh thống khổ. Liền từ bỏ ngai vàng với tình thương nhỏ hẹp để vào núi tu hành. Ở được 30 năm, bỗng một hôm có người đi săn ham đuổi theo một con nai, lỡ bước sa vào một cái hầm sâu, ở trước chỗ ngài thường ngồi tham thiền; đồng thời có một con rắn một con chim, vì sợ hãi cũng đều rơi xuống đó, thân thể bị thương đau đớn vô cùng. Người trông lên cầu cứu kêu la thảm thiết. Vị đạo sĩ nghe tiếng kêu la, động mối từ tâm lấy được soi xuống các nạn nhân đang gục đầu khóc lóc. Ngài đến bên hầm bảo rằng: "Các người hãy yên tâm, ta sẽ cứu các người thoát nạn". Ngài liền đi kiếm dây thòng xuống, người, rắn, chim đều nhờ sợi dây đó mà lên, thoát khỏi tai nạn. Sau khi lên khỏi hầm cả ba đều thành kính lạy tạ và thưa rằng: "Thân mạng

chúng con được sống ngày nay, là nhờ lòng hoàng từ phổ độ của ngài, vậy chúng con xin trọn đời cung cấp các vật dụng ngài thiếu thốn, để đền đáp công ơn trong muôn một!". Đạo sĩ nói: Ta là quốc vương trong một nước, trần bào đầy kho, muốn gì cũng được, nhưng ta nhận thấy phú quý như ngục tù, tài sắc danh vọng là cạm bẫy đưa ta vào vòng tội lỗi, chúng nó là những lưỡi gươm sắc bén để giết đời ta, là những mũi tên nhọn để bắn vào tâm ta và cũng vì chúng mà ta lặn hụp mãi trong biển sanh tử, chịu đủ mọi điều đau khổ. Vì thế, ta phải từ giả xuất gia học đạo, ta nguyện chúng được đạo quả vô thượng chánh biến tri⁽¹⁾ để khai hóa chúng sanh trở về giác tánh, đâu phải ba người mà thôi?". Ngài nói tiếp: "Từ nay các người đền ơn ta, không gì hơn qui y Tam Bảo, vâng lời Phật dạy, làm các việc lành".

Người thợ săn thưa: "Ở đời tuy có những nhà nho sĩ tích công lũy đức, làm lành tránh dữ, nhưng đâu bằng người Phật-tử quên mình cứu người, mà không cần sự đền đáp của người chịu ân. Thâm ân của ngài con không biết lấy gì đền đáp, song chỉ xin ngài nếu thuận tiện quá bước đến nhà con, cho con cúng dường đôi chút"

Chim thưa : "Con tên Bác, khi nào gặp việc gì

(1) Vô thượng chánh biến tri: Quả vị Phật.

cần đến con xin ngài gọi đến tên con, con sẽ đến ngay".

Rắn thưa: "Con tên Trành, nếu đạo sĩ có gì không hay xảy đến xin ngài gọi tên con, con sẽ đến hầu".

Thưa rồi cả ba đều từ biệt đạo sĩ ra về. Tình cờ một hôm đạo sĩ đến nhà thợ săn, người này vì lòng gian tham ám ảnh nên vừa trông thấy ngài đi đằng xa, vội vàng báo vợ rằng: "Ngài đến kia sẽ không may cho ta, nếu ta có bảo người làm thức ăn gì để cúng dường, người hãy chậm chậm, vì quá ngộ thì ông ấy sẽ không ăn nữa". Đạo sĩ vừa đến nhà, hai vợ chồng thợ săn niềm nở tiếp rước, mời ở lại thợ trai nhưng dần dà nói chuyện mãi quá ngộ, Ngài phải về không.

Trở về núi thấy chim, Ngài gọi: Bác !...Bác!...

Chim thưa, "Ngài ở đâu về ?"

- Ta ở nhà thợ săn về.

- Ngài đã thợ trai chưa.

- Nhà kia chưa kịp dọn thì đã quá ngộ, nên ta không ăn mà trở về đây.

Nghe vậy chim tức tối than rằng: "Thật người quá vong ân bội nghĩa!". Rồi quay lại thưa với đạo sĩ: "Con không biết lấy gì để cúng dường Ngài.

Mời Ngài ngồi đây con đi chốc lát sẽ trở về". Chim liền bay vào hậu cung của vua nước Bà Già, thấy Hoàng hậu nằm ngủ, trên đầu có gài hột ngọc kim cương; chim tha về dâng cúng đạo sĩ. Hoàng hậu tỉnh dậy tìm ngọc không thấy, liền tâu vua. Vua truyền sắc trong nước: người nào tìm được ngọc trọng thưởng.

Đạo sĩ khi được ngọc kim cương bèn nghĩ rằng: "Ta tu hành dùng gì đến vật này, thôi đem lại cho người thợ săn". Người thợ săn biết là ngọc của vua, bèn trối đạo sĩ đem đến nộp cho nhà vua.

Vua hỏi đạo sĩ: "Nhà ngươi từ đâu đến mà được ngọc quý này?".

Đạo sĩ suy nghĩ: "Nếu nói sự thật thì loài chim trong cả nước này đều bị chết hết; nếu nói trộm được thì không phải người tu hành", Ngài nghĩ vậy đành im lặng vui lòng chịu đựng sự hành phạt ngọn roi tàn nhẫn! Ngài không oán vua không thù người thợ săn. Trái lại, Ngài động lòng từ bi nên phát nguyện rằng: "Cho tôi được mau thành Phật để cứu độ các sự quả báo khổ não của anh thợ săn vì lòng tham ác đã gây nên, và tất cả chúng sanh hiện đang đau khổ". Vua truyền đem chôn đạo sĩ chừa đầu lại sáng mai để giết.

Bấy giờ đạo sĩ gọi tên con rắn:

Tránh !..Tránh...Rần nghĩ: "Trong thiên hạ không ai biết tên ta, chỉ có đạo sĩ thôi, có lẽ cần gì đến ta chăng?". Rần vội vàng tìm đến, thấy đạo sĩ bị hình phạt như thế. Rần đau đớn cúi đầu thưa rằng: "Vì sao Ngài bị mắc nạn này?".

Đạo sĩ kể tất cả nguyên do. Rần rơi nước mắt thưa: "Lòng nhân đạo của đạo sĩ rộng lớn không bờ bến, mà còn gặp tai nạn như thế này, huống gì kẻ không đạo đức, thì tai họa lại sao tránh khỏi". Rần thầm nghĩ: ông vua này chỉ có một Thái-tử rất cung quý, ta sẽ vào cung cần chết Thái-tử rồi trở ra đưa thân được cho đạo sĩ. Và dặn: "Hễ thấy đám Thái-tử đi ngang qua, Ngài đem thuốc này cứu Thái-tử, Ngài sẽ thoát nạn".

Sau khi hay tin Thái-tử chết, nhà vua đau đớn vô cùng, bèn truyền lệnh: "Người nào có tài năng làm cho Thái-tử sống lại, ta xin chia một nửa nước". Nhưng tất cả lương y trong nước đều bó tay. Nhà vua đành đem thầy Thái-tử vào núi để hỏa táng. Đám đi ngang qua bên đạo sĩ, đạo sĩ hỏi: "Thái-tử đau bệnh gì mà bỏ mạng chóng thế ? Hãy thông thả tôi có thể cứu sống Thái-tử". Thị tùng nghe vậy vội vàng đến tâu vua. Vua rất mừng cảm động nói: "Nếu Ngài cứu sống con tôi, tôi sẽ xá tội cho Ngài và chia nước để Ngài làm vua".

Đạo sĩ lấy thuốc xoa khắp thân thể, bỗng nhiên Thái-tử ngồi dậy: "Vì sao ta ở đây ?". Người hầu thuật rõ mọi việc đã xảy ra. Thái-tử vui mừng trở về cung. Vua giữ lời hứa chia nửa nước cho Đạo sĩ, Đạo sĩ nhất định từ khước không nhận. Khi đó nhà vua tỉnh ngộ, Đạo sĩ là người đã sống ra khỏi vòng danh lợi, Bèn hỏi: "Ngài ở nước nào, và được ngọc ở đâu?".

Đạo sĩ thuật rõ đầu đuôi việc đã xảy ra. Nhà vua nghe rồi ăn năn cầu xin sám hối, rồi đòi thợ săn đến bảo: "Người có công với nước, đem tất cả bà con đến đây ta sẽ trọng thưởng". Khi đã đến đây đủ vua truyền lệnh: "Vì người đã bắt nhân bội nghĩa, mà đạo sĩ gần thác oan, tội người rất nặng ta sẽ giết cả họ". Lệnh vừa truyền ra, Đạo sĩ vội đến can vua: "Chúng ta là kẻ trượng phu, không nên đem oan để báo oán, nên đem ân mà báo oán, oán ấy mới mong dứt được. Vậy xin bệ hạ hãy vì tôi tha cho tất cả những người này". Vua nghe vậy cảm động và miễn phục đức nhân tại hy sinh cao cả của đạo sĩ. Liên ân xá cho những tội nhân ấy.

Đạo sĩ trở về núi, tiếp tục tinh tấn tu hành, đến khi mạng chung được sanh lên cõi trời và lần lượt chứng thành đạo quả.

Nói đến đây, đức Phật Thích Ca Mâu Ni gọi

các Tỳ kheo mà bảo: "Đạo sĩ này chính là tiên thân của ta, chim là tiên thân của ông Thu Tử, rắn tức là A Nan ngày nay, thợ săn chính là Điều Đạt đó vậy".

Thuật giả : **THỂ THANH**

Đâu nguồn Hạnh phúc

Ánh tà dương dịu sáng, vui tươi, lan rộng giữa khoảng trời xuân êm ả. Gió muôn phương thổi lại, đem hương hoa về ướp thơm cảnh vật nơi vùng tịnh xá Ky Hoàn. Cỏ cây làng mạc đượm vẻ thái bình, thanh tịnh trong buổi chiều hôm. Đó đây vài làn khói lam uốn éo vươn mình trên mấy túp lều tranh cũ kỹ. Xa xa một đỉnh núi cao của dãy HY MÃ LẠP SON đội xấp xỏa lùm cây trắng trông giống như ông lão bạc đầu.

Giữa khung cảnh thiên nhiên vừa êm đềm, vừa ần về hùng tráng ấy, bốn thầy Sa Môn cùng ngồi đàm luận dưới gốc cây cổ thụ. Trời xuân tươi đẹp như dục khách sanh tình, một vị bỗng lên tiếng bảo: "Này các huynh đạo: thử nghiệm xem trong đời có điều chi đáng yêu và vui thích nhất?". Nghe lời ấy ba vị đều tỏ vẻ tán thành, nói tiếp: "Hay lắm, chúng ta mỗi người nên suy nghĩ, rồi đưa ý kiến ra để giải đáp câu hỏi này, xem đàng nào hơn?".

Sau vài phút trầm ngâm, vị thứ nhất bảo: "Vào tiết trong xuân, cây cỏ khoe tươi, muôn hoa cười nụ, tiếng chim liu lo trên cành bích, hương thanh phảng phất khắp nơi, phong cảnh thật là đẹp! Trong lúc ấy ví ta được thả thuyền nhẹ theo giọng nước hay mang theo bầu rượu đến sườn non, chắc trong đời không chi thú bằng!".

Vị thứ hai đáp: "Cảnh gia đình sum họp vẫn là vui. Nhưng nếu có thêm vào đây những thức ngon, rượu quý, và tiếng sinh ca khoan nhặt lẫn trong tình thân mật, nét hân hoan thì tôi thiết tưởng hạnh phúc trên đời chỉ trong ngần ấy!".

Vị thứ ba nói: "Tôi thấy: nếu ta được sinh trong dòng tôn quý giàu sang, ở lầu cao nhà rộng, sẵn tiền bạc nhiều ta muốn sắm món gì cũng tùy thích. Khi ra đường ta phục sức cực kỳ xinh đẹp, xuống ngựa lên xe. Lúc vào nhà ta gọi đến, làm kẻ kính thưa hầu hạ. Trong cảnh đó thử hỏi còn chi hơn? Theo ý tôi đó là thú vui độc nhất".

Vị thứ tư lại bảo: "Giữa đời, tiền bạc, quyền tước có lẽ còn dễ tìm hơn giai nhân. Riêng về tôi, người nào có được đôi ba nàng hầu tuyệt sắc, kẻ ấy chưa chắc vua chúa đã sánh bằng! Còn thú gì vui hơn: Khi ngắm nét hoa tươi đẹp, băng khuâng dường lạc non hồng; lúc nghe giọng hát du dương; ngơ ngẩn như vào động bích. Lại còn lúc

khi cùng người ngọc bàn câu phong nguyệt, cạn chén đồng tâm, chắc rằng hạnh phúc giữa trần hoàn không qua mấy điều tôi đã kể". Sau khi tỏ bày ý kiến, bốn vị đều cho chỗ nhận xét của mình là đúng, cùng nhau tranh luận phân vân.

Bấy giờ, cách đây không xa, đức Phật đang đi kinh hành xung quanh Kỳ Hoàn tịnh xá. Nghe mấy lời ấy, ngài động lòng thương xót, liền bước đến hỏi: "Các ông bàn luận chuyện gì thế?" Bốn vị Tỷ kheo không dám che dấu, phải đem sự thật thưa lên. Đức Phật bảo: "Những lời mà các ông vừa nói, đều là đường lối đi vào sự lo sợ, đau buồn không phải hạnh phúc lâu dài, chân thật, vì sao? -Cảnh vật dù tươi đẹp trong mùa xuân, nhưng sang thu đông là phải tàn tạ héo khô. Thân quyến tuy sum họp vui cười, song có lúc đau khổ vì sinh ly tử biệt. Tiền của, ngựa xe là những vật không lâu bền, và khi chết ta không thể đem theo. Đến như sắc dục là một mối nguy vô cùng nó làm cho con người thân thể suy mòn, tinh thần mờ mịt. Những cảnh hư nhà, mất nước đều từ ấy sinh ra. Tóm lại bao thú vui các ông vừa kể, đã mong manh ngắn ngủi, lại chính là nguyên nhân cho sự luân hồi đau khổ về sau. Chỉ có cảnh niết bàn là sáng suốt, thường còn, an vui, trong sạch. Đây mới chính là nguồn hạnh phúc chân thật lâu dài. Là Sa Môn đã lánh trần tìm đạo, các ông

đừng để cho sự vui giả dối ám ảnh, mà tiến theo con đường chân chánh, sáng suốt của mình".

Tiếp theo mấy lời ấy, đức Phật lại nói kệ rằng:

Thương mừng sinh lo

Thương mừng sinh sợ

Biết rõ thương mừng

Đâu còn lo sợ ?

Ái dục sinh lo

Ái dục sinh sợ

Nếu không ái dục

Đâu còn lo sợ ?

Ham muốn sinh lo

Ham muốn sinh sợ

Nếu không ham muốn

Đâu còn lo sợ ?

Ưu pháp trong sạch

Lòng thành, biết thẹn

Sửa mình gần đạo

Được chúng yêu mến

Xa lìa thị dục

Nghĩ rồi mới nói

Lòng không tham ái

Sẽ thoát luân hồi

Đức Phật lại bảo bốn vị Tỷ kheo: "Về kiếp trước có vị vua tên Phổ An, kết bạn với bốn ông vua bên nước láng giềng... Một hôm, vua Phổ An mời bốn ông bạn sang nước mình hội yến. Tiệc

hoa kéo dài đến tận bốn tháng, tiếng ca nhạc, thức lạ ngon, đã làm cho tình thân hữu càng thêm đậm đà, khăng khít. Đến ngày chia tay, vua Phổ An hỏi bốn bạn rằng: "Trên đời có thú gì vui nhất?" Bốn vị quốc vương đều theo chỗ ưa thích, tuần tự đưa ra mấy điểm sau này: Cuộc dạo chơi - Gia đình sum họp - Giàu sang - Sắc dục. Vua Phổ An nói: "Theo ý kiến tôi, những điều các ông bàn luận, đều là thú vui mong manh và nguyên nhân đau khổ, chỉ có đạo vô vi trong sạch là vui".

Này các Tỷ-kheo ! "Vua Phổ An thuở trước chính là thân ta ngày nay; bốn vị quốc vương kia là tiền thân các ông đấy. Kiếp xưa ta đã giải rõ sự vui khổ, mà các ông còn chưa hiểu, nên mới trôi lăn mãi trong biển sanh tử cho đến đời nay. Nếu hôm nay các ông lại không cố gắng tu tỉnh thì bánh xe sống thác khổ đau chưa biết bao giờ dừng nghỉ".

Nghe đức Phật nói, bốn vị Tỷ-kheo hổ thẹn, sấm hối khỏi tham dục tiêu tan, gương lòng lặng yên, trong sạch. Khi đức Thế Tôn trở gót bước đi, không ai bảo ai, bốn người đều ngồi thẳng mình, để tâm vào cõi thanh nhàn, vắng lặng...

Chiều dương từ từ đi thẳng xuống phương đông xa thẳm. Dạ thần cũng bắt đầu rủ màn âm u trên

vạn vật. Giữa khoảng trống của hai quả núi bên chân trời tây, bỗng lộ ra nhiều vệt mây hồng rực rỡ, tạo nên một vẻ đẹp huyền ảo, thiên thần. Cùng trong lúc ấy, khi ánh sáng dần sắp tắt, ánh sáng đạo lại bật chiếu nơi tâm của bốn vị Tỳ-kheo. Trong một buổi chiều xuân, họ đã tìm thấy nguồn hạnh phúc khơi dòng trong cảnh trời xuân bất diệt - trời xuân của lý dục và thanh đạm.

Thuật giả : TRÍ HIẾN

Có thì sẽ mất
Giàu sang sẽ nghèo hèn
Tự hội sẽ phân ly
Mạnh khỏe rồi sẽ đau chết

Cặp mắt Thái tử Câu Na La

Thuở xưa ở Ấn Độ có một ông vua tên là A Dục trị dân rất công bình. Hồi còn trẻ, tính Ngài hay giận dữ nhưng dần dần Ngài trở nên hiền từ dịu dàng. Nhờ gương sáng của Ngài, nhờ huấn dụ đưa ra, Ngài dạy cho dân tính nhã nhặn đối với mọi người và lòng bác ái đối với kẻ khổ sở. Ngài lập bệnh viện để chữa người bị bệnh, lập công viên để người và vật có chỗ nghỉ ngơi, sai đào giếng để khách bộ hành và vật khỏi bị khát nước, sai trồng hai bên đường những cây ăn quả và cây để làm thuốc.

Người con đầu của Ngài có cặp mắt đẹp hiền từ như chim "Câu Na La". Vì thế người ta gọi chàng là Câu Na La. Đức vua rất đối yêu mến. Hoàng hậu Liên Hoa là mẹ của Thái-tử.

Hoàng-hậu mất sớm. Nhưng Thái-tử rất được vua cha yêu dấu và tin dùng. Lòng từ ái, tính dịu dàng và khiêm nhượng của ngài làm nhân dân

rất yêu mến và kính trọng. Vợ Ngài rất dịu dàng, bao giờ cũng làm vừa lòng Ngài, tên nàng là Ma Đa Vi.

Hoàng-hậu mất, vua A Dục lấy một người vợ kiêu căng và độc ác tên là Xích Di. Sau khi nàng sanh được một con, nàng ước ao nó sẽ được nối ngôi thay chân Câu Na La, và tuy không để lộ ra một cử chỉ gì, lòng nàng rất ghét người con ghẻ.

Nhân khi vua mắc bệnh nặng, các thầy thuốc đành bó tay, nàng Xích Di tìm cách chữa khỏi, vua tỏ ý muốn tạ ơn nàng, nàng xin vua cho con nàng được nối ngôi. Thật éo le cho vua A Dục. Ngài lấy làm buồn rầu vì không thể chiếu lòng ân nhân, và Ngài nhắc lại lời hứa với chánh hậu lúc lâm chung là chỉ truyền ngôi cho Thái-tử Câu Na La mà thôi. Ngài nói: "Ta có thể bỏ ngôi báu chứ không thể phụ lời hứa được".

Thấy chuyện không lành, Xích Di xin vua cấm quyền chánh một ngày mà nàng sẽ định sau. Vua nghe lời, và nàng định nhân dịp ấy mà làm những việc ghê gớm.

Trong nước có một thành gọi là Đắc Xô Thi La nổi lên chống lại các quan cai trị của nhà vua. Chính hoàng-hậu Xích Di cũng dính vào việc ấy. Thật thế, trước hết nàng cho các quan tiền rồi bảo lấy thuế dân thành ấy thật nặng, sau xúi dân

nổi lên làm loạn. Hoàng-hậu xúi dân nên yêu cầu vua cho Thái-tử Câu Na La ra cai trị thành ấy, lấy có rằng chỉ có Thái-tử là công bình mới dẹp loạn được. Sáng hôm sau các đại biểu thành Đắc Xô Thi La đến để yêu cầu việc ấy, Xích Di tâu vua cho được tự tiện dùng ấn của Ngài, là cái ấn dùng để niêm phong những sứ mệnh gởi đi. Thế tức là nàng nắm được quyền hành trong ngày ấy.

Rồi các đại biểu, Hoàng-hậu tán thành lời yêu cầu của họ, tâu vua rằng chỉ có Hoàng-tử được dân khâm phục và vì thế đưa dân đến chỗ bình an mà không có cuộc bạo động gì. Vua nghe lấy làm bối rối, vì Ngài nghi hoàng-hậu có manh tâm.

Có gì nguy hiểm bằng sai Thái-tử đến một thành phản loạn.

Thấy vua lo âu, Hoàng-hậu giả vờ đau đớn nói rằng: "Nếu nhà vua còn nghi ngờ lòng nàng thì từ nay nàng không nói gì nữa". Rồi nàng giả bộ giận dữ trả ấn lại cho vua, vì nàng biết thế nào vua cũng không nỡ thu. Thật thế, vua A Dục trọng lời hứa không dám lấy ấn lại. Thái-tử cũng một mực xin đi, Ngài phải bằng lòng. Nhưng muốn chắc chắn Ngài định cho một đội quân đi hộ thân Hoàng-tử. Hoàng-tử từ chối việc ấy, vì ngài nghĩ muốn tránh sự đổ máu, phải hành động rất mau: nếu đi với đạo quân thì mất nhiều thì

giờ. Ngài lại nói rằng: "Nào phải thấy gươm giáo như rừng, nghe tiếng ngựa hí, voi gầm, tiếng xe, tiếng trống, tiếng kèn, mà yên nhân tâm được đâu".

Vua không nói gì nữa. Thái-tử từ già Ngài, từ già nàng Ma Đa Vi rồi một mình cỡi con ngựa Ma Đãng La phi đi mau như gió. Chàng có ngờ đâu sau lưng chàng có người kỵ mã phóng nước đại. Đó là một người rất trung thành với Hoàng hậu, đương mang trong mình một sứ mạng có niềm an vua kỷ lưỡng.

Thái-tử cỡi bạch mã đi mau như bay. Hai bên đường làng mạc núi đồi đồng lúa rừng xanh như thụt lui lại. Nhưng cái tên chàng còn đến nhanh hơn, vì nhân gian mong ngài đến lắm. Họ sửa soạn tiếp chàng. Kê thì rắc hoa xuống đường, kê thì hái quả để hiến, đâu đâu cũng dậy tiếng hoan hô. Nhân dân xin Thái-tử tha tội vì dân chúng không dám nổi lên chống vua, mà chỉ vì bọn tham quan ô lại. Nghe tiếng kêu vang. Ngài lấy làm thương hại tha lỗi mà đi vào thành giữa tiếng nhạc vang lừng. Thái-tử đặt lại thuế má chọn người công bình ra trị dân; dân lấy làm mừng rỡ và phái đại biểu về tâu vua tỏ bụng trung thành, và ca tụng Thái-tử đã đưa lại sự yên ổn.

Thành Đắc Xô Thi La đang vui vẻ thì bỗng nhiều người cỡi ngựa theo Thái-tử vừa đến, và giao cho công chức trong thành một cái dụ. Mở ra xem ai nấy sùng sốt sợ hãi vì đạo dụ ra lệnh: "Phải móc mắt Thái-tử Câu Na La kẻ thù lợi hại của nhà vua và là kẻ làm nhơ nhục nòi giống". Đạo dụ lại nói rằng khi đã làm hình phạt ấy rồi, không được người dân nào cứu giúp Thái-tử và cấm không được nói đến tên Ngài nữa.

Các viên chức không dám cho Thái-tử biết đạo dụ vô nhân đạo ấy. Sau một đêm lo ngại, họ nói với nhau rằng: "Nếu ta không tuân lệnh sẽ bị nhiều nguy hiểm. Đến Hoàng-tử là người tốt đối với tất cả thiên hạ mà nhà vua còn bắt tội nữa là chúng ta".

Ngày mai họ dâng đạo dụ lên cho Hoàng-tử. Đọc xong Ngài nói: "Đây chính là lệnh của nhà vua, vì có niêm ấn rõ ràng, các người cứ thi hành theo lệnh ấy".

Ngài cũng biết rằng vua cha chẳng bao giờ có ra lệnh hành hình con, đó là chỉ do Hoàng-hậu, nhưng đã có niêm ấn thì phải tuân theo.

Dân gian được tin sẽ thi hành mệnh lệnh tại một khoảng đất rộng giữa thành phố. Đến giờ đao phủ được lệnh móc mắt của Thái-tử, nhưng bọn này chỉ chấp tay cung kính xin chịu: "Chúng

tôi không ai đủ can đảm làm việc ấy".

Thái tử tháo chuỗi ngọc mang trên đầu đưa cho đao phủ nói rằng: "Đây là tiền thưởng cho các người để làm tròn phận sự". Chúng vẫn một mực từ chối. Sau cùng có một người hình thù quái gở, đến xin thay chân bọn đao phủ. Nhưng anh này cũng không có gan dùng tay móc mắt. Anh ta đốt một đồng lửa lớn nung một thanh sắt đỏ rồi lại gắp Thái tử. Thái tử ngồi tự nhiên để đốt cặp mắt. Cảnh tượng bấy giờ thật là đau đớn đến nỗi hàng nghìn người chung quanh đều khóc vang lên.

Hành hình xong, Thái tử một tay chống trên người kia, một tay ra hiệu bảo mọi người chung quanh yên lặng. Thái tử khuyên phải xa Ngài ra không được cứu giúp Ngài và kêu tên Ngài, y như trong đạo lệnh. Họ cúi đầu vừa đi vừa khóc, trong lúc ấy Thái tử nằm phục xuống đất. Nghe nắng dọi nóng, Ngài lê đến một chỗ có bóng mát để nghỉ.

Lâu lắm, chung quanh Ngài yên tĩnh không một tiếng động, bỗng Ngài nghe tiếng chân ngựa dậm gân đến rồi có tiếng kêu thảm thiết.

Nhận là con ngựa Mãng Đa La, Ngài nói: "Còn con nữa, con cũng nên bỏ thầy con".

Con ngựa quanh quẩn vài lần rồi đi xa, ra khỏi thành phố, một mình lủi thủi trở lại con đường mà nó đã vui vẻ đưa Thái-tử đi.

Mặt trời lặn. Một vài người động lòng muốn giúp Ngài. Song đã có lệnh cấm, họ đành đứng xa nhìn nhau lắc đầu. Sau mãi một bà lão nghèo đi lại gần Ngài lấy nước rửa chỗ đau và lấy cỏ băng lại; bà đỡ Ngài dậy, dìu ra khỏi cổng làng rồi đành thở dài trở về.

*

Trong lúc Thái-tử đang đau đớn, thì đại biểu thành Đắc Xô Thi La được vua tiếp đãi ân cần. Thấy nói Thái-tử được tung hô tôn trọng, lòng nàng Ma Đa Vi cũng bớt lo sợ, vì nghe chồng nàng phải đi dẹp loạn nàng vẫn áy náy không yên.

Mấy ngày sau, sốt ruột nàng đi đến chỗ nàng từ biệt chồng; qua ngày thứ ba, nàng bỗng thấy con ngựa Ma Đa La trở về một mình. Một tư tưởng ghê gớm thoáng qua óc nàng; rồi như cây gỗ bị đốn gốc, nàng ngã xuống bất tỉnh.

Tỉnh dậy nàng nghĩ rằng có lẽ chồng nàng đã bị dân nổi loạn giết chết. "Sao ta lại không tin chồng ta còn sống? Nếu chưa được tin chắc chắn, sao ta không đi tìm chồng". Nghĩ vậy nàng không để mất một phút, trở về cung, trút bỏ đồ trang

sức, ăn bận như người thường dân rồi trốn đi tìm chồng nàng không dám cho vua biết, sợ vua vì thương mà cầm lại chăng.

Nàng lủi thủi đi về phía thành Đắc Xô Thi La, ruột đau như cắt, dọc đường gặp ai nàng cũng hỏi có gặp Thái-tử không? Đi ngày nầy sang ngày khác chẳng được tin gì cả.

Một buổi sáng vừa ra khỏi chỗ trú đêm, nàng liền gặp một người nông phu đang gieo mạ. Người ấy nói lúc rạng đông, nhân đi qua đám rừng nhỏ thấy một người trẻ tuổi mù mặc áo ra dáng ông hoàng; người nông phu liền cho người ấy mấy quả cây hái trong rừng và một chén nước lã.

Nàng Ma Đa Vi liền đến chỗ ấy thì nàng thấy Câu Na La một mình ngồi trên viên đá. Nhưng đau đớn thay, cặp nhơn tuyến của chàng đã tắt hẳn. Nàng khóc nức lên và quì trước chàng nghẹn ngào, cầm lấy tay chàng hôn. Nghe nước mắt nhỏ xuống tay, Thái-tử cảm động, đoán là nàng Ma Đa Vi. Nhưng chàng chưa dám tin. đến khi nghe rõ tiếng nàng thì không còn nghi ngờ gì nữa. Chàng bảo nàng ngồi xuống; trong lúc đang đau khổ ấy, được gặp người thân yêu, nỗi vui mừng khôn xiết.

Thái-tử thuật lại cho vợ nghe những chuyện

xảy ra. Rồi đó nàng đỡ chàng đứng dậy đưa chàng cùng về ra mắt vua cha.

Về phần vua A Dục từ khi được tin con ngựa Ma Đa La về một mình và nàng Ma Đa Vi đi trốn, Ngài rất lo ngại. Tức khắc sai sứ đến thành Đắc Xô Thi La để hỏi tin Thái-tử và tìm nàng Ma Đa Vi. Nhân dân trong thành, thấy vua lo ngại cho Thái-tử liền hiểu họ bị cái dụ đầu tiên lừa. Sợ bị nghiêm trị, họ bèn tìm cách lừa sứ giả rằng Thái-tử đã một mình về triều. Dân chung quanh không dám hé răng, vì chúng biết rằng nói sẽ bị trừng phạt. Sứ giả nghĩ dân đã giết Thái-tử nhưng không có chứng cứ gì đành trở về.

Trong khi ấy hai vợ chồng Thái-tử cùng dắt nhau về kinh. Bấy giờ Thái-tử đã trút bỏ bộ quần áo ông hoàng mà khoác đồ rách rưới vì trong tình cảnh ấy đồ trang sức chỉ làm thêm đau lòng. Đi qua làng hai vợ chồng cất tiếng hát trong trẻo dịu dàng, dân làng động lòng đưa cho đồ để ăn uống.

Một ngày kia hai người đến cung điện nhà vua. Lính canh cửa thấy người lam lũ nên không cho vào. Nhưng thấy cảnh thương hại áo rách bần lây bụi bặm nên cho vào trú trong chỗ chứa xe. Mỗi một hai người ngủ thiếp. Ngày mai vua A Dục đương buồn rầu nghĩ đến con thì ngài giết mình

vì nghe tiếng hát quen tai; đó là tiếng hát của Thái-tử ở trong nhà chứa xe. Vua nhận ra là tiếng con, nhưng còn sợ lắm. Ngài sai ra hỏi xem ai hát. Cận thân tâu rằng: đó là tiếng hát của người ăn mày mù, đi với một người vợ. Vua liền sai dẫn cặp vợ chồng kia đến sân rồng. Thoạt đầu thấy người ăn mặc rách rưới vua còn nghi ngờ chưa dám nhận là con nhưng bộ mặt hiền từ phúc hậu kia thật là của Thái-tử, còn lắm sao được. Hơn nữa dấu nằng Ma Đa Vi áo quần thô kệch cũng còn dễ nhận. Vua đưa mắt nhìn đầu, nhìn con rồi ôm choàng cả hai mà khóc nức nở.

Một hồi lâu vua mới định thần lại, hỏi vì sao Thái-tử mắc nạn. Khi hiểu nguyên do, vua nổi giận, hỏi rằng: "Đứa nào dám dùng ấn của trẫm để làm việc tà trời kia?". Thái-tử ngồi im, vì chàng không muốn nói vì sợ Hoàng-hậu bị nghiêm phạt, hỏi mãi, nàng Ma Đa Vi mới nhắc lại cho vua hay rằng Hoàng-hậu Xích Di có được phép dùng riêng ấn vua trong một ngày. Đã nhiều lần vua nghi Hoàng-hậu có bụng ác với Thái-tử. Vì Ngài nghĩ rằng, Hoàng-hậu muốn con được nối ngôi tức là muốn trừ Hoàng-tử Câu Na La; tuy nghi vậy Ngài vẫn không dám tin. Nhưng bây giờ sự đã rõ ràng, Ngài liền truyền lệnh vời Hoàng-hậu đến.

Về phần Hoàng-hậu, từ khi thi hành được thủ đoạn, mất ăn mất ngủ; hễ chợp mắt là thấy hiện ra cảnh mắt Thái-tử bị hành hình. Thế rồi vừa tỉnh dậy vừa la. Nàng lo rằng tội nàng sẽ có ngày tiết lộ. Nàng tưởng tượng rằng từ vua chí dân, lính tráng, quan lại, ai cũng nhìn thấu rõ tâm can mình, khiến nàng càng thêm khắc khoải lo sợ.

Khi có lệnh đòi, nàng đoán biết là việc bại lộ, lúc thấy các tội ác của mình, nàng hối hận nhưng không nói ra tiếng nữa chỉ cúi gằm mặt xuống, đợi lời tuyên án. Thái độ ấy rõ ràng hơn lời thú tội.

Vua A Dục nổi giận mắng lớn và truyền rằng trước khi đưa Hoàng-hậu ra chém còn bắt chịu nhiều cực hình đau khổ đã. Thái-tử tâu xin vua mở lượng từ bi giảm tội cho nàng. Nhưng vua vẫn không nghe. Thái-tử bèn quì xuống nói rằng: "Tâu lạy phụ-vương, nào phải một mình Hoàng hậu phạm tội đâu! Đó chỉ vì kiếp trước con làm nhiều tội ác, nên nay bị nghiệp báo thôi. Đã từ lâu con cố nhớ xem lại kiếp trước con đã tạo nên tội ác gì nhưng mãi đến tối hôm qua, con mới nhớ rõ..."

Vua ngắt lời: "Nhu con thì có tội gì, con là người tốt nhất trên đời!". Thái-tử cảm động đáp: "Một người hiền lương chưa hẳn là vô tội. Vì nếu

kiếp này an ở hiền lành, nhưng kiếp trước bạc ác thì cứ phải chịu quả báo. Tâu phụ vương, thuở xưa, có một người đi săn, một hôm thấy năm chục con dê rừng trong núi, liền lùng núi bắt hết. Anh ta nghĩ rằng nếu giết hết thì tiêu thụ làm sao cho hết, chi bằng ta móc mắt chúng đi, chúng không trốn được, ta sẽ lần lượt đưa từng con tới tỉnh mà bán. Nghĩ thế anh ta không ngần ngại liền dùng tay móc mắt chúng đi rồi thả vào hang núi để bán dần dần. Người đi săn ấy là tiền kiếp của con. Người đi săn ấy đã làm đau khổ năm mươi chúng sanh, ngày nay là ngày cuối cùng người ấy trả nợ vậy".

Vua nghe lấy làm cảm động, nhưng còn phân vân chưa tin thì Thái-tử ngồi ngay ngắn lại, chấp tay trước ngực mà nói rằng: "Nếu lời tôi nói đúng sự thật thì xin Phật chứng minh cho và mắt tôi sáng lại".

Lời nói vừa dứt, mắt Thái-tử bỗng sáng như thường, vua A Dục và nàng Ma Đa Vi xiết bao vui mừng.

Vua dẹp giận ra lệnh ân xá cho nàng Xích Di, chỉ buộc nàng phải tìm chỗ yên để sám hối tội lỗi. Vua từ đó ngồi báu vững vàng, còn Thái-tử được chính thức phong Đông-cung để nối ngôi sau và nàng Ma Đa Vi sẽ là Hoàng-hậu.

**Thái-tử Câu Na La là tiền thân Phật Thích Ca
vậy.**

Trích : PHẬT PHÁP

**Tạo một nghiệp nhân gì, dù lâu đến trăm
ngàn kiếp cũng không mất, hễ đủ nhân duyên
rồi, thì mình phải chịu quả báo.**

Một câu đáng giá nghìn vàng

Đời xưa có một nhà triết lý treo biển giữa chợ nói: "Ai chịu lễ một trăm lạng vàng thì sẽ dạy cho một bài học rất hay!". Một vị quốc vương lúc ấy đi dạo chơi, thấy biển đó, động lòng hiếu kỳ, liền đem một trăm lạng vàng cho nhà triết lý để xin một bài học, thì nhà ấy chỉ dạy cho một câu: "Phàm làm việc gì trước phải nghĩ đến kết quả".

Câu ấy giản dị đến nỗi phần đông cận thần của vua bủ miệng trề môi cho giá một trăm lạng vàng là quá đáng. Nhưng sau khi nghĩ kỹ, vua nhận thấy lời ấy rất hay và truyền khắc câu ấy trên các tấm cửa cung điện và các đồ khí dụng của vua, để hằng ngày nhớ mãi không quên. Nhờ một câu ấy mà vua xóa bỏ được nhiều điều tệ, phát minh được nhiều điều hay về chính trị làm cho nước mỗi ngày mỗi thêm thịnh vượng.

Thời ấy có những bậc Hoàng-thân thấy Thái tử còn nhỏ, muốn gắm ghé ngôi báu, nên âm mưu

làm điều thí nghịch, họ lo lót với một quan ngự y để đầu độc vua trong những khi đau ốm.

Một hôm, vua se mình đòi quan ngự y đến làm thuốc, quan ngự y chế thuốc độc ra sẵn, rót vào chén ngự để dâng vua. Nhưng may thay, trong lúc quan ngự y lại thấy nơi chén câu cách ngôn: "Phàm làm việc gì trước phải nghĩ đến kết quả". Ngự y giật mình, nghĩ đến kết quả, thấy sự thí nghịch chẳng những làm cho mình phải tru di tam tộc, mà còn gây biết bao tai họa cho thần dân, nên liền hối quá, đem tất cả việc đầu độc thí nghịch tâu cho vua rõ. Nhờ sự thú nhận, mà cả bọn gian đảng đều bị tiểu trừ mà ngôi vàng càng thêm bền vững...

Trích báo : VIÊN ÂM

Muốn biết nguyên nhân thời kỳ đã qua, thì nên xem kết quả hiện tại đương thời.

Còn muốn biết kết quả về sau thế nào, thì nên xem cái nhân hiện tại đương làm.

Gương bố thí

Ngày xưa có một vị Bồ-tát, nhân thấy cuộc đời vô thường cho đến cả thân mạng và của cải cũng vậy. Nên Bồ tát phát tâm đồng mãnh đem tất cả sản nghiệp của mình bố thí.

Trong khi bố thí Bồ tát không phân biệt người oán kẻ thân, miễn thấy ai thiếu thốn khổ sở là Ngài đem lòng thương xót và tận tâm giúp đỡ. Cũng vì thế, nên lòng nhân từ của Ngài vang khắp mọi nơi, và ai nghe đến tên Ngài cũng đều cảm phục.

Nhơn đó, một vị Thiên đế Thích chương quản Dục giới sanh lòng ghen ghét lo sợ. Ông ta thầm nghĩ: "Nếu vị Bồ tát này tu hạnh bố thí quảng đại như vậy không bao lâu phước đức của người sẽ hơn ta và khi ấy địa vị Thiên Đế Thích này chắc gì ta giữ mãi được". Nghĩ thế rồi; Thiên Đế Thích bày mưu kế để lung lạc hạnh bố thí của Bồ tát. Ông bèn dùng thần thông hóa hiện một cảnh

địa ngục ghê rợn trước mắt Bồ tát và trong địa ngục ấy, một tội nhân đang bị hành hạ khổ sở... Thấy tội nhân bị hành hạ Bồ tát lấy làm đau đớn thương xót trong khi ấy thì vị Thiên Đế Thích kia liền đến bảo với Bồ tát rằng: "Tội nhân này lúc sanh tiền chỉ vì chuyển tu hạnh bố thí, nên ngày nay y phải chịu quả báo đau khổ và nếu người tu hạnh bố thí, thì sau này khi mạng chung, người cũng phải đọa vào địa ngục này để chịu mọi điều đau khổ như thế. Vậy, người còn muốn tu hạnh bố thí nữa không?".

Nghe Thiên Đế Thích nói, Bồ tát rất ngạc nhiên, và bảo với Thiên Đế Thích rằng: "Tôi chưa hề nghe ai nói bố thí mà bị đọa vào địa ngục và chịu mọi đau khổ!". Đế Thích trả lời: "Nếu người không tin, thì người thử đến hỏi tội nhân ấy". Bồ tát liền đến hỏi tội nhân: "Người vì duyên cớ gì mà phải chịu hình phạt như thế?". Tội nhân trả lời: "Cũng vì lúc sang tiền có bao nhiêu tiền của tôi đều đem giúp hết cho người, nên nay tôi chịu quả báo đau khổ ở đây". Bồ tát lại hỏi: "Nếu người đem tiền của bố thí mà nay phải chịu quả báo đau khổ, vậy những kẻ được bố thí thì sao?". Tội nhân đáp: "Những kẻ được bố thí, sau khi mạng chung sẽ được sanh lên các cõi trời hưởng quả báo an vui".

Nghe vậy Bồ tát vui vẻ nói: "Sở dĩ ta đã bố thí là vì muốn cho chúng sanh thoát khổ được vui... Nhưng nếu vì bố thí mà thân ta phải đau vào địa ngục để chịu muôn ngàn đau khổ, ta cũng vẫn vui lòng. Và lại cứu giúp chúng sanh mà thân mình bị đau khổ cũng là điều rất thường đối với Bồ tát".

Thiên Đế Thích nghe vậy, rất lấy làm cảm phục và cung kính hỏi rằng: "Vì chí nguyện gì mà người có những hành động quả cảm như thế?" Bồ tát trả lời: "Chí nguyện của ta không ngoài mục đích cầu Phật đạo để cứu khổ chúng sanh".

Sau khi biết rõ chí nguyện của Bồ tát, Thiên Đế Thích tự thấy hối hận, liền thành kính đến quỳ trước Bồ tát: "Thưa Ngài chỉ vì nghiệp chướng mê mờ, sợ mất quyền vị Đế Thích nên tôi giả bày cảnh địa ngục ấy, để hấu lung lạc chí nguyện bố thí của Ngài... Chứ sự thật thì không bao giờ bố thí mà phải chịu quả báo đau khổ! Nghĩ lại hành động lỗi lầm của tôi, tôi rất hổ thẹn và đau đớn. Vậy trước Ngài tôi xin sám hối và xin nguyện sẽ mãi mãi noi gương bố thí cao quý của Ngài; và nguyện sẽ hết lòng giúp đỡ những ai trong cõi Dục giới này, phát tâm tu hạnh bố thí."

Thuật giả : CHON TRÍ

**Sướng gì hơn sường làm lành
Cho bao nhiêu của để dành bấy nhiêu**

Tình thương và cứu hận

Trường Thọ Vương ngược nhìn ra trời đêm mù mịt. Kinh thành Ba Diệp đang ngập trong bóng tối nặng nề. Ngoài xa, có le lói ánh lửa chắc quân thù đã hạ trại khi trời chiều, ở đối bên kia

Ngày mai...Vâng, ngày mai nếu cứ tình trạng này thì cũng đến đánh nhau to. Không lẽ thành kia vậy máu, hồ kia ngập xác người, máu thấm đất cây đã hút nhiều mỡ hôi lao động? Ai thích nghe chi những tiếng gầm gào say máu, tiếng khóc than trên trận địa?

Càng nghĩ Vương càng thấy ruột rối bời. Lời khuyên nhủ của vị trung thần còn văng vẳng:

- Bệ hạ không lý do chậm trễ. Giờ phút hưng vong của nước nhà là đây. Chúng ta không thiếu người tài giỏi. Đội ngũ đã sẵn sàng, xin Ngài mau ra lệnh tiến binh.

Vương thấy ngao ngán vô cùng. Suốt đời làm vua, Trường Thọ Vương không bao giờ dùng

thanh gương nhọn để trị nước. Bằng đức độ và tình thương, Vương đã đem đến cho nhân dân cuộc sống yên lành. Nhưng cũng vì thế mà binh không hùng, tướng không mạnh. Vương có bao giờ nghĩ đến việc chinh phạt ai? Nhược điểm đó đã bị Phiến vương, một chư hầu nhòm ngó, rồi nảy ra ý tranh đoạt ngai vàng.

Bây giờ biết tính làm sao? Xuất binh ư? Chắc gì đã thắng? Mà nếu thắng thì cũng chỉ là giết người, có gì vui sướng. Gây chiến chinh thì làm sao tránh được cảnh mẹ già con khóc, vợ trẻ mới mất chờ chồng và những em bé ngây thơ ôi chúng có tội tình gì đâu mà bắt chúng phải mồ côi, phải sống cuộc sống không tình thương và đối lạnh.

Mà để làm chi nếu không phải bảo vệ một ngai vàng vô nghĩa lý? Vương lắc đầu chán ngán: "Không thể được, ta không tham cái của phù hư đó. Các người cứ việc giành nhau. Ta sẽ đi tìm một cái gì nhân loại hơn đạo đức hơn".

Vương đứng dậy, mắt sáng ngời quyết định. Ngài bước lên về phía hậu cung, phòng Thái-tử vẫn còn ánh sáng. Qua những phòng cung nga Vương khẽ thở dài khi nhìn họ đang mê mết ngủ. Họ đâu biết ngày mai có sự đổi chủ thay Thay.

Đây là phòng Thái-tử Trường-Sanh-Thái-tử gục đầu xuống bàn, một ngọn nến lập lòe bên

cạnh. Dứa con nhỏ hiếu học ấy là nguồn hy vọng và vui sống độc nhất của nhà Vua từ ngày Hoàng hậu chết giữa tuổi xuân. Vương sò nhẹ trán con bằng một cử chỉ vô cùng thương mến. Thái-tử chợt tỉnh, ngơ ngàng trong cái quỳ lạy đón chào. Vương nói với con:

- Con ơi! Phiên vương kéo quân đến cướp ngôi báu. Cha không muốn chỉ vì một ngai vàng nhỏ mọn mà nhân dân hai nước phải khổ đau. Hãy nhượng ngai vàng cho họ, cha con ta lên rừng tìm Đạo.

Thái-tử chợt hiểu. Đôi mắt xanh biếc bỗng xoe tròn hai hàng lệ ngọc. Chàng nắm lấy tay cha như tìm nguồn an ủi. Thôi từ nay vĩnh biệt hoàng cung!...

Đêm ấy, theo hướng sao đêm có hai người dắt nhau vào núi.

Thế rồi dưới gốc cây già. Trường-Thọ Vương cùng con tu luyện. Ôn ào của nhân thế chỉ còn vắng vắng phía bên kia đồi. Bụi đời mờ mịt nhân gian đã lắng yên trong người tu ẩn. Thái-tử thường vào rừng hái hoa quả cúng dường cha.

Hôm ấy chàng đi vắng. Trường-Thọ Vương thuyên định một mình. Bỗng Vương giật mình vì một tiếng reo vui: "A! Chính Vua đây rồi!..." Một

người ôm o hiện từ lùm dừa lại. Y nói:

- Kinh thành đã bị chiếm. Một số trung thần từ tiết. Phần lớn trở về vui thú đoàn viên. Phiên vương ra lệnh tằm nã Ngài rất dữ. Nhân dân rất nhọc nhằn không hiểu cái họa ấy đến bao giờ mới hết. Ngài thấy không, tôi đã đi khắp nơi trong nước. Hôm nay tình cờ được gặp, còn chi vui sướng bằng.

Vương hỏi như rên lên vì đau đớn:

- Vì ta trốn dân phải nhọc nhằn đây ọạ?

- Vâng, Phiên vương đã đánh đập tra khảo biết bao nhiêu người vì nghi họ chứa Ngài. Phiên vương còn treo giải cho ai bắt được.

Y nắm lấy tay Trường Thọ:

- Ngài hãy theo tôi về triều để tôi nạp lấy thưởng.

Vương rẩy mạng, tên tay sai của Phiên vương gần ngã dụi. Nhưng Vương nghĩ: "Không lẽ ta để cho dân chúng phải ọạ đây? Ta đã nguyện hy sinh tất cả để cứu đời. Mà thân mạng này rồi cũng có ngày tan rã. Phải cứu lấy nhân dân!" Vương đến để hai tay xuống vai người định bắt mình:

- Người ạ, nếu người bắt ta, nhân dân đổ lo sợ,

người có thể sung sướng ta nào tiếc chi.

Nhớ đến con, Vương khắc lên thân cây già một dòng chữ: "Cha đã bị bắt đưa vào kinh đô. Con ở lại tiếp tục tìm Đạo". Rồi nắm lấy tay y, Vương thúc giục: "Thôi ta đi".

Hắn làm sao hiểu được tâm trạng của nhà Vua khi hắn chưa quan niệm nổi những con người xả thân cứu thế. Những con chim rừng thường hót líu lo chúc tụng đời giấc ngộ nay reo gọi nào nề...

Trường Sanh ôm giỏ hoa quả trở về thì còn đâu Từ-phụ? Chàng tìm khắp nơi, gọi đến vang rừng cũng không một lời đáp lại. Tiếng tử quý buồn hiu hiu. Tình cờ đọc dòng chữ cha để lại, chàng ôm mặt khóc. Ôi đời có thể tàn bạo đến thế kia ư? Dù ở rừng sâu núi thẳm con người vẫn không được sống yên lành?

Theo đường cũ chàng lần về kinh thành Ba Diệp. Chính hôm đó, Trường-Thọ Vương bị đưa lên giàn hỏa. Phiến Vương đã đoạn tình khi xử tử một đấng vua hiền. Dân chúng bao nghệt lấy giàn hỏa có những đôi mắt rom róm lệ. Họ đã khóc, thương một mạng sống lìa đời, tiếc một người cầm quyền đôn hậu.

Thái-tử len lỏi đến tận dàn hỏa. Chàng lấy tay làm hiệu để cha biết đang có mình ở đây. Vừa lúc

áy, lính châm lửa vào đàn. Lửa bùng bùng bốc cháy. Những ngòi lửa đỏ lòm lập lòe liếm quanh người Trường Thọ Vương như đang còn nếm thử. Thái-tử bồng giựt mình: Phụ vương đã thấy mặt con. Mặt Thái-tử như đổ đồng tử. Nhưng tia lửa trên đàn hỏa kia liệu có rực đỏ bằng những tia lửa căm hờn trong mắt chàng thiếu niên ấy? Mối chàng mím lại, lúng búng một tiếng thét bị dẫn vào trong: "Cha ơi! Con sẽ trả thù! Con phải trả thù! Trả thù cho cha!"

Lửa bắt đầu cháy mạnh. Trường-Thọ Vương muốn nói với con đôi lời trấn trối. Người ngửa mặt lên trời để tránh sự nghi kỵ của đám tay sai Phiên vương. Người kêu lớn:

- Trường-Sanh con! Hãy tưới tình thương và đức độ xuống hận cừu. Đừng bao giờ dùng guom giáo để trả lời guom giáo. Hãy sống cuộc đời Chư Phật, hỷ xả, từ bi...

Đàn lửa rừng rực, rừng rực. Lửa như reo hát, múa men. Những lời cuối cùng ấy bị tiếng lửa át mất. Thái-tử nhìn trần trời và đau đớn vô cùng. Mặt cha hiện nhìn chàng rồi nhắm lại. Mùi khét lại bắt đầu lan xa...

Thái-tử ngã đi trong đau thương cùng tận. Chàng đã thổ huyết đến 5 lần. Tuổi mười bốn ấy sớm chứng kiến những đau khổ của đời nên trở

thành già dặn. Chàng bỏ vào rừng để người ngoài tâm sự. Nhưng cứ một bước đi, một cái nhìn, hình ảnh cha hiện trên dần hòa rừng rực cháy cứ hiện ra như thúc dục tăng trưởng ý chí phục thù. Chàng nghĩ:

- Nó đã giết cha ta. Nó đã cướp giang sơn ta. Phải lấy máu kẻ thù rửa hận. Giết! Giết!

Sương nắng của núi rừng rèn luyện thêm lòng chàng. Đói rét của cuộc đời lang thang thử thách con người chí khí. Thái-tử đã quyết báo phục thù. Chàng lại lần mò về kinh thành Ba Diệp. Chàng tìm mọi cách để được gần Phiến vương.

Một viên đại thần thấy chàng có sức lực nuôi và cho chàng trồng rau. Vốn bất thiệp và thông minh, chàng lần hồi được mọi người mến phục. Những việc khó giải quyết trong nhà viên đại thần, chàng đều giải quyết được cả. Vì thế chàng trở thành kẻ tâm phúc của ông ta. Nhưng ông không hề biết đó là Trường-Sanh Thái-Tử vì chàng cải trang rất khéo.

Một hôm, ông hỏi Thái-tử:

- Này, nhà ngươi có tài gì đặc sắc nữa không?
- Thưa đại quan tôi có tài làm bếp.

Quả đúng như lời, Trường-Sanh nấu ăn còn

giỏi gấp mấy anh bếp trong nhà. Viên quan rất thích. Muốn khoe người bếp giỏi, ông ta mời Vua đến dự tiệc tại tư dinh.

Thái-tử cố gắng nấu ăn thật ngon để thâu phục lòng ham thích của Phiền vương. Quả nhiên, Phiền vương nài nỉ viên đại thần trao cho mình người đầu bếp. Và Thái-tử nghiêm nhiên trở thành người đầu bếp riêng của nhà Vua.

Chàng tìm cách mua chuộc lòng tin yêu của Vua và đã nhiều lần chàng tỏ rõ sự thông minh uyên bác của mình. Phiền vương rất mến phục cho làm kẻ hộ vệ tâm phúc của mình. Hơn nữa làm việc gì Vua cũng hỏi ý kiến của chàng. Đi đâu, Vua cũng cho chàng đi theo.

Ngày mong đợi đã đến. Hôm ấy, chàng phò Vua đi săn. Mải theo con mồi, Vua cùng chàng tiến sâu vào trong rừng thâm. Kế ra thì Trường Sanh cũng biết lối ra nhưng chàng cố ý đưa Vua đi lạc.

Mặt trời đã lặn mà hai người còn lẫn quẩn trong rừng. Đoàn hầu cận không có một ai. Những tàn cây u ám giăng bóng tối che khuất ánh sao đêm leo lét phía chân trời. Vua buộc lòng phải ngủ dưới một gốc cây. Thái-tử đeo gươm đứng hầu bên cạnh.

Cơ hội tốt đã đến. Trường-Sanh cứ nhìn kẻ thù đang mê mết dưới chân mình. Tâm tư chàng thúc dục: "Nó đã giết cha mày, chiếm giang sơn của mày! Còn chờ chi nữa mà không ra tay?..." Chàng rút gươm ra khỏi vỏ. Bỗng nhiên chàng như thấy đôi mắt dụ hiên của Trường-Thọ Vương trên giàn hỏa. Tiếng nói của người như đang dội lại trong lòng chàng: "Con ơi hãy tuối tình thương và đức độ xuống hận cừu. Đừng bao giờ dùng gươm giáo để trả lời gươm giáo. Hãy sống cuộc đời Chư Phật, hỷ xả, từ bi...". Ôi lời cha còn đó, Thái-tử có thể quên chăng? Chàng run tay, thanh gươm bén lại hiên lạnh chui vào vỏ. Vừa lúc Phiên vương thẳng thốt thúc dục:

- Nay khanh trăm vừa mơ thấy một người muốn giết trăm.

- Muốn tâu bệ hạ, có lẽ hơi lạnh thấm vào người sinh ra mộng寐. Có hạ thân đứng đây thì ai mà dám bén mảng?

Phiên vương yên tâm nằm xuống ngủ. Hình ảnh cha mình bị thảm sát lại hiện lên trước mắt Thái-tử. Tâm tư chàng lại thúc dục: "Còn chờ gì nữa mà không lấy máu kẻ thù tể cho linh hồn cha..." Trường-Sanh cương quyết tuốt gươm. Nhưng cũng vẫn đôi mắt dụ hiên, vẫn câu nói ngày xưa văng vẳng: "...hãy sống cuộc đời Chư

Phật, hỷ xả từ bi!..." trong tâm hồn Trường Sanh hai dòng nước ngược đang ào ạt chảy: một dòng hận cừu đồ máu, một dòng đức độ thơm ngọt sữa hiền. Giữa ngã ba đường ấy biết về đâu?

Đã ba lần, chàng rút gươm toan hạ thủ nhưng nghĩ đến lời cha dặn, chàng lại thôi. Cuối cùng không chịu nổi sự dày dáp của lòng chàng hét lên tức bực:

- Hỡi kẻ thù tàn ác, vì danh giá nhà ta, vì lời dặn cha ta, ta sẵn lòng tha cho ngươi.

Từ bi đã thắng hận cừu. Thanh gươm bây giờ không còn chui ra khỏi vỏ. Phiền vương tỉnh dậy ngơ ngẩn:

- Khanh ơi! Trẫm vừa chiêm bao thấy con của tiên vương tha trẫm mà không trả thù. Khanh có biết là điểm gì không?

Trường Sanh trả lời trong nước mắt:

- Thưa Ngài, con của Vua nước này chính là tôi đây. Khi cha tôi bị Ngài thiêu trên giàn hỏa có căn dặn tôi không nên buộc chặt oán thù, hãy noi gương Chư Phật sống cuộc đời hỷ xả từ bi. Vì thế đã ba lần tôi rút gươm muốn giết Ngài nhưng lại thôi.

Phiền vương vô cùng hối hận. Vua ôm chầm

lấy Thái-tử mà núc nở:

- Thôi khanh hãy giết Trầm để báo phục thù, Trầm không muốn khanh phải khổ tâm hơn nữa.

Trường Sanh cảm xúc đáp:

- Không, hạ thần xin chịu tội. Bệ hạ hãy xử cho rồi!

Và cả hai im lặng. Đêm tối đã bắt đầu lui bóng. Phía chân trời ánh bình minh lẹ lói như ánh sáng từ bi vừa lóe sáng trong lòng người. Ôi Từ quang! Từ quang! Từ quang đã dập tắt hận thù, chiếu sáng tâm hồn người đọa lạc. Từ quang ôi! Hãy tuôn chảy như suối thác, như sông biển dạt dào xuống lòng nhân loại si mê.

Phiên vương ôm đầu suy nghĩ. Vua thấy tội mình mới lớn làm sao. Gương sáng của Trường-Thọ Vương làm ngài thấy hổ thẹn. Một ý so sánh chợt đến trong óc Ngài. Vua nói:

- Khanh ơi, đêm nay ta bắt gặp những gì cao đẹp nhất của đời. Chiến tranh và hận thù đều là tội lỗi. Không gì quý bằng tình thương.

Trời đã sáng hẳn, Thái-tử dắt Vua ra khỏi rừng. Các quan đang nóng lòng chờ đợi. Đêm rồi nào ai biết Vua ở đâu? Vua hỏi hết bá quan:

- Các khanh có biết Thái-tử con vua cũ nước

này ở đâu không? Rồi không đợi trả lời, người nắm lấy tay Thái-tử, cao giọng:

- Đây là ân nhân của ta, Trường-Sanh Thái-tử con vua cũ, người đã vì hiếu quên thù. Nay các Khanh, không có gì cao cả cho bằng đức độ của tiên vương. Hãy nghe theo lời người..."Tuổi tình thương và đức độ xuống hận cừu"...

Ngày hôm sau, Phiên vương trả nước lại cho Thái-tử. Công đức Trường-Thọ Vương được tán tụng khắp nơi. Thái-tử nối chí cha, gieo rắc tử bi trong lòng nhân loại. Cuộc đời vì thế bớt đau thương...⁽¹⁾

HUYỀN THANH

(1) Đây là một chuyện tiền thân của Phật Thích Ca do chính Ngài kể lại. Trường Sanh Thái-tử là A Nan đệ tử yêu quý của Phật, còn Phiên vương là Đế Bà Đạt Đa.

Lòng ngưỡng mộ Phật pháp của Vua A Dục

Vua A Dục trước là người rất độc ác, từ khi theo đạo Phật đổi thành người rất nhân từ. Hồi mới theo đạo, vì lòng cảm mộ quá dồi dào nên mỗi khi ngự ngoài đường hề gặp vị Tỳ-kheo nào đi ngang qua, liền xuống kiệu khấu đầu lạy.

Có một vị đại thần tên là Da Tát lấy thế làm quá đáng bèn can ngăn vua rằng: "Các Tỳ-Kheo kia chẳng qua là những người các cấp đi hành khất ngoài đường, không đáng tôn trọng lắm". Vua yên lặng không trả lời.

Cách vài ngày sau, vua truyền cho các quan văn võ, mỗi ông phải đem bán một đầu súc vật, và cho biết giá bán các đầu ấy như thế nào. Ông Da Tát phải bán một đầu người. Các đầu súc vật thời bán được với giá tiền sai khác hơn kém nhau, duy có đầu người của ông Da Tát bán thời không ai mua cả. Vua hỏi có sao, ông Da Tát trả

lời: Vì đầu người là vật hèn hạ không có giá trị gì, Vua lại hỏi: "Chỉ có một đầu này là hèn hạ hay tất cả đầu người là hèn hạ?" Ông Da Tát đáp: "Tất cả đầu người đều hèn hạ". Vua bèn hỏi: "Vậy đầu Trẫm đây cũng hèn hạ sao?" Ông Da Tát sợ hãi không dám nói, sau Vua cũng thú thật đầu Vua cũng hèn hạ.

Vua bèn giảng cho ông Da Tát nghe rằng: Phải! Người muốn can ta đừng lạy các vị Sa-môn là nhà người có ý kiêu căng tự đắc. Nhưng cái đầu của Trẫm này là một vật hèn hạ không ai thèm mua, vì cúi xuống mà được thêm công đức, thêm giá trị lên, thì phổng có hại gì? Nhà người muốn chỉ trích các thầy Sa-môn là người các cấp không sang trọng nhưng nhà người không rõ uy đức của các Thầy. Khi nào có đi ăn tiệc, ăn đám cưới thời mới nên hỏi đến giai cấp người ta, chứ đi tu học phân biệt giai cấp làm gì. Như người sang trọng danh giá bị tội nặng thời ai cũng nói "Người này là kẻ có tội" và ai cũng đem lòng khinh bỉ. Trái lại con người hèn hạ mà tu nhân tích đức thời ai cũng kính trọng ai cũng cúi đầu.

Vua nói đến đây, bèn chỉ hân vào mặt ông Da Tát mà nói lớn rằng: Nhà người há lại không biết câu sau này của Đức Phật Thích Ca hay sao? Ngài dạy "Người có trí thời đầu vật không có giá

trị cũng làm nên giá trị". Ta muốn theo Phật, người lại can gián ta, ấy là bất trung. Đến khi ta nằm xuống đất như cây mía kia thì dầu muốn lay, muốn đứng dậy, muốn cung kính cũng không sao được nữa, thời làm thế nào được công đức. Vậy người để yên ta lay các vị Sa-môn để kiếm chút phước đức. Nếu có người dám tự nói "Ta là người đáng tôn trọng hơn cả", thời người ấy là người u mê nhất đời vậy. Nếu lấy huệ nhãn của Đức Phật mà xem xét thân thể, thời biết thân thể ông vua và thân mọi người cũng giống nhau, cũng là da, thịt, xương, khác nhau chỉ có cái phù hoa trang sức bề ngoài. Nhưng cốt yếu ở đời là lòng đạo đức thời trong thân thể người hèn hạ nhất ở đời cũng có được, chính cái ấy con người trí giả gặp đâu cũng phải cung kính phải vái lạy vậy.

Trích: VIÊN ÂM

Hoa thơm nhờ nhụy

Người giá trị bởi đạo đức.

Tịnh xá Kỳ Hoàn

Đọc kinh sách Phật, chúng ta thấy Phật thường thuyết pháp ở "Tịnh xá Kỳ Hoàn hay Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên" cũng thế.

Được truyền tụng hơn hết, Tịnh xá này là công trình kiến tạo to tát của ông Tu Đạt Đa, một Phật-tử tại gia thuần thành tên tuổi được hậu thế luôn luôn nhắc nhở.

Tu Đạt Đa, người ở thành Xá Vệ, Xứ Ấn Độ, là tôi đại thân của vua Ba Tư Nặc và là một nhà giàu có nhất thời bấy giờ. Tánh tình hào hiệp ưa cứu giúp kẻ cô bản, hay làm việc bố thí, thí ân, khoan hồng với người dưới, khắp xứ đều biết danh, ông được người thời bấy giờ gọi tặng là Trưởng Giả "Cấp Cô Độc".

Tu Đạt Đa sanh được bảy người con trai. Chúng đều khôn lớn cả và có gia thất, trừ cậu út. Hình dung tuấn tú diện mạo khác thường, chàng có ý tự mình lựa chọn bạn trăm năm. Trưởng giả

mới nhờ một thầy Bà La Môn tìm nơi mới lái.

Một hôm thầy Bà La Môn đến hóa trai ở một nhà nọ tại thành Vương Xá.

Một người con gái xinh đẹp tuyệt trần, đem vật thực ra cúng. Hỏi ra mới biết là ái nữ của Trưởng giả Hộ Di. Thấy yêu cầu xin tiếp chuyện với phụ thân của nàng. Thiếu nữ vào trong thưa lại, một chập sau thấy được ra mặt Trưởng giả và lấy thật tình tỏ ý mình muốn tác thành cho hai họ.

Vì đã được nghe đại danh của Trưởng giả Tu Đạt Đa chẳng những là người giàu có muôn hộ, hay cứu giúp kẻ nghèo đói, cô bản, mà còn là một vị đại thần quyền thế ở thành Xá Vệ, nên không ngần ngại gì; Hộ Di vui lòng hứa lời cho chàng trai bước tới.

Nhơn dịp có người khách buôn dong xe về Xá Vệ thấy Bà La Môn liền gởi một phong thư báo tin lành, ông Tu Đạt Đa tức tốc khởi hành, cho gia nhân chờ theo rất nhiều châu báu.

Lúc đến nơi, thầy Bà La Môn đưa ông tới nhà ông Hộ Di. Đàng gái hết sức vui mừng, tiếp rước trọng hậu. Nhận thấy tới trai, tổ gái tấp nập cỗ bàn, Tu Đạt Đa mới hỏi thăm duyên cớ. Trưởng giả Hộ Di cho biết sáng hôm sau ông sẽ làm lễ

cúng đường Phật và chư Tỳ-kheo Tăng.

- Phật là gì? Tu Đạt Đa hỏi

- Quan huynh chẳng nghe ư? Con vua Tịnh Phạn ở thành Ca Tỳ La Vệ, tên Tất Đạt Đa, vì thấy cái khổ sanh, già, bệnh, chết, buồn lòng không vui thú gia đình, bèn bỏ cung điện đi tu, sau sáu năm khổ hạnh, được trí tuệ đầy đủ, thắng chúng ma vương, tự tại thần thông, quan minh chiếu diệu được người xưng tôn là Phật.

- Còn thế nào gọi là Tăng?

- Tăng chỉ các vị đệ-tử của Phật đều là bậc sáng suốt giải thoát, có thể vì chúng sanh làm đám ruộng phước.

Tu Đạt vui mừng vô hạn hỏi tiếp:

- Chẳng hay Phật và chư Tăng ở đâu?

- Tại một Tịnh-xá trong vườn Trúc (Trúc Lâm).

Trong đêm ấy Tu Đạt Đa sanh lòng kính tin, lăn lộn không ngủ, trông mau trời sáng để đến ra mắt Thế Tôn.

Vừa bình minh ông đã trời dậy, hỏi hướng rồi ra đi.

Tịnh-xá Trúc Lâm vẫn còn yên tĩnh, sương

lạnh phủ dày, các Tỳ-kheo còn đang thiền tọa. Tu Đạt Đa đang ngơ ngác, thì đằng xa có bóng người tiến đến. Thì ra đó là Đức Phật, bởi biết trước nên xuất thiền ra ngoài kinh hành. Vừa trông thấy tướng mạo nghiêm trang, oai nghi, đỉnh đạt của Ngài, Tu Đạt Đa mừng quá quên cả lễ phép:

"Thưa ông, không biết đức Cù Đàm đã dậy chưa? Ngài ở đâu? Tôi muốn gặp liền bây giờ được chăng?" Đức Phật vui vẻ chỉ chỗ mời ngồi, rồi ôn tồn hỏi: "Ông tìm đức Cù Đàm có việc chi? Chính tôi là người ông đang tìm".

Biết là Đức Phật và cảm kích trước lời nói của Ngài, Tu Đạt Đa liền cúi mình làm lễ và tha thiết bạch rằng: "Lạy Ngài rủ lòng thương xót, mở lòng dạy bảo cho kẻ đệ tử đầy tội lỗi này!"

Đức Thế Tôn bèn nói pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã (1) và Niết-bàn yên vui vắng lặng cho ông Tu Đạt nghe. Khi nghe xong, ông quá đổi vui mừng, liền nhiếp thánh pháp, đắc quả Tu Đà Hoàn, thí như miếng lụa trắng để ăn màu nhuộm. Trưởng-giả bèn quì xuống, chấp tay lạy Phật: "Bạch Thế Tôn, những người ở thành Xá Vệ nghe pháp có thể dễ thâm nhiễm như con

(1) KHỔ : đời là khổ - KHÔNG : không thật - VÔ THƯỜNG : luôn luôn biến chuyển thay đổi - VÔ NGÃ : không tự chủ được lòng mình thân thể và hoàn cảnh.

không?" Phật bảo: "Ông vì tức cần nên mới sớm ngộ như thế không phải ai cũng ngộ như vậy đâu. Và lại dân thành Xá Vệ phần nhiều tin theo tà giáo, khó mà nhiễm thánh pháp". Tu Đạt bạch Phật: "Cúi xin Ngài thương xót, rủ lòng đại từ quang lâm Xá Vệ, đánh chuông cảnh tỉnh để người theo tà quay về lẽ chánh".

Phật bảo: Phép của người xuất gia không được ở chung chạ với người thế tục, bên ấy không có Tịnh-xá thì làm sao ta và các Tỷ-kheo sang ấy ở được.

- Đệ tử xin phát tâm kiến tạo Tịnh-xá mong Phật từ bi hứa khả cho.

Đức Phật yên lặng, tỏ dấu hứa chịu.

Mấy hôm sau, khi lo vợ cho con xong ông Tu Đạt trở lại rừng Trúc báí Phật xin phái một vị đệ tử đi theo chỉ bảo cách thức xây cất Tịnh xá. Đức Thế Tôn nghĩ rằng ở Xá Vệ bọn Bà La Môn rất nhiều, họ tin tưởng xằng bậy những điều không hợp chánh lý thế nào họ cũng ra mặt tranh đương, người kém tài kém đức, khó bề hàng phục được họ. Chỉ có Xá Lợi Phất trước là dòng dõi Bà La Môn thông minh đa trí, hiểu rõ nội bộ của họ đi mới có lợi. Phật liền sai Xá Lợi Phất đi theo Tu Đạt sang Xá Vệ.

Dọc đường Tu Đạt hỏi Xá Lợi Phất: "Đức Phật đi bộ bao nhiêu dặm trong một ngày?" Xá Lợi Phất đáp: "Chừng nửa do tuần". Ông Tu Đạt bèn cứ hai mươi dặm là mượn người cật một khách xá (nhà trạm) để khi Phật sang Xá Vệ, đêm có chỗ tạm nghỉ.

Khi về đến nhà, Tu Đạt và Xá Lợi Phất trải qua mấy ngày vất vả và vẫn chưa tìm ra chỗ nào vừa ý. Một hôm đi ngang vườn cây của Thái-tử Kỳ Đà, thấy đất đai bằng phẳng, cây cối xum xuê. Xá Lợi Phất bảo Tu Đạt: "Trong vườn này cất Tịnh-xá được, vì không xa không gần thành; xa quá thì khó cho sự khát thực, còn gần quá thì ồn ào, loạn động khó yên tâm để tu hành". Thấy Tu Đạt ra chiều suy nghĩ, Xá Lợi Phất tiếp: "Phải chăng ông sợ không thể mua được chỗ gì? Ông nên đến ước hỏi Đông-cung xem sao".

Tu Đạt liền đánh bạo đến ra mắt Thái-tử Kỳ Đà.

- Trưởng giả đến thăm có lời gì dạy bảo? Thái tử hỏi.

- Tâu Thái-tử! Tôi muốn kiến tạo một Tịnh-xá để thỉnh Phật và chư Tăng sang đây diễn giáo, nhưng tìm mãi không ra chỗ. Nay Thái-tử có vườn cây tốt, rộng rãi, xin Thái-tử vui lòng nhường miếng vườn ấy lại cho tôi, công đức của

Thái-tử thật vô biên vô lượng.

Thái tử cả cười bảo: "Tôi đâu có thiếu thốn gì mà phải bán; vườn này để làm chỗ ngoạn thưởng trong khi nhàn rỗi, cho thư thả tâm hồn, bán đi thì làm thế nào?"

Ông Trưởng-già Tu Đạt năn nỉ mãi. Thái-tử tánh dễ cảm, song vì tiếc miếng vườn nên định làm thối chí ông Tu Đạt:

- Nếu Trưởng-già muốn mua, xin đem vàng lót khắp mặt đất tôi sẽ bán cho.

- Vâng.

Thái tử hỏi hồi:

- Tôi nói chơi như thế, chớ bán đi thì làm gì.

- Quân tử vô hý ngôn, Thái-tử sẽ làm vua trị dân, nói bốn sao được.

Tu Đạt bèn vội trở về nhà hỏi gia nhân chở vàng đến lót. Khi đã phủ xong nơi đất liền. Trưởng già suy nghĩ coi phải làm thế nào để lót mấy nơi bị cây mọc choán. Thái-tử đến gần vỗ vai hỏi: "Thế nào Trưởng-già suy nghĩ gì? Nếu ông chê mắc thì thôi, vàng ông chở về vườn tôi xin trả lại cho tôi".

- Không, tôi không nói mắc rẻ gì đâu, thưa Thái-tử. Tôi đang suy nghĩ coi phải chở ở kho nào

cho vừa đủ, khỏi đem đi đem về thất công và tình coi mấy gốc bao nhiêu vàng đấy chứ.

Thái tử Kỳ Đà nghe xong hết sức ngạc nhiên, tự hỏi Phật là người thế nào mà Trương giả coi của cải như không, xem vàng ròng như đất cục. Thật kỳ lạ quá... Có lẽ là một thánh nhân, đạo cao đức cả mới có thể cảm hóa được lòng người như thế.

- Thôi, Thái-tử bảo, ông đừng chờ vàng đến nữa, bây giờ đất vườn thuộc về ông, còn cây thuộc về tôi, tôi xin cúng cho Phật đấy.

Trương giả sung sướng quá. Ngay ngày hôm sau kêu thợ đo đất khởi công, còn Xá Lợi Phật thì vẽ bản đồ và chỉ bảo cách thức.

Song một trở ngại lại xảy ra. Phái Lục sư ngoại đạo Bà La Môn kéo nhau đến tâu vua Ba Tư Nặc: "Trương giả Tu Đạt Đa mua vườn của Thái-tử để kiến tạo Tịnh-xá cho bọn Sa-môn Cù Đàm xin bề hạ cho phép chúng tôi cùng bọn kia tranh tài, nếu họ thắng được bọn tôi, chừng ấy họ mới được phép cất Tịnh-xá và sang đây thuyết đạo, còn trái lại, thì ở đâu phải ở đó".

Nhà vua liền triệu Tu Đạt Đa vào triều mà bảo rằng: "Hàng Lục sư Bà La Môn (1) không chịu có

(1) *Lục sư Bà La Môn: Sáu phái ngoại đạo danh tiếng nhất ở Ấn-độ*

phái nào khác vào đây truyền giáo. Nay khanh mua vườn cất Tịnh-xá để rước đồ chúng của Đức Cù Đàm về đây dạy đạo. Lục sư vào tàu khi nấy, xin cho hai phái cùng nhau một trận thư hùng, nếu họ thua thì khanh tự ý muốn làm gì thì làm, còn nếu phe Cù Đàm thua thì đừng bèn mắng đến đây. Muốn cho yên thuận, ta đã hứa với họ rồi, vậy khanh lo liệu thế nào cho chu tất".

- Xin bộ hạ cho phép hạ thần trở về bạch lại với đệ-tử của đức Phật xem sao.

- Được, khanh cứ đi, muốn cho bọn họ và công chúng biết được giá trị của đôi bên, ngoài phương pháp đó, không còn gì hơn nữa.

Trưởng-giả cáo từ ra về, mặt luôn luôn dầu dàu, đầu óc miên man lo nghĩ: "Không rõ bên ta có thể thắng được không? Hơn chẳng nói gì, còn rui thua thì khổ biết bao. Lục sư pháp thuật cao cường, lại bẻ lũ đông đảo, liệu một mình Ngài Xá Lợi Phất có đương cự lại chăng?". Bao nhiêu câu hỏi làm lòng ông ngổn ngang lo sợ, đến nỗi về đến cửa nhà mà ông không hay.

Trông thấy vẻ mặt đượm đầy u buồn, lo ngại của Tu Đạt, Xá Lợi Phất bèn cất tiếng hỏi: "Hôm nay có việc gì mà Trưởng-giả không được vui?".

Tu Đạt rầu rầu đáp: Thưa Ngài công việc kiến

tạo Tịnh-xá sợ không thành tựu.

- Tại sao thế?

- Thưa Ngài, bọn Lục sư quyết lòng ngăn trở công việc làm của mình. Họ đã đến khiếu nại với vua, xin cho cùng chúng ta tranh thủ nếu chúng ta thắng họ thì mới được cất Tịnh-xá. Vua đã chuẩn y lời của họ. Bây giờ trăm việc tôi xin trông cậy vào Ngài. Tôi lo lắm, bọn họ tu hành theo tiên đã lâu, tài nghệ pháp thuật cao cường, trong thành này ai cũng biết, thêm nổi bọn họ rất đông, liệu mình Ngài có chống nổi chăng?

- Trưởng giả đừng ngại. Tôi tuy một mình, nhưng ông có thấy chăng, chỉ một ánh sáng mặt trời đủ phá tan bao nhiêu bóng tối; cần gì phải đông. Đồ chúng của Lục sư có nhiều đến bực nào cũng không làm chi tôi nổi. Trưởng-giả cứ vững lòng tin tôi và tâu lại nhà vua xin định ngày đấu sức, không sao.

Tu Đạt nhẹ nhõm người, chạy bay vào cung, xin định ba hôm sau là mở hội tranh tài.

Bọn Lục-sư truyền rao cho tín đồ của chúng hãy đến xem cuộc đấu phép ít có mã phân thắng chắc chắn về phái họ. Vua Ba Tư Nặc cũng truyền lệnh cho dân gian và cho phép tam cung lục viện đến dự. Đồng thời vua cho cất khăn đài

tại một miếng đất trống to lớn phía ngoại thành.

Đúng ngày giờ kỳ hẹn, trời vừa tang tảng sáng, bọn Lục sư đã lũ lượt kéo tới, cả dân chúng nữa, người người không thể tính số được. Giữa khán đài, vua và hoàng hậu ngồi ghế lớn, hai bên trăm quan và cung phi mỹ nữ đứng hầu, còn dân chúng chen nhau đứng phía dưới. Trước đài, tả hữu có hai đài khác, dành cho hai phái tranh thủ.

Giờ đầu tài đã đến, bọn Lục sư thấy thế tuyên bố âm lên: "Bọn Cù Đàm sợ chúng ta rồi, đã tới giờ mà không thấy bóng hình đầu cả". Tiếng bàn tán càng thêm to. Có kẻ đánh bạo đến gần tàu vua: "Tàu bệ hạ, bọn đệ-tử Cù Đàm có lẽ tự biết mình vô tài nên không dám đến. Vậy xin bệ hạ kể họ như thất trận rồi".

Vua Ba Tư Nặc trăm tính đáp: "Chưa gì mà các người đã vội ca khúc khải hoàn, hãy đợi một chút nữa xem nào". Đoạn vua xoay qua Tu Đạt: "Tại sao thầy của khanh chưa đến, khanh hãy đi xem thử sao?"

Lúc ấy, Xá Lợi Phất đang ngồi thiền định dưới cội cây ta, yên lặng suy nghĩ: "Hội chúng hôm nay phần đông theo tà giáo đã lâu, tà pháp đã thâm nhiễm vào đầu óc của họ, nên họ đầy vẻ kiêu mạn, tự cao. Làm thế nào mà cứu vớt họ? Phật đã dạy, trong khi truyền đạo, không nên

dùng thần thông làm kinh dị lòng người, nhưng trong trường hợp này, nếu không dùng thần thông thì làm sao gây được tín tâm. Vậy xin Phật thấu hiểu và xá tội cho!" Vừa nghĩ xong thì Tu Đạt hấp tấp đến.

Bạch Đại-đức, công chúng đã nhóm họp đông đủ cả rồi, nhà vua đang chờ trông, xin Đại-đức quang lâm cho.

Xá Lợi Phất bèn xuất thiền đứng dậy, sửa ngay y phục, vắt tọa cụ lên vai, rồi oai nghiêm cất bước, từ từ tiến về phía diễn trường mà quang cảnh là một biển người, lộ nhỏ đâu là đâu không hàng ngũ trật tự gì cả. Thế mà khi Xá Lợi Phất đến, công chúng lại tự dung vệt ra, chừa một đường khá rộng cho Ngài vào. Tu Đạt ung dung theo sau khỏi chen lấn gì cả.

Xá Lợi Phất đi đến đâu thì đám đông cúi chào, xa trông như một đồng lúa bị gió đùa. Còn bọn Lục sư, tuy lúc đầu đã dạn nhau không được tỏ vẻ kính nể nào, nhưng khi thấy vị đại đệ-tử của Phật, tất cả như bị một sức mạnh gì ở thâm tâm thúc đẩy, đồng đứng dậy lễ phép chào như bao nhiêu người khác. Xá Lợi Phất chậm rãi thượng đài và an tọa. Vua Ba Tư Nặc liền ra lệnh cho hai bên đều phép.

Lao Độ Sai, tay huyền thuật giỏi nhất trong

phái Lục-su, trở tài trước. Công chúng đang lao nhao chờ đợi, bỗng thấy một cây đại thọ mọc lên giữa sân sừng sững, to lớn một cách nhanh chóng khác thường, tàn che kín khắp vùng đất chiếm làm diễn trường.

Đồ chúng của Lục-su, biết là sự biến hóa của phe mình, lấy làm thích chí, trăm trổ khen ngợi vang rền. Từ phía muôn mặt quay về hướng Xá Lợi Phất đang tĩnh tọa, đôi mắt lim dim như không hay thấy gì hết. Một phút, hai phút... Mọi người đều nóng ruột, nóng hơn hết có lẽ là Tu Đạt Đa. Tiếng ồn ào vừa ngưng trong một hồi chờ đợi thất thốn, thì từ đôi mắt của Xá Lợi Phất hai luồng hào quang xẹt ra, bao quện thân cây rồi cùng với cây biến mất trong chớp mắt. Tiếng hoan hô nổi dậy ồ ồ tức khắc đổi thành tiếng kinh khủng: một con rồng nhiều đầu, thân thể to lớn dị thường, múa lộn trên hư không, giữa tiếng sấm sét vang tai điếc óc. Nhưng kia, từ miệng của Xá Lợi Phất, một đạo bạch quang phóng ra, biến thành một con đại bàng, to gấp hai kẻ nghịch, xáp đến xót rồng bay mất.

Thua cạnh này bày cạnh khác, Lao Độ Sai bèn dùng mình biến thành một con quỷ Dạ Xoa kéch xù, trên đầu lửa cháy, mắt lồi, miệng đỏ, xông xộ chạy lại đả Xá Lợi Phất, hung ác vô cùng. Trăm

tính vị độ tử của Phật xòe bàn tay năm ngón dụ
mềm: Năm vị Tỳ-sa-môn Thiên-vương hiện ra,
đứng bao bốn phía và trên không. Đồng thời lửa
tam muội (1) bùng bùng nổi dậy, phủ vây con ác
quỷ không phương đào tẩu. Lửa càng cháy, tiếng
than khóc cầu tha mạng sống càng lớn. Tâm
khinh mạn đã tan, bốn phía lửa dữ cũng hạ, Lao
Độ Sai hoàn phục nguyên hình, dập đầu sám hối
tạ tội. Xá Lợi Phất bèn bay vọt lên hư không hiện
đủ bốn oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hiện
thân to lớn như hư không rồi lại hiện nhỏ, hoặc
nửa, chia thân ra trăm ngàn thân khác rồi thâu
trăm ngàn trở lại một. Xong, Ngài trở về chỗ cũ,
ngồi yên, thuyết kệ rằng:

Tâm sanh các pháp thấy đều sanh,

Tâm diệt các pháp thấy đều diệt.

Muôn ngàn nghiệp chướng thấy do tâm,

Rồi cũng do tâm mà diệt nghiệp.

Công chúng được xem các phép biến hóa và
được nghe bài kệ rồi, nhảy nhót vui mừng như
người nghèo được của báu.

Nhân cơ hội ấy, Xá Lợi Phất dạy: các pháp là
khổ, là không, là vô thường, vô ngã; tất cả đều do
tâm, tâm không dính mắc theo trần lao phiền não
là Niết bàn tịch tịnh. Trong thính chúng bấy giờ

(1) Tam muội: thiền định chân chính.

có nhiều người nhớ lại nhân duyên trước của mình, phát tâm hướng về nẻo giải thoát, thấu được lý đạo, kẻ chứng quả Tu đà hoàn, người chứng quả Tư đà hàm v.v... Hơn ba ngàn đồ chúng của Bà La Môn đều làm lễ Xá Lợi Phất xin thọ giáo.

Cuộc so tài đấu phép đến đây chấm dứt, vua truyền bệ mạc. Công chúng lục tục ra về với bao vẻ hân hoan, mà người vui mừng nhất là Tu Đạt.

Mờ sáng hôm sau, người ta đã thấy Xá Lợi Phất, Tu Đạt trưởng-giã và những công nhân kiến trúc có mặt tại vườn Kỳ Đà, bắt tay vào việc. Tuy mệt nhọc nhưng mọi người đều vui vẻ sốt sắng.

Một hôm, khi đi ngang nền Tịnh-xá, Xá Lợi Phất bỗng nhiên dừng bước chỉ con kiến cang to lớn đang bò, bảo Tu Đạt trưởng-giã: "Một khi ta mất thân người, muôn kiếp khó hoàn phục. Con kiến này đã nhiều kiếp chết đi sanh lại nơi đây là chỗ bầy đời Phật hằng giảng pháp. Ông nên biết, dẫu ở sát bên chỗ Phật nói pháp mà trót mang thân súc sanh thì có mắt cũng như đui, có tai cũng như điếc, không giải thoát. Còn làm người mà mê muội, cứ nhắm mắt chạy theo tiếng gọi của vật dục, tham luyến dục lạc hiện tiền, không chịu suy nghĩ, chỉ biết có ngày nay không tin

nhân quả, đã vậy còn gây thêm nghiệp hủy bán chánh pháp, thì xét kỹ không hơn con kiến bao nhiêu, càng sống càng xa ánh sáng giác ngộ, khổ não trăm bề, sa đọa vào bậc thấp hèn đen tối. Thế nên sanh được làm người là một điều khó; là một đại bất hạnh khi đã được thân người mà không lo tu sửa để được lần về nẻo giải thoát, hoặc kiếp sau còn trở làm người cố công tu học, thì thật uổng cho một kiếp.

Công trình kiến trúc vĩ đại quá, thành thử Xá Lợi Phất cũng như Tu Đạt trường giả phải vất vả, cực nhọc suốt ba bốn tháng mới hoàn thành. Tu Đạt bèn vào triều yết kiến vua Ba Tư Nặc trình các việc và xin vua phái sứ thân sang thành Vương Xá thỉnh Phật quang lâm . Vua y lời.

Một buổi sáng trời quang gió mát, đức Thế Tôn cùng các hàng đệ-tử lên đường sang Xá Vệ, ngày đi đêm nghỉ nơi các khách xá của Tu Đạt đã lo xa cho cất trước kia. Khi gần đến thành, vua, quan cùng dân chúng ra đón cách một khoảng xa. Vào đến Tịnh Xá, Đức Phật an tọa, mọi người làm lễ rửa chân cho Ngài và đi nhiễu ba vòng, rồi theo thứ cấp ngồi dưới chân quanh Phật. Đức Thế-tôn phóng ra năm sắc hào quang rực rỡ chiếu khắp thế giới, đoạn Ngài diễn nói công đức bố thí, tu phước cho đại hội thánh chúng nghe. Ai

nấy đều được lòng dạ sáng tỏ vui vẻ vắng làm.

Từ ấy, mỗi ngày Đức Phật và các đệ-tử vào thành khất thực, đến trưa trở về Tịnh-xá thọ trai xong và thăng tòa diễn pháp cho các đệ-tử hai phái cùng nghe. Số người theo về quy y đông vô kể.

Chẳng những là một công trình xây dựng lịch sử, Tịnh-xá Kỳ Hoàn còn là một nhắc nhở lớn cho các hàng Phật-tử tại gia về bốn phạm Tam Bảo.



Xây dựng một ngôi chùa,
tức là đã phá hủy một nhà lao.
Thêm một đoàn thể học Phật,
tức nhiên bớt một số người tù tội.

Hoàng tử hiếu thảo

Xưa có vị hoàng tử tên là Nhân Nhục, tướng mạo khôi ngô, trí rất thông minh, lòng rất nhân đức. Ngài đem lòng thương xót hết cả mọi người, nên rất được mọi người thương mến. Đối với Vua cha và Hoàng hậu, Ngài rất kính yêu và hiếu thảo, không bao giờ từ chối một việc gì mà Ngài có thể làm cho cha mẹ vui lòng.

Một ngày kia Vua cha đau nặng, thuốc thang chạy chữa đã hết phương mà bệnh vẫn không thuyên giảm. Hoàng-tử lo buồn lắm. Ngài hội các đình thần lại để hỏi xem ai có cách gì cứu chữa cho Vua cha. Trong triều có một kẻ gian thần, vì muốn giết Thái-tử để cướp ngôi sau khi Vua mất, liền đứng dậy thưa rằng: "Thưa Thái-tử bệnh của Hoàng-đế chỉ có một thứ thuốc có thể chữa được, nhưng khó kiếm". Hoàng-tử tỏ vẻ vui mừng, vội hỏi: "Chẳng hay thứ thuốc ấy là thuốc gì thế? Nếu chữa được bệnh cho Phụ-vương tôi, thì dầu khó thế nào, tôi cũng cố tìm cho được". - "Bẩm, ấy

là cái não của một người trẻ tuổi mà từ nhỏ đến lớn rất hiếu thảo với cha mẹ và nhân đức với mọi người". Hoàng-tử hỏi: "Vậy não của tôi có thể đem dùng để làm thuốc được không?". Kẻ đại thần nghe nói, trong lòng lấy làm mừng rỡ, nhưng giả vờ buồn bã mà thưa rằng: "Thưa chắc được, vì còn ai hiếu thảo và nhân đức hơn Ngài. Nhưng chúng tôi không dám và cũng không nỡ làm một việc nhân tâm như thế". Hoàng-tử khẳng khái trả lời: "Nếu tôi chết mà cứu sống được Phụ-vương tôi, thì tôi rất sung sướng. Xin các Ngài đừng lo ngại".

Nói xong, ngài liền truyền đem cắt đầu mình, lấy não đem hòa với thuốc để Vua cha uống. Lòng hiếu thảo của Thái-tử động đến trời đất, nên khi vua uống xong chén thuốc thì bệnh liền giảm ngay.

Hoàng-tử hiếu thảo trên đây, chính là tiên thân của Đức Phật Thích Ca.

Trích: VIÊN ÂM

**Cùng tội điều thiện không gì hơn Hiếu,
Cùng tội điều ác không gì hơn Bất hiếu.**

Công đức Sám hối

Thuở xưa, đời nhà Lương, vua Võ Đế, có quen với một vị Hòa thượng, hiệu là Chí Công, hằng ngày trò chuyện với nhau rất thân thiết.

Hoàng hậu tên là Hi Thị, thấy vậy, bèn can gián vua đừng chơi với người ngu tăng ấy, nhưng vua Võ Đế chẳng hề nghe, cứ giao du như thường. Hoàng hậu giận lắm, toan lập mưu hại ngài Chí Công, bèn lên dùng thịt chó làm nhum bánh, rồi sai người đem bánh ấy đến chùa mà trai tăng.⁽¹⁾

Ai ngờ Hòa thượng Chí Công đã biết trước, nên dự sắm áo tràng rộng tay, làm bánh chay bỏ vào, rồi khi trai Tăng lên bỏ bánh mặn trong tay áo, lấy bánh chay ra ăn.

Bà Hi Thị đợi tin Hòa thượng ăn rồi, tức thì tâu với vua rằng: "Bánh ấy thiếp dùng thịt chó làm nhum, ông Chí Công ăn mà không biết, thiệt là người phạm ngu muội, không có đạo đức trí

(1) Trai tăng: thiết tiệc đãi chúng tăng.

tuệ gì cả, nay bệ hạ còn làm bạn nữa chăng?"

Vua nghe nói nổi giận, liền mang guom đến chùa mà giết Hòa thượng.

Khi ấy, ngài Chí Công cũng đã biết trước, nên ra ngoài cửa chùa đứng đợi.

Lúc vua ngự đến trông thấy Hòa thượng thì hỏi rằng: "Ông ra đứng đây mà làm chi?"

Ngài Chí Công đáp rằng: "Bần tăng biết Bệ hạ đến giết bần tăng, nên bần tăng ra đây đứng đợi. Nếu để Bệ hạ vào chùa mà sát hại, thì ô uế chốn Già lam ⁽¹⁾ càng tội nghiệp lắm!"

Vua nghe nói kinh hồn chấp tay niệm Phật và sám hối, rồi liền mời Hòa thượng vào chùa mà hỏi rằng: "Ngài đã tiên tri được như vậy, vì sao còn ăn lẫn bánh thịt chó mà không biết?"

Ngài Chí Công bèn đáp rằng: "Muôn tâu bệ hạ! Bần tăng có ăn đâu!"

Tâu rồi Ngài liền thỉnh vua ra sau vườn, dạy người đào lấy bánh thịt chó lên, thấy vẫn còn đủ 120 cái. Hòa thượng bèn lấy nước Tịnh thủy phun vào, tức thì mỗi mười bánh hiệp lại thành ra một con chó, hình thể vận động như thường.

Vua thấy vậy thất kinh, mới biết pháp lực

(1) Già lam: chùa chiền.

thần thông của ngài Chí Công thiết là cao cường quảng đại, liền trở vào chùa hết lòng lễ sám những sự lỗi lầm. Từ ấy Võ Đế càng yêu mến Hòa thượng Chí Công hơn ngày trước nữa; trái lại bà Hi Thị thấy thế lại càng giận thêm, nên khiến kẻ hầu hạ đến chùa lấy kinh sách đem ra đốt hết.

Đến niên hiệu Thiên Giám, bà mang bệnh nặng rồi phải từ trần, rồi bào thai làm con rắn mãng xà ở sau hậu cung ẩn mình không cho ai thấy, thừa khi ban đêm, bà lại mách điểm chiêm bao cho vua Võ Đế hay rằng: "Khi thiếp còn sống ăn ở bất nhân, tổn vật hại người, làm điều tham độc. Vì cố ấy nên nay thiếp phải làm thân mãng xà, thân đã dài, vóc lại lớn, bò lết không nổi, đói không có chi ăn, khát chẳng có chi uống, cực khổ nhiều bề, - còn mỗi trong chân vảy lại có thứ độc trùng đeo vào cắn rút da thịt, đau thất ruột gan thật là khó chịu! Thiếp nghĩ vì thiếp cùng Bệ-hạ vẫn là tơ duyên chỉ nợ, tình vợ nghĩa chồng, mà nay thiếp bị dọa ra thân súc sanh thế này, Bệ-hạ nỡ nào hưởng thọ phú quý một mình mà không tìm phương chi cứu thiếp, nên xin Bệ-hạ từ bi thỉnh thấy làm chay độ giải cho thiếp, nay nhờ Phật pháp hộ trì, thoát ra khỏi vòng ác báo, thì thiếp cảm ơn đời đời".

Vua Võ Đế nghe rồi, bèn thức dậy rầu rĩ khóc lóc một hồi; sáng ra liền truyền lệnh rước các thầy Sa-môn nhóm tại điện mà hỏi rằng: "Vậy trong hàng Chư Tăng, ai có phép chi cứu giải Hoàng hậu khỏi điều tội khổ chăng?".

Hòa-thượng Chí Công tâu rằng: "Muốn tâu Bệ hạ! - Tội của Hoàng hậu rất nặng, xin Bệ hạ hãy thiết lập đàn tràng lễ bái sám hối, thì mới cứu được".

Vua Võ Đế bằng lòng, liền cầu Hòa thượng Chí Công soạn ra mười quyển sám văn, rồi thiết đàn trong cung làm chay ba tháng, cầu sám cho Hoàng hậu. Có một hôm kia, khi trai đàn gần mãn có mùi hương nồng nã bay khắp trong cung điện. Vua Võ Đế ngược mắt ngó lên trời, thấy có một nàng con gái, nhan sắc tuyệt trần, đứng giữa hư không mà chấp tay tâu cùng vua rằng: "Thiếp nhờ công đức của Bệ-hạ cầu sám nay đã thoát được thân mẫn xà mà sanh về cõi trời Đạo Lợi. Nên thiếp phải hiện thân ra cho Bệ-hạ thấy để làm chứng nghiệm vậy - Thôi, mấy lời cảm tạ, kính chúc Bệ-hạ ở lại bình an". Bà nói rồi liền ẩn mình không thấy nữa.

Khi ấy vua Võ Đế nửa mừng nửa khóc, khôn xiết sự tình bèn lui vào cung mời Hòa thượng Chí Công mà hỏi rằng: "Hoàng-hậu của Trẫm buổi còn

sống, hết sức thù ghét Hòa thượng là tức duyên làm sao mà gây ra cừ oán như vậy?"

Ngài Chí Công tâu rằng: "Muôn tâu Bệ-hạ! - Sự cừ oán duyên do kiếp trước có một vị Trú-trì và một vị Giám-tự ở chung một chùa. Trong chùa ấy có cái đôn để nước, dưới chum cái đôn có con thiện trùng thường thường kêu trong khi ban đêm; tiếng kêu của nó inh ỏi như thể tiếng con dế hay là con vạt sành vậy. - Thường khi ông Trú-trì tới đó lấy nước súc miệng, rửa mặt thì cũng chú nguyện cho con ấy mau mau thoát đặng cái thân súc vật, mà sanh về đường nhân luân.

Một bữa kia, ông Trú-trì đi khỏi, ông Giám-tự ghét con thiện trùng đêm nào cũng kêu, và làm cho lòng ông không được thanh tịnh và chẳng cho ông ngủ thẳng giấc, nên ông bèn bắt con ấy, lấy dao cắt ngang giữa lưng làm hai, rồi cũng bỏ lại dưới chum đôn như cũ.

Qua bữa sau ông Trú-trì về, trót đêm không nghe tiếng con thiện trùng kêu nữa, bèn kiểm dưới chum đôn, thì thấy nó đã chết rồi. - Ông thương khóc, niệm Phật chú nguyện cho nó và lấy một miếng vải đỏ buộc vào chỗ lưng bị cắt, rồi đem chôn sau vườn chùa.

Muôn tâu Bệ hạ! Con thiện trùng ấy tức là kiếp này làm thân Hoàng-hậu; còn vị Giám-tự là

kiếp này làm thân của Bản Tăng đây. - Vì vậy oan gia gặp nhau toan đòi nợ trước, nếu tôi kiếp này tu nành lơ lảo, chưa chứng đạo quả; không đặng thân thông, thì có thể nào thoát ra khỏi tay của Hoàng hậu!".

Vua Võ Đế nghe nói liền gật đầu mà đáp, rằng: "Hèn gì Hoàng hậu của Trẫm thường thường buộc sợi dây đỏ ngang lưng, không khi nào rời bỏ, mà Trẫm không biết có làm sao. - Có một đêm Hoàng hậu ngủ mê, Trẫm lên mở sợi dây ấy ra, thì Hoàng hậu nói rằng đau lưng, rồi lấy dây ấy buộc vào lại, tức thì không đau nữa. Nay Hòa thượng bày tỏ sự tức trái như vậy, thì biết Phật nói "NHÂN QUẢ" thiệt là không sai".

Từ ấy, vua Võ Đế lại càng tin tưởng Phật Pháp, trọng đãi Chúng Tăng và nguyện một lòng phụng sự Tam Bảo...

Trích gương: NHÂN QUẢ

Chúng sanh khi xả báo thân nầy thì thọ báo thân khác. Nếu trong khi tìm thọ thân khác mà chưa đủ nhân duyên thì thân nầy chưa xả. Ví như con sâu đo, trong khi đang đuôi bám chặt một nơi thì đang đầu ngóc lên tìm kiếm. Hễ đang đầu tìm được chỗ mà bám xuống thì đang đuôi mới nhả ra. - Con người trong lúc nằm thêm thiếp chờ chết, chính là lúc nghiệp thức tìm kiếm nơi thác sanh. Nếu được nơi rồi thì liền chết, bỏ xác thân nầy mà thọ thân khác.

Những người mù rò voi

Thuở xưa, có một vị quốc vương tên là Cảnh Diện, tánh tình thuần hậu, nhân đức ít ai bằng. Về phương diện chánh trị thì Ngài thi hành những điều lợi ích cho dân chúng, và Ngài thường đem Phật pháp để giáo hóa nhân dân, nên trong thời kỳ ấy trình độ đạo đức của mọi người lên mức khá cao; vì thế từ trong triều cho đến ngoài dân sự đều đang thái bình an lạc.

Nhưng trong thời kỳ ấy, trong triều còn một vài vị đại thần, tôn thờ ngoại đạo, tin tưởng theo bọn tà sư do đó thường tranh luận với nhau; rốt cuộc ai cũng chấp thủ cho sự kiến giải của tôn giáo mình thờ, lý thuyết chủ nghĩa mình theo là đúng cả. Muốn chấm dứt tình trạng đó, nên vua thường suy tính và tìm tòi một mưu chước gì, để cảm hóa những vị đại thần kia trở đạo giác ngộ cứu cánh của chư Phật, và nhận thấy những sự kiến giải của mình lâu nay là sai lầm.

Thì một hôm, các vị cận thần được lệnh phải đi tìm những kẻ mù từ thuở lọt lòng, đem về cho vua. Được tin ấy, các quan trong triều cũng như dân chúng, ai nấy đều sanh nghi: vua sẽ thi hành điều gì mới lạ chẳng?

Sau hai ba ngày tìm kiếm, các vị đại thần dẫn về một tốp người mù. Người này vịn người kia, người kia nắm kẻ nọ đi vào sân rồng, trong lòng anh nào cũng hồi hộp, không biết việc sắp xảy đến phước hay họa?

Sau khi nhìn qua tốp người mù, vua liền lớn tiếng truyền cho quần thần hay rằng: "Bốn ý của Trẫm là muốn thử xem mấy người mù này có biết hình dáng con voi ra sao không? Vậy các người sai thị vệ dẫn họ đến chuồng voi, ra lệnh quản tượng kèm voi cho chắc chắn, đặt mỗi người lại gần rồi xem cho kỹ lưỡng, rồi dắt tất cả về đây để phúc tấu. - Nếu kẻ nào tả đúng hình dáng con voi, thì Trẫm sẽ trọng thưởng".

Tốp người mù nghe thế, đều lộ vẻ vui mừng - lòng tự hèn với lòng sẽ rõ xem thật kỹ càng, và hy vọng phen này chắc chắn sẽ được nhiều tiền bạc! Anh nào cũng tự hào xúc giác của mình rất tinh tế, ý phân biệt của mình rất tinh vi, xưa nay có hề sai khi nào đâu!

Vì thế, khi dắt đến chuồng voi anh nào cũng

giành rờ trước; anh thì rờ đụng cái vôi, anh thì rờ nhằm cặp ngà, anh thì rờ đụng cái tai, anh thì rờ nhằm hông, anh thì trúng chân, anh thì rờ đụng đuôi - Anh nào cũng rờ đi rờ lại thật kỹ lưỡng và trong lòng đinh ninh rằng mình đã biết đúng hình dáng con voi.

Xem xong, các vị cận thân dẫn tốp người mù trở lại trước vua để Ngài thẩm xét. Vua thấy vẻ mặt anh nào cũng lộ vẻ hân hoan, liền phán rằng: "Trẫm thấy các người con mắt bóng quáng, vì đều mù từ thuở lọt lòng mẹ, chỉ nghe người ta nói đi nói lại, chớ chẳng biết hình dáng con voi ra thế nào. Nay tất cả tuy là không thấy, nhưng đã đến tận nơi mà rờ rẫm con voi rồi; vậy bây giờ mỗi người phải tả hình dáng con thú ấy ra sao? Nếu đúng, Trẫm sẽ ban cho nhiều tiền bạc để hộ thân.

Không đợi hỏi lần thứ hai, anh rờ đụng cái vôi mau mắn trả lời:

- Thưa Bệ hạ, con voi hình như chiếc chiếu cuộn tròn!

Anh rờ nhằm cặp ngà vội cái:

- Thế nào? Con voi giống chiếc chiếu cuộn tròn à? thôi sai rồi chính tôi đã rờ xem kỹ lưỡng. Con voi như cặp sừng trâu!

Anh rờ đụng lỗ tai voi phát cẩu:

- Sao? Con voi lại giống cặp sừng trâu? Cũng sai bét! Con voi giống cái quạt! Chính lúc tôi xem nó quạt vào mặt mát rượi mà!

Anh rờ nhầm hông voi không thể nhận được nữa:

- Các anh mù thật! Con voi mà bé nhỏ giống chiếc chiếu cuộn tròn, giống sừng trâu, giống cái quạt ư? Chính tôi đã ôm sát lấy nó. Con voi như một bức tường bằng phẳng dài đến hai ba thước tây!

Anh rờ trúng chân voi, quơ tay lia lịa phân búa:

- Trật hết! Trật hết! Thôi nín đi, để tôi nói cho mà nghe. Con voi như cái cột nhà mới đúng! Chính tôi ôm thử giờ lên không nổi đây nè! Con voi như cái cột nhà mới đúng! Thôi đừng cãi nhau nữa!

Anh rờ nhầm đuôi voi nãy giờ lạng thỉnh, nhưng bây giờ anh thấy đã đến giờ phút mình cần phải cãi chính.

- Thôi các anh ơi, nín đi! Để tôi nói cho mà nghe. Nãy giờ các anh nói sai hết. Con voi hình như cây chổi. Chính tôi đã mân mê vuốt ve nó

một hồi lâu.

Đám người mù ấy, ai cũng cho sự hiểu biết của mình về hình dáng con voi là đúng, nên cứ nhao nhao cãi vã nhau mãi, có anh tức giận quá muốn trở gậy phang nhau. Thấy cảnh đó, từ vua cho chỉ quân thân không ai có thể nhịn cười được, có người cười đến tức bụng, có người cười đến chảy nước mắt...

Vua cười ngất bảo các quân thân: "Các khanh có thấy không? Trong bọn người mù này, kẻ nào cũng cho sự hiểu biết của mình về hình dáng con voi là đúng. Nhưng thật ra, không kẻ nào nói đúng dạng sự thật của toàn thể con voi, mà cũng không nói ra ngoài hình dáng con voi. Các người đây cũng vậy, người nào cũng cho tôn giáo, học thuyết, chủ nghĩa mình đã đúng với chân lý; nhưng sự thật chưa có người nào hiểu dạng toàn diện chân lý. Mà chỉ có đức Phật, mới là người sáng suốt giác ngộ được hoàn toàn sự thật vậy..."

Các vị quân thần đều tỏ vẻ hổ thẹn cúi đầu.

Nhà vua Cảnh Diệp lập chước mà phả được các sự kiến chấp sai lầm của các vị đại thần, và từ đó họ đều một lòng chánh tín Tam Bảo, bỏ hẳn các thứ kinh sách của ngoại đạo tà sư chỉ lo nghiên cứu nội điển của Phật để tu hành, mong thoát kiếp trầm luân sanh tử.

Các lối tuyên truyền xảo trá làm sao lung lạc được kiến thức loài người, một khi mọi người đã biết đem Chánh Pháp giác ngộ nhau.

Hoàng-hậu Vi Đề với Pháp môn Tịnh-độ

Trong lúc đức Thích-tôn còn tại thế, ở Ấn-độ có vua Tần Bà Ta La, nước giàu dân mạnh, tiếng oai hùng khắp cả bốn phương chư hầu thấy đều quy phục.

Song không bao lâu ông bị nghịch tử là A Xà Thế, sanh lòng ác muốn hại để đoạt ngôi. A Xà Thế bắt phụ hoàng giam vào ngục tối và cấm không cho ai được vãng lai. Hoàng-hậu Vi Đề mặt lo với ngục tối lên đến thăm, khi vào bà thấy vua ngồi trong ngục tối, nhan sắc tiêu tụy tinh thần bạc nhược sắp chết vì đói! Hoàng-hậu vật mình chết ngất, sau khi tỉnh dậy về cung, bà tìm phương cứu chồng. Hoàng-hậu mới hòa bột cùng mật làm chuỗi anh lạc mỗi khi vào thăm bà đổ ra cho vua dùng, nhờ vậy mà vua Tần Bà Ta La sống cam chừng khỏi chết. Nhưng rủi thay, cơ mưu bại lộ, A Xà Thế biết được, ông giận quá

xách gươm tìm mẹ để giết, may có vị đại thần can, bà mới thoát khỏi. Song bị giam vào lãnh cung. Từ đó Hoàng-hậu không thể đem thức ăn cho vua được nữa. Ôi! Còn chi đau đớn bằng mình bị tù ngục và cảnh tượng chồng đói sắp chết hiện ra trước mắt! Bà kêu gào than khóc đến nỗi hai mắt gần mờ; nhân đó bà nhận thấy cuộc đời giả dối, ngai vàng là lao ngục, danh lợi là gông cùm, ân ái là hổ lang, địa vị như rắn độc.

Khi ấy bà liền nhớ đến Phật, nhờ sự cảm thông đức Thế Tôn ở trong Kỳ-hoàn Tịnh-xá, vận thần thông trên hư không cùng các đệ-tử hiện vào trong lãnh cung. Trong khi bà đang quỳ gối chấp tay hướng về đấng Đại-giác bỗng thấy hào quang chói khắp, bốn bức tường lạnh lẽo trở nên ấm áp. Ngẩng đầu lên bà thấy Phật; bà tủi mình khóc lóc đánh lễ đức Phật và các vị Thánh-chúng mà bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn không biết con đã gây nên tội gì mà nay sanh đọa con đại ngộ nghịch đến nỗi toan giết cha giam mẹ để đoạt ngôi? Nay con được may mắn gặp Phật, nguyện đức Như Lai cứu độ cho con xả báo thân này để được sanh vào thế giới nào đừng gặp nghịch tử và chịu những điều oan khổ như ngày nay.

Đức Thế Tôn dịu lời an ủi: Hoàng-hậu hãy bình tĩnh để nhớ lại chuyện xưa. Khi Hoàng-hậu

chưa sanh Thái-tử thì Đại-vương và Hoàng-hậu đêm ngày lo buồn, cầu các vị thần linh để mong sanh con quý.

Vì lòng quá tin tưởng nên một đêm kia Đại vương chiêm bao thấy thần mách bảo: "Trên núi cao cách thành mấy dặm có vị tiên nhơn đương tu trên ấy, khi xả báo thân sẽ đầu thai vào làm con bộ hạ". Lúc tỉnh dậy vua thuật lại cho Hoàng-hậu nghe và truyền xe giá đưa đi, đến nơi quả nhiên thấy vị tiên nhơn đang tĩnh tọa dưới gốc cây, vua quỳ làm lễ, và đem việc mình cầu tự cùng điếm chiêm bao mà thưa với đạo sĩ. Vị đạo sĩ nghe xong, nhập định một lúc lâu, rồi bảo: "Quả có như vậy, song tôi còn ba năm nữa mới ly khai được xác thân này, vậy bộ hạ hãy chờ". Vua nghe xong, buồn rầu thưa lại: "Mạng người vô thường đâu có hẹn được, xin Ngài từ bi cho tôi mau mau được như nguyện, nếu chờ ba năm lâu quá, biết tôi còn sống mà đợi được chăng?" Vua nằn nì rất lâu mà không được; phần quỳ đã mỗi gối, ông liền nói sùng bảo sẵn: "Trẫm làm vua trong một nước, chủ trị cả giang sơn, Ngài tuy tu hành song cũng ở trong đất nước Trẫm, nay Trẫm đã hết lời yêu cầu, nếu Ngài không nghe chắc không được". Đạo sĩ ngậm ngùi sẽ bảo: "Mạng tôi chưa hết bộ-hạ lấy thế lực áp bức tôi nếu tôi không nghe chắc sẽ nguy hại, song tôi nghe thì khi vào làm con bộ-hạ

tôi sẽ hại bệ-hạ mà đoạt ngôi thật là đáng tiếc". Đạo sĩ nói xong tự vận mà chết; và bắt đầu Hoàng-hậu có thai, nhưng vua rất buồn vì câu nói và cái chết của Đạo-sĩ vẫn ám ảnh trong lòng.

Chẳng bao lâu Hoàng-hậu sanh Thái-tử, vua đem việc ấy bàn với Hoàng-hậu cả hai đồng tình quảng con từ lâu cao rơi xuống, cố cho Thái-tử chết, nhưng Thái-tử chỉ gầy một ngón tay mà lại lớn rất mau, diện mạo càng lớn càng đẹp dẽ oai nghiêm, tư-chất lại thông minh khác thường, làm cho vua và Hoàng-hậu yêu quý như ngọc minh châu mà quên lẩn câu chuyện cũ.

Tiếng Phật êm dịu như tơ đàn la miên, Vi Đế Hoàng-hậu vừa nghe vừa nhớ lại việc ác của mình, nên dịu lòng đau khổ và ăn năn tội lỗi, bà liền đánh lễ Phật, cầu Phật dạy cho phương pháp tu hành để diệt tội và khi xả thân được sanh về thế giới thanh tịnh bất sanh bất diệt.

Đức Thế Tôn phóng hào quang sáng chói hiện ra tất cả thế giới trong mười phương, trong đó có một thế giới Hoàng-hậu nguyện sanh tức là thế giới Cực lạc của đức Phật A Di Đà, cõi nước ấy an vui, không thấy khổ. Nhân đó đức Phật dạy cho bà pháp môn Tịnh-độ là chuyên niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà để cầu vãng sanh theo chí nguyện. Bà chí tâm chuyên niệm đêm ngày

không hờ, nhờ vậy mà bà hết sự buồn khổ và chuyển được lòng ngổ nghịch của Thái-tử. Nên từ khi giam mẹ vào lãnh cung một thời gian ngắn, một hôm A Xà Thế thấy lòng băng khuâng và nhớ lại mẹ, nhớ tội ác của mình ông bèn tự thân vào lãnh cung thăm mẹ.

Khí ngực tốt tận lực đẩy cánh cửa sắt nặng nề, A Xà Thế bước vào, bỗng ông dừng lại, ông đã thấy gì? Ông thấy mẫu hoàng tính tọa trên tấm đá lớn hai tay chấp trước ngực mắt hơi nhắm, nét mặt điềm đạm hiền từ mặc dù trời lạnh ở trong cung lạnh mà bà vẫn thản nhiên, dùng vài phút, ông rón rén đến bên và như một cái máy ông quỳ sụp xuống chân mẹ. Hoàng hậu giật mình mở mắt thấy A Xà Thế, bà nhẹ nhàng để hai bàn tay lạnh trên đầu con...

Chúng ta ngày nay biết pháp môn niệm Phật là khởi nguyên từ đó.

Thuật giả: **THẾ QUÁN**

- Dương gian là cảnh
- Tịnh độ là quê
- Sống thì ta ở
- Chết ta trở về

Nhân nào quả nấy

Thuở trước vua Lưu Ly vì thù hiềm dòng họ Thích Ca mới cử binh mà sang đánh nước Ca Tỳ La Vệ. Bắt được một nhóm thiếu nữ quyến thuộc của Phật, quân lính vua Lưu Ly toan hãm hiếp. Các người này cương quyết thà chịu chết chứ không để mất trinh tiết. Không được thỏa mãn thú tánh của mình, quân giặc liền đuổi xua tất cả thiếu nữ ra đồng đánh đập một cách tàn ác, đến khi các người ấy ngã gục mới chịu bỏ đi. Sau khi tỉnh hồn lại, các cô thiếu nữ đồng nhau một chí hướng tìm chỗ ẩn tu. Trong lúc đi lang thang giữa đồng hoang, bỗng đâu các cô lại gặp bà Hoa Sắc Tỳ-kheo-ni⁽¹⁾ đi khát thực về. Các cô mừng rỡ đón chào bà và kể hết nỗi khổ đau để cầu xin theo bà xuất gia học đạo.

Động lòng từ bi, bà Hoa Sắc Tỳ-kheo-ni thâu nhận các cô làm đệ tử. Từ đấy các cô tuy được nơi

(1) Tỳ kheo ni: Nữ tu sĩ Phật giáo

tu tập mà người nào cũng thường than thân tủi phận. Sự bà thương tình khuyên dỗ: Các con mới gặp bao nhiêu tai nạn, vừa qua đã cho là khổ. Nếu các con biết rõ đời ta, thì các con phiền não đến bậc nào! Các con ôi! Khi ta còn ngoài đời, thì ta cũng có đôi bạn như ai. Theo phong tục nước ta, hễ mỗi khi gần sanh thì các cô gái có chồng được đưa về nhà cha mẹ ruột. Cũng như hai lần trước lần thứ ba, lúc cận ngày khai hoa nở nhụy, cả gia đình ta; chồng vợ con cái cùng kẻ ăn người ở trong nhà đều kéo nhau về mái hiên cha mẹ ta cả. Trong khi đi đường xa vất vả, bữa nọ, vừa băng ngang cánh đồng vắng cách xa làng mạc, đến con sông thì trời sắp tối. Rủi gặp con nước ròng lại không thuyền, chẳng biết làm sao qua sông, gia quyến ta phải tìm gò nông tạm nghỉ một đêm, đợi sáng ngày nước cạn sẽ đi nữa, mới gặp chỗ cao ráo sạch sẽ thì bụng ta quặn đau. Một chập sau ta sanh một đứa con trai thứ ba giống hệt hai anh nó. Chồng ta và kẻ tùy tùng lập tức kiếm cây lá làm tạm cái sàn gác cho mẹ con ta nằm đó.

Khi lo xong cho bốn mẹ con ta có chỗ nằm kín đáo, ấm áp, chồng ta với bạn bè mới lên một cái nông gần bên nghỉ ngơi, một sự bất ngờ rùng rợn đã xảy ra trong giữa đêm trường canh vắng là: nhiều con rắn độc to tướng đánh hơi người bèn

bò đến nuốt cả chồng ta với các tôi tớ, mẹ con ta nhờ nằm trên sàn cao, dưới có bếp lửa đỏ, loài mãng xà không dám lại gần, sáng ngày thừa dịp nước ròng sạt, ta định lội qua sông về quê quán chớ không còn phương nào hay hơn nữa. Ta bèn cõng con đầu lòng đưa sang qua bờ sông bên kia trước. Ta lội trở lại bên này, đai đứa con thứ hai trên lưng, còn đứa mới sanh thì để vào cái dây vải ngâm ở miệng và đi từng bước dưới dòng nước. Đến giữa sông ta nghe bên kia bờ tiếng con ta rú lên bài hải. Thì khốn thay! một con hổ vô lấy nó, rồi tha tuốt vào rừng, trước cảnh đau thương bất ngờ ta không còn tỉnh trí, há miệng kêu to, đứa bé trong dây rơi ngay xuống nước. Bấn loạn tâm thần tay chân run rẩy, ta cứ lặn hụp dưới đáy sông, mò đứa bé mới nở, quên lũng đứa con thứ hai đai trên lưng mà ta đã vô tình giết nó chết ngộp. Thảm thiết thay! Chỉ trong một ngày đêm, tới sáng mà cả gia quyến ta: chồng, con, tôi, bạn đều chết không kịp trời. Ta đành rơi lệ, nuốt sầu gắng gượng lội tới mé lên bờ, kiệt sức quá, ta ngã xiêu ngất đi, không còn biết sự gì nữa.

Trong lúc đó có một lũ ăn cướp đi qua gặp ta bắt đem về nhà nuôi rồi ép ta làm vợ. Chẳng bao lâu tên tướng cướp làm chồng sau của ta bị bắt và lãnh án tử hình. Ta cũng bị chôn sống theo chồng do phong tục. Sau mấy tiếng đồng hồ bị lấp đất,

có bọn cướp khác đến đào mã định lấy của quý. Thấy ta còn thoi thóp, chúng bèn cứu ta đem về săn sóc lành mạnh rồi cũng bắt buộc ta lấy tên chánh đảng làm chồng.

Ăn ở với nhau được ít lâu, ta có thai. Tối nào, trước khi đi làm việc bắt lương, chồng ta cũng dặn phải chực chờ mở cửa cho nó vào mau mau khi có tai nạn xảy đến. Một hôm, nó vừa ra khỏi nhà thì ta đau bụng, cách một chập sau, ta sanh một đứa con gái. Đồng thời chồng ta bị người đánh đuổi chạy về rất gấp. Ta mắc bận bịu vì đứa con nên không kịp mở cửa. Nó giận dữ tung cửa vào định giết ta? Ta chỉ đứa con mới nở hy vọng nó nghĩ tình máu thịt mà bớt cơn thịnh nộ đi chăng. Sau ta thất vọng: nó gắt gồng, chỉ mặt đứa nhỏ bảo rằng: nó là nghịch tử báo đời. Rồi nó liền giết ngay. Nó kê guom vào cổ ta, bắt buộc ta phải ăn thịt đứa nhỏ ấy thì nó mới tha.

Cách ít hôm sau, tướng cướp này bị sa vào lưới pháp luật chịu án tử hình. Ta cũng bị chôn sống một phen nữa gần bên mé rừng. Ít phút sau có một con cạp đến moi mã tha xác người chết ăn thịt. Thân ta chôn ở dưới thầy chồng ta khỏi bị cạp ăn. Được thoát nạn này, ta ngẫm nghĩ cuộc đời của ta vào sanh ra tử, khốn khổ vô cùng, nên ta không còn tiếc những ngày sống thừa nữa, ta

mới quyết chí xuất gia đầu Phật.

Các cô thiếu nữ nghe nói hết sức kinh nghi mới bạch rằng: "Nay sư bà đã tu hành đắc đạo, sư bà có thể cho chúng con rõ nguyên nhân nào sư bà gặp lắm nỗi gian nan rừng rợn như thế không?"

Bà Hoa Sắc Tỳ-kheo-ni thông thả đáp: "Các con ơi! Có chi lạ đâu, đó là quả báo như muôn ngàn quả báo khác của tiền nhân kiếp trước mà thôi. Đây các con hãy nghe: nguyên kiếp trước của ta, một thuở nọ, ta có chồng có con. Chồng ta có vợ lẽ cũng có con như ta. Vì ghen tương mà nhất là tham của, ta sợ gia tài của chồng ta phải chia cho con vợ bé thì mẹ con ta chẳng được phần nhiều, nên thừa dịp chồng ta với người thiếp đi vắng, ở nhà ta giết con chúng nó hết. Chuyện sát nhân đem đến cửa quan, tra khảo cách nào ta cũng chối mãi và ta lại thể dối rằng: "Nếu tôi có giết con chồng tôi, thì tôi sẽ bị khổ sở vô cùng, cả nhà tôi tan nát, các con tôi sẽ bị cọp tha, chết chìm, tôi sẽ bị chôn sống, chết ngộp v.v... Nếu tôi có ác tâm giết con vợ lẽ chồng tôi, thì ngày kia tôi sẽ bị người ta bắt buộc tôi phải ăn thịt người con tôi."

Đó các con có thấy không, một lời nói ra thì va lấy, một tiếng thể dối thì mắc ngay, một hành

động ác thì bị quả báo dữ không sai. Biết được lý nhân quả như bóng theo hình, tợ vang theo tiếng, thì các con không còn thắc mắc gì với những tai nạn của các con ngày nay cũng như của bà ngày xưa. Cho hay nhân nào quả nấy, chớ khá than van; vì không bao giờ một việc xảy ra mà không có duyên cớ. Vậy khuyên các con phải tin nhân quả mà lo tu hành.

Thuật giả: TRƯỜNG LẠC

Trước khi làm một việc gì.
Phải nghĩ đến kết quả của nó.

Đâu là sự thật ?

Sáng nay, trời mùa xuân quang đãng quá, những mầm non đầy nhựa đang e ấp dưới những nách thân yêu của các kẽ lá, cành cây, muôn chim đang hòa vui, reo hót những bản nhạc mừng xuân, líu lo lảnh lót. Gió xuân lùa nhẹ những làn hương trong sạch của muôn hoa; làm giảm bớt một ít u buồn của những khách trần gian tục lụy, đồng thời gạt vờ những giọt sương còn bám chặt, đè nặng trên mình hoa lá.

Vầng thái dương đã bắt đầu lên, nhả những tia nắng vàng chiếu tỏa khắp không gian, đem lại loại người nguồn sinh lực vô biên, đánh tan sự đen tối của đêm dài đầy sợ hãi.

Thành Xá Vệ đã trở về với những sự náo nhiệt của một đô thị lớn.

Khắp các nẻo đường, người đi, kẻ lại lảng xăng nhút lả con đường lớn vô ra của thành.

Ồ kìa! Sao những người đi đường họ đứng

dùng lại và nép qua một bên đường hết thế kia? Họ còn đứng im ra dáng cung kính nữa! À, thì ra có đức Phật từ vườn Cấp Cô Độc vào thành hóa trai, đi gần đến họ. Phải, ai thấy Phật mà không cung kính cúi đầu cho được. Bước đi khoan thai, tướng người oai nghiêm, hùng dũng sức sáng của trí huệ cao siêu, dường như không thể tiếm tàng hết trong người phải tung phát ra ngoài, thành muôn ngàn tia hào quang rực rỡ. Đứng xa trông cũng đủ khiếp; lựa là phải đứng gần; càng ngắm lâu, càng nép phục.

Đức Phật vào thành, theo đường phố, tuần tự hết nhà này sang nhà khác để hóa trai. Đi như thế ngót một tiếng đồng hồ. Rồi bỗng nhiên Ngài đứng lại trước cổng một ngôi nhà khá sang trọng. Chẳng nói chẳng rằng, Ngài đứng im đấy thật lâu. Cửa cổng vẫn đóng kín và bên trong lặng lẽ tiếng người. Nếu nom kỹ, ta có thể thấy được bên trong vợ chồng chủ nhà và đứa con đang xúm quanh mâm ăn thì phải.

Đức Phật bèn thấu hào quang và dùng thần lực bay vào.

Tại thành Xá Vệ này, có một ông trưởng giả giàu có vô số thế mà thậm ông lại là người keo kiệt nhất đời, không ưa làm việc bố thí, cũng không giúp đỡ ai bao giờ. Mỗi khi ăn ông sai vợ

đóng chặt cửa cổng, không tiếp bất cứ một ai. Hơn nữa, cửa cổng nhà ông ít khi mở, ông rất sợ những vị sa-môn đến hóa trai và nhứt là những người ăn mày. Ông keo kiết đến có tiếng khắp đô thành, thì phải biết! Ngày hôm nay, ông nghe sao thêm thịt gà lạ thường, lại thêm thằng con cũng đồng một ao ước như ông. Sao một hồi tranh chấp trong cội lòng, ông bèn quyết định bạo dạn bảo vợ làm thịt con gà trống tơ.

Khi món ăn làm xong, dọn lên mâm, lên bát, vợ chồng và con đồng nhau hỷ hã.

Đang thích thú khen miếng ngon, miếng béo, ép con, mời vợ, ông trưởng giả bỗng giật nảy mình, tiếng động chân của đức Phật đã đến tận thêm.

- Đàn việt! Ông bà nên cúng dường cho các thầy sa-môn, được phước báo vô lượng, đức Phật lên tiếng.

Bị quấy rầy, lại thêm keo kiết, trưởng giả nhà ta đổ cáu:

- Quái trong lúc vợ chồng người ta đang ăn uống, ông lại đến kỳ kèo xin xỏ? Nếu biết sự xấu hổ xin mời ông ra ngay cho.

- Trưởng giả là kẻ còn mê muội, tự mình không biết xấu hổ, chớ ta là nhà tu hóa trai có gì

mà phải hổ thẹn.

- Tôi và vợ tôi, con tôi đang ăn uống ngon lành như thế này, vui sướng như thế này, mà ông bảo là xấu hổ à?

- Trường giả giết cha để ăn, lấy mẹ làm vợ, nuôi nấng cung cấp cho kẻ oán thù, đã không tự xấu hổ, còn lên mặt trở lại chê ta là nhà tu hành không biết thẹn à?

- Đạo sĩ nói thế nào? Nhà tu sao ăn nói kỳ cào thế, tôi giết cha, lấy mẹ hồi nào?

- À, thì ra trường giả chưa hiểu gì cả. Con gà trống tơ đang dọn ăn trên mâm kia là cha của ông. Hồi đời trước vì bản tánh tham lam, keo kiệt, nên nhiều đời phải sanh làm loài gà, để ăn bán cối xay để trả nghiệp. Vì nghiệp quả của ông ngày nay chấm dứt, nên khiến ông thêm, con ông lại đốc thúc. Vợ ông tuy phải buộc lòng bắt gà làm thịt, chứ khi giết bà ta vẫn đau khổ hung lâm, bởi đây oan nghiệp nhiều đời còn vương vấn. Đứa con của ông hiện đây, đời trước nó là quỷ La Sát.

Còn vợ ông bây giờ, là mẹ ông hồi nhiều đời trước. Vì ái ân sâu nặng chưa dứt, nên ngày nay phải làm vợ ông để trả cho hết tình yêu thương tiền kiếp.

Ông vì si mê không thấu biết căn nguyên, nên dành giết cha để nuôi kẻ oán cừu, lấy mẹ làm vợ, thật là điên đảo luân thường.

Chúng sinh vì nghiệp chướng che ngăn, tạo nghiệp, thọ quả, quay cuồng mãi mãi, sanh tử trôi lăn trong ba nẻo ⁽¹⁾ Sáu đường ⁽²⁾ không biết ngày nào là cùng tận. Thật đáng hổ thẹn, đáng thương tiếc biết bao!

- Bạch Ngài phải làm thế nào để có thể hiểu rõ được và bậc người nào mới có thể thoát khỏi vòng khổ lụy của sự sanh tử, luân hồi, xin Ngài từ bi bảo cho chúng tôi thật muôn phần cảm tạ.

- Này Thiện nam tử! Những sự oan oan tương báo, tử khú sanh lai, lẫn lộn nối chìm như thế, chỉ những bậc tu hành đã dứt trừ tất cả phiền não mê lầm, chúng đang ngũ nhãn lục thông ⁽³⁾ mới mong thoát khỏi. Còn ngoài ra đều khó tránh được sự trả vay của nhiều đời nhân quả. Ta nay đã quan sát kỹ, thấy trường giả nhân tiền căn có gieo hột giống Phật vào thức diện, dù trải bao nhiêu kiếp luân hồi đến trả oan khiên, nhưng

(1) Ba nẻo: Ba thế giới, - địa ngục, trời quỳ, và súc sanh.

(2) Sáu đường: Ba thế giới trên thêm thế giới của loài trời loài người và A Tu La.

(3) Ngũ nhãn, lục thông: Các thần thông như mắt thấy khắp thế giới tai nghe tiếng mọi loài, biết được ý nghĩ của người khác, nhớ được đời trước của mình và của kẻ khác, biến hóa tự tại v.v...

phước báo vẫn không mất.

Ngày nay nghiệp quả trả xong, căn lành thuần thực, nên ta khuyên trưởng giả hãy phát tâm cho mạnh mẽ tinh tấn tu hành kéo ngày sau khó thoát.

Kỳ diệu thay! Lời của đức Phật vừa thốt xong như liều thuốc trị bệnh, ông trưởng giả sợ hãi, tóc lông đều dựng đứng. Phật liền hiện oai thần cho ông nhớ lại những tội khiến tiến kiếp.

Bấy giờ ông trưởng giả hết sức ăn năn lạy Phật để sám hối những tội khiến ông đả tạo và phát nguyện tu hành, mong thoát khỏi những tội nghiệp do ngu muội tạo ra, tánh bốn sền bồng nhiên tiêu tan mất.

- Lạy Ngài, nhờ thần lực của Ngài phá tan những lớp mây mờ trong đầu óc của con, ngày nay con mới thấy rõ đâu là sự thật. Bấy lâu nay, con tưởng những cái gì xung quanh con, nào vợ, nào con, nào của cải, đều là chân thật của con, nên con mới lần tiếc từ đồng. Xét ra con vì nghiệp chướng ngăn che, càng nhận thấy càng chìm, nên càng mê muội, lấy giả làm chơn, cho hư là thật. Ngày nay con đã rõ ra thì sự đã rồi, mong nhờ ơn Ngài giải thoát đùm con. Con thật muôn phần cảm tạ.

Đức Phật nhận lời thậu ông vào hàng đệ tử.
Ông xin thọ 5 giới của Phật, tu hành chứng đắc
quả Tu đà hoàn.⁽¹⁾



(1) Tu đà hoàn: Một quả vị đầu tiên trong Phật giáo.

Tình thương

Hoàng hôn về, đem theo một ít u buồn vơ vẩn. Theo gió nam, chim nhận bay từng đàn lẻ tẻ, dần chìm nhận bay về trong khói sương chiều âm đạm cánh mồi chưa tìm được chỗ trú chân trong một ngày gió bặt mưa ngàn. Mưa đã tạnh, gió đã yên, những lá rụng đầy đường đang than thở với ánh dương tà còn sót lại. Cảnh tượng được màu hoang tàn và thế thâm.

Ngồi bên song cửa, nàng Liên Hoa băng khuônng nhìn trời với một mối u buồn khôn xiết. Đôi mắt nàng chạm phải cảnh tượng thế lương của buổi chiều vàng, cũng như lòng nàng chạm phải một cảnh đời oan trái.

Vàng, cảnh đời oan trái quá! Bao nhiêu là phình phở và bao nhiêu là dối gạt! Lòng nàng còn tươi thắm được không, khi đã bị gió mây u sầu bao phủ. Lòng người sầu độc và phũ phàng. Sắc nước hương trời mà làm chi, lâu đài vàng bạc có

giả trị gì, khi lòng người phụ bạc ! Ngón đàn tuyệt diệu của nàng không còn kêu gọi được những mảnh tình tan vỡ. Người mà nàng chắc chắn sẽ ngàn năm sum họp, thì nay đã ghét bỏ nàng. Đã bao nhiêu lần như thế, và cũng đã bao nhiêu lần những buổi chiều vàng tan tác về trên cánh vạt. Tình thương, trời ơi ! Tình thương chỉ là man trá nhất thời. Tình thương là gì ? Nếu không phải là những cánh nhạn bay qua, chỉ để lại trên mặt hồ, trên trái tim nàng, những u buồn thất vọng ? Tình thương mong manh quá ! Trái tim nàng hình như thất lại. Đời còn có nghĩa gì với một kiếp hồng nhan bạc phận như nàng ?

Cánh vạt đã nhuộm màu đen tối. Đêm xuống giữa cánh vạt và xuống giữa tâm hồn nàng. Nàng cảm thấy bơ vơ trống trải. Nàng mèn tiếc thời xưa, thời mà nàng còn bé bỏng, sống trong tình thương không giới hạn của mẹ nàng. Tình mẹ thương con, nàng thấy rõ là một tình yêu chân thật, vững bền. Ôi, mẹ nàng còn đâu nữa để an ủi nàng trong phút đau đớn này. Tìm đâu ra tình thương cao cả và đậm thắm như tình mẹ yêu con.

Nhưng mắt nàng vừa chạm phải một ánh sáng xa xăm. Ừ, trăng đã lên ánh sáng dịu hiền đã lan tràn trên cánh vạt. Nàng cố tìm trong trí nhớ và chắc rằng một tình thương bao la như ánh trăng

hiền hậu vẫn còn có ở đời này. Đầu đó, người ta ca ngợi tình thương. Phải rồi, tình thương của bậc giác ngộ ra đời, thấm nhuần muôn vật. Mặt nàng sáng lên, như nhìn thấy ngôi sao cứu tinh hiện lên ở chân trời rực rỡ. Người đang gieo rắc tình thương cao rộng bao la, chính là bậc giác ngộ, là Phật đà. Tình thương nhân thế mong manh, nhưng tình bác ái của đạo Vàng vẫn trường cửu và bao la cao rộng. Nụ cười thế nhân mong manh quá, nhưng nụ cười đức Phật còn mãi hiền hậu với tất cả mọi loài. Nụ cười ấy có một cái gì giống với nụ cười mẹ yêu con tha thiết. Nàng thấy rõ: trú địa an tịnh là dưới ánh đạo Vàng mà đức Phật còn đang gieo rắc quanh Ngài. Nàng sẽ đến dưới tình thương đức Phật.

Tìm được nơi nương dựa cho tâm hồn, nàng thấy lòng nàng êm tịnh. Ngày mai, nàng sẽ đến với tình thương cao cả của Ngài, và như đứa con thơ, nàng sẽ được an lành dưới nụ cười êm dịu của người mẹ hiền.

Sáng hôm sau, trời mới tinh sương, Liên Hoa đã vội vã lên đường. Đường về Cấp Cô Độc không xa nhưng nàng muốn đến nơi trước giờ Ngọ nắng nung người. Nàng đi với một lòng tin tưởng ở đức Từ Bi không bến hạn của đức Thế Tôn. Mặt trời lên cao, trời đã bắt đầu nóng nực. Nàng Liên Hoa

đi nhanh hơn để mau tới đích. Đạp hơn một nửa đường, thì mồ hôi đã thấm ướt áo nàng. Ghé vào một bóng cây to che rợp một hồ sen nước trong như gương, nàng ngồi nghỉ, nước hồ trong quá, nàng đứng lên lại gần vuốt mồ tóc lại để rửa mặt. Nước hồ mát rượi, nàng thấy khỏe khoắn và an lành. vén tà áo sang bên, nàng bỗng thấy trong gương nước hồ trong, mặt nàng duyên dáng tươi lành in trên nền trời xanh biếc, nàng còn trẻ, tóc nàng còn xanh lẫm và môi nàng còn thắm như son. Nàng còn xuân quá ! Rồi đây xuất gia đầu Phật, nàng đứng yên suy nghĩ - rồi mồ tóc sẽ còn đâu. Sống trong cảnh thanh đạm của người tu hành, nàng thấy còn sớm quá. Để năm năm sau cũng còn chưa muộn. Nàng còn trẻ và đẹp biết chừng nào ? Gương mặt nàng, biết đâu sẽ đem lại cho nàng một người yêu trong mộng tưởng.

Nghĩ thế và ý muốn quay về ám ảnh đầu óc nàng. Nhưng từ xa một bóng người đi lại. Bóng một thiếu nữ tha thuật trong dáng đi đẹp của hàng quý phái.

Liên Hoa giật mình: nàng chưa bao giờ trông thấy một người đẹp như thế ! Một thiếu nữ trong như gương nước hồ sen, tóc nàng buông xuôi, đẹp như một làn mây mờ và mỏng. Nàng nhẹ tiến về phía nàng Liên Hoa, trên môi đã nở một nụ cười

tươi như hoa phở dung buổi sáng.

Liên Hoa lặng yên cúi đầu. Nhưng thiếu nữ đã đến bên. Thiếu nữ cười, tiếng nàng trong như tiếng đàn huyền diệu:

- Sao chị buồn thế ? Chị đi đâu, hẳn chị về Ca Ty La ?

Liên Hoa chợt tỉnh, nàng đáp-lời thiếu nữ:

- Không, tôi về vườn Kỳ Thọ.

Thế là hai người quen nhau.

Liên Hoa bắt đầu thấy mến thiếu nữ. Đã lâu, hai người nói chuyện tâm tình, thiếu nữ nhìn Liên Hoa cười và tiếp:

- Không, sắc đẹp chóng tàn lắm chị ạ. Chỉ có tình thương rộng rãi mới là trường cửu. Tình thương thế nhân em thấy quá mong manh.

Thiếu nữ tỏ vẻ nhọc mệt. Gối đầu lên vai Liên Hoa, nàng lặng yên nghe tiếng sáo diều đâu đây đồng vọng.

Lát lâu, không thấy thiếu nữ nói gì, Liên Hoa tưởng nàng thiếp ngủ. Nhưng Liên Hoa kêu lên một tiếng khi nàng chạm phải cánh tay lạnh như đồng của thiếu nữ. Nàng đặt đầu thiếu nữ dậy thì, than ôi ! Người đẹp đã chết rồi, thân xác nàng đã lạnh ghắt và cứng đờ như gỗ. Hoảng

kinh, Liên Hoa vùng dậy mắt nàng trông rõ khuôn mặt thiếu nữ. Ông đầu bao nhiêu và đẹp nào nung ! Mặt thiếu nữ xám lại, mắt trắng đỏ, toàn thân tím lại như xác người đã bốn năm hôm.

Liên Hoa thở dài. Nàng thoáng thấy là vô thường của kiếp sống đời người. Nỗi rồi tàn, sắc đẹp trôi theo thời gian tàn tạ. Bao nhiêu ham muốn trở về tiêu tan mất cả. Ý chí xuất gia mạnh mẽ trở lại với nàng, Liên Hoa đặt người bạn xấu số bên bóng cây già rồi vội vã ra đi về vườn Kỳ Thọ.

Mãi bước hướng về nơi chủ đích, Liên Hoa không còn nhìn lui lại phía sau. Nàng có ngờ đâu, thiếu nữ đã đứng dậy hồi nào. Thiếu nữ đứng lên, nhìn theo Liên Hoa khuất dạng trong bóng cây rậm rạp. Hình như đã hiểu sự thay đổi trong tâm hồn Liên Hoa, nàng mỉm cười đắc chí. Nàng chép miệng:

Bao nhiêu thế nhân, khi chạm phải luật vô thường vẫn còn ham muốn không thôi !

Than ôi ! Tình thương thế gian là một trò hề điên đảo ! Liên Hoa sẽ được an lành dưới bóng đức Từ Phụ. Nàng sẽ chứng được đạo mầu.

Trong khi ấy, mặt trời đã lên đến đỉnh đầu.

Tiếng hồng chung giờ ngộ đã từ Kỳ-viên bay lại,
ngân nga trong gió...

Thuật giả: THÍCH MINH LÝ

Chớ hèn tuổi già mới học đạo,
Mồ hoang lắm kẻ tuổi xuân xanh.

Cây đèn kỳ lạ

Sau lễ tiến đưa Phật và các thầy Tỳ-kheo trở về tịnh xá Kỳ Hoàn, vua A Xà Thế cùng với đình thần trở lại nội cung để dự buổi yến thân mật và bàn một vài việc cần làm thêm trong ngày đại lễ hôm ấy:

Câu chuyện mở đầu trong bữa tiệc là những lời sau đây do vua A Xà Thế phát khởi.

- Các khanh! Quả ngon rất bằng lòng và thỏa mãn về việc các khanh đã lo liệu quả ư tươm tất trong buổi lễ cúng dường Phật và giáo-hội vừa rồi.

Hướng đôi mắt về phía đại thần Kỳ Bà, Vua A Xà Thế nói tiếp:

- Kỳ Bà ! Khanh nghĩ hộ quả ngon xem còn có việc gì đáng làm nữa để quả ngon tận hiến tác dạ chí thành lên đức Chí-tôn và giáo-hội - những người tận tụy trong công việc giáo hóa chúng sinh nói chung, thần dân của quả ngon nói riêng,

trở về với ánh sáng chơn lý.

Đứng dậy ngắm nghĩ trong chốc lát, rồi đại thần Kỳ Bà thông thả tiếp:

- Tâu đại-vương, ngoài sự cúng dường trai phạn và y phục mà Đại-vương đã dâng lên đức Chí-tôn và giáo-hội, theo thiên ý của hạ thần thì không việc gì có ý nghĩa hơn việc cúng dường ánh sáng. Vì ánh sáng tượng trưng cho trí tuệ, cho sự giác ngộ; ở đâu có ánh sáng thì ở đó bóng tối tan biến. Đồng như ánh sáng Phật và giáo-hội đến đâu thì ở đó si ám và tội lỗi đều tiêu sạch. Ngụ ý của hạ thần chỉ có bấy nhiêu, kính mong bệ-hạ thẩm xét.

- Hay lắm ! Ý kiến của khanh rất chí lý ! Tận đây nhờ khanh thay quả nhon sấm sủa cho thật nhiều đèn đuốc để tới hôm nay dâng lên Phật và giáo-hội tại tịnh xá Kỳ Hoàn.

Đại thần Kỳ Bà vâng thuận. Buổi tiệc bắt đầu và tiếp diễn trong tình thân mật giữa nhà vua và các vị cận thần.

Chiều hôm ấy, trên đường trở về xóm nghèo, một bà lão hành khất gặp rất nhiều xe cộ, lính tráng, tấp nập khuôn chở những thùng dầu, đèn và cả những chiếc lồng đèn ngũ sắc rực rỡ.

Hỏi thăm, bà lão hành khất biết đó là lễ vật

của nhà vua đem cúng dường Phật và giáo-hội.

Hình tướng trang nghiêm của Phật và các thầy Tỷ-kheo lại hiện về trong óc bà. Bà vui hẳn lên và rất tán thành việc làm có ý nghĩa của nhà vua. Và xét lại tự thân, thấy mình chưa làm được một công đức nào đối với Phật và giáo-hội, bà tự nghĩ phải sắm phẩm vật để cúng dường mới được. Thò tay vào bị, bà lão moi ra vốn vụn chỉ có hai tiền. Một sự quyết định nhanh chóng trong lòng khiến bà hoan hỉ đi ngay vào một cái quán gần đấy...

- Thưa cậu ! Làm ơn bán cho tôi hai tiền dầu thấp.

- Bà mà mua dầu làm gì ? Sao không mua đồ ăn lại mua dầu, nhà cửa dầu mà dầu với đèn !

- Thưa cậu ! Tôi thường nghe các bậc hiền đức trong làng bảo: "Ngàn năm muôn thuở mới có một đức Phật ra đời; người nào có nhiều phước duyên lắm mới được gặp". Hôm nay tôi may mắn được gặp nhưng chưa có lễ mọn nào để dâng hiến lên Ngài. Điều ấy làm tôi vô cùng ân hận. Nhơn tiện vua A Xà Thế sửa soạn đèn đuốc để dâng lên Ngài và giáo-hội, tuy nghèo khổ, tôi cũng xin nguyện đem hai tiền mới xin được đây mua dầu dâng ánh sáng lên Ngài.

Nghe bà lão hành khát tỏ tấm lòng chơn thiết

đối với Đấng Giác-ngộ, người chủ quán nhìn bà một cách cảm mến và hạ giọng: hai tiền chỉ được hai muống, nhưng tôi xin tặng bà ba muống nữa là năm, và cho bà mượn luôn vệt đèn này. Mong bà nhận cho.

Sau khi cảm ơn người chủ quán, bà lão ra về với bao niềm hoan hỷ vì được người khác biểu đồng tình và giúp mình trong công việc phước thiện.

Trời chưa tới hán, những cây đèn xinh xắn, lộng lẫy của nhà vua đã được những đội thị vệ thấp sáng. Tịnh-xá Kỳ Hoàn như vui nhộn hẳn lên. Đó đây vang lừng những điệu nhạc dịu dàng, nhịp nhàng với lời ca ngợi của những cận thần thay nhà vua tán thán công đức của Phật và giáo hội. Từng đoàn người lũ lượt đi dự lễ, đông như trẩy hội. Bà lão hành khất cũng tiến mau về phía Tịnh-xá và dừng bước trước những hoa đăng rực rỡ, bà vội vàng đến rót dầu vào cây đèn mà bà đã lau sạch và thay tim. Vừa mới ánh sáng bà vừa phát nguyện: "Cùng đường ánh sáng này lên đức Thế Tôn và giáo-hội, con chỉ cầu mong làm sao con cũng sẽ được trí tuệ sáng suốt như các đấng giác ngộ trong mười phương". Bà lại nghĩ: "Dầu ít như vậy có sáng cũng chỉ đến nửa đêm là cùng".

Nhưng mạnh dạn bà thắm nguyện: "Nếu quả thật sau này tôi sẽ được giác ngộ như lòng tôi mong muốn hôm nay, thì số dầu ít ỏi này cũng làm cho cây đèn này sáng mãi không tắt".

Sau khi treo cây đèn trên một cành cây, bà lão hành khất đi thẳng vào Tịnh-xá, chí thành lễ Phật rồi ra về...

Số đèn của nhà vua, tuy được những đội lính thay nhau lo việc châm dầu, thay tim, nhưng ít cây được sáng suốt đêm, cây thì bị gió thổi tắt, cây thì bị Phật cháy...

Duy cây đèn của bà lão hành khất thì ánh sáng nổi bật hơn muôn vạn cây đèn khác và cháy mãi đến sáng mà dầu vẫn không hao.

"Này đệ tử ! Trời đã sáng, hãy ra tắt hết những cây đèn còn đỏ", đức Phật dạy với ngài Mục Kiền Liên như thế.

Tôn giả Mục Kiền Liên làm theo lời Phật. Nhưng đến cây đèn của bà lão hành khất, thì ba lần tôn-giả quạt mạnh, nhưng ánh sáng cũng không mất. Lần thứ tư, tôn giả cầm ngay vạt áo cà sa và vạt hết thân thông diệu lực của mình quạt hất vào đèn nhưng đèn lại rực sáng hơn trước. Tôn giả Mục Kiền Liên và những người

chung quanh đều ngọc nhiên và cho đó là một
CÂY ĐÈN KỶ LẠ chưa từng thấy.

Ngay lúc ấy, đức Phật vừa đến, Ngài điềm đàm
báo:

"Thôi ! Đệ-tử hãy thôi. Dù cho đệ-tử có tận
dụng tất cả thần lực của đệ-tử cũng không thể
nào làm tắt được cây đèn này; vì đó là ánh sáng
công đức của vị Phật trong tương lai".

Lời dạy ấy của đức Phật đã làm cho nhiều đệ
tử của Ngài muốn tìm hiểu ai là người đã cúng
dường đèn ấy. Sau một cuộc điều tra kỹ càng, họ
biết rõ người cúng dường cây đèn kỷ lạ ấy chính
là một bà lão hành khất !

Câu chuyện này đến tai vua A Xà Thế. Nhà
vua cho vời đại thần Kỳ Bà đến để thuật lại câu
chuyện và hỏi:

- Kỳ Bà ! Như khanh đã biết quả nhân làm rất
nhiều công đức và cúng dường rất nhiều đèn
nhưng không thấy đức Thế Tôn dạy gì về quả
báo của quả nhân. Trái lại, bà lão hành khất chỉ
cúng dường có một cây đèn lại được Ngài thọ ký
là nghĩa làm sao ?

Đại thần Kỳ Bà đứng lên ngăn ngại mãi không
dám trả lời.

- Kỳ Bà ! Người đừng ngại gì cả, quả nhân muốn tìm hiểu những khuyết điểm chứ không bao giờ dám nghĩ khác về đức Thế Tôn.

Đôi mắt của đại thần Kỳ Bà bỗng sáng lên và khiêm tốn trả lời câu hỏi của nhà vua:

- Tâu đại-vương ! Theo những điều mà hạ thần được phỏng vấn từ cửa miệng của những người thân cận các thầy Tỷ-kheo và cộng thêm sự suy luận của hạ thần thì tuy đại-vương cũng dường rất nhiều phẩm vật, song tâm ý không được chí thành cho lắm và có lẽ đại-vương không phát đại nguyện; cho nên tuy có công đức mà không làm sao bằng công đức của bà lão hành khất chỉ cúng dường một cây đèn nhưng đó là cả một tấm lòng chí thiết, một dạ chí thành đối với những đấng Giác-ngộ và nhất là lời thệ nguyện cao rộng của bà ấy.

Nghe đại thần Kỳ Bà phân tích tỷ mỉ về động cơ của sự cúng dường của mình và của bà lão hành khất, sau một hồi suy nghĩ và xét lại bản tâm, vua A xà Thế liền cởi mở được tất cả những điều thắc mắc...

THIỆN CHÂU

"Công đức cúng dường không đánh giá nơi phẩm vật, mà căn cứ nơi sự thành tâm".

Qui La Sát

Xưa có một đoàn ca kịch vừa đi du lịch khắp nơi, vừa kiếm ăn bằng lối diễn tuồng. Trong các vở tuồng, đặc sắc nhất là vở tuồng "Qui La Sát" vừa rùng rợn lại vừa thích thú.

Chiều hôm nọ, đóng tuồng Qui La Sát hay quá rất được công chúng hoan nghênh. Đóng xong đoàn ca kịch thu xếp đồ đạc đi qua tỉnh khác. Có kẻ vì quá yêu chuộng, nài cầu ở lại bằng cách dọa dẫm: "Các ông ở lại đây sáng rồi hãy đi. Bây giờ đã chiều mà phải đi qua một cánh rừng rậm, trong rừng nhiều Qui La Sát lắm, nhất là lỗ ra đêm xuống mà chưa ra khỏi rừng". Mấy chàng kịch sĩ cười phì: "Chúng tôi đây vốn đã là Qui La Sát, còn sợ La Sát nào nữa!". Thế rồi cả bọn đồng sửa soạn cất bước vượt rừng. Nhưng chưa ra khỏi rừng thì trời đã tối lắm. Cả bọn đồng ý nghỉ lại trong rừng, mai sáng họ sẽ đi. Họ đi bẻ cành khô, hốt lá về đốt lửa lên, rồi trải tạm những tấm màn phông để ngủ, cất phiên ngồi canh lửa, rồi

thì vì một mồi đồng lăn ra mê mết.

Nửa đêm đổ vào canh một, sương xuống nhiều quá, trời lạnh chàng gác lửa run lấy bầy, bèn mở rương lấy tạm một bộ đồ diễn kịch khoác vào người rồi ngồi gật gù bên đồng lửa hồng. Bộ đồ kia lại là bộ đồ Quỷ La Sát. Có tiếng chim kêu, một người nằm ngủ vụt thức, ngoái cổ lên nhìn xem lửa còn cháy và người bạn canh lửa còn đó không. Nhưng kinh sợ biết bao ! Người bạn canh lửa đâu chả thấy, chỉ thấy có một con Quỷ La Sát ngồi gật gù bên đồng lửa. Lòng gáy dựng ngược, hoảng lên, anh chàng chồm dậy vừa chạy vừa la: "Quỷ La Sát ! Quỷ La Sát". Bọn người thức dậy mắt nhắm mắt mở, nghe kêu tưởng là có quỷ thực, cũng la lên và bỏ chạy theo người trước không kịp suy nghĩ. Anh chàng gác lửa thiu thiu, nghe tiếng kêu tỉnh dậy, thấy bọn kia chạy hết thì cũng tưởng rằng có quỷ thực, bèn vội vàng mang cả bộ áo La Sát mà chạy theo. Bọn trước chạy được một khoảng khá xa ngoái lui trông thấy "hắn" theo sau, càng sợ, càng chạy, anh chàng gác lửa thấy bọn trước chạy vùn vụt như tên thì tưởng đâu quỷ đã kể sau lưng mình rồi, nên lại cố gắng đuổi. Bọn trước thấy "hắn" đuổi gấp, lại càng hoảng hốt cứ thế chạy cho đến mệt nhoài, đuối sức, trầy da chảy máu, cuối cùng hết hơi nằm lăn ra, đến khi biết rõ, tất cả đều bị

thương, đau đớn khắp mình...



Con người vì thành kiến sai lạc, vì vô minh che lấp nên đua nhau chạy theo ảo tưởng trần gian và mua chuộc lấy bao nhiêu là đau đớn khổ nhục.

Mặt ghẻ nói tiếng người.

Đời Đường vua Ý Tôn ở đất Trường An có một nhà sư mắc phải bệnh cùi, hằng ngày thất tha thất thểu trong bộ quần áo lang thang, mặt mày khô nứt, thân hình gầy còm, tay chân lở lói, ai trông thấy cũng gớm nhòm. Thỉnh thoảng, một vài người vì động lòng trắc ẩn, biếu cho chút ít quà bánh không đáng giá, ngoài ra không ai buồn dã động đến, hoặc hỏi han điều gì cả, vì vậy chẳng ai biết nguyên quán nhà sư ở đâu. Một hôm, trên con đường lớn xuôi về cổng chùa An Quốc, nhà sư tình cờ gặp Ngô Đạt, lúc ấy chưa phải là một tu sĩ nổi danh.

Thấy người đồng đạo trong cơn hoạn nạn, Ngô Đạt quá đau thương cố thỉnh về ở với mình. Trước tâm tình chơn thật, lời lẽ thiết tha của Ngô Đạt, nhà sư nhận chịu. Ngô Đạt rước về chùa, kính như bực thầy, hết lòng cung phụng. Mỗi ngày sáng dậy, Ngô Đạt lấy nước nóng, rửa lau ghẻ lở, tuyệt đối không tỏ vẻ gì nhòm gớm cả.

Sau một thời gian khá lâu, nhà sư từ giả ra đi, Ngô Đạt tỏ lòng quyến luyến, cảm cộng lắm lời, nhưng nhà sư không dỗi ý. Thấy thế Ngô Đạt thiết tha xin theo để sớm hôm giúp đỡ, nhà sư cũng từ chối nốt, bảo rằng: "Trên đường danh đức, ông ngày sau sẽ được hiển đạt, ông nên ở lại, đừng nghĩ việc theo tôi mà phải trôi nổi bình bồng, mai một khả năng siêu tuyệt của mình". Nhưng điều này nên để dạ: "Hãy cẩn thận trong khi hưởng thụ những phần thưởng danh dự, vì nó có thể làm tổn thương đạo niệm của mình. Tôi hết sức cảm nghĩa tốt của ông, vậy nếu sau này có bị tai nạn gì hãy nhớ qua đất Tây Thục, xứ Bành Châu, núi Trà Lung mà tìm tôi. Cứ đến lưng chừng núi, chỗ có hai cây tùng to tục gọi là "Song tòng lãnh" chúng ta sẽ gặp nhau".

Dặn dò xong, nhà sư từ biệt, Ngô Đạt rom róm nước mắt, trông theo đến khi khuất bóng mới quay gót trở về.

Ngày qua tháng lại, Ngô Đạt đến thời kỳ hiển đạt. Bấy giờ ở kinh đô, người người đều quen biết và khâm phục danh đức của Ngài. Một vị sư có tài, có đức, giảng pháp hay, hiểu biết rộng, tiếng tăm vang dậy khắp nơi.

Vua Ý Tôn qua nhiều lần thăm dò, trải bao cơn thử thách, mới chịu thỉnh Ngài vào cung giảng

đạo. Cách ít lâu lại phong Ngài lên làm Quốc sư và ban cho một pháp tòa bằng gỗ trăm thom quý. Danh vọng này còn danh vọng nào hơn ! Một hôm, nhón lên ngồi trên ghế trăm, nghĩ mình tài đức ai bằng, vua kiêng, quan phục, trăm họ kính phượng, Ngô Đạt thấy thật không còn nấc thang nào cao hơn nữa. Lòng tự đắc dâng lên tột độ, bỗng nghe xây xẩm mặt mày, Quốc Sư vội bảo đồ đệ dìu vào phương trượng, nằm mê man suốt hai ba giờ mới lai tỉnh. Cảm nghe trong mình khó chịu, biết đã thọ bệnh, chợt rờ xuống gối nghe đau vén quần lên, thật là hết sức kinh ngạc. Một mụn ghẻ giống tặc như mặt người, có mày mắt, miệng, tai mũi đủ cả. Ghẻ tằm quá! Kinh sợ quá ! Quốc Sư ngắt đi, các đồ đệ kêu vực mãi mới mở mắt, bỗng nghe dưới mụn ghẻ nghiêng răng, đau buốt thấu xương, khổ sở quá không phương gì cứu chữa. Các Danh y và Quốc y đều được vua mời đến chữa cho Ngài, mà mỗi lần thoa thuốc men là mỗi lần chết giấc chó không thấy thuyên giảm phần nào cả. Nhưng lạ, hễ mỗi lần dứt thịt vào thì lại thấy mụn ghẻ ăn ngay và lại nghe trong mình êm ái dễ chịu. Thật là một quái bệnh xưa nay chưa từng thấy. Các danh y, quốc y đều thúc thủ. Lăn lóc chịu khổ sở mãi như thế đến hơn tháng trời, nằm nghĩ cuộc đời chả ra chi, thân như bọt nước thoát có, thoát không, thoát

còn, thoát mất, đáng ghê sợ. Nhơn nhớ đến vị sư bịnh khi xưa, ôn lại những lời dặn dò thiết yếu, Quốc sư sức tinh, bền cố gắng một thân bị đau nhức, cần rãng lẩn mò qua đất Tây Thục, xứ Bành Châu.

Vất vả khổ sở suốt mấy tuần mới đến chân núi Trà Lung. Bởi đường dốc quanh co, nên mãi đến lúc hoàng hôn mới tìm ra được dấu. Kìa hai cây tòng dà lộ bóng, nhưng vị sư đâu chẳng thấy hình dạng; nếu không tìm gặp, thì đêm nay không khỏi dã thú nhai xương giữa chốn rừng núi hoang vu, không một bóng người thấp thoáng. Ngộ Đạt đang ngơ ngác đoái nhìn bốn phía, lòng những lo sợ bồi hồi, thì may quá, hình bóng thân yêu và quen thuộc khi xưa của vị sư, bỗng hiện ra trong một gộp đá gần đấy. Một tiếng kêu rú thất thanh vì mừng, Ngài Ngộ Đạt bất chấp đau đớn, chạy lại và leo nhanh lên gộp đá, ôm choàng lấy vị sư hỏi han rồi rít. Khi bộc lộ hết những nỗi vui mừng, khao khát của mình rồi, Ngài bèn kể bằng nước mắt sự khổ sở đau đớn của mình cho vị sư nghe. Vị sư thốt lời an ủi và dìu dẫn Ngộ Đạt về Thảo-am trên lưng chừng núi, Ngộ Đạt thưa:

- Bạch thầy, kẻ đệ tử đang lâm vào cơn khốn nạn, bức bách, khổ sở không còn bút mực nào tả xiết, xin thầy rủ lòng từ bi ra tay tế độ giúp cho

đệ tử thoát nạn, ơn đức Thầy thật vô lượng vô biên.

- Không hại gì, vị sư đáp, oan oan nghiệp chướng của ông đã vay từ nhiều đời về kiếp trước, ngày nay phải đến thời kỳ đến trả. Ông phải ăn nhận trả xong mới nợ máu tiền kiếp ấy, mới có thể giải thoát được. Đức Thế Tôn ta khi xưa còn thị hiện nạn guom vàng đâm vế, ăn lúa ngựa thay, hưởng chúng ta là hạng người phạm phu làm sao mà thoát được. Nợ mình đã trả thì sẽ hết, nhưng cần thiết là đừng nên vay nữa mới được.

- Thừa thầy, thầy nói nợ máu là thế nào đệ tử không hiểu ra sao cả, xin thầy hoan hỷ giảng cho.

- Chuyện ấy rồi ông tất sẽ rõ, vì đã có người sẽ nói cho ông nghe giờ khác rất gần đây.

Rạng ngày hôm sau, nhà sư dạy đồng tử dẫn Ngô Đạt xuống ngọn suối dựa triền, lấy nước rửa ghê. Đồng tử vừa toan khoát nước thì thoát nghe tiếng hét từ trong ung thư phát ra: "Khoan, hãy khoan đã, ta có việc cần muốn nói với ông".

Ngô Đạt và đồng tử đang con kinh ngạc, thì mặt ghê tiếp lời:

- Tiếng đồn ông là người học rộng, vậy ông đã từng đọc sách Tây Hán chưa ?

- Đã có xem qua vài lượt, Ngô Đạt đáp.

- Vậy ông có nhớ chuyện người Viên An dèm tâu với vua Cảnh Đế chém chết Triệu Thố ở phía đông chợ chăng ?

- Nhớ lắm, nhớ lắm. Nhưng hỏi thế để làm gì ?

- Chính ông là Viên An còn Triệu Thố là tôi, ông giết tôi oan đến dường nào, ông có biết chăng ? Thù ấy, oán ấy, thâm xương thấu cốt tôi đã từng mười đời theo dõi bên ông để tìm dịp báo oán, nhưng suốt mười đời ông luôn luôn làm bực cao tăng, tỉnh nghiêm giới luật, tôi đành ôm hận, nhưng quyết theo mãi, đến khi nào trả xong mối thù, đòi xong món nợ máu mới thôi. Mới vừa rồi, được dịp thuận tiện, ông vì được vua kính chuộng, ban cho tòa trầm hương, phong làm đến chức Quốc sư, vinh quang hiển hách, do đó tâm danh lợi nổi lên, khí kiêu căng bùng khởi, khuyết phần đức hạnh, tôi mới nhon cơ hội đó làm hại ông để đòi món nợ nần trên. Ngày nay, nhờ Ngài Ca Nặc Ca Tôn Giả thương xót ra tay giải cứu cho ông, lại cho dùng nước Tam muội rửa tội, nhờ thần lực của Ngài khiến cho ông và tôi, từ đây trở đi oán hận không còn, cừ thù tan mất, vậy kính khuyên ông, hãy cố gắng tinh tấn tu hành và chúc ông vương tròn đạo hiệp. Tôi xin chào vĩnh biệt.

Ngộ Đạt nghe xong, đẩy mình mọc ốc. Đồng thời với tay khoát nước rửa mặt ghẻ, nước vừa chạm đến thịt, Ngộ Đạt nghe đau buốt thấu xương, ngắt lịm hồi lâu. Khi tỉnh lại, mặt ghẻ đã lành da thịt liền lại như xưa, không chút vết sẹo nào. Quốc sư mừng quá đến chảy nước mắt, vội trở lên núi cảm tạ ơn dày của Tổ, tự thệ từ đó tinh tiến tu hành không dám chậm trễ nữa.

Tương truyền bộ Thủy sám ba quyển vốn tự tay Ngộ Đạt viết ra để làm pháp sám sau khi lành bệnh.

Phước báo của sự bảo vệ sanh linh

Thuở xưa, có một vị La Hán ở trên núi tuyết đã chứng Lục thông: thấy rõ việc trong ba đời như xem việc trước mắt. Nên danh tiếng vang lừng, người đương thời đều cảm phục.

Vị La hán kia có nuôi thiếu niên Sa Di làm đệ tử.

Một hôm, vị thiếu niên đệ tử đứng hầu bên cạnh thầy. Vị La hán xem qua sắc tướng của vị đệ tử mình, Ngài liền buồn rầu bảo vị thiếu niên đệ tử rằng :

- Con ơi ! Thầy xem sắc tướng hôm nay, Thấy rõ biết phước báo của con đến nay đã gần hết, sau bảy ngày nữa mạng con sẽ chết. Thôi thầy trò ta ngày nay vĩnh biệt. Thầy cho con trở về nhà thăm bà con quyến thuộc và cho con được thấy cha mẹ con trong phút cuối cùng.

Nghe xong, thiếu niên Sa Di chỉ biết đau đớn
danh lễ thấy rồi gạt lệ từ tạ ra đi.

Trên đường về, gặp phải trận mưa lớn, thiếu
niên Sa Di rẽ qua con đường hẻm thấy một bầy
kiến nhỏ đang chơi vui trên một dòng nước nhỏ
chảy ngang đường. Bầy kiến hết sức chống đỡ,
nhưng vô hiệu; vì thân nhỏ sức yếu mà dòng
nước quá mạnh, nên đành để dòng nước tự do
dày xéo, và chờ dòng nước đưa về cõi chết.

Thiếu niên Sa Di thấy vậy, động lòng từ bi,
liền cởi chiếc áo đang mặc trong mình ngăn
ngang dòng nước để đàn kiến có chỗ leo vào,
những con nào kiệt sức, không thể leo vào áo
được, thiếu niên Sa Di nhẹ tay bắt từng con bỏ
vào áo, rồi đem bỏ vào chỗ khô ráo. Hai ba phen
xem xét thấy bầy kiến chắc chắn thoát chết, mới
yên lòng về nhà.

Đến nhà, trong thời gian bảy ngày, thiếu niên
Sa Di lo sợ chờ ngày mạng chung. Nhưng đến
ngày thứ tám, thiếu niên vẫn còn sống. Thiếu
niên Sa Di mừng rỡ trở về chỗ thầy.

Đến nơi, vị La-hán hết sức ngạc nhiên ! Không
biết vì sao đệ tử mình đến bây giờ mà vẫn còn
sống. Ngài liền nhập định dùng diệu trí quan sát
mới biết đệ tử mình do công đức cứu bầy kiến
nên bảy ngày không chết mà còn sống lâu được

nữa.

Sau khi xuất định, vị La-hán giải cho Sa Di rõ lý do thoát chết, và giải nghĩa chữ từ bi.

Từ đây, thiếu niên Sa Di tinh tấn tu hành không bao lâu chứng được đạo quả.

ĐỨC TÂM

Dùng lòng từ-bi cứu một mạng sống đang phước báo không kể xiết.

Nan Đà Tôn Giả

Đã mấy năm qua. Từ ngày chúng nghiệm chân lý dưới gốc cây Bồ Đề, Đức Phật Thích Ca đã đặt chân lên nhiều kinh thành, nhiều thôn dã, nhiều đất nước để truyền bá đạo Từ Bi. Hàng đệ tử của Ngài càng ngày càng đông.

Trên con đường giải thoát cho nhân loại không biên giới ấy, một hôm kia, Đức Phật trở về đất nước quê hương, nước Ca Tỳ La Vệ. Ngài thấy trong nhân loại đáng thương đang chìm trong sự lôi cuốn của cuộc đời có bà con thân thuộc mình, có...em Ngài, Hoàng-tử Nan Đà.

Hoàng-tử Nan Đà là em cùng cha khác mẹ với Đức Phật. Lúc Phật xuất gia, Nan Đà còn tám bé, Nan Đà chỉ buồn thoang thoảng vì thiếu sự chăm sóc chỉ bảo của một người anh hiền từ. Thế thôi. Và tuổi trẻ cũng mau quên. Nan Đà lớn lên trong sự hầu hạ ân cần cẩn thận của cung vua. Không

như anh. Nan Đà buông theo các thú vui. Cuộc đời bế hẹp lại, nhỏ dần trước mắt người thanh niên ham mê sắc dục. Nan Đà chỉ còn thấy các mỹ nữ trong giọng hát, trong điệu múa, trong những cuộc truy hoan...

Phật trở về giữa sự vui mừng của dân chúng. Ngài ở tịnh xá và hàng ngày mang bình bát đi khất thực và truyền đạo như trong khi Ngài ở các nước khác. Lối sống bình dị ấy làm mọi người thán phục. Đời sống của kinh thành xáo trộn. Vàng bạc không còn là cứu cánh. Lòng thương yêu nhau, thương yêu đến cả các sinh vật được xem là cao quý. Người ta đã thấy những gì chắc thật của cuộc đời, thú vui chỉ là mong manh chóng lất.

Nhà vua đã mở nhiều cuộc bố thí, giảm nhẹ thuế má cho dân chúng.

Về phần Nan Đà, Nan Đà cũng cảm thấy vui. Những hình ảnh tươi đẹp của những năm xưa hiện lên. Nhưng trong hai người như có một cái gì khác nhau nhiều lắm, nên Nan Đà chưa dám gặp Phật. Nghe những lời ca ngợi về lòng nhân ái, về cuộc sống bình dị của đức Phật, Nan Đà tự đối chiếu với mình. Và đã có lúc chàng nghiệm thấy một cái gì mong manh, chóng tàn trong những cuộc say vui, trên nét nhăn mệt mỏi của

những mỹ nữ qua những cuộc múa ca.

Một hôm, Nan Đà thức dậy sau một giấc ngủ dài mệt mỏi. Mặt trời đã lên cao. Chưa kịp sửa soạn, chàng đã thấy đức Phật đang tiến vào nhà. Phật khoác chiếc y vàng, tay cầm bình bát, Ngài đi khoan thai như lùa vào đây tất cả những ánh sáng trong lành của buổi mai.

Phật không khác xưa nhiều lắm, vẫn gương mặt hiền lành nhưng thêm phần sáng suốt. Tất cả những hình ảnh trên diễn ra trước mắt Nan Đà đang đứng ngây người nhìn. Đức Phật tiến lại gần, ân cần hỏi han. Lời nói của Ngài dịu dàng làm cho Nan Đà nhớ lại những ngày vui vẻ thuở xưa, hồi ấy Nan Đà nhìn đời một cách đẹp đẽ. Rồi Ngài nói với Nan Đà:

- Từ lâu, ta vẫn thấy bên trong ta có phụ hoàng và em. Chính trong mục đích giải thoát cho loài người rộng lớn và cho những người thân thuộc mà ta thấy được đạo lý. Ta biết em đang khao khát chân thật. Ta đi trước em, ta đã biết rằng hạnh phúc chân thật không thể tìm ở đâu khác ánh đạo. Ánh đạo ấy ta đem về cho em đây.

Nan Đà im lặng, cảm động. Người đứng trước mình là anh, là thầy, là ân nhân ? Nan Đà thấy trong người rạo rục một mối tình muốn hướng về đường lành. Chàng cúi xuống thân mến ôm bàn

tay của đức Phật đang đưa ra nâng chàng dậy.
Đức Phật âu yếm:

- Đường ta đi sáng như sao nhưng khó khăn
trở lực không phải là ít. Mà có sự thành đạt nào
không phải mua bằng gian lao, ta đã nghiệm điều
đó. Biết em có đủ trí lực để vượt qua không ?

Nan Đà ngấm nghĩ rồi nguyện theo Phật.
Chàng sửa soạn rất nhanh chóng. Phật đã tiến ra
cửa. Ngài bước đi, Nan Đà theo Ngài, tuy lòng
đang dâng lên một cái gì âm ỉ, trong sáng như
ánh nắng và trời đất tươi đẹp bên ngoài. Hai
người cùng tiến về tịnh-xá.

Đến tịnh-xá, Phật bảo các đệ tử săn sóc cho
Nan Đà. Người ta thay chiếc áo gấm xanh và
khoác cho chàng chiếc áo nâu bằng vải. Người ta
dành cho chàng một phòng rộng ngó ra vườn hoa.
Nan Đà ngồi xuống chiếc ghế mây rồi nhìn ra
vườn. Trăm hoa đang mở rộng tung cánh để đón
ánh trời, màu hồng tươi mát của đào. Màu vàng
dịu của mai, màu trắng như tuyết của huệ, nổi
bật lên trên màu xanh tươi của lá cây. Đây đó
một vài đạo sĩ đang ngồi trên các phiến đá, trầm
tĩnh niệm Pháp. Trong cái yên lặng, lâu lâu có
điểm một tiếng chuông ngân dài. Nan Đà thấy
một sức sống mạnh mẽ của muôn cây, một sự rạo
rực hướng về đạo của con người. Thật là một thay

đổi cực kỳ lớn lao trong tâm hồn vị Hoàng-tử thanh niên.

Nhưng rồi có những lúc Nan Đà thiếu thiếu một cái gì. Chàng tiếc rẻ cái áo ấm chằng ? Đâu phải thế ! Trước đây cũng có khi nhiều lần chàng ao ước cởi bỏ nó đi để được mát mẻ. Chàng tiếc một cái gì ? Đó là cái sinh hoạt cũ, cái lối ăn chơi say sưa bên cạnh những người vũ nữ có bàn tay ngọc ngà, có thân hình mềm mại.

Đức Phật thừa hiểu rằng trong một sớm một chiều, Nan Đà chưa thể giác ngộ được chân lý nên chú ý đến Nan Đà nhiều hơn các đệ tử khác. Một hôm, có người mời Phật đi thọ trai, Ngài không đưa Nan Đà đi mà còn kêu đến đưa bình bát cho và dặn ở nhà múc nước đổ vào cho đầy.

Được ở nhà, Nan Đà là vui thích vì chàng thấy có cơ hội trở về thăm cung điện và các mỹ nữ. Biết như thế là sai lầm nhưng có một sức mạnh nào thúc đẩy mãnh liệt. Dẫu sao, Nan Đà cũng không quên lời Phật dặn "đổ nước vào bình bát" mà chàng không biết đổ làm gì. Cái bình bát nhỏ bé này, hãy đổ vào một gàu là đầy ngay và rồi sẽ trở về thăm cung điện cũng không muộn. Nan Đà đem bình bát ra giếng. Chàng xách lên gàu nước và đổ nước vào. Chàng cẩn thận để nước khỏi đổ ra ngoài. Lạ quá ! Gàu nước đổ hết rồi mà sao

không thấy nước tràn lên miệng bình. Nan Đà cúi xuống xem bình bát có bị nứt không. Tuyet nhiên không một đường rạn nào, lớp men vẫn liền lóng. Chàng múc gàu nước thứ hai, thứ ba, thứ tư và liên tiếp nhanh tay đổ vào. Lạ thật, không có nước chảy ra ngoài mà nước đổ vào biến đi đâu cả.

Nan Đà đã mệt nhoài mà bình bát vẫn không được một tí nước nào cả. Làm sao để về thăm cung điện ? Nón nả quá, chàng để bình bát ngay bên giếng và vụt chạy đi, hẹn trong lòng chốc trở lại sẽ tiếp tục đổ nước vào.

Chạy được một quãng, Nan Đà thấy ở xa có đoàn người đi lại. Chàng dừng lại nhìn. Khốn rồi! Chính Phật và đoàn đệ tử thọ trai về. Nan Đà biết không có cách nào tránh khỏi, bèn nép bên đường, cúi mặt xuống đất. Phật đến bên Nan Đà hiển lành bảo:

- Thôi ! Trở lại. Em hãy còn lời hứa đối với ta, còn công việc ta giao chưa làm xong. Hãy tự chiến thắng mình mới đi đến đích cuối cùng.

Nan Đà đi theo Ngài cùng trở về tịnh xá.

Năm hôm sau, trong một cuộc du hành thuyết pháp ở một cõi trời, Phật cho Nan Đà đi theo, Nan Đà mừng lắm.

Đây là một trong những cõi trời đẹp đẽ và hạnh phúc nhất. Không biết bao nhiêu lâu đài tráng lệ nguy nga. Những chiếc bàn, những độc bình bằng thủy tinh muôn màu rực rỡ. Những vườn hoa với các cây xanh muốt, quanh năm hoa nở thắm tươi và tỏa mùi hương nồng ấm. Ánh sáng một màu huyền ảo. Mặt trời không gay gắt, ban ngày vẫn có sao sáng và ban đêm trời luôn luôn sáng, thứ ánh sáng vàng trắng của những đêm rằm.

Phật đưa Nan Đà đến một cung điện rực rỡ. Các tiên ông râu bạc trắng ra đón tiếp. Phật thuyết pháp cho họ nghe. Trong lúc đó các nàng tiên mời Nan Đà đi xem khắp nơi. Chỗ nào Nan Đà cũng tấm tắc khen ngợi. Rồi các nàng tiên múa cho Nan Đà xem. Những gương mặt tươi đẹp như chưa bao giờ lo buồn, các điệu múa uyển chuyển như còn gói mãi trong không gian các đường nét mềm mại. Sau đó Nan Đà hỏi họ:

- Ai sẽ có vinh hạnh hưởng cảnh sống êm đẹp trong những cung điện ở đây ?

Các nàng tiên nhỏ nhẹ thưa:

- Cung điện, vườn hoa, ánh sáng ở đây đang chờ đón một người tên là Nan Đà, nếu người ấy tu hành được chánh quả.

Nan Đà sung sướng nhẹ nhõm khi theo các nàng về cung điện.

Trên đường về tịnh xá, Nan Đà định hỏi Phật xem lời các nàng tiên nói có đúng không, nhưng không dám, chỉ tự bảo với mình phải cố gắng tu tập. Nhưng biết đến bao giờ mới lên cõi trời sung sướng. Nan Đà nồn nã nên thiếu thái độ hiền từ, tĩnh tâm, định trí. Và cái hăng hái của những ngày mới trở về lần lần phai nhạt.

Một thời gian sau, Phật lại chuẩn bị một cuộc di truyền thuyết xa và Nan Đà cũng được đi theo. Lần này Phật dẫn chàng xuống địa ngục.

Địa ngục bày ra trước mặt Nan Đà những cảnh tượng ghê rợn. Đây là một người đàn ông bị ép dưới một tảng đá khổng lồ. Tảng đá lún dần, lún dần trong tiếng kêu thất vọng trong tiếng răng rắc của bộ xương ngực, xương tay, xương chân đang dập nát. Đây là một người đàn bà mang trên đầu một vành lửa đỏ. Tóc của người ấy cũng cháy khét lẹt; và tay bị trói chặt ra phía sau, người đàn bà vừa chạy vừa kêu không ra tiếng người. Nan Đà biết những hình phạt ấy là do sự tàn ác của họ ở kiếp trước nên im lặng đi theo Phật. gương mặt của Ngài tỏ vẻ vô cùng thương xót và Ngài cầu nguyện cho họ.

Đến một đoạn nữa, Nan Đà thấy trước mặt có năm chảo dầu xếp thành hàng dài trước mặt một cái đèn tối om. Năm con quỷ đang sắp sửa đun lửa. Trong bốn cái chảo đã có bốn người không rõ là đàn ông hay đàn bà. Lửa đỏ, dầu gần sôi. Người trong chảo vẩy vừng, chồm lên rồi lại rơi xuống. Tiếng kêu của họ tắt đi trong tiếng sôi sùng sục của dầu, tiếng củi cháy phùng phực. Nan Đà đến gần con quỷ coi chảo dầu thứ năm và hỏi:

- Tại sao trong này lại không có người nào ?

Con quỷ không nhìn Nan Đà, chăm chú coi lửa và trả lời:

- Chảo không nẩy cứ đun sẵn, để dành riêng cho một người tên Nan Đà nếu người ấy biếng nhác, không lo tu tập.

Nan Đà giật nảy mình và không dám hỏi thêm gì nữa.

Từ đó ấy về, Nan Đà không một phút nào dám xao nhãng việc tu niệm, chàng lo tụng niệm, thuộc lâu kinh kệ. Mãi đến chiều chiều, Nan Đà mới để một ít thì giờ để đi dạo ngoài vườn tịnh xá.

Nhưng có một điều là chàng đến chỗ nào,

người chỗ ấy đều lánh đi nơi khác. Nan Đà bực lắm. Có một hôm Nan Đà đến gặp Ngài A Nan, Ngài A Nan là em họ chàng và là đệ tử yêu mến nhất của đức Phật. Thấy Nan Đà đến, Ngài A Nan cũng lánh đi nơi khác. Không thể giữ nổi sự bực bội trong lòng, chàng đến trước mặt Ngài A Nan và lấy lời kính cẩn thưa:

- "Xin chú cho tôi biết vì lẽ gì các Ngài và chú lại không muốn gặp tôi. Tôi tưởng đã ở một đạo với nhau, hơn nữa lại là bà con, chú cũng không nên đối xử với tôi như thế".

Ngài A Nan biết không còn cơ hội nào tốt hơn cơ hội này để trình bày cho Nan Đà rõ đầu đuôi nên ôn tồn bảo:

- Chúng ta tuy theo một đạo nhưng mục đích chúng ta không giống nhau. Anh nhắm một mục đích khác. Anh tu hành để được lên cõi tiên, để sống trong hạnh phúc, riêng anh, tu hành vì cảnh khùng khiếp của địa ngục. Anh Nan Đà ơi! Mục đích của anh hẹp hòi. Phải lấy sự đau khổ của chúng sinh làm đau khổ của mình, xem thường tài sản và tính mệnh của mình, phát tâm thực hành lục độ để giải thoát vô lượng chúng sinh. Đó là mục đích của thầy ta, của chúng ta, của những người tu hành chân chính.

Ngài A Nan dừng lại để Nan Đà kịp suy

nghiệm. Rồi Âu yếm nhìn Nan Đà Ngài nói tiếp:

- Anh Nan Đà ơi ! Đường tu hành còn dài lắm, cho đến khi nào chúng sinh không còn khổ đau. Cho nên không nhìn một mục đích cao rộng, ta sẽ dễ nản lòng thối chí như anh, đã có lần muốn bỏ dở công cuộc nửa chừng. Phải can đảm lên anh ạ ! Quả lành sẽ đến với chúng ta.

Lời Ngài A Nan đi thẳng vào tâm can, vào trí óc Nan Đà. Từ đó Nan Đà công phu tu luyện với mục đích cao quý giải thoát cho chúng sanh và một ngày kia, bước theo Ngài A Nan, Nan Đà trở thành một đệ tử chân chính của đức Phật, trở thành Nan Đà tôn giả đáng kính mến muôn đời của chúng ta.

QUẢNG HUỆ

**Luân hồi nhân quả không sai
Không tu ắt phải đọa đầy khổ thân.**

Nhận lầm con

Có một chàng ngu kia sinh được đứa con trai, chăm chút thương yêu như ngọc như ngà. Một buổi sáng anh chàng đi ra chợ sớm, ở nhà lửa bốc cháy nhà và người ta bỗng đứa con anh chạy mất, lúc trở về thấy nhà cháy, anh không tiếc, anh chỉ cuống cuống lên khi không thấy con. Một người láng giềng ước đoán chỉ vào thây của một kẻ bất hạnh đã cháy thành than mà bảo: "Con anh chết cháy đây rồi". Thế là anh chàng tin ngay là thật, khóc than kể lể khôn xiết, rồi may một cái túi vải vuông bỏ nắm tro tàn vào đó mang luôn bên mình không lúc nào rời. Rồi cứ đinh ninh rằng con mình đã chết cháy, và nắm tro bên mình là xác con, không biết con mình hiện giờ đang còn sống.

Một buổi kia được thả, đứa con về gõ cửa kêu cha. Anh chàng buồn quá đóng cửa ngồi trong nhà, nghe gõ cửa hỏi vọng ra:

- Ai gọi đó ?

- Con đây.

- Con, tôi đâu dám ! Con tôi chết đã ba tháng rồi.

- Không, con còn sống đây mà, mở cửa cho con vào !

- Lão, rút đi ! Con tao đã chết, mày là ai, đến đây nhận hảo thế ? Cha con gì ?

Đứa con năn nỉ ngoài cửa mãi, người cha ngồi trong nhất định không mở cửa. Cuối cùng nó đành khắc khoải ra đi. Thương hại cho anh chàng ! Cha con không nhận, lại nhận bị xương khô !

- Người ngu tự biết mình ngu, nên biết người ấy có trí;

- Người có trí tự cho là có trí, nên biết người ấy ngu nhất trên đời.

- Người ngu cố chấp sự hiểu biết của mình là đúng, nên không bao giờ chịu thừa nhận những điều hiểu biết của kẻ khác. Vì thế, không bao giờ họ đạt đến được chân lý.

Máu sanh linh không rửa sạch tội lỗi của người

Kinh thành Ba La Nại đang sống trong những ngày bối rối.

Khắp nơi và khắp nơi, những lễ đàn được dựng lên cao vọi. Tiếng nguyện cầu như muốn vượt mây từng trời. Nhưng thuốc thang cũng đã nhiều, cầu đảo cũng đã lắm mà có ăn thua gì đâu ?

Hôm nay cũng như mọi hôm, hoàng cung vẫn rộn ràng lo lắng. Mạng sống của Hoàng-thái-hậu như treo đầu sợi tóc. Thân chết chắc đang cầm lưỡi hái đợi chờ đâu đây. Bọn cung nga thế nữ vẫn túc trực đó, vẽ mỗi mặt hiện rõ trên nét mặt. Không biết họ thức trọn mấy đêm rồi ?

Quốc vương Hòa Mạc thì như trong giấc mộng. Cứ nhìn gương mặt mẹ mình ngày một teo gầy

lại, nhà vua thấy lòng toi bồi từng đoạn, cuộc sống không còn ý nghĩa gì nữa. Cung nga thế nữ mà làm chi ? Lầu son gác tía mà làm chi ? Nhà vua thấy có thể bỏ tất cả, hy sinh tất cả, miễn là mẹ mình được sống.

Tất cả những danh y trong nước đều đã được vời. Nhưng người nào cũng lắc đầu ái ngại. Vô kế khả thi. Hơi thở của mẫu hậu càng lúc càng khô khè, ngọt ngọt. Ôi còn chi đau đớn hơn cảnh một người con hiếu đang thấy mẹ mình chết dần mà không làm sao cứu được !

Cuối cùng nhà vua cho triệu tập tất cả những vị Phạm chí⁽¹⁾ xa gần về để hỏi nguyên nhân và phương pháp chữa bệnh cho mẹ mình. Họ đã về đầy đủ rồi đó, nhưng nào ai có ý kiến gì đích xác đâu ? Người thì bảo Thần sông, kẻ thì bảo Thần núi. Họ đổ lỗi cho trăng sao trời đất... Thế rồi, đến khi nhà vua thiết tha xin phương pháp điều trị thì im lặng. Im lặng nặng nề ngự trị... Ai đại gì mà bày tỏ cái bất lực của mình ?

Bỗng một vị Phạm chí, có lẽ lớn tuổi nhất, đứng dậy bấm tay chiêm quẻ rồi trân trọng trả lời:

Tâu Đại vương, nguyên nhân bệnh trọng của Hoàng-thái-hậu cũng chẳng có gì khó hiểu. Âm

(1) Một phái ngoại đạo được thịnh hành ở Ấn Độ

dương không hòa hiệp, thiên địa qui thần trách móc, Hoàng-thái-hậu lại mất phải hung tinh, trách gì không yếu mệnh ? Muốn khỏi, nhất định phải tìm đủ một trăm súc vật khác giống để tế đất trời. Đại vương và Hoàng-thái-hậu cũng phải đến tại lễ đàn cầu đảo thì mới mong bảo toàn mạng sống và được bình an.

Quốc vương như người sắp chết khát bỗng gặp nước lành. Tình thương mẹ cộng thêm lòng mê tín dị đoan khiến nhà vua không suy nghĩ gì thêm trước khi thi hành ý kiến của Phạm chí. Một trăm sinh mạng đã được đổi lấy một mạng trong hy vọng.

Bảy súc vật được xua ra lễ đàn một cách tàn nhẫn. Có ai nghe tiếng kêu than của những kẻ vô tội sắp phải bị hành hình ? Có những con cừ non biết mình sắp chết, cố dừng lại không chịu bước. Có những con bò cứ ngoái đầu trở lại, nước mắt chảy ròng ròng. Nhưng bọn lính thì có kể gì cả. Chúng lấy roi dài quất vùn vụt vào thân đàn thú, lấy đá ném vào những con nào đi chậm nhất. Đã có những vết máu hồng hoen trên đường cỏ.

Xa giá cũng theo sát bảy thú vật. Hoàng-thái-hậu thì mê man trong chiếc xe lắc lư trên đường đá sỏi. Quốc vương Hòa Mạc thì luôn luôn nhìn ra ngoài, xem thử đã đến lễ đàn chưa ?

Lúc xe vừa ra khỏi cửa thành thì bỗng nhà vua giật mình nhòem dậy. Có cái gì uy nghiêm trên nét mặt của đại sĩ đang đứng chặn giữa đường. Đôi mắt sáng ngời làm cho ta mẩn phục, y vàng giản dị nhưng lại có tính cách siêu phàm.

Quốc vương bước xuống xe. Ngài ngạc nhiên thấy đoàn hầu cận của mình không biết đã qui rạp xuống từ lúc nào. Có những lời chúc tụng vang vang, không phải cho một vị quốc vương, nhưng mà cho một đấng vô cùng cao trọng. Ngài bỗng thấy sợ sệt. Không, Đạo-sĩ có gì hung dữ đâu. Đó là cái run sợ của một đứa con thơ trước mặt mẹ hiền. Rồi riu riu chân, Vua cũng qui xuống. Muôn miệng một lời tụng hô vang dậy: Kính chào đức Thế Tôn !

Vâng chính là đức Thế Tôn, đức Phật Thích Ca. Cảm thông nỗi đau thương của một trăm sanh linh vô tội sắp phải bị hành hình, Phật đã từ tịnh xá Kỳ Hoàn nước Xá Vệ, trèo đèo vượt núi về đây gieo mầm chân lý. Phật đỡ quốc vương dậy và hỏi lý do việc cầu đảo. Quốc vương rơm rớm nước mắt trả lời:

- Bạch Thế-tôn, mẹ con lâm trọng bệnh đã lâu, không thang thuốc gì cứu khỏi. Nay theo lời Phạm-chi con định dùng tinh huyết của một trăm con súc vật khác giống mà tạ lễ với trời đất. Kính

lạy đấng Điều-ngự⁽¹⁾ xin ngài hãy chỉ đường vạch lối cho con.

Một con cừu nhỏ lê chiếc chân vấy máu đến ép mình vào chân đức Phật, như để tìm một nguồn che chở thiêng liêng. Phật cúi nhìn và để một bàn tay lên đầu con thú nhỏ. Ôi cử chỉ mới dịu dàng và êm ái làm sao. Mắt cừu nhỏ gặp mắt Phật long lanh rồi nhỏ lệ. Cả đàn thú cũng ngược đôi mắt ướt hướng về Phật như muốn nói lên những điều oan ức, bất công.

Đức Phật trả lời:

- Này quốc vương, không nên theo những lời mê hoặc. Không một ai, dù là thiên thần quý vật, có thể ban phúc hay giáng họa cho người. Ta quyết định đời ta theo đúng luật nhân quả. Muốn được mùa, nông dân phải cày sâu cuốc bẫm, muốn giàu sang phải bố thí cho kẻ nghèo hèn, muốn sống lâu phải thực hành từ bi và không sát hại. Không ai có thể chối cãi điều đó.

- Nhưng bạch Thế tôn, thiên địa quỷ thần là những kẻ có quyền phép, ta có thể nhờ họ giúp ta?

- Này quốc vương, người có thích mặc chiếc áo sơ sài của những hành khất ? Người có tham bữa

(1) Điều ngự: Ông thầy thuốc hay - chỉ cho Đức Phật - một vị thầy thuốc trị về tâm thần của chúng sanh.

ăn tối tàn của lớp cùng dân ?... Chư thiên cũng thế Quốc vương ạ. Vốn là hạng người phát tâm theo mười điều thiện, khi mạng chung, họ đã được sanh lên một trong ba mươi sáu cõi trời. Ở đó có cung điện huy hoàng, có cung nga thế nữ hầu cận, y thực tự nhiên có... nào họ có cần chi những đồ tạ lễ của quốc vương, khi lấy huyết một trăm sanh mạng để mưu cầu hạnh phúc cho một người? Quốc vương thật đã làm một việc thiếu suy xét, mà chỉ tin theo lời đường mật của những tà sư. Tội đó lớn lắm.

Từ châu thân đáng Từ-bi bỗng loé lên muôn vàn ánh sáng, chiếu rọi cả muôn loài. Tất cả chúng sanh trong ba đường sáu nẻo bỗng thấy hân hoan và thấm nhuần ánh đạo. Toàn thể hai trăm vị Phạm chí thấy mình lầm đường lạc lối. Họ vội vã cùng nhà vua xin Phật thâu làm đệ tử.

Hoàng-thái-hậu cũng thấy một sinh lực mới dào dạt chảy vào lòng, Bà đón nhận ánh sáng của chánh đạo, xả bớt lòng tham lam, phát tâm bồ đề, cầu đạo giải thoát. Liền đó bà thấy sức khỏe đã trở lại như xưa. Dưới chân cha lành, bà không ngớt lời chúc tụng.

Phật hiện từ nhìn dân vật như an ủi, rồi theo lời mời của vua trở về cung.

Đêm ấy, có một trăm sinh linh thoát khỏi

hành hình oan uổng. Cũng trong đêm ấy ở miền biên giới của Ấn độ xa xôi, dân gian say sưa uống những lời thuyết pháp của đức Từ-phụ. Lòng người rửa sạch oán thù, lũ cướp ác hung bỗng ghê bàn tay vấy máu của mình mà trở lại cuộc đời lương thiện. Chánh pháp tung ra, thấm vào từng bộ óc. Không còn cảnh chém giết ghê gớm, không còn người tin theo tà đạo.

Và non nước vui hưởng thái bình trong hào quang Từ-bi và Trí-tuệ.

HUYỀN THANH

Công đức trì giới

Xưa ở nước Xá Vệ, có một huyện nhân dân đều qui y Tam bảo, phụng trì năm giới và thực hành mười thiện nghiệp của Phật dạy. Khắp huyện không bao giờ sát sanh, người uống rượu nấu rượu cũng không có.

Trong huyện, có một người con nhà dòng dõi, sắp đi buôn tha phương. Trước khi đi, cha mẹ căn dặn rằng: "Con nên cố gắng siêng năng, giữ gìn 5 giới cấm, thực hành mười điều thiện và cẩn thận chớ uống rượu, phạm đến trọng giới của Phật"

Người con vui vẻ ra đi, khi qua tới xứ khác vừa gặp người bạn đồng học cùng nhau chuyện trò tương đắc vui vẻ lắm. Bạn mời về nhà, đem rượu Bô đào ra đãi. Người ấy tự cười nói rằng: "Nước tôi toàn giữ 5 giới cấm của Phật, không một ai dám uống rượu; vì nếu uống rượu thì đời sau

phải ngu si dân dộn không thấy được Phật. Và lại khi ra đi, cha mẹ tôi khuyên không nên uống rượu. Bây giờ tôi phạm giới cấm, thời trái mệnh lệnh của cha mẹ, tội ấy chẳng gì lớn bằng. Chúng ta là bạn tâm giao lâu ngày, được gặp nhau không gì mừng rỡ hơn nữa. Nhưng bạn chớ làm tôi phạm giới cấm của Phật và trái lời dạy của song thân tôi".

Người bạn tiếp lời: "Chúng ta là bạn đồng học một thầy, coi như anh em ruột; cha mẹ tôi cũng như cha mẹ anh, với cha mẹ, chúng ta có bốn phận kính thờ, không được trái mạng. Tôi nếu ở bên nhà anh là phải tuân theo ý muốn của cha mẹ anh, nhưng nay anh ở nhà tôi anh nên tùy thuận ý của cha mẹ tôi mới phải".

Trước sự khẩn khoản của lòng bạn, anh ta phải uống rượu, uống xong anh ta say luôn trong ba ngày, không biết gì, khi tỉnh anh ta ăn năn lo sợ vô cùng.

Công việc xong, người ấy trở về nhà trình lỗi của mình cho cha mẹ rõ; cha mẹ tức giận mắng rằng: "Người trái lời ta, phạm cấm giới thật là loạn pháp, không phải đứa con thảo". Tự nghĩ làm gương trước cho mọi người trong xứ, cha mẹ bèn thâu hết đồ đạc của đứa con, rồi đuổi ra khỏi nhà. Người con bị đuổi bèn đi qua nước khác, xin

ở đậu trong một cái nhà. Chủ nhà ấy là người thờ phụng quỷ thần, thứ quỷ thần rất khôn ngoan, hay hiện ra thân người, ăn uống nói chuyện, chủ nhà ấy hết lòng tin tưởng với quỷ thần. Vì phải thờ phụng lâu năm mệt nhọc, của tiền hết sạch, trong nhà người đau chết xảy ra luôn, quỷ thần không cứu gì cả. Quỷ thần hiểu ý chủ nhà, liền bảo với nhau: "Nhà này của tiền hết sạch cũng chính vì ta. Đã lâu ta chưa làm được gì lợi ích cho chủ, nên chủ chán nản là phải lắm. Bây giờ chúng ta phải kiếm đồ tân bảo đem về biếu chủ, để chủ vui lòng". Nói rồi, cùng nhau đi lấy trộm vàng bạc trong kho nhà vua của nước khác, đem về giấu ở sau vườn rồi bảo chủ nhà rằng: "Người có công nhọc, nay ta muốn ban phước cho người được giàu có. Sau vườn nhà người có một tráp vàng bạc, ta cho người đó". Chủ nhà ra vườn tìm thấy tráp vàng, sung sướng lắm, sáng sớm thiết tiệc rất long trọng mời thần tạ ân.

Thần vừa đến cửa, thấy trong nhà có bóng người ở nước Xá Vệ, liền tránh không đi vào. Chủ nhà chạy theo cố mời trở lại. Thần trả lời: "Trong nhà người có vị Tôn khách ta đâu dám vào". Nói xong rồi tỏ vẻ sợ hãi rồi bỏ chạy. Chủ nhà nghĩ trong nhà chỉ có một mình người khách này thôi, liền kính cẩn đến thưa rằng: "Xin mời ngài đến dự tiệc với chúng tôi cho vui". Ăn uống xong chủ

nhà hỏi vị Tôn khách rằng: "Ngài có công đức gì mà vị thần của tôi thờ phụng sợ hãi ngài mà phải tránh đi?".

Vị Tôn khách trả lời: "Tôi chỉ có công đức thọ trì 5 giới và mười điều thiện của đức Phật. Tôi vi phạm một giới uống rượu, bị cha mẹ đuổi, qua trọ tại đây. Nhưng còn giữ được bốn giới nên thiên thần ủng hộ, còn thần của người thờ phụng là thứ tà thần ác quỷ làm sao sánh kịp!".

Chủ nhà thưa rằng: "Tôi thờ các vị thần đã lâu rồi, không có ích lợi gì nên tôi chán quá, mong ngài hoan hỉ dạy cho". Nói rồi bèn theo vị Tôn khách thọ trì Tam qui Ngũ giới và pháp thập thiện. Thọ xong một lòng tinh tấn siêng năng phụng trì không hề hủy phạm. Một hôm hỏi vị Tôn khách rằng: "Đức Phật hiện nay ở đâu? Có thể đến yết kiến Ngài được không? Tôn khách trả lời: "Đức Phật hiện nay ở nước Xá Vệ trong vườn ông Cấp-cô-Độc, qua đó sẽ được yết kiến Ngài."

Nghe vậy, người chủ nhà rất sung sướng, quyết qua Xá Vệ để yết kiến Phật. Giữa đường trời tối ghé lại xin trọ một nhà thiếu nữ xinh đẹp. Thiếu nữ ấy chính là vợ của một con quỉ ăn thịt người. Thiếu nữ liền can rằng: "Ông chớ ở lại đây nên đi gấp tốt hơn." Người ấy hỏi có gì nguy

hiếm chẳng? Thiếu nữ tỏ ý không bằng lòng nói rằng: "Tôi đã nói với ông như vậy, ông còn hỏi làm gì nữa". Người kia tự nghĩ: "Người ở nước Xá Vệ chỉ giữ 4 giới của Phật còn khiến cho quỉ thần sợ hãi thay, huống chi ta đã thọ trì chắc chắn pháp Tam qui ngũ giới và thập thiện của Phật". Nghĩ vậy, nhất định ở lại không chịu đi. Đêm ấy con quỉ ăn thịt người về nhà thấy có khách oai thần và công đức trì giới nên phải lẩn quẩn ngoài hè, rồi đi trọ một đêm nơi nhà hàng xóm cách xa tới bốn mươi dặm. Sớm mai người ấy lên đường để qua Xá Vệ. Ra khỏi cửa ngõ, thấy thấy chết xương máu đầy đường, do quỉ ăn thịt người đã ăn xá.

Cảnh tượng khiến ấy người kia quá sợ hãi và hối hận rằng: "Nước ta sẵn đủ áo mặc, cơm ăn, nhà ở, không thiếu món chi ở trong nhà chẳng sướng hơn sao? Ta tưởng đến được yết kiến Phật và coi sự kỳ diệu của Ngài, ngờ đâu lại gặp hải cẩu rừng rợn như vậy". Nghĩ xong chàng sanh ác ý, trở về khuyên người thiếu nữ kia theo mình trở về nước, cùng nhau chung sống trăm năm. Khi về ngay nhà thiếu nữ xin ở lại. Thiếu phụ hỏi: "Sao ông phải trở lui vậy?". Người kia đáp: "Hành kế không thành nên tôi phải trở lui, mong thiếu nữ cho tôi ở tạm một đêm". Thiếu nữ nói: "Ông ở lại đây chắc phải chết vì chồng tôi. Chồng

tôi là quỷ ăn thịt người và sắp về đến. Ông nên đi gấp tốt hơn". Người ấy không tin, năn nỉ xin ở lại cho được và trước sắc đẹp của thiếu nữ, người ấy khỏi nhiều ý niệm không tốt đẹp, không còn tin pháp Tam qui Ngũ giới và thập thiện của Phật. Vị thiên thần hộ giới liền bỏ đi không ủng hộ cho người ấy nữa.

Quỷ ăn thịt người được dịp thuận tiện trở về. Thiếu phụ sợ chồng ăn thịt người kia tội nghiệp nên đem lòng thương hại, dấu người kia trong một cái lu. Quỷ bắt hơi người bảo vợ: "Mình có kiếm được thịt người phải không ? Bây giờ ta thèm ăn lắm". Vợ trả lời: "Tôi không đi đâu cả làm chi có thịt, sao hôm qua không thấy anh về ?". Con quỷ nói: "Hôm qua trong nhà có vị Tôn khách nên ta phải đi tránh". Người ở trong lu nghe vậy càng thêm sợ hãi, đến nỗi không nhớ gì đến pháp Tam qui Ngũ giới của mình thọ. Người vợ hỏi tiếp: "Vì lẽ gì anh không kiếm được thịt?". Quỷ trả lời: "Vì trong nhà có vị đệ tử của Phật ở lại, nên thiên thần đuổi ta đi xa ngoài bốn mươi dặm, phải ngủ trống giữa trời một đêm rất là sợ hãi, đến bây giờ vẫn chưa hoàn hồn, cho nên không kiếm được thịt". Người vợ nghe vậy rất mừng thầm, mới hỏi chồng làm thế nào được nghe và phụng trì giới cấm của Phật ?". Quỷ trả lời: "Bây giờ ta đói lắm, lấy thịt cho ta ăn đã,

không nên hỏi việc ấy vội. Giới là pháp vô thượng chơn chánh của đức Như Lai, ta đâu dám nói đến". Người vợ cố năn nỉ: "Anh hãy vì tôi nói đi, tôi sẽ lấy thịt anh ăn". Giống quý tham ăn đã sẵn, thêm ăn lắm, lại thêm vợ cố hỏi, buộc phải nói Tam qui Ngũ giới cho vợ nghe.

Pháp tam qui là:

1) Quy y Phật

2) Quy y Pháp

3) Quy y Tăng

Ngũ giới là:

1) Không sát sinh

2) Không trộm cắp

3) Không tà dâm

4) Không nói dối

5) Không uống rượu.

Khi quí vừa nói giới đầu, người vợ nghe liền định tâm linh thọ, lần lượt nói hết 5 giới, thì vợ quí rất sung sướng nhất tâm chấp trì, và miệng đọc tụng không nghỉ. Người đầu ở trong lu nghe lại được pháp Tam quy Ngũ giới rất lấy làm hồ thẹn và vui mừng, tự tâm lãnh thọ trở lại.

Thiên Đế Thích biết hai người này đã phát tâm quy y Phật, thọ trì 5 giới, bèn lựa 50 vị thiên thần đến ủng hộ hai người ấy. Quí ăn thịt người sợ hãi phải trốn đi nơi khác.

Đến sáng, vợ quý hỏi người dẫu ở trong lu: "Những chuyện vừa qua ông có sợ không?". Người kia trả lời: "Sợ lắm, nhưng được cái may là nhờ ơn ân giả, mà tôi ngày nay được hiểu biết oai thần và công đức giới pháp của Phật!".

Vợ quý hỏi tiếp: "Hôm qua ông trở lui làm gì vậy?".

- Vì tôi thấy hài cốt đầy đường nên quá sợ hãi phải trở lui.

Vợ quý mới nói rằng: "Hài cốt đó chính tôi bỏ đấy". Tôi đây vốn con nhà lương thiện, không may bị quỷ bắt đem về làm vợ, tôi buồn khổ vô cùng, nhưng chẳng biết tỏ cùng ai. Nhờ ơn nhân giả tôi được thọ năm cấm giới của Phật và được xa lánh con quỷ ác độc nầy thật là hạnh phúc cho tôi. Bây giờ nhân giả còn đi đâu nữa?

- Tôi cần qua nước Xá Vệ để yết kiến Phật. Thiếu nữ nghe lấy rất làm sung sướng khen rằng: "Hay lắm thay! Tôi sẽ về nhà đem cha mẹ tôi theo nhân giả đi yết kiến Phật". Nói xong, cùng nhau lên đường. Đi được nửa đường thì gặp một đoàn 498 người ở bên nước Xá Vệ đi về. Người kia và thiếu nữ mới hỏi: "Các hiền giả đi đâu đông thế?".

- Chúng tôi đi yết kiến Phật về đây.

- Chúng tôi sắp qua nước Xá Vệ, chúng tôi nhờ thọ trì Tam qui Ngũ giới và mười điều thiện của Phật nên mới thoát khỏi nạn quỉ ăn thịt. Nay chúng tôi muốn qua yết kiến để tạ ơn và nghe thuyết pháp. Các hiền giả được thấy Phật rồi còn đi đâu làm gì nữa ?

- "Phật thuyết pháp suốt ngày, nhưng chúng tôi ngu độn chưa hiểu được rõ. Nay trở về nước được gặp hai hiền giả và được nghe hai hiền giả cho biết công đức của người trì giới, nên bây giờ chúng tôi mới hiểu rõ công đức giới pháp của Phật. Chúng tôi xin theo hai hiền giả trở lui một lần nữa để yết kiến Phật".

Phật ở xa trông thấy đoàn người kéo đến liền mỉm cười chói tỏa hào quang năm sắc, tôn giả A Nan liền bước ra quì sát đất, trong tâm nghĩ ngợi, chắc Phật sắp dạy điều gì đây.

Phật bảo A Nan: "Người có hiểu không, người có thấy 498 người khi nãy trở về đây không ?".

A Nan thưa: "Bạch đức Thế tôn, con có thấy".

Đức Phật thuật lại tất cả việc xảy ra và bảo: "498 người đó ngày nay đã gặp được thấy và đã được thấy Phật, rồi đây họ sẽ đắc đạo không lâu".

Cả 500 người đến trước Phật đánh lễ một cách rất thành kính và nhất tâm thính pháp, mọi

người đều được tâm ý thông suốt thành các bậc Sa Môn và chúng được đạo quả A La Hán.

Phật dạy A Nan và chúng hội rằng: "Các người nên biết người phạm giới kia với thiếu nữ vợ con quí ăn thịt người là anh em trong nhiều đời vậy. Hai người này đời trước chính là thầy của 498 người kia đó, chớ không phải ai xa lạ".

Người đời phát tâm tu hành cầu đạo, thọ trì giới pháp, cần gặp được thầy hiền bạn tốt sự tu hành mới mong kết quả.

Phật dạy đến đây, các vị Tỳ-kheo, 500 người ấy; và tất cả chúng hội đều sung sướng vui mừng, đánh lễ Phật, và nguyện nhất tâm giữ gìn tịnh giới.

CHÂN THUYỀN

Giới luật là thọ mạng Phật pháp
Giới luật còn Phật pháp còn.

Trọng pháp

Đời xưa, có một vị đại quốc vương tên Tu Lâu Đà, thống trị rất nhiều chư hầu nhỏ. Oai đức của nhà vua rất to, nhưng Ngài cũng chưa mãn ý. Một hôm Ngài nghĩ: "Ta có một khuyết điểm lớn. Mặc dù ta dùng đức trị dân, đem tài lực để giúp người, song đó chỉ là nuôi sống phần vật chất không được vĩnh cửu. Cần phải có một nền đạo giáo để cho muôn dân tu tỉnh. Ta phải tìm làm sao cho ra "Pháp tài chơn thật" để cho mọi người cùng nhờ đó mà giải thoát được mọi sự khổ não ở đời. Được như thế ta mới khỏi ân hận".

Nhà vua liền truyền rao khắp trong xứ : Ai có phép giải thoát đem truyền trao cho nhà vua, sẽ được gia thưởng như ý muốn. Qua một thời gian khá lâu, không thấy ai đáp lại lời kêu gọi của nhà vua. Ngài đâm lo nghĩ, buồn rầu khổ sở, ăn không ngon, ngủ không yên. Người ngoài cuộc, ai

trông thấy cũng phải cảm động và thương hại cho Ngài.

Lúc ấy, có một vị Tỳ-sa-môn Thiên-Vương, rõ được tâm trạng của Tu Lâu Đà, bèn hóa hiện làm thân một con quỉ Dạ xoa hình sắc ai thấy cũng phải kinh tởm: hai con mắt lồi to và đỏ như huyết, nanh vuốt nhọn bén, tóc tai bờm xờm, lửa đầy miệng. Quỉ đến chỗ vua, hô to lên rằng: "Ai muốn nghe pháp ta sẽ nói cho".

Nhà vua nghe thấy mừng lắm, vội đến nghênh tiếp, mời ngồi tòa cao, làm lễ đứng pháp để cầu nghe quên cả sợ hãi.

- Xin Ngài vui lòng bố thí cho chúng tôi một pháp tài để cứu khổ cho nhơn sanh, ơn trọng vô cùng.

- Thân người khó được, chánh pháp khó gặp, đâu phải qua những nghi lễ tầm thường kém vẻ tôn trọng như vậy mà có thể nghe được.

- Tôi xin sẵn sàng làm theo ý Ngài muốn, chỉ cốt hầu được nghe pháp, dù phải tan thân mất mạng cũng không sao.

- Quý lắm, nhà vua hãy đem Hoàng-hậu và Hoàng-Thái tử đến cho ta xoi, xong rồi ta sẽ nói pháp cho nghe.

- Được, tôi sẽ trân trọng làm theo ý Ngài muốn,

Trong khi ấy, tất cả triều thần đều nhao nhao phản đối: "Bệ hạ lạm thể nhân tâm lắm, chúng tôi không tán thành ! Bệ hạ giết chúng tôi trước, rồi sẽ thi hành cái cử chỉ thâm nảo ấy".

Nhà vua vẫn bình tĩnh, thần nhiên an ủi quần thần: "Các khanh yên lòng, ta cũng biết thế là đau xót lắm, nhưng trong đời, hễ có hợp rồi sẽ tan, không có gì là đáng quý cả, chỉ có chánh pháp mới là đáng quý, vậy dù đổi tánh mạng ta, ta quyết cũng không từ".

Trong khi quí Dạ-xoa ăn thịt Hoàng-hậu và Hoàng-Thái tử, tất cả triều thần cùng cung phi mỹ nữ trong tám cung lục viện đều kêu gào, than khóc vô cùng thâm nảo. Tiếng kêu than náo động cả kinh thành, mong làm chuyển được lòng cương quyết của nhà vua, để Ngài xóa bỏ ý định. Nhưng nhà vua vẫn điềm tĩnh như thường, chỉ một mực chăm chờ nghe pháp.

Quý Dạ xoa sau khi ăn xong Hoàng-hậu và Hoàng Thái-tử liền vì vua mà nói bài kệ rằng:

"Tất cả các hành đều vô thường,

"Có sanh đều có khổ,

"Năm âm không thật tướng,

"Không ngã và ngã sở"⁽¹⁾

Nhà vua nghe xong bài kệ vui mừng vô cùng, lòng không chút hối hận, liền truyền thần dân biên chép bài kệ trên ban khắp trong dân gian, bắt phải đọc tụng, nhờ đó mà rất nhiều người được tỏ ngộ.

Lúc ấy, vị Tỳ-sa-môn Thiên-Vương hiện lại nguyên hình và không tiếc lời khen ngợi:

- Quý hóa thay ! Cao cả thay, tâm trọng pháp của nhà vua không ai sánh bằng. Hoàng-hậu và Thái-tử xin hoàn lại vẫn không sao cả. Chẳng qua là chỉ để thử lòng nhà vua mà thôi, thật không phải tôi đã ăn nuốt đi đâu.

Tôi mong ngày sau Ngài sẽ đạt đạo Bồ-đề độ muôn loài hàm thức.

(1) Tất cả vạn sự vật thế gian đều luôn luôn chuyển biến không ngừng, các hiện tượng chuyển biến ấy Kinh gọi là Hành. Các pháp do nhân duyên cấu hợp, không thật thể, không khác nào hình ảnh trên màn bạc. Người phạm phu không làm sao nhìn thấy sự thật của sự vật, luôn luôn chấp cho là thật cảnh, thật ta, nên khi được thì vui mừng, mất thì sanh đau khổ.

Nên biết năm âm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hòa hợp gọi là thân, song năm âm biến chuyển không thường, nên thân người thoạt còn thoạt mất, không có cái gì là "ta" cũng như không có cái gì là "của ta". Chẳng qua cũng như những bóng trong màn ảnh sân khấu, những giả ảnh trong chiêm bao mà thôi.

Chư Phật tỏ ngộ do đây, mà phạm phu mê muội cũng do vậy.

Làm đau thương không gì hơn buồn. Bán tên độc không gì hơn ngu si. Không thể lấy sức mạnh gì trừ diệt được hai nỗi khổ ấy. Chỉ có học nhiều mới có thể trừ diệt được. Người mù sẽ nhờ học mà có mắt, người tối sẽ nhờ học mà sáng suốt. Nhờ học mới có thể chỉ đường cho mọi người. Có học như đem mắt cho người mù. Vậy phải rời bỏ ngục ngu si, xả lòng kiêu mạn và sự an hưởng giàu có, chuộng học nghe nhiều mới gọi là nhóm họp công đức.

Lòng hiếu của con chim Oanh Vũ

Thuở xưa, ở núi Tuyết Sơn có một con chim Oanh Vũ, cha mẹ đều mù, thường đi tìm trái cây thơm chín, dâng cha mẹ dùng. Lúc bấy giờ, có vị điền chủ mới cấy lúa bèn phát nguyện rằng: "Lúa tôi đây, xin nguyện cho chúng sanh ăn dùng". Chim Oanh Vũ thấy vị điền chủ phát tâm bố thí như vậy, bèn thường bay xuống lấy lúa cúng dường cha mẹ. Người điền chủ đi xem lúa, thấy loài chim loài sùng phá hại lúa, bèn nổi giận đặt lưới bắt được chim Oanh Vũ. Chim Oanh Vũ thưa vị điền chủ rằng: "Trước đây ông có lòng tốt bố thí nên tôi mới dám lấy của ông, sao lại đặt lưới bắt tôi?". Người điền chủ hỏi: "Người lấy lúa làm gì?". Chim Oanh Vũ đáp: "Tôi có cha mẹ mù, nên phải lấy lúa cúng dường". Vị điền chủ nói rằng: "Từ nay về sau, người cứ lấy lúa mà dùng, đừng e

ngại gì cả". Loài súc sanh còn biết hiếu thuận với cha mẹ huống nữa là người.

Chim Oanh Vũ là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Người điển chủ là tiền thân ông Xá Lợi Phất.

Trích : PHẬT PHÁP.

Một lòng vì đạo

Cũng một mùa xuân trong sáng đẹp đẽ như hôm nay nhưng là một mùa Xuân xa xăm lắm, một vị Quốc vương có tiếng nhân từ vui vẻ, ngự giá về các làng mạc thôn xóm, thăm viếng quần chúng và tặng quà tết cho kẻ nghèo. Ngài cùng chung vui với muôn dân. Đó còn là một dịp để nhà vua được tìm hiểu đời sống và tâm tình của dân.

Khi ra đi ngài vui vẻ bao nhiêu, khi trở về Ngài lại buồn rầu lo âu bấy nhiêu.

Nhà vua thường khuyến khích mọi người phụng thờ Tam-bảo, thực hành phép ăn chay, làm các việc thiện, hiếu thảo với cha mẹ, thuận hòa với anh em. Ngài tha sưu thuế cho tất cả những ai thực hành theo lời Ngài khuyên bảo.

Mọi người đều răm rắp làm theo.

Nhưng có ngờ đâu, bề ngoài họ mang một lớp "đạo đức giả" để che đậy bao nhiêu điều xấu xa, hung ác, nham hiểm ở bên trong. Nhờ có cuộc kinh lý trong ngày Xuân hôm ấy Ngài mới thấu rõ được lòng người. Từ đó Ngài luôn luôn suy nghĩ để tìm một giải pháp cải thiện dân chúng một cách hoàn bị.

Một tuần sau gương mặt Ngài trở lại tươi vui như trước. Rồi khắp dân chúng được ban truyền sắc dụ của nhà vua: "Kể từ nay ai còn ăn chay niệm Phật sẽ bị tội xử tử, còn người nào không theo đạo Phật được tự do, an phận chức nghiệp".

Đương nhiên những kẻ giả tâm đều trở lại hành động như cũ, không còn phải che đậy một chút gì.

Tuy thế, sáng kia người ta dẫn đến sân triều một cụ già tả tơi yếu đuối, cụ này đã không tuân lệnh nhà vua vẫn quy ngưỡng theo đạo Phật. Cụ nghĩ rằng: "Lâu nay ta nghèo khổ trọn ngày chỉ có một bữa cơm rau nhưng được quy y Tam-bảo, được nghe giáo lý của Chu Phật, lòng ta sung sướng vô cùng. Còn dầu sống một cuộc đời sung túc trên châu báu ngọc ngà hay có được lên cõi Thiên đàng hưởng thụ mãi mãi cuộc sống Thần tiên đi nữa mà không được nghe đến một câu kinh Phật, đối với ta cũng chỉ là ngọc hình".

Cụ già khẳng khái tâu:

- Tâu Bệ hạ, bản dân này đã có tội không tuân lệnh của Ngài xin Ngài cứ việc chặt đầu.

Nhà vua phán:

- Nếu người biết tự hối và thi hành theo sắc lệnh mới của Trẫm, Trẫm sẽ tha tội và phong chức tước cho. Còn kẻ làm dân mà không tuân theo quốc pháp Trẫm sẽ xử chém đặng răn kẻ trái phép về sau.

- Tâu Bệ hạ, nếu bỏ chánh pháp mà làm đến bực vua chúa, hưởng thụ tất cả mọi khoái lạc trong cõi Nhân Thiên, bản dân này cũng không ham.

- Người cãi lệnh ta sẽ truyền đem xử tử ngay tức khắc.

- Tâu Bệ hạ, trong Kinh Phật có dạy: "Nếu chúng sanh tự gieo mình vào ba đường ác thì khó được làm người và có làm người chẳng nữa cũng không thể sanh vào nước có đạo đức, không xem được Kinh Phật, không gặp được các cao Tăng để cúng dường và nghe pháp". Nay tôi được biết Tam-bảo, hiểu được chút ít Kinh Phật, vậy có lẽ kiếp trước tôi đã dày công tu luyện lắm. Thế thì dầu Bệ hạ có bỏ tôi vào nước sôi hay nung vào lửa đỏ đi nữa tôi vẫn giữ trọn một niềm theo

Tam-bảo mà thôi.

- Người là ai mà còn khí khái với ta? Trước cái chết mà vẫn còn hùng hổ.

- Tôi tên là Thanh Tiến Sử, tâu Bệ hạ cứ việc xử tội, tôi không bao giờ oán than hay van xin một điều gì.

- Quân sĩ hãy đem chém ngay ông lão Thanh Tiến Sử này.

Rất nhanh, các tên lính xáp đến dẫn cụ già ra pháp trường.

Đồng thời nhà vua cho một vị quan hầu cận ra xem xét và bảo quân lính đợi lệnh nhà vua truyền lại mới được thi hành.

Trước pháp trường, bên cạnh những lưỡi gươm sáng quắc đang sẵn sàng đưa lên cổ, Thanh Tiến Sử vẫn thản nhiên vui vẻ và khuyên người con trước khi vĩnh biệt: "Con ơi! Con sanh gặp thời có Phật pháp, biết sùng bái Tam-bảo là một điều phước đức của con. Con hãy vững dạ tu học, noi gương cha đây, dầu dầu cha phải rơi vì sắc lệnh nghiêm ngặt của nhà vua. Cha vẫn vui lòng và quyết theo Chánh-đạo không bao giờ lãng bỏ".

Vừa dứt lời, vị cận thần truyền cho quân lính dẫn cụ trở về triều.

Khi vị cận thân về tâu lại lời khuyên con của Thanh Tiến Sĩ, nhà vua rất cảm động và vô tình những dòng nước mắt tuôn chảy trên đôi má nhăn nheo của vị vua hiền đức. Ngài bước xuống bộ rồng ra tận cửa thành ôm lấy Thanh Tiến Sĩ. Mọi người đều ngạc nhiên. Cụ già cũng trở mặt nhìn vua vì không hiểu chuyện gì. Nhà vua đưa cụ vào cung một cách ân cần vui vẻ, song Thanh Tiến Sĩ cũng chưa rõ điều gì nên chỉ biết cúi đầu sát đất lạy tạ ơn vua. Nhà vua liền đỡ lấy tay Thanh Tiến Sĩ rồi thân mật bảo: "Trong quốc dân này chỉ có một Thanh Tiến Sĩ ! Chỉ có một Thanh Tiến Sĩ thuần thành theo Phật Pháp, quyết một lòng vì đạo. Ngoài ra đều giả dối, đều vụ lợi. Chiếu dụ của Trẫm ban ra chỉ cốt để thử lòng người mà thôi. Vậy từ nay xin người hãy sống cùng Trẫm, giúp Trẫm trong việc truyền bá Phật pháp thức tỉnh nhân tâm". Rồi cả hai chuyện trò vui vẻ. Sau đó nhà vua phong cho Thanh Tiến Sĩ chức Tướng quốc.

Câu chuyện ấy được truyền tụng trên môi quần chúng lan ra tận các hang cùng ngõ hẻm, và cũng từ đó tiếng chuông cảnh tỉnh ngân vang trong tâm hồn mọi người.

Chẳng bao lâu dân chúng được sống trong cảnh êm ả, thân yêu, an hòa, vui vẻ, ai ai cũng

đều quay về với Đạo Phật.

Vị Quốc vương ấy chính là tiền thân của Đức Thích Ca.

ĐỨC THƯỢNG

Thà có đạo đức mà chết, chớ không chịu mất đạo đức để được sống.

Nai hiền

Ngày xưa...

Ngày xưa trong một khu rừng ven bờ sông Hằng Độ, xuất hiện một con Nai hiền. Nai đẹp vô cùng, sừng màu trắng vươn cao như pha lê lỏng lánh: da óng ánh vàng như gấm đính thêm từng hàng minh muôn màu. Cả thân hình Nai thanh thú ấy có thể đã tập trung hết mọi vẻ đẹp của trần gian. Nhưng đôi mắt Nai buồn lắm thế ? Có cái chi u ẩn như thương cho cuộc sống mê lầm.

Nai chính là hiện thân của một vị Bồ tát. Nai nghe và nói được tiếng người. Thú trong rừng thương Nai, quây quần bên Nai như một bà mẹ hiền, theo lời Nai như một bậc thầy sáng suốt. Nai đem thương hòa vào cuộc sống muôn loài, núi rừng vì ít nhuộm máu hồng, con cháu trong rừng chỉ ăn cỏ cây.

Vốn biết thân mình là một miếng mồi thế nhân hằng ao ước, Nai chỉ ở trong rừng sâu, không để cho loài người được thấy. Những đêm trăng sáng. Nai vui cùng muôn thú cảnh thanh bình. Nhưng mà nếu cuộc đời chỉ là có thế thì còn đâu nước mắt đầy vơi ?

Có một sáng mùa thu, rừng vừa qua cơn mưa lớn. Nước sông Hằng chảy mạnh. Những dòng suối nhỏ từ lâu vẫn hiền hòa róc rách giữa những triền đá trắng phau, hôm nay mở rộng bờ hung hăng như trắng lớn phun nước vào dòng sông cả. Nai đứng đỉnh xuống bờ sông uống nước.

Nhìn dòng nước cứ mãi tuôn đi, bọt trắng tóa tung trên mặt sông một màu xanh biếc, Nai bỗng thấy lòng ngập tràn chua xót. Không biết bao giờ vạn vật mới thôi quay cuồng trong bóng tối vô minh để trở về với thanh tịnh ? Nai tự nhủ: "Nếu cần thì thân này có tiếc chi ?"

Bỗng một tiếng kêu cứu từ xa vọng lại:

- Ai cứu tôi với ! Trời ơi, tôi sẽ chết mất giữa dòng sâu.

Tiếng kêu càng lúc càng rõ. Nai ngược mắt nhìn ra giữa dòng sông Hằng hung bạo: một người đang chơi vơi trên một thanh củi mục. Có lẽ y đã chìm đồ ở phía trên kia và nhờ náu được

thanh củi mục mà khô chết. Nhưng tình thế thì cũng đã ngặt nghèo lắm. Y nổi lên chìm xuống, đôi tay co quắp một cách tuyệt vọng. Chắc sức cũng đã yếu rồi. Tiếng kêu càng lúc càng khan, mất dần trong tiếng reo hát điên cuồng của sóng nước. Nai biết giờ phút quyết định sự sống còn của người kia đã đến. Không lẽ làm ngơ ? Lòng Bồ tát bỗng dạt dào một tình thương cao cả. Đau khổ của người là đau khổ của mình, cứu người là tự cứu mình. Nhìn người quần quại ai thấy vui chi ?

Nai lao nhanh xuống dòng nước lũ. Tình thương đã làm nên tất cả. Không quản nhọc nhằn và nguy hiểm, Nai lướt qua sóng lớn và công người kia lên bờ. Người kia tỉnh lại, ngạc nhiên vô cùng khi biết một con Nai đẹp đã cứu mình thoát nạn. Quá cảm động y quỳ xuống đội lên đầu công đức của Nai. Y nói:

- Hỡi vị nai thần, tôi không biết làm sao để nói tất cả tấm lòng. Ngài đẹp lắm, nhưng chính lòng vị tha của Ngài mới là đẹp hơn cả. Kể từ nay, thân tôi là của Ngài, tùy Ngài sử dụng.

Nai hiển rung rung nước mắt. Quả thật không ngờ lại có người biết ơn đến thế. Nai nói:

- Ông ơi, tôi tưởng sẽ không bao giờ tìm được một người tốt ở cõi thế sa đọa này. Lòng biết ơn

của ông đã làm cho tôi vô cùng sung sướng. Nhưng nói làm chi đến chuyện trả ơn. Ông còn vợ con ở nhà, không nên nán lại đây lâu, chắc họ đang nóng lòng chờ đợi. Nhưng ông đừng đem chuyện gặp tôi đây mà nói lại với ai, họ sẽ không ngại gì mà không đến tìm bắt tôi. Hãy sống vì đời, vì người. Là thú rừng, tôi không biết nói lời gì đẹp đẽ hơn.

Người kia hứa chắc với Nai, xá tạ xong y lên đường về chốn cũ.

Lúc y về đến thành chính là lúc Hoàng-hậu vừa chiêm bao thấy một con Nai vàng kỳ dị. Bà thấy trên một ngôi bái cao sang có một con Nai hiện đang giảng pháp bằng tiếng người. Mình Nai gán đầy châu ngọc, da Nai óng ánh như những lớp gấm đẹp nhất của đời. Hoàng-hậu liền đem chuyện ấy tỏ thể với nhà vua.

Bà nói:

- Tâu Bệ-hạ, thần thiếp nghĩ không còn vật chi quý giá hơn con Nai vàng trong mộng ấy. Nếu vườn thượng uyển này mà có nó...trời ơi, Bệ-hạ hãy tìm cách bắt đi !

Vua tin ngay lời Hoàng-hậu, ở đời đã có được mấy người dân ông không nghe lời vợ, không

nghe lời thỏ thẻ của một người đàn bà, nhất là người đàn bà đẹp? Thế là vua cho truyền khắp nước:

"Trong sử có chuyện một con Nai vàng mình đầy châu ngọc. Đã nhiều người thấy nó, nhưng không biết bây giờ ở đâu. Nếu ai bắt được, hay chỉ cho người khác bắt, vua sẽ thưởng cho quyền cai trị một làng giàu có và vô số bạc vàng.

"Quyền cai trị một làng giàu có và vô số bạc vàng". Ai mà không ham ? Người được Nai cứu lắng nghe cho rõ lời truyền rao của vua rồi bắt giắc y nhìn xuống chiếc áo đã sờn, đôi hài há miệng: Y nghèo quá ! Một tiếng thỏ báo trước con giống tổ của lòng. Y biết chắc chán vợ con y đã hai hôm rồi nhịn đói. Ngay những lúc có y ở nhà, nai lung người ra đổi lấy bát cơm, gia đình y vẫn không lúc nào no đủ, huống hồ là y đã đi vắng những hai ngày.

Y nhắc lại lời truyền rao: "Nếu ai bắt được hay chỉ cho người khác bắt, vua sẽ thưởng cho quyền cai trị một làng giàu có, vô số bạc vàng". Có thể như thế được không ? Sung sướng giàu sang đến thế ư ? Trong lòng con người vừa thọ ơn đã bỗng nổ ra một trận chiến gay go giữa tham lam và đức hạnh. Đức hạnh như nói với y: "Anh có thể quên được công đức của Nai hiền sao ? Nếu

không có Nai thì bây giờ có anh không ? Cứ bội ước đi rồi không còn một kiếp nào anh cất đầu lên được !" Nhưng tham lam nhỏ to than thì: "Hãy chỉ chỗ của Nai đi ! Anh sẽ được vinh hoa phú quý, vợ con anh sẽ được no đủ"

Lòng y thật như guồng chỉ rối. Y không biết nên theo đạo đức hay giàu sang, trung thành hay phản bội. Con quỷ tham lam góm guốc vắn cứ kê bên than thì. Cuối cùng, quỷ tham đã thắng. Một chút lương tâm còn nuôi lại trong lòng, y tự nhủ:

- Ta quyết chỉ chỗ Nai ở cho nhà vua. Kê ra thì cũng tàn nhẫn thật nhưng còn dịp nào để được giàu sang. Bạc tiền và danh vọng trên hết !

Y cười lên sặc sụa, cái cười khoái trá của một con người sắp thỏa mãn. Nhưng y có biết không, bắt nguồn từ cái cười ấy, gương mặt y từ hiền lành chất phác bỗng trở thành góm ghiếc lạ thường. Nếu soi gương, chắc y ngạc nhiên về sự đổi thay của mình lắm.

Y vào cung tâu vua biết chỗ ở của Nai hiền. Như mở nước cờ, vua ra lệnh đi săn Nai ngay buổi chiều ấy, khu rừng bị quân lính nhà vua vây kín. Từng đàn chó dữ ào ạt sủa cần vang động cả một vùng. Chúng lục lội từng hóc núi, bụi lùm. Tiếng kèn săn rền vọng lên như một lời kết tội.

Nai choàng dây trong giấc ngủ. Sau con hoảng hốt ban đầu, Nai biết mình không thể thoát khỏi tay người hung ác. Cũng vừa lúc ấy, vua và người được Nai cứu đến kẻ bên.

Y đưa tay chỉ chỗ cho Vua:

- Đó, đó Bệ hạ xem, con Nai vàng kỳ dị !...

Những tia nắng cuối của chiều thu chiếu lên mình Nai lộng lẫy, từng hàng châu ngọc lóe sáng muôn màu. Vua say nhìn Nai đẹp. Cung tên đã sẵn sàng, bọn lính định bắn quị linh thú, nhưng vua ngăn lại:

- Đừng bắn, hãy bắt sống cho ta !...

Nhưng chưa đuổi bắt thì Nai đã tự dẫn mình đến trước mặt vua và nói lớn:

- Thưa Ngài, tôi không hiểu tại sao Ngài lại có thể tìm được chỗ trú của tôi ?

Nhà vua ngạc nhiên - có thể nói là sùng sốt - vì Ngài chưa từng thấy Nai nào lại biết nói tiếng người. Vua đáp:

- Hỡi Nai thân, chính người này đã chỉ cho ta.

Mặt Nai và vua đồng một lúc quay về người được Nai cứu. Bỗng nhà vua kêu lên kinh hãi: mặt người kia chỉ trong một khắc trở thành lỗ loét gớm ghê. Mủ máu chan hòa trên gương mặt

trước kia hiền lành chất phác.

Nai lên tiếng giảng:

Thưa Ngài không có gì lạ cả. Đó chính là cái quả báo mà nguyên nhân là sự vong ân của y. Thưa Ngài, người này trước kia đã được tôi cứu khỏi chết đuối, nhưng y đã quên lời hứa mà chỉ chỗ của tôi cho vua. Tham lam đã làm mờ mắt nhân gian. Trong bóng tối vô minh ác nghiệt con người quên hết liêm sỉ và ân tình. Ôi tham lam, gốc nguồn của bao tội lỗi ! Vua chợt hiểu. Ngài bỗng thấy ghét cay ghét đắng người được cứu. Quay mũi tên về phía y, vua hét lên dữ dội:

- Kẻ vong ân bội nghĩa, mi đã làm nhục nhục danh người. Ta quyết vì đời cho mi chết ! Dây cung trương lên, nhưng Nai hiền đã đến chặn phía trước. Minh Nai đã biến thành tấm bình phong che chở cho người kia đang run như một cái đuôi thần lẩn. Nai nói với vua:

- Không nên Ngài ạ ! Quả báo bao giờ cũng đến với người gây nhân như hình với bóng. Không cần và cũng không có một người nào thưởng phạt hay định đoạt quả báo cả. Chính gương mặt lở loét kia đã trừng phạt y nhiều lắm. Tôi xin Ngài hãy tha cho y. Phần tôi, tôi đang chờ Ngài quyết định.

Vua bỗng thấy ánh sáng chân đạo. Ngài thấy kính phục Nai hiền cùng tột. Ngài kêu lên:

- Đối với kẻ mưu hại mình Nai còn tỏ lòng từ bi cao cả như thế. Nai ơi, trong lốt thú rừng man dã ấy, chính Nai mới thật là người, một con người đúng nghĩa. Còn chúng tôi đây, tuy mang lốt người, nhưng quả thật chưa bằng muôn thú.

Rồi vung tay ra hiệu, vua hét vào tai tên phản bội:

- Ta tha cho ngươi. Hãy đi đi, đi cho khuất loài người.

Y lăm lúi bỏ đi, mặt cúi gằm xuống đất. Bóng y đổ dài trên nền cỏ rừng, lưng y quay lại phía mặt trời, y đang bước lẩn, bước lẩn vào bóng tối...

Vua nói với Nai:

- Thưa Ngài, Ngài đã hoàn toàn tự do. Từ nay, không ai trong nước này lại động đến thân Ngài nữa.

Về phần tôi, những lời cao đẹp của Ngài đã làm tôi trong phút chốc giác ngộ được chân lý. Tôi sẽ khắc những lời đó vào tim và đem chỉ hướng từ bi của Ngài gieo vào lòng nhân loại.

Thế rồi vua từ giả Nai, kéo quân về chốn cũ. Rừng trở lại thanh bình như xưa. Người và vật từ

nay hiểu nhau, không còn tìm cách sát hại nhau nữa. Rừng già thối vọng tiếng kèn sấm hung hăng, máu hồng thối hoen trên cỏ màu xanh. Con cháu trong rừng ngày một đông thêm, phơi phới lớn lên, không lo loài người tàn bạo.

Và đêm đêm, lúc trăng ngà dọi bóng xuống rừng hoang, đàn thú hiền lành quây quần chung quanh Nai như để nghe lời giảng đạo.

HUYỀN THANH

Ở hiền thì gặp lành,
Hễ ai làm dữ tan tành ra tro.

Năm giọt mật

Ngày xưa có một tên tử tù vừa vượt thoát khỏi lao ngục, chạy bán sống bán chết. Đằng sau hắn, hai con voi say đang đuổi theo, do sự tổ chức truy nã của nhà cầm quyền.

Trong cơn hốt hoảng, chẳng may hắn ta rơi tóm xuống một cái giếng sâu ở dọc đường.

Nhưng trong cái rủi ro cũng còn được chút may mắn: khi thân mình chưa rơi đến đáy, không biết quò quạng vùng vẫy như thế nào mà hắn ta níu được một cái rễ cây mọc thông xuống giếng.

Hú vía ! qua giờ phút nguy ngập ấy, hắn tưởng chừng như đã yên thân: hai con voi say sẽ chẳng biết mình ở đâu mà tìm. Nhưng ý nghĩ ấy thoát biến mất theo hơi thở: hai con voi say đã đến bên miệng giếng, găm rống vang động, hút phăng tất cả những cây cỏ mọc trên miệng giếng như để thị

uy.

Nếu hần mà lên thì phải biết !

Hần hốt hoảng quá. Nếu sợi dây đang đeo mà đứt thì thật là chắc chết mười phần. Hần ta tính phăng tuột lần xuống đáy giếng để may ra có chút hy vọng nào không. Nhưng bất đồ nhìn xuống đáy giếng sâu thẳm, hần ta thấy ba con rồng đang múa vuốt, gió nanh, miệng phun lửa dữ, như muốn bay đến nuốt trứng hần. Điếng hồn, hần đành phải cố bám chặt sợi dây, đeo lưng lẳng giữa chừng. Nhưng có phải được vậy là yên thân đâu ? Ác nghiệt làm sao, kẻ trên miệng giếng, hai con chuột cống xù, một đen một trắng, đang đua nhau rập cần sợi dây. Ác nghiệt hơn nữa là bao quanh thành giếng, theo những lỗ trũng gần hần nhút, bốn con rắn độc bây giờ xuất hiện, ngóc đầu, thè lưỡi toan mổ.

Những biến cố dồn dập xảy tới tấp làm cho hần ta hết phương trốn tránh, ý nghĩ liều mạng lại hiện đến: bẽ nào cũng không khỏi chết, thà leo ngược trở lên mặt đất, rồi bỏ chạy, dù có chết cũng còn thấy. Thế là hần ráng phăng lần leo ngược trở lên. Khốn khổ quá, phần lo sợ, phần đuối sức, bỏ hời bỏ kê ướt dầm. Miệng khô cổ cháy, hần ngước mặt lên trời mà than rằng: "Trời sao nỡ hành hạ ta đến nông nỗi này"

Càng mệt , càng thở, hơi thở càng lúc càng ngắn dần; thở bằng mũi không kịp, hẳn phải há miệng để thở phụ, trong giờ phút mạng cùng tuyệt vọng ấy, bỗng một bầy ong mật bay ngang qua làm rơi vào miệng hẳn 5 giọt mật... Hẳn ta chíp ngay, chấp chấp thấy ngon ngon... mê tít... và trong giây phút, quên mất bao nhiêu sự nguy nan đang bao vây hẳn...⁽¹⁾



(1) Nhà cầm quyền, ví dụ cho Vô thường. Hai con voi say: Sanh Tử. Sợi dây: Mạng căn. Rơi vào giếng: Sự hốt nhiên thọ sanh. Hai con chuột đen và trắng: Ngày, đêm. Ba con rồng: ba độc (tham lam, giận dữ và si mê). Bốn con rắn: Bốn đại (đất, nước, gió, lửa). Năm giọt mật: năm món dục lạc (tiền tài, sắc dục, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ).

Người ta có thể quên bằng đi được tất cả bao nhiêu khổ sở, đau đớn, khi người ta nhận được chút ít an ủi bằng Danh lợi, Tiền tài, Sắc đẹp, Tiếng khen, Ăn ngon, Ngủ kỹ.

Chỉ vì năm giọt mật "Ngũ dục" không đáng giá trong lòng lúc dục vọng đang khao khát trông chờ, mà người trong giếng có thể quên đi được bao nhiêu sự nguy hiểm đang bao bọc quanh mình; loài người vì năm món dục lạc mà quên đi tất cả những gì khổ não, tạm bợ, mạng sống không khác nào như chỉ mảnh treo chuông !

Đức Phật với con voi dữ

Thời kỳ Phật hành đạo tại thành Vương Xá, kinh đô của vua A Xà Thế, vua A Xà Thế rất tham lam hung bạo, đã sát vua cha để dành ngôi báu. A Xà Thế lại hay thù ghét và manh tâm làm hại những kẻ trung lương nên thường lập vây cánh bè đảng làm hậu thuẫn.

Trong số bè cánh nhà vua lại có Đệ Bà Đạt Đa em họ đức Phật. Vị này cũng sẵn lòng ganh tỵ với kẻ khác, thấy đức Phật được nhiều người cung kính, Đệ Bà Đạt Đa cũng giả cách tu hành như Phật, nhưng không hề được ai cung kính, nên tức giận muốn tìm cách hại Phật. Nhưng những điều không may có bao giờ đến với những người có lòng từ bi cao cả, đáng Giác-ngộ đã tu hành trong nhiều kiếp. Nhưng chúng nào tặc ấy, ông liền liên kết với vua A Xà Thế cầu xin nhà vua cộng tác trong việc sát hại Phật. Nhờ sự bằng lòng của

nhà vua, nên Đế Bà Đạt Đa đến tại sở nuôi voi năn nỉ với bọn nài: "Ta đây là bạn thân của nhà vua, các người giúp ta việc này, ta sẽ xin nhà vua cho lương cao chức lớn. - Sáng mai thấy Gotama (đức Phật) sẽ đi trì bình khát thực qua đây, các người cứ việc thả con voi hung dữ Nalagiri ra để làm thịt thấy".

Sáng hôm sau, đức Phật cùng một số đệ tử đi vào thành Vương Xá để trì bình khát thực, trông thấy bóng Ngài, bọn nài thả voi Nalagiri ra. Dân chúng nội thành phải tán loạn, dầy xéo nhau mà chạy, lo sợ cho tánh mạng của mình, kẻ leo lên cây người núp ở tường cao nhà kín. Sau khi đã tìm được chỗ ẩn núp chắc chắn, những con mắt hiếu kỳ hay lo sợ cũng cố tìm mắt để nhìn cho được sự việc sắp xảy đến.

Voi thấy bóng người đang trước, nó cong đuôi, thẳng vòi chống tai xông tới như vũ bão. Các vị đệ tử thấy cơ nguy mới bạch với đức Phật:

- Bạch Thế Tôn ! Con voi Nalagiri nó có tánh hung dữ và thù ghét loài người đã đến nơi kia ! Đức Phật vẫn thản nhiên dạy rằng:

- Này các Tỳ-kheo, các người không nên sợ hãi. Không bao giờ một vị Chánh-giác phải chết vì một tai nạn ghê gớm như thế. Những đáng Như-lai chỉ tịch diệt khi thì giờ đã đến bằng cái

chết tự nhiên và vẫn sống mãi trong tâm linh mọi người.

Trong khi ấy có tiếng bàn tán nhỏ to của mọi người đang ăn núp. Những kẻ thiếu đức tin, u mê cho rằng: đó là một sự hy sinh vô lý, nên thốt ra những câu đầy mỉa mai:

- Chà, uống quá, vị Sa môn kia trẻ đẹp như thế mà lại hy sinh cho con voi hung dữ giết hại thì thiệt là một việc dại khờ.

Nhưng nhóm người có đủ đức tin hơn và hiểu biết Chơn lý đôi chút thì cho rằng: đó là một cuộc thử thách, sự tranh đấu giữa loài vật với vị Từ phụ của loài người.

Voi hung hăng đã phóng tới trước mặt đức Phật, mọi người phấp phồng lo sợ. Nhưng Ngài vẫn điềm nhiên đem tất cả lòng Từ bi vô lượng để đối lại với sự hung dữ của con voi. Voi như bị một sức thôi miên huyền bí, từ từ hạ vòi và quỳ ngay trước mặt Ngài.

Đức Phật dịu dàng thoa vào đầu quy y cho voi và nói:

- Này voi ơi ! Ngươi nên ăn ở hiền lành để đạt đến an vui chớ nên hung hăng như trước nữa.

Voi như hiểu được lời Ngài, từ từ lấy vòi hút

tất cả các bụi đã bám vào chân Ngài và rải lên khắp đầu nó như để chứng tỏ nó đã biết ăn năn và xin phục thiện. Đoạn cúi đầu đánh lễ Ngài rồi trở về chuồng cũ.

Từ đó về sau voi Nalagiri trở nên hiền lành dễ thương. Và đó cũng là một trong những nguyên nhân làm cho Đế Bà Đạt Đa biết hối hận ! Vua Tân Bà Ta La biết trở về với Chánh pháp.

TIỀN MẠNH

Công chúa Nhật Quang

Công chúa Nhật Quang là con thứ hai của vua Ba Tư Nặc nước Xá Vệ.

Công chúa rất đẹp, một vẻ đẹp thủy mị hơn hẳn các thiếu nữ đương thời ở nước Xá Vệ; công chúa lại rất thông minh học đâu nhớ đấy. Không những công chúa sắc sảo về môn nữ công mà còn tinh thông các triết lý học thuật; đức hạnh công chúa cũng quán chúng, tuy sanh trong giai cấp vua chúa cao sang, nhưng vẫn giữ thái độ khiêm tốn nhã nhặn, nhất là đối với hạng nghèo khổ tật nguyên, công chúa thành thật yêu mến và luôn luôn tìm cách giúp đỡ. Vì thế nên công chúa được rất nhiều người mến trọng. Người nào đã hân hạnh gặp công chúa một lần, họ sẽ nhớ mãi nụ cười hiền hòa và lời nói thanh tao của công chúa. Đối với cha mẹ, công chúa thật là người con hiếu hạnh, nàng hầu hạ vua và hoàng hậu hết sức chu

đáo, và không bao giờ nói một lời hay làm một việc trái ý vua và hoàng hậu.

Ba Tư Nặc vương được một người con xứng đáng như vậy, vua rất cung quý, có thể nói công chúa Nhật Quang là viên ngọc vô giá của vua nước Xá Vệ. Những cuộc quan sơn ngoạn thủy của vua, công chúa đều được tham dự, mỗi khi quốc sự rảnh rang, nhà vua thường đòi công chúa đến hầu chuyện, hỏi những vấn đề thắc mắc công chúa đều trả lời trôi chảy, nhà vua rất đẹp dạ.

Một buổi chiều nhà vua đang dùng trà tại vườn ngự uyển, có công chúa đứng bên cạnh, nhà vua nhìn con rồi vui miệng phán rằng: "Khắp nước Xá Vệ này không ai được hạnh phúc bằng con, đời con được như thế thật là hoàn toàn nhờ sức của cha mẹ tác thành vậy".

Công chúa Nhật Quang thành thật trả lời: "Tâu phụ vương, công ơn sanh dưỡng của Phụ hoàng và Mẫu hậu như trời bể con không hề dám quên. Nhưng đời con được hạnh phúc như thế này, con thiết tưởng cũng có ảnh hưởng của cha mẹ một phần nào, nhưng phần lớn nhờ kiếp trước con đã tu nhân tích đức nhiều vậy".

Câu nói của công chúa không ngờ đã chạm lòng tự ái của vua Ba Tư Nặc quá mạnh, vua liền đứng dậy, lặng lẽ trở vào cung.

Đêm hôm ấy, nhà vua không hề chợp mắt, suy nghĩ mãi lời nói của công chúa, và nhà vua rất bực tức, đưa con yêu và ngoan ngoãn của mình chưa bao giờ trái ý mình dù là một cử chỉ nhỏ nhất, hôm nay lại xúc phạm đến lòng tự ái của mình, có thể nói là không thừa nhận một lý thuyết (nghĩa là hạnh phúc của con hoàn toàn do cha mẹ tác thành) mà ông cho là muôn đời bất biến và ai cũng phải công nhận.

Muốn bảo thủ thành kiến của mình, nên mới sáng tinh sương, Ba Tư Nặc vương liền đòi viên cận thần thân tín bảo rằng: ta cần một thanh niên trạc tuổi công chúa Nhật Quang mà hiện sống trong một cảnh nghèo hèn, cơm không có ăn, áo không đủ mặc, ngươi phải tìm cho ra một người có đủ điều kiện ấy, dẫn về đây cho ta.

Ba ngày sau, viên cận thần dẫn về một thanh niên hành khất, mặt mũi khôi ngô, nhưng trong người chỉ mặc vón vện một chiếc khố rách đến yết kiến vua Ba Tư Nặc. Vua rất mừng ban thưởng viên cận thần xong, quay lại hỏi thân thể thanh niên hành khất rồi bảo rằng: ta thấy ngươi nghèo khổ, chưa có gia thất, nay ta đem công chúa Nhật Quang gả cho ngươi, ngươi được quyền dẫn công chúa đi đâu tùy ngươi.

Thanh niên nghèo khổ kia không biết trả lời

ra sao chỉ cúi đầu vâng lệnh.

Vua lại kêu công-chúa Nhật Quang đến phán rằng: hôm kia con đã nói: "Hạnh phúc của con hiện tại phần lớn là do con đã tu nhân tích đức ngày trước. Nay ta muốn thí nghiệm lời ấy, nên ta đã gả con cho một thanh niên hành khất, nếu con có phước báo thì con cũng trở nên giàu có sung sướng. Con hãy sửa soạn ngày mai lên đường với chồng con, khi nào có chiếu chỉ mới được trở về cung".

Với nét mặt đầy nghiêm nghị của Ba Tư Nặc vương, công chúa không dám nói gì, chỉ yên lặng trở về hậu cung.

Sáng ngày công-chúa vào lạy cha mẹ, từ biệt mọi người, rồi bình tĩnh ra đi với thanh niên hành khất.

Hoàng-hậu và thần dân đều thương xót và khóc lóc, lo ngại cho số phận công chúa, nhưng ý vua đã quyết nào ai còn dám mở lời khuyên can !

Ra khỏi hoàng cung, công-chúa hỏi thanh niên hành khất rằng: Cha mẹ chàng đâu ? Nhà của chàng đâu ? Vì sao chàng lại nghèo khổ đến thế ?

Thanh niên buồn rầu đáp: "Gia đình tôi trước cũng giàu có, vì được cha mẹ cung quý, tôi tiêu xài hoang phí, ham chơi bời với chúng bạn, có học

tập nhưng không đầu đạt gì, đến khi cha mẹ qua đời, tôi bán hết ruộng đất nhà cửa, hiện nay chỉ còn một sở vườn cách đây ba trăm dặm cỏ lác mọc đầy, cho người ta muốn họ không muốn, bán họ không thêm mua, hết của cải, không nghề nghiệp không biết làm gì nuôi thân, nên phải hành khát độ nhật. Hôm kia tôi đang lang thang giữa đường, thì gặp một vị quan của vua, ông ta hỏi cặn kẽ về gia thế tôi, rồi ông dẫn tôi đến yết kiến nhà vua, không biết vì sao nhà vua lại đem công chúa gả cho một kẻ nghèo hèn như tôi ?"

Vấn nét mặt ôn hòa công-chúa nói với thanh niên hành khát rằng: "Dù sao từ nay chúng ta cũng đã là vợ chồng, chúng ta phải tìm phương kế làm ăn và trước hết phải tìm nơi tạm trú".

Không biết tìm chỗ nào khác, nên công-chúa và thanh niên hành khát liền dẫn nhau đến sở vườn của cha mẹ thanh niên để lại - thật là một mảnh vườn hoang phế, cỏ lác um tùm sỏi đá lôm chôm. Hai người bàn định cắt cỏ đốn cây che một chiếc chòi nhỏ vừa tạm ở, những người quanh đây có người biết công-chúa Nhật Quang nên cùng nhau đến giúp đỡ công việc cho công-chúa. Đến khi đào đất để dựng cột nhà, vừa đào được vài lát đất thì gặp ngay ba cái chum lớn niêm khân cẩn thận. Công-chúa liền mở chum ra thì

thấy trong ba cái chum ấy, vô số là vàng bạc châu báu, công-chúa vui mừng sung sướng đem bán bớt một số châu báu rồi muốn người dọn dẹp cỏ rác, trồng tía hoa quả, tạo lập lâu đài... Vốn sẵn tánh hiền lành lại sẵn lòng yêu thương giúp đỡ mọi người, nên thợ thuyền tơi tó rất trung thành tận tụy, không bao lâu đám vườn hoang phế kia đã biến thành một vườn hoa trăm sắc muôn màu; lâu đài trang hoàng long lẫy, người vô kể ra tấp nập không khác dinh thự của bậc đế vương.

Từ khi công-chúa rời khỏi cung điện, vua Ba Tư Nặc sanh lòng hối hận đêm ngày trông nhớ, nhà vua định ninh rằng: Công-chúa lâu nay chắc gặp nhiều khổ sở và định đón công-chúa trở về cung để an hưởng cảnh đoàn viên phú quý. Nhà vua liền phái một số cận thần tìm nơi công-chúa ở và dò xem đời sống của công-chúa ra sao ?

Sau một thời gian dò xét, các cận thần về tâu với nhà vua: "Công-chúa ở cách xa cung điện nhà vua chừng ba trăm dặm và hiện đang ở trong cảnh phong lưu sung sướng giàu có ức triệu". Vua Ba Tư Nặc không tin, liền đến tận nơi dò xét quả đúng như lời các cận thần. Nhà vua nói với kẻ tả hữu rằng: "Trẫm thấy đời sống của vợ chồng công chúa Nhật Quang hiện tại, tuy trẫm làm vua một nước, thật cũng không sung sướng bằng".

Nhưng vua cũng băn khoăn thắc mắc không biết tiền kiếp công-chúa đã tu những nhân lành gì mà nay được nhiều phúc báo như vậy.

Vốn nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là bậc đại giác, nên vua thân hành đến tịnh xá nơi Phật thuyết pháp, cung kính bạch rằng: Bạch Thế Tôn ! Nghe danh Ngài là bậc đại giác chứng nhất thế trí, hiểu thấu việc trong ba đời, nay đệ tử có điều nghi xin Ngài chỉ dạy: "Nhật Quang công-chúa thứ hai của đệ tử, không biết đời trước tạo nhân lành gì, mà ngày nay tướng mạo đẹp đẽ, thông minh xuất chúng, giàu có sang trọng... Đệ tử đã thử gả công-chúa cho một kẻ hành khất nghèo hèn thế mà công-chúa cũng đào được vàng bạc rồi trở nên sang trọng hơn người.

Đệ tử cứ thắc mắc mãi mong Ngài từ bi khai thị cho đệ tử rõ ?".

Đức Phật Thích Ca nở nụ cười từ hòa muốn thuở thông thả dạy rằng: "Nghi vấn Đại vương sẽ được tiêu tan sau khi nghe câu chuyện này:

Nấy Đại vương ! Xưa kia khi Đức Phật Ca Diếp ra đời, có hai vợ chồng người lái buôn giàu có, người vợ rất tôn kính Tam Bảo, thường khuyến khích mọi người bỏ việc ác làm việc lành, qui y Tam-bảo, lại hay làm các việc bố thí cúng dường, nhất là đối với kẻ tàn tật, nằng hết sức thương

mến và tận tâm chăm sóc. Người chồng lại có tánh bòn sẻn, mỗi khi thấy vợ làm việc cúng dường bố thí, thì tỏ thái độ bất bằng, tìm cách ngăn cản.

Một hôm gặp ngày nguyên đán, người vợ thành tâm sắm sửa lễ vật để cúng dường Tam-bảo và bố thí kẻ nghèo trong ba ngày, người chồng thấy vậy bực tức nói rằng: "Hãy để dành tiền của lại sắm sửa thêm nhà cửa ruộng đất, chứ làm những việc ấy thêm hao tốn, phỏng có ích gì!". Người vợ dịu dàng trả lời: "Của cải là vật vô thường ta không bỏ nó, rồi nó sẽ bỏ ta; hơn nữa những kẻ nghèo khổ hiện tại, theo trong kinh Phật dạy, đều do đời trước tham lam ích kỷ, không biết dùng tiền của làm các việc phước thiện; ngày nay đời sống của vợ chồng chúng ta tạm gọi là khá giả, chúng ta nên dùng một số tiền làm các việc phước thiện để bảo tồn hạnh phúc tương lai cho chúng ta, và cũng gọi là góp một phần trong công việc nghĩa chung vậy".

Nghe mấy lời giải thích của vợ, người lái buôn mới tỉnh ngộ và cảm động, từ đó anh không ngăn cản vợ mà lại rất hăng hái trong việc làm phước đức...

Này Đại vương ! Vợ người lái buôn xưa kia chính là công-chúa Nhật Quang ngày nay, đời

trước nàng thường khuyến khích mọi người bỏ ác làm lành, qui y Tam-bảo, nên nay được quả báo thông minh xuất chúng; đời trước sốt sắng cúng dường bố thí, nên nay được quả báo sung sướng giàu sang, nhiều người mến phục; đời trước tận tâm săn sóc giúp đỡ kẻ tàn tật, ngày nay được quả báo nhan sắc đẹp đẽ, tướng mạo đoan trang.

Người lái buôn xưa kia chính là chồng công chúa hiện tại, ngày trước lúc chưa tỉnh ngộ, anh ta đã bòn sẻn hay ngăn cản việc làm phước thiện của vợ, nên ngày nay phải chịu đời rách một thời.

Vua Ba Tư Nặc nghe Phật kể rõ tiền kiếp của công chúa Nhật Quang, nhà vua mới tỉnh ngộ, và rất thâm cảm đạo lý nhân quả tội phước của Phật. Rồi vua cúi đầu đánh lễ đức Phật ra về.

Về đến cung, công việc đầu tiên của nhà vua là cho người đón rước vợ chồng công-chúa Nhật Quang về. Gặp công-chúa, vua Ba Tư Nặc khôn xiết vui mừng, vua không quên nói nhiều lời hối hận, với công-chúa Nhật Quang cũng rất sung sướng được gần gũi phụng sự cha mẹ, và giúp vua cha trong việc trau dồi đạo đức, bảo quốc an dân. Thanh niên hành khát chồng công-chúa, cũng được vua phong cho một chức quan cao cấp trong triều đình.

QUẢNG TIẾN

**Sướng gì hơn sường làm lành
Cho bao nhiêu của để dành bấy nhiêu**

Chuyện con chó đoi

Thuở Đức Phật còn tại thế, có một ông vua rất hung ác, nghe Phật đến thuyết pháp trong nước mình, ông liền ngự giá đến chỗ Phật ở và xin Ngài kể một câu chuyện gì đã vui mà lại hữu ích nữa.

Đức Phật liền kể chuyện "CON CHÓ ĐOI" như sau:

" Thuở xưa, có một vị quốc vương rất bạo ngược, hà khắc với dân lành, nhân dân đều oán trách. Ông Đế Thích thấy vậy liền hiện xuống trần đất theo một con quỉ rất dữ. Ông Đế Thích hóa mình thành một người thợ săn, còn con quỉ thì biến thành một con chó cao lớn.

Người thợ săn dẫn con chó vào cung của vị quốc vương để yết kiến. Bỗng con chó vùng tru lên dữ dội, làm cho lâu đài cung điện đều rung

rinh... Vị quốc vương thất kinh, liền đòi người thợ săn đến trước ngai vàng mà hỏi rằng:

"Gã kia, vì có gì mà con chó tru lên dữ vậy ?

Người thợ săn thưa:

- Tàu bè hạ, vì đói nên nó tru.

Vị quốc vương liền ra lệnh đem cơm cho chó ăn. Nhưng một điều không ngờ là đem bao nhiêu thì con chó ăn hết bấy nhiêu, tất cả thực vật trong kho đã hết sạch mà nó vẫn chưa no, nên nó càng tru lên dữ dội hơn nữa, mà ác hại thay, mỗi lần nó tru thì cung điện đến đài của quốc vương lung lay hình như muốn sụp đổ...

Vị quốc vương không biết tính thế nào, mới hỏi người thợ săn:

- Lấy cái gì cho nó ăn để nó nín ?

Người thợ săn đáp:

- Tàu bè hạ, lấy thịt của người nó ghét cho nó ăn nó hết tru.

Quốc vương hỏi:

- Nó ghét kẻ nào ?

Người thợ săn tâu:

- Nó ghét những kẻ bất công hãm hại dân nghèo. Ngày nào trong nước không có dân đói

khó nữa, ngày đó nó mới nín...

Vị quốc vương liền nhớ tới những việc ác của mình làm thì hết sức hối hận, từ đó mới ăn năn chữa cải, chịu nghe những lời công bình chánh trực".

Đức Phật kể dứt câu chuyện này thì mặt vua tái ngắt.

Đức Phật dịu dàng dặn với nhà vua rằng: "Ngày nào bệ hạ nghe tiếng chó tru thì bệ hạ hãy nhớ đến câu chuyện ta kể. Bệ hạ có thể làm cho con chó nín được".

HOÀNG MINH

Đạo Phật đã cảm hóa những ông vua hung bạo như vua A Dục xứ Ấn Độ, thành những kẻ thương dân mến nước.

Vua A Dục trở về với Phật giáo

Lúc đức Phật còn tại thế, Ngài đã đem Chánh pháp phú chúc cho các vị quốc vương và đại thần, để sự truyền bá Phật pháp mau phổ biến.

Từ ngày đức Phật diệt độ, nếu quan sát trong lịch sử Phật giáo, thì thấy có hai vị quốc vương thật hết lòng lo hộ trì Phật pháp. Tại xứ Ấn Độ, thì có vua A Dục. Ở Trung Hoa thì có đến mười ông vua có nhiệt tâm với đạo, nhưng chỉ có ông Lương Võ Đế hết lòng vì đạo hơn cả.

Nay xin thuật sơ lịch sử của vua A Dục:

Nguyên vua A Dục là dòng dõi của A Xà Thế vương, thân phụ của Ngài tên Tần Đầu Sa, thân mẫu thuộc phái Bà La Môn.

Khi Ngài còn nhỏ thì thân thể rất thô kệch xấu xa, nên vua cha chẳng thương yêu. Đến lúc Ngài

thành nhơn, thì oai võng hơn người và võ nghệ xuất chúng.

Sau nhân có việc nội loạn tại thành Hưu Thị La, vua cha mới sai Ngài đi chinh phục. Khi đầu đó được bình yên, vua cha thấy Ngài có công lao nên phong làm Thái tử.

Cách ít lâu, vua Tần Đầu Sa thắng hà, thì Ngài kế vị, song tánh rất bạo tàn vô đạo, đến nỗi giết hết mấy trăm người tôi đại thần và kẻ thân thuộc.

Mùa xuân năm ấy... trăm hoa đua nở, cảnh vật vui tươi, Ngài mới dẫn bọn cung nữ đi dạo khắp vườn hoa mà thưởng ngoạn. Khi ra ngắm cảnh vườn xuân, bọn cung nữ chỉ lo chơi giỡn và trầm trồ khen ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, chớ chẳng quấy quân bên Ngài như lúc ở tại nội điện. Vua nổi giận, truyền lệnh bắt giết tất cả, rồi tức thì trở về cung, chứ không đi thưởng ngoạn nữa. Lúc ấy, toàn dân trong nước đều ta thán cho Ngài là một ông vua đại gian ác.

Đã vậy mà Ngài còn lập ra một chỗ gọi là: "Địa ngục ở chốn dân gian", đặt tên là vườn "Ái lạc" ngoài thì sắp đặt cực kỳ tốt đẹp, nào là ao sen non bộ, cỏ quý hoa thơm, cũng như công viên, để cho nhân dân mặc tình đến đó mà thưởng thức giải trí...

Nhưng trong, thì có non dao rừng kiếm, lò lửa vạt dầu, và đủ các món khí cụ để hành hình người một cách ghê gớm.

Hễ người nào vào trong vườn Ái lạc đó, thì ngục tốt bắt giam, rồi cứ hành hình. Còn những thế nữ ở trong cung mà cãi cộ xung đột với nhau, thì bắt đem vào cho chủ ngục phân xử. Thiệt là một cái thảm trạng thống khổ của nhân gian không kể xiết. Khi ấy có một vị Tỳ-kheo, nhơn đi khát thực nơi thành Hoa Thị, vì chẳng thông thuộc đường xá nên lạc vào vườn "Ái lạc", nhìn thấy cảnh tượng bên ngoài thì tốt đẹp lạ lùng, còn phía trong quả là một chốn địa ngục.

Thấy Tỳ-kheo hoảng kinh, toan kiếm đường trở ra, ai ngờ bị ngục tốt đón bắt lại. Thấy hết sức yêu cầu mà bọn ấy không dung thứ, nên thấy bèn khóc òa.

Chủ ngục thấy vậy liền hỏi: Thấy là người tu hành, sao mà sợ chết đến nỗi khóc như con nít vậy ?

Thấy Tỳ-kheo đáp:

- Tôi chẳng phải sợ chết mà khóc, vì sợ mất sự lợi ích cả một đời người của tôi, nên mới ai bị như thế ?

- Sự lợi ích làm sao, Thấy bày tỏ cho tôi nghe

thứ ?

- Số là tôi mới xuất gia, chưa chứng được đạo quả. Tôi nghĩ lại thân người khóặng, Phật Pháp khó gặp, nay rủi sa vào chỗ ác địa này, thế nào cũng phải hủy mạng, thì còn đâu mà tu học nữa nên tôi mới khóc, chứ tôi đâu có sợ chết.

Thầy Tỳ-kheo nói rồi, mới khẩn cầu với chủ ngục xin dung thứ cho Thầy sống sót trong bảy ngày, rồi sẽ hành hình chẳng muộn.

Chủ ngục thấy người tu, thì cũng động tâm, nên y theo lời của Thầy xin mà đình lại bảy ngày mới toan hạ thủ.

Ngày đầu, thấy Tỳ-kheo nhìn thấy cách hành phạt rất độc ác, nào là người phụ nữ thân hình tốt đẹp mà bị bỏ vào cối quết người thì xương tan thịt nát, xem rất ghê sợ; nào là bọn ca nhi nhan sắc tuyệt vời mà cũng bị quăng vào lò lửa, đứa thì rút tay co cổ, đứa thì há miệng nhả răng.

Thầy Tỳ-kheo thấy cảnh tượng ấy thì sanh lòng nhàm chán, mới nhớ lời Phật dạy rằng: "Sắc lịch diệu dàng dường như bọt nhóm, dùng y đẹp để mà đâu còn hoài". Nhờ chỗ dẫn chứng lời của Phật dạy đó mà Thầy tỏ ngộ, dứt hết các điều tạp nhiễm, liền chứng được quả A La Hán.

Đến ngày thứ tám, ngục tốt bèn bắt Thầy đem

bỏ vào chảo dầu, rồi chắt củi mà đốt. Song khi lửa hạ và củi thành tro mà dầu trong chảo vẫn tự nhiên không nóng.

Chủ ngục thấy vậy nổi giận, đánh đập bọn ngục tốt, rồi hối đem củi cho nhiều mà chụm thêm vào mãi mãi, nhưng đến khi xem lại trong chảo dầu thì thấy Thấy Tỳ-kheo ngồi kiết già trên hoa sen, xem bộ tự nhiên chẳng hề lay động chút nào cả. Chủ ngục hoảng kinh, lật đật đến tâu tự sự cho vua A Dục rõ.

Vua tánh nóng như lửa, khi nghe tin ấy liền tức tốc đi thẳng đến vườn Ai lạc.

Vua vào đến nơi, thì thấy Thấy Tỳ-kheo hiện thân lên hư không, biến đủ 18 phép thần thông, trên mình thì nước tràn lênh láng, phía dưới thì lửa cháy rần rần, thí như một hòn núi lớn ở giữa không gian vậy.

Vua A Dục đứng nhìn sững sốt một hồi, rồi tự nghĩ: "Mình với Thấy Tỳ-kheo này cũng đồng là loài người, có sao Thấy lại dựng phép thần thông tự tại như thế, còn mình thì lo việc sát hại nhân dân, làm việc đại ác!".

Vua nghĩ như thế nên vội vàng quì xuống bách với vị Tỳ-kheo ấy rằng: "Ngừa mong Thánh giả chiếu cố đến tôi, xin hạ xuống nơi đây, tôi nguyện

từ rày về sau bỏ dũ làm lành mà quy y với Ngài".

Thấy Tỳ-kheo đáp:

"Hay thay ! Hay thay ! Nay đại vương đã tự hối mà quy đầu Tam Bảo, thì sẽ đặng phước đức vô cùng và hân hạnh cho dân chúng biết bao".

Thấy Tỳ-kheo nói xong, liền dùng thần lực của mình mà trở về tịnh xá.

Khi vua A Dục đã quy y theo Phật rồi, thì trong lòng hân hoan vô cùng, định sửa soạn trở về cung. Bỗng người chủ ngục đến tâu: "Khi Đại vương lập ra cảnh "Nhân gian địa ngục" này, có ra lệnh hễ ai vào đây thì không cho ra. Tôi đã thọ mạng rồi, nên không dám cãi. Còn Đại vương là bậc thiên tử cũng phải nhất ngôn mới được".

Nghe chủ ngục nói như thế, vua A Dục mới hỏi: "Cứ theo lời của nhà ngươi nói đó, thì bây giờ nhà ngươi muốn giết ta hay sao ?".

Chủ ngục đáp: "Quả như lời của Đại vương đó, thì mới đúng với quân lệnh".

Vua A Dục liền hỏi lại chủ ngục: "Vậy khi ban sơ tạo vườn Ái lạc này, nhà ngươi với quả nhọn ai vào đây trước?".

Chủ ngục thưa: "Tâu Đại vương ! Tôi vào đây trước".

Vua nghe đáp như vậy, tức thì truyền cho ngục tốt áp lại bắt chủ ngục bỏ vào chảo dầu, đồng thời ra lệnh phóng hỏa đốt hết cả vườn Ái lạc.

Từ đây về sau, vua bỏ hẳn các điều dữ mà làm những việc lành, và tâm tánh hết sức từ bi nên kẻ thời nhơn đồng ca tụng là Đạt Ma A Dục Vương (ông vua hiền lành).

Sau lại nhờ đức Ưu Ba Cúc Đa (Tổ thứ tư) giáo hóa thêm, nên vua càng tin ngưỡng Phật pháp hơn nữa, chính vua đã phái 256 vị cao tăng đi khắp trong xứ để truyền bá Phật giáo...

THIỆN DỤNG

Vui trong đau khổ

Một hôm, Đức Phật cùng đệ tử vào thuyết pháp trong thành La Duyệt Kỳ, lúc ra về gặp chàng thanh niên đang lừa một bầy bò vừa ăn no, chúng nhảy vọt và húc nhau. Thấy vậy, Đức Thế Tôn nói mấy bài tụng sau đây:

"Người đi chăn đưa roi chăn, lừa bầy bò; cũng như thế già chết chăn nuôi và lừa kéo sinh mạng đi mà nào ai có biết!

Xưa nay, hàng trăm hàng ngàn người chứ không phải một, chứa chất của cải cho lắm, cung dưỡng thân thể cho nhiều, nhưng rồi không ai khỏi điêu tàn chết chóc.

Sống nghĩa là ngày đêm sinh mạng bị công kích, bị tước dần, cho nên sự sống bị tiêu mòn đi in như bờ đất bị nước soi lở".

Lúc về tịnh-xá, tôn-giả A Nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn ! Vừa rồi trên đường về Đức Thế Tôn có nói ba bài tụng nhưng chúng con không hiểu hết ý nghĩa, xin Thế Tôn từ bi chỉ giáo cho.

- A Nan ! Trên đường về vừa rồi ông có thấy người lừa bảy bò không ?

- Bạch có.

- Người ấy là người thợ thịt. Bò của anh ta có đến ba ngàn con, cứ ngày ngày lừa ra ngoài thành tìm nơi cỏ tốt cho ăn rồi lựa con nào to béo thì làm thịt để bán. Giết hơn một nửa rồi mà bảy bò ấy không con nào biết số phận của mình ra sao cả. Chúng vẫn thản nhiên vui vẻ, húc nhau, nhảy vọt, kêu rống, ăn chơi... Ta cảm thương chúng nó nên mới nói mấy bài tụng vừa rồi.

Nhưng A Nan này! Có phải riêng chỉ người chăn bò và bảy bò ấy mới như thế đâu, nhân loại cũng có lắm người vui mình trong hoàn cảnh tương tự như thế. Họ chấp trước "BẢN NGÃ", không biết bản ngã chỉ là sự chuyển biến liên tiếp, vì thế, họ tham lam dục lạc cung dưỡng thân xác, rồi sung sướng khoái chí họ sát hại lẫn nhau, húc chết sự sống của nhau mà không biết là mình đang húc nhau với cái chết ! Trong khi đó, bên cạnh sự sống, vô thường chết chóc lạnh lẽo tiến đến, thế mà họ vẫn ngang nhiên không hay

không biết, có khác gì bầy bò kia ?

Phật dạy như thế, trong số được nghe có những người xưa nay cung dưỡng thân thể quá đáng liên tình ngộ, tự cố gắng khuyến khích mình sống theo sự thật. Nhờ thế, nên không bao lâu họ đều chứng được vô sanh⁽¹⁾

HỒNG MAI

Một ngày đã qua, thế là chúng ta đã bước gần đến cái chết một bước, mạng sống cũng giảm lần. Như cá ít nước có vui gì ! Ta phải siêng năng tu tập như cứu lửa cháy trên đầu. Nên nghĩ đến vô thường, cẩn thận đừng có buông lung !

(1) Vô sanh: không còn luân hồi sanh tử.

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	5
Một người nghèo lạ	7
Hại người trở lại hại mình	16
Bố thí bất nghịch ý	22
Họa từng khẩu xuất	55
Người mẹ	61
Đời người trong một câu	67
Vua cô trắng	71
Nàng Ưu Đà Di	94
Tại sao phải niệm Phật	128
Tình ân ái là gốc của sự sanh tử	130
Năm hạt trai	137
Xấu ngọc ...nước	144
Tiếng dân ai oán	152
Kẻ bỏn sẻn bị phạt	168
Vàng hay Rắn	177
Phước báo hiện tiền	180
Con dao trong tâm	186
Người học trò bị thầy gạt được Phật độ	188
Công chúa Thuần Nhân	200
Tỉnh giấc mơ hoa	207
Cứu vật, vật trả ơn - Cứu nhơn, nhơn trả oán	219
Đầu nguồn hạnh phúc	226
Cặp mắt Thái tử Câu Na La	232
Một câu đáng giá nghìn vàng	245
Gương bố thí	247
Tình thương và cứu hận	251
Lòng ngưỡng mộ Phật Pháp của Vua A Dục	263
Tịnh xá Kỳ Hoàn	266

Hoàng tử hiếu thảo	283
Công đức sám hối	285
Những người mù sờ voi	292
Hoàng hậu VI Đế với pháp môn Tịnh độ	298
Nhân nào quả nấy	303
Đâu là sự thật	309
Tình thương	316
Cây đèn kỳ lạ	323
Quý La Sát	330
Mặt ghè nói tiếng người	333
Phước báo của sự bảo vệ sanh linh	340
Nạn Đà Tôn giả	343
Nhận lầm con	354
Máu sanh linh không rửa sạch tội lỗi của người	356
Công đức tri giới	363
Trọng Pháp	373
Lòng hiếu của con chim Oanh Vũ	378
Một lòng vì đạo	380
Nai hiền	386
Năm giọt mật	396
Đức Phật với con voi dữ	400
Công chúa Nhật Quang	404
Truyện con chó đói	414
Vua A Dục trở về với Phật-giáo	417
Hoa sen trong người	424
Vui trong đau khổ	432

TRUYỆN CỔ PHẬT GIÁO

do MINH CHIẾU sưu tập

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ấn hành



- *Chịu trách nhiệm ấn hành* : TT. THÍCH GIÁC TOÀN
- *Biên tập kỹ thuật* : ĐĐ. THÍCH THIÊN MINH
ĐĐ. THÍCH ĐỒNG BỒN
- *Sửa bản in* : MINH THANH
- *Kỹ thuật in & trình bày bìa* : MẠC HOÀNG —
PHÁP TUỆ — TÂM CAO



In tại nhà in Báo Sài Gòn Giải Phóng. Số lượng : 5.000 cuốn.
Do **Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh** ấn hành.
Giấy phép số 81/XBNT - GP ngày 2-4-1992
của Sở Văn hóa Thông tin TP. Hồ Chí Minh.

LƯU HÀNH NỘI BỘ

佛教古代故事